Năm 2017, các môn khoa học xã hội trong đó có **Lịch sử** đã thi theo hình thức **trắc nghiệm** khách quan. Vậy **đề thi trắc nghiệm môn Lịch sử** sẽ có những dạng câu hỏi như thế nào? Sau đây tụi sẽ cung cấp cho các bạn một số dạng câu hỏi thường gặp trong **đề thi trắc nghiệm môn Lịch sử**.

1. Dạng câu hỏi yêu cầu thí sinh lựa chọn câu trả lời đúng

Trong 4 phương án gây nhiễu (A, B, C, D) chỉ có một phương án đúng, các phương án còn lại đều sai.

Vơ dô: Trong cuộc chiến tranh xâm lược của Mĩ ở Việt Nam (1954-1975), lực lượng nào chỉ xuất hiện trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ" và "Việt Nam hóa chiến tranh"?

A. Quân đội Sài Gòn B. Quân Mĩ

C. Quân Mĩ và quân chư hầu Mĩ D. Quân Bắc Phi

2. Dạng câu hỏi yêu cầu thí sinh lựa chọn câu trả lời đúng nhất

Trong 4 phương án gây nhiễu (A, B, C, D) có thể có nhiều phương án đúng, nhưng chỉ có một phương án đúng nhất, đầy đủ nhất, quan trọng nhất, quyết định nhất.

Vơ dô: Thuận lợi cơ bản nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau khi Cách mạng tháng Tám 1945 thành công là:

A. Hệ thống XHCN trên thế giới đang hình thành, nguồn cổ vũ to lớn cho cuộc đấu tranh của nhân dân.

B. Có Đảng Cộng sản Đông Dương và Hồ Chí Minh lãnh đạo nên nhân dân rất tin tưởng.

C. Nhân dân đã giành được quyền làm chủ nên rất phấn khởi, sẽ ủng hộ cho cách mạng.

D. Phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới đang lên cao.

3. Dạng câu hỏi yêu cầu thí sinh phải hoàn thành câu (điền vào chỗ trống)

Trong câu đề dẫn của câu hỏi sẽ thiếu một số cụm từ, 4 phương án gây nhiễu (A, B, C, D) sẽ cho sẵn để thí sinh chọn một phương án đúng.

Vơ dô: Cho dữ liệu: Bộ máy tổ chức của Liên hợp quốc gồm 6 cơ quan chính trong đó (1) …… là cơ quan giữ vai trò trọng yếu để duy trì hòa bình và an ninh thế giới. (2) …….. là cơ quan hành chính, đứng đầu là (3) ……. với nhiệm kì 5 năm. Trụ sở của Liên hợp quốc đặt tại (4) ……..

Chọn dữ liệu cho sẵn để điền vào chỗ trống.

A. (1) Hội đồng quản thác; (2) Ban thư kí; (3) Tổng thư kí; (4) Niu Oóc (Mĩ).

B. (1) Hội đồng Bảo an; (2) Ban thư kí; (3) Tổng thư kí; (4) Vecxai (Pháp).

C. (1) Đại hội đồng; (2) Ban thư kí; (3) Tổng thư kí; (4) Niu Oóc (Mĩ).

D. (1) Hội đồng Bảo an; (2) Ban thư kí; (3) Tổng thư kí; (4) Niu Oóc (Mĩ).

4. Dạng câu hỏi yêu cầu thí sinh phải kết nối đúng hoặc sắp xếp đúng trật tự (thứ tự) logic của các sự kiện, hiện tượng lịch sử

Vơ dô 1: Cho các sự kiện sau:

1. Nhật vượt biên giới Việt - Trung tiến vào miền Bắc nước ta.
2. Nhật đầu hàng Đồng minh vụ kiều điện
3. Nhật đảo chính Pháp

Hãy sắp xếp các sự kiện trên theo đúng tiến trình lịch sử

A. 1, 2, 3 B. 1, 3, 2 C. 3, 2, 1 D. 2, 1, 3

Vơ dô 2: Cho các dữ liệu sau:

Nội dung giải quyết	Biện pháp có thể
1.Chính quyền cách mạng	a. "Hũ gạo cứu đói", "Ngày đồng tâm".
2.Nạn đói	b.Bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.
3.Nạn dốt	c. "Quỹ độc lập", "Tuần lễ vàng".
4.Khó khăn về tài chính	d.Thành lập Nha bình dân học vụ

Nối nội dung giải quyết của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa những năm đầu sau Cách mạng tháng Tám với biện pháp có thể.

1. 1-b, 2-a, 3-c, 4-d.
2. 1-c, 2-a, 3-b, 4-d.
3. 1-b, 2-a, 3-d, 4-c.
4. 1-a, 2-c, 3-b, 4-d.

5. Dạng câu hỏi yêu cầu thí sinh đọc hiểu một đoạn văn bản

Ví dụ: Cho đoạn tư liệu sau:

" Cuộc kháng chiến rất lâu dài và đau khổ dù phải hi sinh bao nhiêu và thời gian kháng chiến đến bao giê, chúng ta cũng nhất định chiến đấu đến cùng, đến bao giê nước Việt Nam hoàn toàn độc lập và thống nhất...." (Trích *Thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi nhân dân Việt Nam, nhân dân Pháp và các nước Đồng minh* ngày 21/12 / 1946).

Nội dung đoạn thư trên cho chúng ta biết thông điệp:

1. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định niềm tin vào thắn lợi của cuộc kháng chiến.
2. Chủ tịch Hồ Chí Minh tố cáo sự bội ước của thực dân Pháp đối với Hiệp định Sơ bộ.
3. Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi Việt kiều ở Pháp và các nước Đồng minh ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân ta.
4. Chủ tịch Hồ Chí Minh dự đoán cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta sẽ kéo dài và gặp nhiều gian khổ.

6. Dạng câu hỏi yêu cầu thí sinh phải lựa chọn ý phủ định

Vơ dô: Ý nào sau đây **không đúng** về ý nghĩa lịch sử của Hiệp định Pari năm 1973 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam?

1. Đây là thắng lợi của sự kết hợp đấu tranh quân sự, chính trị với ngoại giao của nhân dân ta.
2. Hoàn thành *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh về nhiệm vụ đánh cho "Mĩ cút", đánh cho "ngôy nhào".
3. Là kết quả của cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất của quân dân hai miền đất nước.
4. Mĩ phải công nhận quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta, rút hết quân về nước.

Để **môn lịch sử** đạt được kết quả cao, các bạn hãy đọc và ôn luyện thật kỹ càng các dạng bài đã phân tích ở trên. Mong rằng với tài liệu này mà tụi chia sẻ sẽ giúp các bạn ôn luyện và biết cách ôn các phần sao cho tốt.

Chúc các bạn ôn thi THPT Quốc gia môn Lịch sử hiệu quả, thi tốt, đạt điểm cao!

ÔN TẬP SỬ 11

Câu 1.Ở Nhật Bản, hơn 200 năm là con số chỉ
A. Sự tồn tại của chế độ phong kiến. B. quá trình bị các nước phương Tây nhòm ngó.
C. sự thống trị của chế độ Mạc phủ Tô-ku-ga-oa. D. thời gian nắm quyền của Đảng xã hội dân chủ.
Câu 2. Cuộc duy tân Minh Trị (1868) diễn ra trong bối cảnh
A. chế độ Mạc phủ thực hiện những cải cách quan trọng.
B. kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh mẽ ở Nhật Bản.
C. các nước tư bản phương Tây tự do buôn bán ở Nhật Bản.
D. xã hội phong kiến Nhật Bản khủng hoảng, suy yếu nghiêm trọng.
Câu 3. Nền kinh tế chủ yếu của Nhật Bản từ đầu thế kỉ XIX đến trước năm 1868 là
A. nông nghiệp lạc hậu. B. công nghiệp phát triển.
C. thương mại hàng hóa. D. sản xuất quy mô lớn.
Câu 4. Người đứng đầu chế độ Mạc phủ ở Nhật Bản được gọi là
A. Vua. B. Nữ hoàng.
C. Tướng quân. D. Thiên hoàng.
Câu 5. Cho đến giữa thế kỉ XIX, Nhật bản được coi là một quốc gia
A. phong kiến trì trệ. B. tư bản chủ nghĩa.
C. phong kiến quân phiệt. D. công nghiệp phát triển.
Câu 6. Đặc điểm nổi bật của xã hội Nhật Bản từ đầu thế kỉ XIX cho đến trước năm 1868?
A. Nhiều đảng phái tư sản thành lập.
B. Duy trì sự tồn tại của chế độ đẳng cấp.
C. Giai cấp tư sản công thương nghiệp nắm quyền.
D. Nông dân là lực lượng chủ yếu chống chế độ phong kiến.
Câu 7. Cho đến giữa thế kỉ XIX vị trí tối cao của Nhật Bản thuộc về
A. Nữ hoàng. B. Thiên hoàng.
C. Sôgun (Tướng quân). D. Abe Shinzô (Thủ tướng).
Câu 8. Từ đầu thế kỉ XIX đến trước năm 1868, tầng lớp nào trong xã hội Nhật Bản đã dần tư sản hóa?
A. Quý tộc mới. B. Ca-tai-a-ma Xen.
C. Samurai (võ sĩ). D. Đaimyô (Quý tộc phong kiến lớn).
Câu 9. Cuối thế kỉ XIX, các nước tư bản phương Tây đã sử dụng chính sách gì để ép Nhật Bản phải "mở cửa"?
A. Áp lực quân sự. B. Phá hoại kinh tế.
C. Tấn công xâm lược. D. Đàm phán ngoại giao.
Câu 10. Cuối thế kỉ XIX, Nhật Bản đã kí hiệp ước bất bình đẳng đầu tiên với quốc gia nào?
A. Anh. B. Pháp. C. Đức. D. Mĩ.
Câu 11. Giữa thế kỉ XIX, mâu thuẫn sâu sắc nhất tồn tại trong xã hội Ấn Độ là giữa
A. công nhân với tư sản. B. nông dân với phong kiến.
C. nhân dân Ấn Độ với thực dân Anh. D. nhân dân Ấn Độ với thực phương Tây.
Câu 12. Sự kiện nổi bật nhất của xã hội Ấn Độ từ đầu thế kỉ XVII là cuộc tranh giành quyền lực giữa
A. địa chủ và tư sản. B. Công nhân và tư sản.
C. các chúa phong kiến. D. phong kiến và nông dân.
Câu 13. Từ đầu thế kỉ XVII, các nước tư bản phương Tây nào đã tranh nhau xâm lược Ấn Độ?
A. Anh, Pháp. B. Anh, Hà Lan.
C. Anh, Bồ Đào Nha. D. Pháp, Tây Ban Nha.
Câu 14. Sự kiện nổi bật nào đã diễn ra ở Ấn Độ giữa thế kỉ XIX?
A. Các nước đế quốc can thiệp vào Ấn Độ. B. Chế độ phong kiến Ấn Độ sụp đổ hoàn toàn.
C. Thực dân Anh, Pháp bắt tay nhau cùng nhau thống trị Ấn Độ.

D. Thực dân Anh hoàn thành xâm lược và đặt ách cai trị Ấn Độ.
Câu 15. Từ giữa thế kỉ XIX, thực dân Anh coi Ấn Độ là
A. thuộc địa quan trọng nhất. B. đối tác chiến lược nhất.
C. kẻ thù nguy hiểm nhất. D. chỗ dựa tin cậy nhất.
Câu 16. Nội dung nào dưới đây không phản ánh đúng chính sách kinh tế của thực dân Anh đối với Ấn Độ từ giữa thế kỉ XIX?
A. Đẩy mạnh bóc lột công nhân để thu lợi nhuận.
B. Mở rộng công cuộc khai thác một cách quy mô.
C. Đầu tư vốn phát triển các nghành kinh tế mũi nhọn.
D. Ra sức vơ vét lương thực, nguyên liệu cho chính quốc.
Câu 17. Sự kiện nổi bật nào đã diễn ra ở Ấn Độ trong khoảng 25 năm cuối thế kỉ XIX?
A. Nạn đói liên tiếp xảy ra làm gần 26 triệu người chết.
B. Tuyến đường sắt đầu tiên được xây dựng tại Ấn Độ.
C. Anh bắt tay cho phép cùng khai thác thị trường Ấn Độ.
D. Đảng Quốc đại phát động khởi nghĩa vũ trang chống thực dân Anh.
Câu 18. Quyền cai trị trực tiếp Ấn Độ từ giữa thế kỉ XIX thuộc về
A. Chính phủ Anh. B. Nhân dân Ấn Độ.
C. giai cấp tư sản Anh. D. Các chúa phong kiến Ấn Độ.
Câu 19. Chính sách cai trị chủ yếu của thực dân Anh ở Ấn Độ là
A. câu kết với phong kiến Ấn. B. loại bỏ các thế lực chống đối.
C. dung dưỡng giai cấp tư sản Ấn. D. chia để trị, chia rẽ dân tộc, tôn giáo.
Câu 20. Ngày 1-1-1877 đã diễn ra sự kiện nổi bật gì đối với Ấn Độ?
A. Nữ hoàng Anh lần đầu tiên đến thăm Ấn Độ.
B. Nữ hoàng Anh tuyên bố đồng thời là Nữ hoàng Ấn Độ.
C. Nữ hoàng Anh tuyên bố nới lỏng quyền tự trị cho Ấn Độ.
D. Nữ hoàng Anh cho phép người Ấn Độ được nhập quốc tịch Anh.
Câu 21. Nước tư bản phương Tây đầu tiên nào đã tìm cách đòi chính quyền Mãn Thanh phải mở cửa?
A. Pháp.. B. Đức. C. Anh. D. Mĩ.
Câu 22. Những nước đế quốc nào không xâu xé Trung Quốc cuối thế kỉ XIX?
A. Anh . B. Đức. C. Pháp. D. Bồ Đào Nha.
Câu 23. Trước thái độ của triều đình phong kiến Mãn Thanh nhân dân Trung Quốc đã có hành động gì?
A. Liên tục nổi dậy đấu tranh chống lại thực dân phong kiến.
B. Đầu hàng thực dân phong kiến.
C. Dựa vào đế quốc khác để chống lại thực dân, phong kiến.
D. Thoả hiệp với thực dân, phong kiến.
Câu 24. Trước sự xâm lược của của các đế quốc triều đình Mãn Thanh có thái độ gì?
A. Thoả hiệp với các nước đế quốc. B. Bỏ mặc cho nhân dân.
C. Trông chờ vào sự giúp đỡ bên ngoài. D. Kiên quyết chống lại các đế quốc xâm lược.
Câu 25. Cuộc chiến tranh giữa thực dân Anh và Trung Quốc bắt đầu diễn ra vào thời gian nào?
A. Tháng 4- 1840. B. Tháng 3- 1840.
C. Tháng 5- 1840. D. Tháng 6- 1840.
Câu 26. Cuộc chiến tranh giữa Anh và Trung Quốc kết thúc vào thời gian nào?
A. Tháng 9- 1842. B. Tháng 10- 1842.
C. Tháng 7- 1842. D. Tháng 8- 1842.
Câu 27. Nội dung cơ bản của hiệp ước Nam Kinh?
A. Trung Quốc phải bồi thường chiến tranh.
B. Trung Quốc phải nhượng Hồng Kông cho Anh.
C. Trung Quốc phải mở 5 cửa biển cho thương nhân Anh buôn bán.

D. Tất cả các nội dung.

Câu 28. Hậu quả của cuộc việc kí hiệp ước 1842 với thực dân Anh?

A. Trung Quốc được thực dân Anh công nhận là nước độc lập.

B. Trung Quốc thực sự trở thành nước thuộc địa.

C. Mở đầu quá trình Trung Quốc từ một nước phong kiến độc lập trở thành nước nửa thuộc địa, nửa phong kiến.

D. Trung Quốc trở thành nước phụ thuộc.

Câu 29. Thực dân Anh đã dựa vào cớ nào để xâm lược Trung Quốc?

A. Chính quyền nhà Thanh bế quan toả cảng.

B. Chính quyền nhà Thanh tịch thu và đốt thuốc phiện của các tàu buôn Anh.

C. Triều đình nhà Thanh cấm đạo.

D. Chính quyền nhà Thanh gây hấn với thực dân Anh.

Câu 30. Mở đầu cho phong trào chống thực dân phong kiến là cuộc khởi nghĩa nào?

A. Cuộc vận động Duy Tân. B. Khởi nghĩa Vũ Xương.

C. Cách mạng Tân Hợi. D. Khởi nghĩa Thái Bình Thiên Quốc.

Câu 31. Cuộc khởi nghĩa Thái Bình Thiên Quốc kéo dài bao nhiêu năm?

A. 10 năm. B. 13 năm. C. 14 năm. D. 12 năm.

Câu 32. Cuộc Duy Tân diễn ra vào thời gian nào?

A. 1905. B. 1901. C. 1899. D. 1898.

Câu 33. Lãnh đạo cuộc Duy Tân là ai?

A. Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu. B. Từ Hi Thái Hậu.

C. Vua Quang Tự. D. Tôn Trung Sơn.

Câu 34. Địa điểm bùng nổ phong trào Nghĩa Hoà Đoàn là?

A. Sơn Tây. B. Bắc Kinh. C. Sơn Đông. D. Trực Lệ.

Câu 35. Đồng minh hội là chính đảng của giai cấp nào?

A. Nông dân. B. Công nhân. C. Tiểu tư sản. D. Tư sản.

Câu 36. Khởi nghĩa Thái Bình Thiên Quốc là cuộc đấu tranh của giai cấp nào?

A. Công nhân. B. Tư sản. C. Binh lính. D. Nông dân.

Câu 37. Tôn Trung Sơn là lãnh tụ của phong trào cách mạng theo khuynh hướng nào?

A. Vô sản. B. Trung lập. C. Dân chủ tư sản. D. Phong kiến.

Câu 38. Từ nửa sau thế kỉ XIX quốc gia nào ở Đông Nam Á giữ được độc lập, không bị chủ nghĩa thực dân thống trị?

A. Bru-nây. B. Phi-lip-pin.

C. Ma-lai-xi-a. D. Xiêm (Thái Lan).

Câu 39. Từ nửa sau thế kỉ XIX những quốc gia nào ở Đông Nam Á đã bị thực dân Anh xâm chiếm?

A. Phi-lip-pin, Bru-nây, Xingapo. B. Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia.

C. Xiêm (Thái Lan), In-đô-nê-xi-a. D. Ma-lai-xi-a, Miến điện.

Câu 40. Từ nửa sau thế kỉ XIX những quốc gia nào ở Đông Nam Á đã bị thực dân Pháp xâm chiếm?

A. Phi-lip-pin, Bru-nây, Xingapo. B. Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia.

C. Xiêm (Thái Lan), In-đô-nê-xi-a. D. Ma-lai-xi-a, Miến điện.

Câu 41. Từ nửa sau thế kỉ XIX các nước Đông Dương trở thành thuộc địa của

A. thực dân Anh. B. thực dân Pháp.

C. thực dân Hà Lan. D. thực dân Tây Ban Nha.

Câu 42. Sự kiện nổi bật nào đã diễn ra ở Cam-pu-chia năm 1863?

A. Cam-pu-chia phải chấp nhận quyền bảo hộ của thực dân Pháp.

B. Cam-pu-chia kí hiệp ước thừa nhận trở thành thuộc địa của Pháp.

C. Khởi nghĩa của Hoàng thân Si-vô-tha bùng nổ mạnh mẽ khắp cả nước.

D. Khởi nghĩa của A-cha-Xoa phát triển mạnh ở biên giới Việt Nam.

Câu 42. Cam-pu-chia buộc phải chấp nhận quyền bảo hộ của thực dân Pháp dưới thời vua
A. Si-vô-tha. B. Xi-ha-núc.
C. Nô-rô-đôm. D. Pu-côm-bô.
Câu 43. Cuộc khởi nghĩa nào là biểu tượng về liên minh chiến đấu của nhân dân Việt Nam- Cam-pu-chia trong đấu tranh chống Pháp xâm lược?
A. Khởi nghĩa của Pha-ca đốc. B. Khởi nghĩa của A-cha-Xoa.
C. Khởi nghĩa của Pu-côm-bô. D. Khởi nghĩa của Hoàng thân Si-vô-tha.
Câu 44. Sự kiện nổi bật nào đã diễn ra ở Cam-pu-chia năm 1861?
A. Khởi nghĩa của A-cha-Xoa bùng nổ.
B. Khởi nghĩa của Hoàng thân Si-vô-tha kết thúc.
C. Cam-pu-chia trở thành thuộc địa của thực dân Pháp.
D. Cam-pu-chia trở thành nước bảo hộ của thực dân Pháp.
Câu 45. Cuối thế kỉ XIX, nhiều cuộc khởi nghĩa ở Cam-pu-chia bùng nổ là do
A. ách thống trị, bóc lột hà khắc của thực dân Pháp.
B. giai cấp phong kiến câu kết với thực dân Pháp.
C. ách áp bức nặng nề của chế độ phong kiến.
D. nhân dân bất bình với hoàng tộc.
Câu 46. Người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa đầu tiên chống thực dân Pháp ở Cam-pu-chia là
A. Pu-côm-bô. B. A-cha-Xoa.
C. Com-ma-đam. D. Hoàng thân Si-vô-tha.
Câu 47. Sự kiện nổi bật nào đã diễn ra ở Lào năm 1893?
A. kết thúc vai trò của giai cấp phong kiến.
B. quốc gia này thực sự biến thành thuộc địa của Pháp.
C. kết thúc cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp xâm lược.
D. sự liên minh chặt chẽ với nhân dân Việt Nam chống Pháp xâm lược.
Câu 48. Chính sách đối ngoại nào của các nước tư bản Âu-Mĩ thế kỉ XIX đã ảnh hưởng trực tiếp tới các nước Á-Phi-Mixlatinh?
A. Chủ trương mở rộng quan hệ hợp tác lẫn nhau về kinh tế.
B. Thực hiện tăng cường hợp tác, giao lưu về chính trị, quân sự.
C. Tiến hành liên kết thành lập các liên minh chính trị, quân sự.
D. Tăng cường đẩy mạnh cuộc chiến tranh xâm lược thuộc địa.
Câu 49. Nguyên nhân chủ yếu khiến các nước tư bản phương Tây đua nhau xâu xé châu Phi?
A. Dân cư sinh sống thưa thớt, trình độ dân trí thấp.
B. Các nước tư bản phương Tây cạnh tranh gay gắt để tìm thị trường.
C. Trình độ dân trí thấp, chưa biết sử dụng đồ sắt.
D. Lục địa châu Phi rộng lớn, giàu tài nguyên, cái nôi văn minh nhân loại.
Câu 50. Trong những năm 70, 80 của thế kỉ XIX, sự kiện nổi bật nào đã diễn ra tại châu Phi?
A. Nhân dân châu Phi biết sử dụng đồ sắt.
B. Châu Phi bị chủ nghĩa thực dân phương Tây thống trị.
C. Các nước tư bản phương Tây đua nhau xâu xé châu Phi.
D. Hội chợ về nghành dệt và nghề gốm được tổ chức tại châu Phi.
Câu 51. Sự kiện nào là lí do chủ yếu thúc đẩy các nước tư bản phương Tây đau nhau xâu xé châu Phi?
A. Kênh đào Xuy-ê hoàn thành. B. Xa mạc Xa-ha-ra bị xa mạc hóa.
C. Nhiều cuộc đấu tranh của nhà dân dùng nổ. D. Chính quyền nhiều quốc gia châu Phi suy yếu.
Câu 52. Đầu thế kỉ XX, biến chuyển quan trọng nhất đối với các nước châu Phi là
A. kênh đào Xuy-ê bị quốc hữu hóa.
B. bị các nước tư bản phương Tây đua nhau xâu xé .
C. chăn nuôi và trồng chọt trở thành những nghành kinh tế chính.

D. về cơ bản bị các nước đế quốc phân chia xong hệ thống thuộc địa.
Câu 53. Khu vực Mĩlatinh bao gồm
A. toàn bộ lãnh thổ rộng lớn của châu Mĩ.
B. toàn bộ phía Tây của châu Mĩ và những quần đảo ở Ca-ri-bê.
C. Trung Mĩ, Nam Mĩ, một phần Bắc Mĩ và những quần đảo ở Ca-ri-bê.
D. Bắc Mĩ, Trung Mĩ, một phần Nam Mĩ và những quần đảo ở Ca-ri-bê.
Câu 54. Biến động nào đã diễn ra với các nước Mĩlatinh trong các thế kỉ XVI-XVII?
A. Lần lượt trở thành thuộc địa của chủ nghĩa thực dân phương Tây.
B. Lần lượt trở thành thuộc địa của thực dân Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha.
C. Nhiều nước đã giành được độc lập, thoát khỏi chủ nghĩa thực dân.
D. Một số nước Milatinh phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa.
Câu 55. Thực dân phương Tây nào đã thống trị các nước Milatinh từ thế kỉ XVI-XVII?
A. Đức, Hà Lan. B. Pháp, Bồ Đào Nha.
C. Anh, Tây Ban Nha. D. Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha.
Câu 56. Chính sách thống trị nổi bật của chủ nghĩa thực dân phương Tây ở Milatinh là
A. lôi kéo lực lượng tay sai, đàn áp phong trào giải phóng dân tộc.
B. thi hành chính sách thực dân mới, trao quyền cho người bản xứ.
C. thiết lập chế độ cai trị phản động, gây ra nhiều tội ác dã man, tàn khốc.
D. thành lập các tổ chức chính trị phản động, chia rẽ khối đoàn kết dân tộc.
Câu 57. Biến động quan trọng nào đã diễn ra với các nước Milatinh đầu thế kỉ XIX?
A. Chế độ phong kiến xụp đổ. B. Nhiều nước giành được độc lập.
C. Chế độ tư bản phát triển ở một số nước. D. Nền độc tài thân Mĩ được thiết lập ở một số nước.
Câu 58. Nước cộng hòa da đen đầu tiên được thành lập ở Milatinh năm 1804 là
A. Pê-ru. B. Ha-i-ti.
C. Mê-hi-cô. D. Pu-éc-tô-Ri-cô.
Câu 59. Sự kiện nổi bật diễn ra ở Ha-i-ti năm 1791?
A. Thực dân Pháp trao trả độc lập cho Ha-i-ti.
B. Cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp bùng nổ.
C. Lãnh tụ Tút-xanh Lu-véc-tuy-a của nhân dân Ha-i-ti bị bắt.
D. Ha-i-ti trở thành nước cộng hòa da đen đầu tiên ở Milatinh.
Câu 60. Sau khi giành được độc lập các nước Milatinh phát triển theo thể chế nào?
A. Nhiều nước thiết lập nền độc tài. B. Nhiều nước thiết lập nền dân chủ.
C. Nhiều nước thiết lập nền cộng hòa. D. Nhiều nước thiết lập nền quân chủ.
Câu 61. Sự kiện nổi bật nhất của tình hình thế giới trong những năm 1914-1918 là
A. hội nghị Véc-xai khai mạc tại Pháp. B. hội nghị Oa-sinh-tơn tổ chức tại Mĩ.
C. cách mạng tháng Mười Nga thành công. D. Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ và kết thúc.
Câu 62. Yếu tố nào đã làm thay đổi sâu sắc lực lượng giữa các nước đế quốc vào cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX?
A. Chính sách huấn luyện quân đội.
B. Hệ thống thuộc địa không đồng đều.
C. Sự phát triển không đều của chủ nghĩa tư bản.
D. Việc sở hữu các loại vũ khí có tính sát thương cao.
Câu 63. Mâu thuẫn giữa các nước đế quốc "già" và các nước đế quốc "trẻ" cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX tập trung ở
A. vấn đề vũ khí. B. vấn đề thuộc địa.
C. việc phát triển kinh tế. D. Chính sách huấn luyện quân đội.
Câu 64. Chủ trương của giới cầm quyền Đức trong việc giải quyết mâu thuẫn giữa các nước đế quốc cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX là

A. liên minh với các nước đế quốc. B. gây chiến với các nước đế quốc.
C. chủ động đàm phán với các nước đế quốc. D. tiến hành các cuộc chiến tranh giành thuộc địa.
Câu 65. Thái độ của Nga hoàng đối với cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất như thế nào?
A. Nhảy vào cuộc chiến khi thấy có lợi. B. Tham gia chiến tranh một cách có điều kiện.
C. Tham gia chiến tranh một cách bị bắt buộc. D. Đứng ngoài cuộc chiến tranh.
Câu 65. Nguyên nhân sâu xa dẫn đến cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914-1918) là
A. mâu thuẫn giữa chủ nghĩa tư bản với chủ nghĩa xã hội.
B. mâu thuẫn giữa các nước đế quốc về vấn đề thuộc địa.
C. mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản với giai cấp công nhân.
D. Thái tử Áo-Hung bị một phần tử yêu nước Xéc-bi ám sát.
Câu 66. Sự kiện nổi bật nhất của tình hình châu Âu đầu thế kỉ XX là
A. nhiều đảng phái chính trị thành lập.
B. đã hình thành hai khối quân sự đối đầu nhau.
C. chiến tranh bùng nổ ở nhiều khu vực trên thế giới.
D. giai cấp công nhân giành được quyền lãnh đạo cách mạng.
Câu 67. Biến động có ảnh hưởng to lớn đến thế giới cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX là
A. sự bùng nổ các cuộc chiến tranh giành thuộc địa.
B. các đế quốc trẻ (Mĩ, Đức, Nhật) hình thành trục đế quốc.
C. các nước tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.
D. phong trào giải phóng dân tộc phát triển rộng khắp thế giới.
Câu 68. Những nước nào tham gia phe Liên minh?
A. Anh, Pháp, Nga. B. Anh, Đức, Italia.
C. Đức, Áo-Hung, Italia. D. Đức, Pháp, Nga.
Câu 69. Những nước nào tham gia phe Hiệp ước?
A. Anh, Pháp, Nga. B. Anh, Đức, Italia.
C. Đức, Áo-Hung, Italia. D. Đức, Pháp, Nga.
Câu 70. Mục đích chính của Đức khi tấn công vào các nước đồng minh của phe Hiệp ước là
A. phô trương sức mạnh của Đức.
B. thăm dò thái độ của các nước đế quốc.
C. thăm dò thái độ của đồng minh các nước đế quốc.
D. thăm dò sức mạnh của đồng minh các nước đế quốc.
Câu 71. Cuối năm 1916 cục diện cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất có sự thay đổi quan trọng nào?
A. Italia rời khỏi phe Liên minh.
B. Quân chủ lực Pháp giữ vững thành Véc-đooong.
C. Phe liên minh Đức-Áo-Hung mất quyền chủ động.
D. Quân Đức chuyển trọng tâm hoạt động sang mặt trận phía Tây.
Câu 72. Thơ Dâng -tác phẩm văn học đoạt giải Nobel vì
A. thể hiện rõ tinh thần dân tộc và tinh thần nhân đạo sâu sắc.
B. thể hiện rõ tình yêu hòa bình và tinh thần nhân đạo sâu sắc.
C. thể hiện rõ lòng yêu nước, đấu tranh vì nền hòa bình của nhân loại.
D. thể hiện rõ lòng yêu nước, yêu hòa bình và tinh thần nhân đạo sâu sắc.
Câu 73. Nhật kí người điên, AQ chính truyện… là tác phẩm của nhà văn nổi tiếng nào người Trung Quốc?
A. Tào Đình. B. Cố Mạn. C. Mạc Ngôn. D. Lỗ Tấn.
Câu 74. Tác phẩm Đừng động vào tôi của nhà thơ Hô-xê Ri-đan đã phản ánh
A. cuộc kháng chiến giành độc lập của nhân dân Xingapo.
B. cuộc kháng chiến giành độc lập của nhân dân Ma-lai-xi-a.
C. cuộc kháng chiến giành độc lập của nhân dân Phi-líp-pin.
D. cuộc kháng chiến giành độc lập của nhân dân In-đô-nê-xi-a.

Câu 75. Hô-xê Mác-ti là nhà văn nổi tiếng của
A. Mĩ. B. Cu-ba. C. Mê-hi-cô. D. Vê-nê-xu-ê-la.
Câu 76. Công trình nghệ thuật kiến trúc đặc sắc thế giới được hoàn thành vào năm 1708 là
A. Điện Kremli (Nga). B. Thành Rô-ma (I-ta-li-a).
C. Cung điện Véc-xai (Pháp). D. Cung điện Buốc king ham (Anh).
Câu 77. Nơi hội tụ nhiều nhà văn hóa lớn của thế giới cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX là
A. Pa-ri (Pháp). B. Luân-đôn (Anh).
C. Xanh-pê-téc-pua (Nga) D. Ma –đơ-rít (Tây Ban Nha).
Câu 78. Người được xem là nhà thơ, nhà tiểu thuyết, nhà viết kịch nổi tiếng thời Cận đại là
A. Mác-tuên (Mĩ). B. Víc-to-Huy-gô (Pháp).
C. Lép-tôn-xtôi (Nga). D. Ra-bin-đra-nát Ta-go (Ấn Độ).
Câu 79. Giá trị nhân văn đặc sắc được thể hiện trong tác phẩm Những người khốn khổ là gì?
A. Đồng cảm với cuộc sống của nhân dân lao động.
B. Đề cao giá trị con người, mang lại hạnh phúc cho ho0j.
C. Bảo vệ quyền lợi cho những người lao động nghèo khổ.
D. Yêu thương con người, mong tìm giải pháp đem hạnh phúc đến cho họ.
Câu 80. Tác phẩm nào dưới đây không do Lép-tôn-xtôi sáng tác?
A. Phục sinh. B. An-na Ka-rê-ni-a.
C. Sông Đông êm đềm. D. Chiến tranh và hòa bình.
Câu 81. Các tác phẩm của Lép-tôn-xtôi chủ yếu theo trường phái nào?
A. Văn học lãng mạn. B. Văn học trào phúng.
C. Văn học cách mạng. D. Văn học hiện thực phê phán.
Câu 82. Nội dung nào dưới đây không được Lép-tôn-xtôi đề cập trong các tác phẩm của mình?
A. Chống lại trật tự xã hội phong kiến Nga hoàng.
B. Chống lại sự cấu kết giữa tư sản và Nga hoàng.
C. Ca ngợi phẩm chất người dân Nga trong bảo vệ đất nước.
D. Ca ngợi phẩm chất người dân Nga trong xây dựng Tổ quốc. Câu 72
Câu 83. Tình hình văn hóa từ đầu thời Cận đại chịu tác động chủ yếu của
A. sự giao lưu của các nền văn hóa.
B. sự xuất hiện nhiều nhà thơ, nhà văn lớn.
C. nền kinh tế TBCN phát triển mạnh mẽ.
D. những biến động của lịch sử, chủ nghĩa tư bản xác lập.
Câu 83. Đứng đầu nước Nga phong kiến là ai?
A. Nga hoàng. B. Nữ hoàng. C. Chính phủ. D. Quốc hội.
Câu 84. Nền kinh tế nước Nga đầu thế kỉ XX có biểu hiện là
A. nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển. B. nền kinh tế tư bản chủ nghĩa chậm phát triển.
C. nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu. D. nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.
Câu 85. Trước cách mạng 1905-1907 nước Nga theo thể chế chính trị
A. xã hội chủ nghĩa. B. dân chủ cộng hoà.
C. quân chủ lập hiến. D. quân chủ chuyên chế.
Câu 86. Sau cách mạng 1905-1907 nước Nga theo thể chế chính trị nào?
A. Quân chủ chuyên chế. B. Xã hội chủ nghĩa.
C. Quân chủ lập hiến. D. Dân chủ đại nghị.
Câu 87. Sự tồn tại của chế độ quân chủ chuyên chế ở nước Nga đã tác động như thế nào đến nền kinh tế ?
A. Tạo điều kiện cho nền kinh tế phát triển mạnh mẽ.
B. Bước đầu tạo điều kiện cho nền kinh tế phát triển.
C. Tạo điều kiện cho nền kinh tế TBCN phát triển mạnh mẽ.
D. Kìm hãm sự phát triển của CNTB.

Câu 88. Sự kiện mở đầu cuộc cách mạng tháng 2/1917 ở Nga là
A. cuộc tấn công vào cung điện Mùa Đông.
B. cuộc nổi dậy của nông dân vùng ngoại ô Matx-cơ-va.
C. khởi nghĩa vũ trang của công nhân Matx-cơ-va.
D. cuộc biểu tình của 9 vạn công nhân Pê-tơ-rô-grát.

Câu 89. Sau cách mạng tháng 2/1917 chính quyền được thành lập ở nước Nga là
A. chính quyền của giai cấp tư sản. B. nền chuyên chính của giai cấp vô sản.
C. nền quân chủ của quý tộc phong kiến. D. chính phủ tư sản lâm thời và các Xô viết.

Câu 90. Cách mạng Tháng Hai thắng lợi ở nước Nga xuất hiện tình trạng chính trị như thế nào?
A. Các nước đế quốc can thiệp. B. Nhiều đảng phái phản động ngóc đầu dậy.
C. Quân đội cũ nổi dậy chống phá. D. Hai chính quyền song song tồn tại.

Câu 91. Tính chất của cách mạng tháng 2/1917 ở Nga là
A. cách mạng dân chủ tư sản. B. cách mạng xã hội chủ nghĩa.
C. cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới. D. cách mạng vô sản.

Câu 92. Lênin có báo cáo quan trọng chỉ ra mục tiêu và đường lối chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa có tên gọi là
A. Luận cương tháng tư. B. Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa.
C. Luận cương về vai trò của Đảng Cộng sản. D. Sắc lệnh hoà bình.

Câu 93. Sự kiện đánh dấu cách mạng tháng 10/1917 ở Nga giành thắng lợi là
A. đêm 25/10, quân khởi nghĩa đánh chiếm cung điện Mùa Đông.
B. đầu năm 1918 cách mạng thành công trên toàn lãnh thổ Nga rộng lớn.
C. đêm 24/10, các đội cận vệ Đỏ đánh chiếm vị trí then chốt ở thủ đô.
D. ngày 27/10, chính quyền Xô viết được thành lập ở Matx-cơ-va.

Câu 94. Sự kiện quan trọng nhất trong cuộc cách mạng Tháng Mười là?
A. Nhân dân các nước nổi dậy khởi nghĩa. B. Khởi nghĩa giành thắng lợi ở Mát-xcơ-va.
C. Nga hoàng bị bắt giam. D. Quân khởi nghĩa chiếm được cung điện Mùa Đông.

Câu 95. Ý nghĩa lịch sử của cách mạng tháng 10/1917 đối với nước Nga quan trọng nhất là
A. đưa người dân lên làm chủ đất nước. B. thay đổi cục diện chính trị thế giới.
C. mở đường cho phong trào đấu tranh thế giới. D. mở ra thời kì lịch sử thế giới hiện đại.

Câu 96. Kết quả nào sau đây **không** phải của chính sách ngoại giao mà Liên Xô thực hiện từ sau cách mạng tháng Mười
A. thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước láng giềng.
B. Liên Xô bị cô lập giữa vòng vây chủ nghĩa đế quốc.
C. phá vỡ chính sách bao vây của các nước đế quốc.
D. khẳng đinh uy tín ngày càng cao của Liên Xô trên trường quốc tế.

Câu 97. Sau cách mạng thành công nhà nước Xô-viết gặp những khó khăn gì?
A. Quân đội đế quốc tấn công vũ trang. B. Chính quyền cách mạng còn non trẻ.
C. Bọn Bạch vệ trong nước nổi dậy chống phá. D. Tất cả các ý.

Câu 98. Khi bước vào thời kì xây dựng đất nước, nước Nga Xô-viết gặp những khó khăn nào?
A. Lực lượng phản cách mạng điên cuồng chống phá ở nhiều nơi.
B. Chính trị không ổn định.
C. Kinh tế bị tàn phá. D. Tất cả các khó khăn.

Câu 99. Trước hoàn cảnh khó khăn, chính quyền Xô-viết thực hiện chính sách đối phó như thế nào?
A. Bắt tay hoà hoãn với các đế quốc. B. Nhờ sự giúp đỡ của các nước khác.
C. Đầu hàng các nước đế quốc. D. Thực hiện chính sách Cộng sản thời chiến.

Câu 100. Chính sách Cộng sản thời chiến được tiến hành từ khi nào?
A. 1921. B. 1922. C. 1920. D. 1918.

Câu 101. Chính sách kinh tế mới được thực hiện vào thời gian nào?

A. 03-1921. B. 01-1921. C. 02-1921. D. 04-1921.

Câu 102. Nội dung cơ bản của chính sách kinh tế mới mà nước Nga thực hiện là

A. trưng thu lương thực thừa của nông dân.

B. thi hành chính sách lao động cưỡng bức đối với mọi công dân.

C. thay thế trưng thu lương thực thừa bằng chế độ thu thuế lương thực.

D. nhà nước nắm độc quyền về kinh tế.

Câu 103. "NEP" là cụm từ viết tắt của

A. kế hoạch 5 năm của Liên Xô. B. chính sách cộng sản thời chiến.

C. chính sách kinh tế mới. D. Liên bang cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết.

Câu 104. Thực chất của chính sách kinh tế mới là gì?

A. Thả nổi nền kinh tế cho tư nhân.

B. Thực hiện chính sách kinh tế hàng hoá nhiều thành phần có sự điều tiết của nhà nước.

C. Tư bản trong nước chi phối nền kinh tế.

D. Nhà nước độc quyền về mọi mặt.

Câu 105. Ý nghĩa của chính sách kinh tế mới?

A. Vượt qua được khó khăn về chính trị.

B. Tác động đến công cuộc xây dựng CNXH ở các nước sau này.

C. Hoàn thành được công cuộc khôi phục kinh tế.

D. Tất cả các ý.

Câu 106. Cộng hoà Liên bang XHCN Xô-viết được thành lập vào thời gian nào?

A. 03-1923. B. 01-1923. C. 12-1922. D. 02-1923.

Câu 107. Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô Viết được thành lập, ban đầu gồm mấy nước?

A. Ba. B. Năm. C. Bốn. D. Sáu.

Câu 108. Sau khi thực hiện các kế hoạch 5 năm, thành tựu quan trọng nhất mà Liên Xô đạt được trong lĩnh vực xã hội là

A. có sức mạnh về quân sự. B. thanh toán được nạn mù chữ.

C. xoá bỏ giai cấp bóc lột. D. hoàn thành tập thể hóa nông nghiệp.

Câu 109. Sau khi hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế, Liên Xô bước vào xây dựng CNXH với nhiệm vụ trọng tâm gì?

A. Xây dựng nền nông nghiệp hiện đại. B. Mở rộng giao lưu buôn bán với bên ngoài.

C. Công nghiệp hoá XHCN. D. Đẩy mạnh công nghiệp quốc phòng.

Câu 110. Liên Xô thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hoá ưu tiên phát triển những ngành nào sau đây?

A. Công nghiệp quốc phòng, năng lượng, khai khoáng, chế tạo máy móc.

B. Công nghiệp khai khoáng.

C. Công nghiệp quốc phòng. D. Công nghiệp năng lượng.

Câu 111. Nước Nga Xô-viết bước vào thời kỳ hoà bình xây dựng đất nước vào thời gian nào?

A. 1919. B. 1918. C. 1921. D. 1917.

Câu 112. Trong chính sách kinh tế mới, nhà nước *không* nắm những ngành nào sau đây?

A. Du lịch. B. Công nghiệp. C. Ngân hàng. D. Giao thông vận tải.

Câu 113. Trước sự sụp đổ của chính quyền cũ, quần chúng nhân dân có biện pháp gì để thay thế?

A. Thành lập chính phủ . B. Bầu các Xô-viết đại biểu công nhân.

C. Thành lập quốc hội. D. Tổ chức quân đội để quản lý.

Câu 114. Văn kiện kí kết từ các Hội nghị hòa bình được tổ chức sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đã đưa đến hình thành

A. trật tự đơn cực. B. hệ thống đa cực.

C. trật tự hai cực Ianta. D. hệ thống Vécxai- Oasinhton.

Câu 115. Nội dung nào không phản ánh đúng quyền quyền lợi các nước Anh, Pháp, Mĩ, Nhật Bản giành được trong trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ nhất ?

A. Giành được nhiều quyền lợi về kinh tế.
B. Xác lập sự áp đặt, nô dịch đối với các nước bại trận.
C. Xác lập sự áp đặt, nô dịch đối với các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc.
D. Cho phép các nước này quay trở lại cai trị các nước thuộc địa và phụ thuộc.
Câu 116. Quan hệ ngoại giao chủ yếu giữa các nước tư bản sau Chiến tranh thế giới thứ nhất là
A. hòa bình. B. hợp tác toàn diện.
C. hòa bình và hợp tác. D. hợp tác song phương.
Câu 117. "Quan hệ hòa bình giữa các nước tư bản sau Chiến tranh thế giới I chỉ là tạm thời và mỏng manh" vì
A. có hệ thống thuộc địa nhiều, ít khác nhau.
B. có sự phát triển không đồng đều về kinh tế.
C. các nước đều cho mình có sức mạnh cạnh tranh riêng.
D. đã nảy sinh bất đồng do mâu thuẫn về phân chia quyền lợi.
Câu 118. Tổ chức chính trị mang tính quốc tế đầu tiên có tên gọi
A. Hội Ái hữu. B. Hội Quốc xã.
C. Hội Quốc liên. D. Hội Đoàn kết.
Câu 119. 44 nước tham gia là con số nói về sự kiện
A. Tổ chức kinh tế mang tính quốc tế đầu tiên của thế giới ra đời.
B. Tổ chức xã hội mang tính quốc tế đầu tiên của thế giới ra đời.
C. Tổ chức quân sự mang tính quốc tế đầu tiên của thế giới ra đời.
D. Tổ chức chính trị mang tính quốc tế đầu tiên của thế giới ra đời.
Câu 120. Mục đích thành lập Tổ chức chính trị mang tính quốc tế đầu tiên là nhằm
A. duy trì trật tự thế giới mới.
B. tăng cường an ninh giữa các nước.
C. đẩy mạnh hợp tác phát triển kinh tế giữa các nước.
D. thúc đẩy sự giao lưu văn hóa, khoa học giữa các nước.
Câu 211. Sự kiện nổi bật nào của thế giới đã diễn ra vào 10-1929?
A. Cuộc khủng hoảng chính trị thế giới bùng nổ.
B. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới bùng nổ.
C. Cuộc khủng hoảng quân sự thế giới bùng nổ.
D. Cuộc khủng hoảng ngoại giao thế giới bùng nổ.
Câu 122. Cuộc khủng hoảng 1929-1933 diễn ra chủ yếu ở lĩnh vực
A. xã hội. B. kinh tế. C. văn hóa. D. chính trị.
Câu 123. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929-1933) bùng nổ đánh dấu
A. sự phát triển không đều giữa các nước tư bản.
B. thời kì ổn định và tăng trưởng của chủ nghĩa nước tư bản đã chấm dứt.
C. những mâu thuẫn trong lòng chủ nghĩa nước tư bản không thể điều hòa.
D. kế hoạch phát triển nền kinh tế của chủ nghĩa nước tư bản không phù hợp.
Câu 124. Nguyên nhân cơ bản dẫn đến cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929-1933) là do
A. giá cả đắt đỏ, người dân không mua được hàng hóa.
B. hậu quả của cao trào cách mạng 1918-1923.
C. sản xuất ồ ạt "cung" vượt quá "cầu" thời kì 1924-1929.
D. việc quản lí, điều tiết sản xuất ở các nước tư bản lạc hậu.
Câu 125. Năm 1932 phản ánh tình hình nào của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929-1933)?
A. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới kết thúc.
B. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới diễn ra trầm trọng nhất.
C. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới tác động mạnh nhất đến châu Âu.
D. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới tác động mạnh nhất đến nước Mĩ.

Câu 126. Phát xít Nhật mở rộng chiến tranh xâm lược trên toàn lãnh thổ Trung Quốc vào thời gian nào ?
A. 1937. B. 1939. C. 1938. D. 1940.

Câu 127. Phát xít Nhật chiếm vùng Đông Bắc Trung Quốc vào thời gian nào ?
A. 1933. B. 1931. C. 1932. D. 1930.

Câu.Thái độ của các nước đế quốc đối với Liên Xô là
A. Liên kết với Liên Xô. B. Hợp tác với Liên Xô.
C. Thù ghét Liên Xô. D. Không tỏ thái độ gì.

Câu 128. Thái độ của Liên xô đối với Đức trước khi chiến tranh thế giới thứ 2 bùng nổ:
A. Bỏ qua các hành động của Đức. B. Coi Đức là đồng minh.
C. Không để ý đến tình hình thế giới. D. Coi Đức là kẻ thù nguy hiểm nhất.

Câu 129. Trước hành động chuẩn bị chiến tranh của Đức, Liên Xô có chính sách đối ngoại như thế nào với Đức ?
A. Bắt tay với Anh, Pháp để cô lập Đức. B. Kí với Đức hiệp ước Xô - Đức.
C. Đối đầu với Đức. D. Không có hành động gì.

Câu 130. Liên Xô có chủ trương gì với nước Anh và Pháp trước chiến tranh thế giới thứ 2 ?
A. Hợp tác chặt chẽ với Anh, Pháp. B. Đối đầu với các nước Anh, Pháp.
C. Khước từ mọi đề nghị của Anh, Pháp. D. Đề nghị Anh, Pháp hợp tác chống Đức.

Câu 131. Để chống phát xít và nguy cơ chiến tranh, Liên Xô đã
A. chủ trương liên kết với các nước tư bản.
B. kí với khối phát xít hiệp ước không xâm lược nhau.
C. đứng ngoài cuộc, thực hiện chính sách trung lập.
D. chuẩn bị lực lượng để đối phó.

Câu 132. Các nước phát xít sau khi hình thành liên minh có hành động gì ?
A. Đầu tư vốn nhiều nơi trên thế giới.
B. Ra sức đầu tư phát triển vũ khí mới chuẩn bị cho chiến tranh.
C. Tăng cường hành động quân sự và gây chiến tranh xâm lược ở nhiều nơi trên thế giới.
D. Tăng cường trang bị vũ khí cho quân đội chuẩn bị chiến tranh.

Câu 133. Nguyên nhân sâu xa bùng nổ chiến tranh thế giới thứ 2 ?
A. Mâu thuẫn giữa các khối đế quốc về vấn đề thuộc địa.
B. Quân Đức mâu thuẫn với Liên Xô.
C. Đức muốn làm bá chủ thế giới tư bản.
D. Anh, Pháp mâu thuẫn với Liên Xô.

Câu 134. Nội dung của hội nghị Muy-ních (29/9/1938) giữa Anh, Pháp, Đức và Italia là
A. biến Tiệp Khắc thành bàn đạp tấn công Ba Lan.
B. yêu cầu chính phủ Tiệp Khắc trao quyền tự trị cho Xuy-đét.
C. Anh, Pháp trao vùng Xuy-đét của Tiệp Khắc cho Đức.
D. bàn tính kế hoạch tiến công Liên Xô.

Câu 135. Sau khi thôn tính toàn bộ Tiệp Khắc (3/1939), phát xít Đức đã
A. chấm dứt mọi cuộc thôn tính ở châu Âu.
B. thỏa hiệp với Anh, Pháp để chống lại Liên Xô.
C. đàm phán với Liên Xô để chống lại Anh, Pháp.
D. gây hấn và chuẩn bị tiến hành chiến tranh với Ba Lan.

Câu 136. Đức tấn công Ba Lan với chiến lược gì ?
A. Đánh nhanh thắng nhanh. B. Đánh chắc tiến chắc.
C. Chiến tranh chớp nhoáng. D. Đánh lâu dài.

Câu 137. "Chiến tranh kì quặc" diễn ra vào khoảng thời gian nào ?
A. 8/1939 đến 4/1940. B. 03/9/1939 đến 4/1940.
C. 1939 đến 1940. D. 01/9/1939 đến 10/1939.

Câu 138. Quân Đức chiếm nước Pháp vào thời gian nào ?
A. 2/1940. B. 4/1940. C. 6/1940. D. Đầu 1941.

Câu 55. Quân Nhật tấn công Trân Châu Cảng vào thời gian nào ?
A. 12/1941. B. 10/1941. C. 11/1941. D. 01/1941.

Câu 139. Liên quân Anh - Mĩ mở mặt trận thứ hai từ khi nào ?
A. 01/01/1944. B. Cuối năm 1943. C. Đầu năm 1945. D. Hè năm 1944.

Câu 140. Kết cục của cuộc chiến tranh thế giới thứ hai là
A. Tất cả các lí do.
B. Chủ nghĩa xã hội ngày càng lớn mạnh.
C. Chủ nghĩa phát xít bị tiêu diệt.
D. Chủ nghĩa tư bản bị suy yếu.

Câu 141. Phát xít Italia bị tiêu diệt khi nào ?
A. 5/1945. B. 5/1943. C. 7/1943. D. 7/1945.

Câu 142. Phát xít Đức bị tiêu diệt khi nào ?
A. 6/1945. B. 7/1945. C. 5/1945. D. 8/1945.

Câu 143. Chiến tranh chấm dứt ở châu Âu vào ngày
A. 9/5/1945. B. 9/8/1945. C. 8/8/1945. D. 30/4/1945.

Câu 144. Quân phiệt Nhật Bản bị tiêu diệt khi nào ?
A. 8/1945. B. 8/1943. C. 7/1945. D. 5/194.

Câu 145. Việc Liên Xô tham chiến và sự ra đời của khối đồng minh chống phát xít làm cho tính chất của cuộc chiến tranh có sự thay đổi gì ?
A. Là cuộc chiến tranh bảo vệ dân tộc.
B. Là cuộc chiến tranh chống chủ nghĩa phát xít, bảo vệ hoà bình nhân loại.
C. Là cuộc chiến tranh vệ quốc.
D. Là cuộc chiến tranh đế quốc.

Câu 146. Liên Xô có vai trò như thế nào trong cuộc chiến tranh chống phát xít ?
A. Thờ ơ trong cuộc chiến tranh chống phát xít.
B. Là lực lượng trụ cột giữ vai trò quyết định trong việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít.
C. Góp phần nhỏ vào tiêu diệt chủ nghĩa phát xít.
D. Là lực lượng dung túng cho chủ nghĩa phát xít.

Câu 147. Tại sao sau khi chiếm được Xuyđét (Tiệp) Đức lại tấn công Ba Lan ?
A. Để đánh Đông Âu.
B. Để chiếm đánh Liên Xô.
C. Để đánh lừa Anh, Pháp.
D. Để đánh Bắc Âu.

Câu148. Sau khi chiếm được hầu hết các nước tư bản ở Châu Âu, phát xít Đức tấn công vào
A. Anh. B. Pháp. C. Hà Lan. D. Bỉ.

Câu 149. Trận đánh thay đổi cục diện chiến tranh thế giới thứ hai, làm cho phát xít Đức từ thế chủ động sang phòng ngự bị động trên chiến trường là ở
A. Xta-lin-grat.
B. Mát-xcơ-va.
C. En A-la-men.
D. vòng cung Cuốc-xcơ.

Câu 150. Chiến thắng Matxcơva 1941 có ý nghĩa to lớn gì ?
A. Tất cả các ý trên.
B. Làm tổn thất nặng nề đối với quân Đức.
C. Làm phá sản chiến lược chiến tranh chớp nhoáng của Đức.
D. Đánh bại hoàn toàn quân Đức ở Liên Xô.

Câu 151. Kết quả của cuộc tấn công Xta-lin-grat của quân Đức là
A. buộc phải rút khỏi lãnh thổ Liên Xô.
B. chiếm được sau 2 tháng.
C. không thể chiếm được thành phố này.
D. chiếm được nhanh chóng.

Câu 152. Nguyên thủ quốc gia tham dự hội nghị I-an-ta (2/1945) của các nước
A. Liên Xô, Đức, Mĩ.
B. Đức, Italia, Nhật.
C. Anh, Pháp Mĩ.
D. Liên Xô, Mĩ, Anh.

Câu 153. Quân Anh và quân Mĩ phối hợp phản công quét sạch liên quân Đức - Italia khỏi lục địa châu Phi vào thời gian

A. tháng 6/1944. B. tháng 7/1943. C. tháng 5/1943. D. tháng 3/1943.

Câu 154. Số người bị thiệt mạng trong cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai khoảng

A. 50 triệu người. B. 20 triệu người. C. 90 triệu người. D. 60 triệu người.

Câu 155. Trận đánh tạo ra bước ngoặt ở mặt trận Thái Bình Dương khi Mĩ đánh bại quân Nhật là

A. Gu-a-đan-ca-nan. B. Xa-lô-mông. C. Mít-uây. D. Ca-rô-lin.

Câu 156. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc khi

A. phát xít Italia bị sụp đổ. B. Nhật Bản đầu hàng không điều kiện.

C. Mĩ ném bom nguyên tử xuống Nhật. D. phát xít Đức bị tiêu diệt.

Câu 157. Khối liên minh phát xít bao gồm các nước

A. Anh, Pháp, Mĩ. B. Đức, Italia, Nhật.

C. Đức, Áo, Hung. D. Nhật, Mĩ, Anh.

Câu 158. Khối đồng minh chống phát xít ra "Tuyên ngôn Liên Hợp Quốc" cam kết cùng nhau tiến hành cuộc chiến đấu chống phát xít với toàn bộ lực lượng của mình gồm

A. 5 quốc gia. B. 26 quốc gia.

C. Mĩ, Trung Quốc, Pháp. D. Liên Xô, Mĩ, Anh.

Câu 159. Mĩ-Anh và quân Đồng minh mở Mặt trận thứ hai ở Tây Âu bằng sự kiện

A. tấn công vào Béc-lin . B. đóng quân ở sông En-bơ.

C. gặp nhau tại Toóc-gâu. D. đổ bộ tại Nooc-măng-đi.

LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ 1858-1918.

Câu 1. Tình hình kinh tế nông nghiệp nước ta đầu thế kỷ XIX?
A. Nông nghiệp sa sút, mất mùa, đói kém thường xuyên.
B. Nhà nước đầu tư vào thuỷ lợi.
C. Nông nghiệp phát triển.
D. Nhà nước không quan tâm đến nông nghiệp.

Câu 2. Nguyên nhân thực dân Pháp xâm lược Việt Nam là gì ?
A. Truyền đạo B. Mở rộng thị trường.
C. Khai hoá văn minh cho triều Nguyễn. D. Giúp Nguyễn ánh đánh bại Tây Sơn.

Câu 3 Tư bản phương Tây và Pháp nhòm ngó xâm lược Việt Nam bằng con đường nào ?
A. Khai hoá văn minh. B. Truyền bá chữ quốc ngữ.
C. Buôn bán và truyền đạo. D. Tấn công quân sự.

Câu 4. Kế hoạch "đánh nhanh thắng nhanh" bị thất bại sau lần Pháp tấn công ở đâu ?
A. Miền Tây. B. Miền Đông. C. Đà Nẵng. D. Gia Định.

Câu 4.1. Thời gian liên quân Pháp - Tây Ban Nha bị cầm chân ở bán đảo Sơn Trà là
A. 7 tháng. B. 4 tháng. C. 6 tháng. D. 5 tháng.

Câu 5. Từ sau 1862 phong trào đấu tranh của nhân dân miền Đông Nam kì có sự kiện tiêu biểu nào ?
A. Cuộc khởi nghĩa của Trương Quyền. B. Cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Hữu Huân.
C. Cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Tri Phương. D. Cuộc khởi nghĩa của Trương Định.

Câu 6. Không chiếm được Đà Nẵng, thực dân Pháp đánh tiếp ở đâu ?
A. Huế. B. Gia Định. C. Biên Hoà. D. Vĩnh Long.

Câu 7. Quân Pháp tấn công Gia Định ngày nào ?
A. 23/02/1861. B. 10/12/1861. C. 16/02/1861. D. 23/03/1862.

Câu 8. Nguyên cớ để thực dân Pháp tiến hành xâm lược Việt Nam là do
A. Vương triều Tây Sơn sụp đổ. B. Nhà Nguyễn cấm đạo Thiên Chúa.
C. Vua Tự Đức mất. D. Lực lượng giáo dân ủng hộ.

Câu 9. Người bất chấp lệnh bãi binh của triều đình tiếp tục chống Pháp ở Nam kì là ai ?
A. Trương Định. B. Nguyễn Trị Phương.
C. Nguyễn Trung Trực. D. Nguyễn Hữu Huân.

Câu 10. Lãnh đạo nhân dân chống Pháp tại Đông Nam kì là lực lượng nào ?
A. Tư sản. B. Địa chủ. C. Nông dân. D. Văn thân sĩ phu yêu nước.

Câu 11. Ba tỉnh miền Tây Nam kì đã rơi vào tay Pháp như thế nào ?
A. Quân dân đầu hàng nhanh chóng.
B. Trong vòng 5 ngày (20 - 24/6/1867) mà không tốn một viên đạn.
C. Pháp phải đánh chiếm chật vật với quân ta.
D. Quân triều đình chống trả quyết liệt.

Câu 12. Người lãnh đạo trận đánh chìm tàu chiến Étpêrăng trên sông Vàm Cỏ Đông là ai ?
A. Nguyễn Hữu Huân. B. Nguyễn Tri Phương.
C. Nguyễn Thông. D. Nguyễn Trung Trực.

Câu `13. Thực dân Pháp tiến đánh Bắc kì năm 1873 vì
A. Thái độ nhu nhược của nhà Nguyễn.
B. Yêu cầu tìm kiếm thị trường cấp bách.
C. Pháp có điều kiện tăng viện binh.
D. Có quân triều đình phối hợp.

Câu 14. Thực dân Pháp nổ súng chiếm thành Hà Nội vào thời gian nào ?
A. 19/11/1873. B. 16/11/1873. C. 23/11/1873. D. 20/11/1873.

Câu 15. Trận Cầu Giấy 21/12/1873 ảnh hưởng đến cục diện chiến tranh như thế nào ?
A. Triều đình lâm vào thế lúng túng.

B. Nhân dân tin tưởng vào triều đình hơn.
C. Thực dân Pháp tích cực chuẩn bị lực lượng.
D. Cục diện chiến tranh thay đổi có lợi cho ta: Pháp lúng túng, nhân dân tích cực đánh giặc.

Câu 16. Các tỉnh, thành phố vùng Bắc Kì bị Pháp chiếm trong cuộc xâm lược lần thứ hai là
A. Hà Nội, Hòn Gai, Quảng Yên, Nam Định. B. Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định.
C. Hà Nội, Nam Định, Phủ Lí. D. Hà Nội, Hưng Yên, Hòn Gai.

Câu 17. Tổng đốc thành Hà Nội lãnh đạo quân dân thành chống Pháp lần thứ hai là ai ?
A. Nguyễn Tri Phương. B. Hoàng Tá Viêm.
C. Nguyễn Trung Trực. D. Hoàng Diệu.

Câu 18. Thực dân Pháp đánh chiếm Hà Nội và các tỉnh Bắc kì lần thứ hai vào thời gian nào?
A. 1883. B. 1884. C. 1882. D. 1881.

Câu 19. Chiến thắng Cầu Giấy lần thứ nhất (1873) và lần thứ 2 (1883) là chiến công của quân nào ?
A. Quân cờ đen. B. Quân Hàng Tá Viêm.
C. Dân binh Hà Nội. D. Quân cờ đen phối hợp với quân của Hoàng Tá Viêm.

Câu 20. Quân triều đình nhanh chóng thất thủ tại Hà Nội 1873 vì ?
A. Triều đình ra lệnh đầu hàng.
B. Thực hiện phòng thủ, chưa kết hợp với nhân dân để kháng chiến.
C. Chống cự yếu ớt.
D. Lo đàn áp nhân dân.

Câu 21. Tại trận Cầu Giấy 12/1873, tướng giặc bị tiêu diệt là ai ?
A. Hác măng. B. Gácniê. C. Đuypy. D. Rivie.

Câu 85. Hiệp ước Nhâm Tuất được kí vào thời gian nào?
A. 23/03/1862. B. 22/06/1861. C. 10/12/1861. D. 05/06/1862.

Câu 22. Triều đình Huế kí với Pháp hiệp ước Nhâm Tuất trong hoàn cảnh nào ?
A. Tất cả các hoàn cảnh.
B. Giữa lúc phong trào kháng chiến của nhân dân ngày một dâng cao.
C. Phong trào nhân dân phản đối chiến tranh.
D. Phong trào của nhân dân suy yếu.

Câu 233. Triều đình nhà Nguyễn kí hiệp ước Giáp Tuất 1874 là
A. Muốn Pháp nhanh chóng rút khỏi Bắc kì.
B. Rảnh tay đàn áp phong trào nông dân.
C. Bảo vệ quyền lợi ích kỉ của dòng họ.
D. Tất cả các ý.

Câu 24. Phong trào phản đối triều đình, phản đối hiệp ước năm 1874 diễn ra tiêu biểu ở đâu ?
A. Bắc kì. B. Nghệ An, Hà Tĩnh. C. Nam kì. D. Nghệ An.

Câu 25. Sau khi mất 6 tỉnh Nam kì, triều đình nhà Nguyễn đã
A. Chuẩn bị lực lượng chờ thời cơ.
B. Mặc nhiên thừa nhận là vùng đất của Pháp, không nghĩ đến việc giành lại.
C. Tổ chức cho nhân dân phản công để lấy lại.
D. Thương lượngvới Pháp để xin chuộc.

Câu 26. Hiệp ước Hác Măng được kí vào thời gian nào ?
A. 05/08/1883. B. 28/05/1883. C. 25/08/1883. D. 08/05/1883.

Câu 27. Nội dung cơ bản của hiệp ước Hác măng là gì ?
A. Việt Nam trở thành nước thuộc địa.
B. Nới rộng vùng đất Trung kì cho triều đình Huế cai quản.
C. Đặt Việt Nam dưới quyền "bảo hộ" của Pháp.
D. Tất cả các ý.

Câu 28. Sự kiện nào đánh dấu triều đình nhà Nguyễn đã đầu hàng hoàn toàn thực dân Pháp?

A. Triều đình Huế kí kết hiệp ước Patonốt.
B. Triều đình Huế kí kết hiệp ước Hác măng.
C. Quân triều đình thất bại ở cửa biển Thuận An.
D. Quân Pháp chiếm Sơn Tây, Bắc Ninh, Tuyên Quang.

Câu 29. Tinh thần chống Pháp của vua quan triều đình nhà Nguyễn như thế nào?
A. Cùng quân dân cả nước kiên quyết chống Pháp.
B. Đầu hàng Pháp ngay từ đầu.
C. Thiếu kiên quyết đến cùng.
D. Tất cả các lí do.

Câu 30. Cuộc phản công kinh thành Huế của phái chủ chiến bị thất bại là do đâu?
A. Nhân dân chưa sẵn sàng đấu tranh. B. Triều đình chủ quan lơ là.
C. Lực lượng chưa được chuẩn bị chu đáo, vũ khí thô sơ. D. Tất cả các ý.

Câu 31. Tôn Thất Thuyết mượn lời Hàm Nghi hạ chiếu Cần Vương ở đâu ?
A. Căn cứ Tân Sở (Quảng Trị). B. Đồn Mang Cá.
C. Căn cứ Ba Đình. D. Huế.

Câu 32. Nội dung cơ bản nhất của chiếu Cần Vương là gì ?
A. Khẳng định quyết tâm chống Pháp.
B. Khôi phục quốc gia phong kiến.
C. Kêu gọi nhân dân đứng lên giúp vua cứu nước, khôi phục quốc gia phong kiến độc lập.
D. Tố cáo tội ác của thực dân Pháp.

Câu 33. Chiếu Cần Vương được đông đảo nhân dân hưởng ứng vì
A. Nhân dân oán hận triều đình.
B. Đó là chiếu chỉ của nhà vua.
C. Đáp ứng được nguyện vọng đấu tranh giành tự do, độc lập của nhân dân ta.
D. Tất cả các ý.

Câu 34. Lãnh đạo phong trào Cần Vương là thành phần nào ?
A. Gồm văn thân sĩ phu yêu nước. B. Địa chủ.
C. Nông dân. D. Quan lại.

Câu 35. Lãnh tụ khởi nghĩa Ba Đình là ai ?
A. Phạm Bành, Nguyễn Thiện Thuật. B. Phạm Bành, Đinh Công Tráng.
C. Đinh Công Tráng. D. Phan Đình Phùng.

Câu 36. Căn cứ Bãi Sậy thuộc tỉnh nào ?
A. Hưng Yên. B. Sơn Tây. C. Thanh Hoá. D. Nam Định.

Câu 37. Lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy là ai ?
A. Đốc Tít. B. Đinh Công Tráng.
C. Phan Đình Phùng. D. Nguyễn Thiện Thuật, Đốc Tít.

Câu 38. Căn cứ Ba Đình được xây dựng ở đâu ?
A. Sơn Tây. B. Hà Nội. C. Hưng Yên. D. Thanh Hoá.

Câu 39. Đặc điểm chiến thuật của khởi nghĩa Ba Đình là gì ?
A. Kết hợp du kích và luồn sâu vào hàng ổ địch. B. Tất cả các chiến thuật.
C. Đánh du kích. D. Phòng ngự.

Câu 40. Sau khi vua Hàm Nghi bị bắt (1888) phong trào Cần Vương đã diễn ra như thế nào?
A. Thu hẹp vào Nam Trung bộ.
B. Tiếp tục hoạt động, quy tụ lại thành những trung tâm lớn, có xu hướng đi vào chiều sâu.
C. Chấm dứt hoạt động.
D. Hoạt động cầm chừng.

Câu 41. Phong trào Yên Thế là do
A. Phong trào Cần Vương khởi xướng . B. Triều đình tổ chức.

C. Nông dân tự động đứng lên kháng chiến. D. Các cuộc khởi nghĩa Cần Vương hợp lại.

Câu 42. Lãnh tụ phong trào Yên Thế là ai ?

A. Nguyễn Thiện Thuật. B. Cao Thắng.

C. Hoàng Hoa Thám. D. Phan Đình Phùng.

Câu 43. Phong trào Yên Thế là do

A. Triều đình tổ chức. B. Các cuộc khởi nghĩa Cần Vương hợp lại.

C. Phong trào Cần Vương khởi xướng. D. Nông dân tự động đứng lên kháng chiến.

Câu 44. Cuộc khai thác lần 1 Pháp tập trung vào khai mỏ vì

A. Không có đối thủ cạnh tranh. B. Dễ khai thác.

C. Nhằm phát triển công nghiệp khai khoáng cho Việt Nam.

D. Nhanh chóng đem lại lợi nhuận lớn.

Câu 45. Giai cấp công nhân tập trung đông vào những ngành nào ?

A. Khai mỏ - đồn điền. B. Thương nghiệp.

C. Đóng tàu. D. Đồn điền.

Câu 46. Chính sách khai thác lần thứ nhất của thực dân Pháp tập trung vào

A. Công nghiệp, nông nghiệp, quân sự. B. Công - thương nghiệp.

C. Cướp đất lập đồn điền, khai thác mỏ, giao thông, thu thuế.

D. Tất cả các chính sách.

Câu 47. Cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra 1854 - 1856 do ai lãnh đạo ?

A. Cao Bá Quát. B. Lê Duy Lương.

C. Nông Văn Vân. D. Lê Văn Khôi.

ÔN TẬP SỬ 12

Bài 1 - Sự hình thành trật tự thế giới mới sau chiến tranh thế giờ thứ hai (1945 - 1949)

Câu 1. Địa điểm và thời gian tổ chức Hội nghị Ianta

A. Tại Liên Xô vào ngày 4 đến 11/2/1945. B. Tại Mĩ vào ngày 14 đến 22/2/1945.

C. Tại Pháp vào ngày 24 đến 28/2/1945. D. Tại Anh vào ngày 16 đến 24/2/1945.

Câu 2. Vấn đề quan trọng hàng đầu và cấp bách nhất đặt ra cho các nước đồng minh tại Hội nghị Ianta là

A. Nhanh chóng đánh bại hoàn toàn các nước phát xít.

B. Tổ chức lại thế giới sau chiến tranh.

C. Phân chia thành quả chiến thắng giữa các nước thắng trận.

D.Giải quyết vấn đề các nước phát xít chiến bại.

Câu 3. Theo thỏa thuận các nước đồng minh tại Hội nghị Ianta, khu vực Đông Nam Á thuộc phạm vi ảnh hưởng của

A. Liên Xô B. Mĩ

C. Anh D. Các nước phương Tây

Câu 4. Nội dung nào sau đây không phải là quyết định của Hội nghị Ianta?

A. Thành lập tòa án quốc tế Nuyrambe để xét xử tội phạm chiến tranh.

B. Nhanh chóng kết thúc chiến tranh và tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít.

C. Thống nhất về việc thành lập tổ chức Liên Hợp quốc.

D. Thỏa thuận về việc đóng quân tại các nước nhằm gải giáp quân đội phát xít.

Câu 5. Tổ chức nào sau đây không phải là tổ chức của Liên hợp quốc?

A. WHO. B. UNICEF. C. UNESCO. D. WTO.

Câu 6. Trụ sở của tổ chức Liên Hợp quốc được đặt ở đâu?

A. NewYork. B. Oasinhton. C.California. D.Boston.

Câu 7. Một trong những mục đích của tổ chức Liên Hợp quốc là

A. trừng trị các hoạt động gây chiến tranh. B. thúc đẩy quan hệ thương mại tự do.

C. duy trì hòa bình và an ninh thế giới. D. ngăn chặn tình trạng ô nhiễm môi trường.

Câu 8. Hiến chương Liên hợp quốc chính thức có hiệu lực vào ngày

A. 25/10/1945. B. 26/6/1945. C. 24/9/1945. D. 24/10/1945.

Câu 9. Cơ quan giữ vai trò trọng yếu hàng đầu của Liên hợp quốc trong việc duy trì hòa bình và an ninh thế giới là

A. Đại hội đồng. B. Hội đồng Bảo an.

C. Hội đồng kinh tế - xã hội. D. Ban Thư kí.

Câu 10. Nhiệm kì của các nước ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc là

A. 2 năm. B. 3 năm. C. 4 năm. D. 5 năm.

Câu 11. Việt Nam gia nhập Liên hợp quốc vào thời gian nào và thành viên thứ bao nhiêu của tổ chức Liên hợp quốc?

A. Tháng 7/ 1995, thành viên thứ 148. B. Tháng 9/ 1975, thành viên thứ 148.

C. Tháng 9/ 1977, thành viên thứ 149. D. Tháng 9/ 1977, thành viên thứ 150.

Câu 12. Vai trò quan trọng nhất của tổ chức Liên hợp quốc là

A. duy trì hòa bình và an ninh thế giới.

B. thúc đẩy mối quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa các nước trên thế giới.

C. giải quyết các vụ tranh chấp và xung đột khu vực.

D. giúp đỡ các dân tộc về kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế.

Câu 13. Sự kiện nào được xem là khởi đầu cho chính sách chống Liên Xô gây ra tình trạng Chiến tranh lạnh của Mĩ?

A. 6-1947, Mĩ đề ra kế hoạch Macsan.

B. 5-1955, Cộng hòa Liên bang Đức được kết nạp vào khối NATO.

C. 3-1947, Bản thông điệp của Tổng thống Mĩ gởi đến Quốc hội.

D. 4-1949, Mĩ cùng các nước Tây Âu thành lập NATO.
Câu 14. Chính sách Chiến tranh lạnh gắn liên với.
A. Học thuyết Aixenhao.
B. Học thuyết Nichxơn.
C. Học thuyết Truman.
D. Học thuyết Kennơđi.
Câu 15. Liên minh quân sự lớn nhất của các nước phương Tây do Mĩ đứng đầu nhằm chống Liên Xô và các nước Đông Âu là
A. ANZUS.
B. CENTO.
C. SEATO.
D. NATO.
Câu 16. Nội dung cơ bản của học thuyết Truman là
A. củng cố chính quyền và đẩy lùi phong trào đấu tranh yêu nước ở Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kì
B. sự tập hợp lực lượng và phản ứng của Mĩ trước những thắng lợi của chủ nghĩa xã hội ở châu Âu.
C. biến Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kì thành những căn cứ tiền phương chống chủ nghĩa xã hội ở châu Âu.
D. gạt bỏ ảnh hưởng của Anh và xác lập ảnh hưởng của Mĩ ở Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kì.
Câu 17. Sự kiện nào đánh dấu Chiến tranh lạnh kết thúc?
A. Hiệp định về những cơ sở của những quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức (1972).
B. Goocbachop và Bus (cha) gặp nhau tại Manta (1989).
C. Hiệp ước hạn chế vũ khí tiến công chiến lược (1972).
D. Định ước Henxenki (1975).
Câu 18. Nguyên nhân chủ yếu thúc đẩy hai cường quốc Mĩ và Liên Xô chấm dứt Chiến tranh lạnh là
A. sự chạy đua vũ trang đã làm suy giảm thế mạnh của hai nước trên thế giới.
B. Sự đối đầu giữa hai nước trong bốn thập kỉ qua đã bất phân thắng bại.
C. trên thế giới đã xuất hiện xu thế hòa hoãn, hai bên không nhất thiết phải duy trì xu thế đối đầu.
D. để mở ra chiều hướng và những điều kiện để giải quyết các tranh chấp và xung đột quốc tế bằng biện pháp hòa bình.
Câu 19. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến những cuộc xung đột vũ trang trong thời kì sau Chiến tranh lạnh là
A. mâu thuẫn về sắc tộc tôn giáo và tranh chấp lãnh thổ.
B. do vấn đề năng lượng nguyên tử và vũ khí hạt nhân.
C. sự đua tranh của các cường quốc trong việc thiết lập trật tự thế giới mới.
D. do tác đông của chủ nghĩa khủng bố quốc tế.
Câu 20. Sự kiên nào đặt các quốc gia dân tộc đứng trước thách thức của chủ nghĩa khủng bố
A. Liên xô sụp đổ.
B. sự sụp đổ của trật tự hai cực Ianta.
C. tổ chức vacsava chấm dứt hoạt động.
D. nước Mĩ bị tấn công bất ngờ vào 11-9-1-2001.
Câu 21. Những nước nào dưới đây không phải là thành viên sáng lập khối NATO năm 1949 do Mĩ cầm đầu?
A. Đan Mạch, Na Uy, Bồ Đào Nha.
B. Anh, Pháp, Hà Lan.
C. CHLB Đức, Tây Ban Nha, Hy Lạp.
D. Italia, Bỉ, Lucxambua.
Câu 22. Tháng 6-1947, diễn ra sự kiện gì có liên quan đến các nước Tây Âu?
A. Mĩ thành lập khối quân sự NATO.
B. Mĩ Thành lập khối SEATO.
C. Mĩ phát động Chiến tranh lạnh.
D. Mĩ đề ra kế hoạch Macsan.
Câu 23. Hiệp ước Vácsava, một liên minh chính trị-quân sự giữa Liên Xô và các nước Đông Âu xã hội chủ nghĩa được thành lập vào thời gian nào và mang tính chất gì?
A. Thành lập tháng 5-1955, mang tính chất phòng thủ của các nước xã hội chủ nghĩa.
B. Thành lập vào tháng 7-1955, mang tính chất chạy đua vũ trang với Mĩ.
C. Thành lập vào tháng 5-1949, mang tính chất cạnh tranh với Mĩ về chạy đua vũ trang.
D. Thành lập tháng 5-1952, mang tính chất phòng thủ của các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 24. Sắp xếp các sự kiện sau đây theo thứ tự thời gian từ trước cho tới sau: 1. Mĩ cùng các nước phương Tây thành lập NATO; 2. Mĩ thông qua kế hoạch Macsan; 3. Hiệp ước Vacsava được thành lập; 4. Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV).
A. 1,4,3,2. B. 2,4,3,1.
C. 2,4,1,3. D. 4.3.1.2.

Câu 25. Tổ chức quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO) được Mĩ và các nước phương Tây đã thành lập tại
A. Pari (Pháp). B. Luân Đôn (Anh).
C. Oasinhtơn (Hoa Kì). D. Bruc xen (Bỉ).

Câu 26. Đầu tháng 8-1975, 33 nước châu Âu cùng với những nước nào ký kết định ước Henxinki?
A. Cùng với Mĩ và Liên Xô. B. Cùng với Mĩ và Pháp.
C. Cùng với Mĩ và Canada. D. cùng với Mĩ và Anh.

Câu 27. Đầu tháng 12-1989, trong cuộc gặp gỡ không chính thức giữa Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô Goocbachop và Tổng thống Mĩ Busơ diễn ra ở đâu?
A. Ở Luân Đôn (Anh). B. Ở Ianta (Lien Xô).
C. Ở Manta (Địa Trung Hải). D. Oasinh tơn (Mĩ).

Câu 28. Tháng 12-1989, Tổng Bí thư Đảng Cộng sàn Liên Xô Goocbachop và Tổng thống Mĩ Busơ gặp nhau tại Manta để làm gì?
A. Tuyên bố chấm dứt việc chạy đua vũ trang. B. Tuyên bố hạn chế sản xuất vũ khí hạt nhân.
C. Tuyên bố chấm dứt "chiến tranh lanh".
D. Tuyên bố hai nước hợp tác để giải quyết các vấn đề hòa bình, an ninh cho nhân loại

Câu 29. Tháng 1-1949, gắn liền với sự kiện lịch sử nào ở châu Âu?
A. Thành lập tổ chức NATO. B. Thành lập tổ chức Vacsava.
C. Thành lập tổ chức SEV. D. Mĩ thực hiện kế hoạch Macsan.

Câu 30. Tháng 8-1975, 33 nước ở châu Âu cùng với Mĩ và Canađa đã kí định ước Henxinki đã tạo ra
A. cơ chế hợp tác giữa các nước về kinh tế.
B. cơ chế để giải quyết đến vấn đề hòa bình, và an ninh ở châu Âu.
C. cơ chế để giải quyết đến vấn đề nóng như ô nhiễm môi trường, bùng nổ dân số ở châu Âu.
D. sự hợp tác, liên kết để cùng nhau chống liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 31. Xu thế hòa bình và hợp tác bắt đầu từ thời gian
A. nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX. B. nửa đầu những năm 80 của thế kỉ XX.
C. nửa sau những năm 80 của thế kỉ XX. D. nửa sau những năm 70 của thế kỉ XX.

Câu 32. Ý nào phản ánh **không đúng** hậu quả của Chiến tranh lạnh là
A. thế giới luôn ở trong tình trạng căng thẳng, có lúc đứng trước nguy cơ bùng nổ chiến tranh thế giới mới.
B. mối quan hệ đồng minh chống phát xít bị phá vỡ, thay vào đó là tình trạng đối đầu giữa Liên Xô và Mĩ.
C. các nước phải chi phí một khối lượng khổng lồ về tiền của và sức người để chạy đua vũ trang.
D. chủ nghĩa khủng bố xuất hiện đe doa đến nền an ninh của các quốc gia.

Câu 33. Năm 1947, Tổng thống Truman đề nghị viện trợ 400 triệu đô la cho hai nước Hy Lạp và Thổ Nhĩ kì nhằm
A. biến hai nước này thành những căn cứ tiền phương để chống Liên Xô và các nước Đông Âu từ phía nam của các nước này.
B. biến hai nước này thành đồng minh thân cận của Mĩ để đàn áp phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.
C. biến hai nước này thành những căn cứ tiền phương để chống Liên Xô và đàn áp phong trào cách mạng đang diễn ra mạnh mẽ trên thế giới.
D. biến hai nước này thành những căn cứ tiền phương để chống Liên Xô.

Câu 34. Chiến tranh lạnh bao trùm cả thế giới khi Mĩ và Liên Xô
A. thành lập khối NATO và Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV).
B. thành lập khối Vacsava và Mĩ thực hiện kế hoạch Mác san.
C. thành lập khối NATO và Vacsava.

D. Mĩ thực hiện kế hoạch Macsan và sự ra đời của Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV).
Câu 35. Trong quá trình triển khai chiến lược toàn cầu Mĩ, Mĩ đã thu được một số kết quả ngoại trừ việc
A. lôi kéo được nhiều nước đồng minh đi theo và ủng hộ Mĩ.
B. ngăn chặn đẩy lùi được CNXH trên phạm toàn thế gới.
C. làm chậm quá trình giành độc lập của nhiều nước trên thế giới.
D. làm cho nhiều nước bị chia cắt trong thời gian dài.
Câu 36. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự đối đầu gay gắt giữa Liên Xô và Mĩ sau chiến tranh thế hai là
A. do hai nước đều muốn làm bá chủ thế giới.
B. do sự đối lập nhau về mục tiêu và chiến lược của hai nước.
C. Mĩ muốn thiết lập thế giới đơn cực dựa tyển sức mạnh về kinh tế và quân sự.
D. Liên Xô giúp đỡ phong trào giải phóng dân tộc thắng lợi đã làm thu hẹp hệ thống thuộc địa của Mĩ.
Câu 37. Những năm sau chiến tranh thế giới thứ hai, mối lo ngại nhất của Mĩ là gì?
A. CNXH đã trở thành hệ thống thế giới, trải dài Đông Âu đến châu Á.
B. Nhật Bản và Tây Âu đã vươn lên trở thành trung tâm kinh tế - tài chính của thế giới.
C. Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời.
D. Liên Xô đã chế tạo thành công bom Nguyên tử, phá vỡ thế độc quyền về vũ khí nguyên tử của Mĩ.
Câu 38. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, quan hệ Mĩ và Liên xô đã thay đổi như thế nào?
A. Chuyển từ đối đầu sang đối thoại.
B. Từ đồng minh chuyển sang đối đầu và dẫn đến chiến tranh lạnh.
C. Hai nước đã tiến hành hợp tác để giải quyết nhiều vấn đề quan trọng của thế giới.
D. Mâu thuẫn gay gắt về quyền lộ trên thế giới.
Câu 39. Nhân tố chủ yếu đã chi phối các quan hệ quốc tế trong hơn bốn thập kỉ nửa sau của thế kỉ XX là
A. sự cạnh tranh khốc liệt về thị trường và thuộc địa giữa các nước tư bản.
B. xu thế liên minh khu vực và quốc tế.
C. chiến tranh lạnh.
D. sự hình thành ba trung tâm kinh tế - tài chính trên thế giới.
Câu 40. Sự khác biệt căn bản nhất giữa chiến tranh lạnh với các cuộc chiến tranh thế giới đã diến ra là
A. làm cho thế giới luôn trong tình trạng đối đầu căng thẳng.
B. chủ yếu diễn ra giữa Mĩ và Liên Xô.
C. diễn ra trên mọi lĩnh vực, trừ xung đột trực tiếp về quân sự giữa Mĩ và Liên Xô.
D. diễn ra dai dẳng, giằng co, bất phân thắng bại.

Bài 2 - Liên Xô và các nước Đông Âu (1945-1991) Liên bang Nga (1991-2000)

Câu 1. Những thành tựu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô từ năm 1950 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỷ XX có ý nghĩa
A. mở đầu kỷ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người.
B. thể hiện tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội trên mọi lĩnh vực.
C. đưa Liên Xô trở thành cường quốc công nghiệp đứng hàng thứ hai trên thế giới.
D. hệ thống xã hội chủ nghĩa hình thành và phát triển.
Câu 2. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Liên Xô tiến hành khôi phục kinh tế trong điều kiện
A. thu được nhiều chiến phí.
B. chiếm được nhiều thuộc địa.
C. bị tổn thất nặng nề trong chiến tranh.
D. bán được nhiều vũ khí, thu được nhiều lợi nhuận trong chiến tranh.
Câu 3. Trong công cuộc xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, Liên Xô đi đầu trong lĩnh vực
A. công nghiệp nặng, chế tạo máy móc.
B. công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.
C. công nghiệp vũ trụ và công nghiệp điện hạt nhân.
D. công nghiệp quốc phòng.
Câu 4. Hội đồng tương trợ kinh tế được thành lập nhằm mục đích
A. tăng cường sự hợp tác giữa các nước xã hội chủ nghĩa.
B. hỗ trợ các nước châu Âu phát triển kinh tế.

C. viện trợ cho các nước nghèo. D. đầu tư cho việc nghiên cứu khoa học.
Câu 5. Ý nào **không phải** là khó khăn lớn nhất của Liên Xô khi bước vào thời kỳ khôi phục kinh tế và xây dựng chủ nghĩa xã hội sau Chiến tranh thế giới thứ hai
A. Mỹ và các nước tư bản phương Tây tiến hành Chiến tranh lạnh, bao vây kinh tế, chạy đua vũ trang, buộc Liên Xô phải củng cố quốc phòng.
B. Liên Xô bị tổn thất nặng nề về người và của trong Chiến tranh thế giới thứ hai.
C. Đời sống của nhân dân khó khăn.
D. Thiếu đội ngũ cán bộ quản lý có kinh nghiệm và đội ngũ công nhân lành nghề
Câu 6. Nhân dân Liên Xô nhanh chóng hoàn thành thắng lợi Kế hoạch 5 năm khôi phục kinh tế (1946-1950) dựa vào
A. sự giúp đỡ của các nước trên thế giới. B. tinh thần tự lực tự cường.
C. những tiến bộ khoa học-kỹ thuật. D. sự giúp đỡ của các nước Đông Âu.
Câu 7. Đến nửa đầu những năm 70 của thế kỷ XX, Liên Xô là cường quốc công nghiệp
A. đứng đầu thế giới. B. đứng thứ hai thế giới.
C. đứng thứ ba thế giới. D. đứng thứ tư thế giới.
Câu 8. Sau khi Liên Xô tan rã, "quốc gia kế tục" là Liên bang Nga, được kế thừa
A. toàn bộ những quyền lợi của Liên Xô.
B. tình trạng rối loạn về kinh tế, chính trị, xã hội.
C. toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ, thành tựu và hạn chế của Liên Xô trên các mặt.
D. địa vị pháp lý của Liên Xô.
Câu 9. Một trong những nguyên nhân làm cho chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu khủng hoảng và sụp đổ là do
A. không tiến hành cải tổ đất nước. B. hoạt động chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước.
C. Đảng Cộng sản bị đình chỉ hoạt động. D. tổ chức Hiệp ước Vacsava chấm dứt hoạt động.
Câu 10. Bài học kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam từ sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu là
A. kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản.
B. duy trì nền kinh tế bao cấp. C. thừa nhận chế độ đa nguyên đa đảng.
D. tập trung cải cách chính trị.
Câu 11. Nguyên nhân cơ bản nhất quyết định sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu (1989-1991) là
A.không bắt kịp bước phát triển của khoa học-kỹ thuật tiên tiến.
B.đường lối lãnh đạo mang tính chủ quan, duy ý chí, cùng với cơ chế tập trung quan liêu bao cấp.
C.sự chống phá của các thế lực thù địch.
D.không bắt kịp bước phát triển của khoa học-kỹ thuật tiên tiến.
Câu 12 . Năm 1961, Liên Xô đạt được thành tựu gì trong lĩnh vực khoa học - kĩ thuật?
A. Phóng thành công tên lửa đạn đạo. B. Chế tạo thành công bom nguyên tử.
C. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo D. Phóng tàu vũ trụ đưa I. Gagarin bay vòng quanh trái đất.
Câu 13. Từ 1950 đến nửa đầu những năm 70, Liên Xô thực hiện chính sách đối ngoại nào?
A. Đối đầu với các nước Tây Âu. B. Muốn làm bạn với tất cả các nước.
C. Quan hệ chặt chẽ với các nước XHCN. D. Bảo vệ hoà bình thế giới.
Câu 14. Thành tựu nào được xem là quan trọng nhất mà Liên Xô đạt được trong giai đoạn 1950 – 1973?
A.Chế tạo thành công bom nguyên tử.
B. Trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai trên thế giới .
C. Là nước đầu tiên phóng thành công tàu vũ trụ có người lái.
D. Là nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái Đất.
Câu 15. Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử có ý nghĩa như thế nào?
A. Phá thế độc quyền vũ khí nguyên tử của Mĩ.

B. Làm giảm uy tín của Mĩ trên trường thế giới.
C. Buộc Mĩ phải thực hiện chiến lược toàn cầu.
D. làm Mĩ lo sợ và phát động "Chiến tranh lạnh" chống Liên Xô.
Câu 16. Nhân tố quan trọng nào giúp Liên Xô hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế 1946 - 1950?
A. Tinh thần tự lực tự cường. B. Tài nguyên thiên nhiên phong phú.
C. Những tiến bộ khoa học kĩ thuật. D. Sự hợp tác giữa các nước XHCN.
Câu 17. Những năm đầu sau khi Liên Xô tan rã, Liên bang Nga thực hiện chính sách đối ngoại ngả về phương Tây với hy vọng
A. thành lập một liên minh chính trị ở châu Âu. B. xây dựng một liên minh kinh tế lớn ở châu Âu.
C. nhận được sự ủng hộ về chính trị và sự viện trợ về kinh tế.
D. tăng cường hợp tác khoa học-kỹ thuật với các nước châu Âu.
Câu 18.Từ năm 2000, khi Putin lên làm Tổng thống, tình hình nước Nga là
A. tiếp tục khủng hoảng. B. dần dần hồi phục và phát triển.
C. chính trị không ổn định. D. tốc độ tăng trưởng âm.
Câu 19. Sự kiện ghi dấu ấn vào lịch sử Liên Xô năm 1957 là
A. chế tạo thành công bom nguyên tử. B. đưa người lên thám hiểm mặt trăng.
C. phóng thành công vệ tinh nhân tạo.
D. phóng con tàu vũ trụ, thực hiện chuyến bay vòng quanh trái đất.
Câu 20. Sự kiện ghi dấu ấn vào lịch sử Liên Xô năm 1949 là
A. chế tạo thành công bom nguyên tử. B. đưa người lên thám hiểm mặt trăng.
C. phóng thành công vệ tinh nhân tạo.
D. phóng con tàu vũ trụ, thực hiện chuyến bay vòng quanh trái đất.
Câu 21. Dưới thời Tổng thống Enxin, thách thức nước Nga phải đối mặt là
A. bất ổn chính trị. B. xung đột sắc tộc.
C. bất ổn chính trị, xung đột sắc tộc. D. nạn khủng bố.
Câu 22. Đến nửa đầu những năm 70 của thế kỷ XX, Liên Xô được mệnh danh là
A. cường quốc công nghiệp. B. cường quốc công nghệ.
C. cường quốc nông nghiệp. D. cường quốc sản xuất phần mềm.
Câu 23. Sắp xếp các dữ liệu theo thứ tự thời gian về thành tựu khoa học-kĩ thuật Liên Xô từ sau năm 1945: 1. Liên Xô phóng thành công vệ tinh nhân tạo. 2. Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử. 3. Liên Xô phóng tàu vũ trụ, mở đầu kỷ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người.
A. 2,1,3. B.2,3,1. C.3, 2,1. D.1,3,2.
Câu 24. Với chủ trương bảo vệ hòa bình thế giới, giúp đỡ các nước chủ nghĩa xã hội và ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc, Liên Xô trở thành
A. anh cả của hệ thống chủ nghĩa xã hội.
B. thành trì của nền hòa bình và phong trào cách mạng thế giới.
C. thủ lĩnh của phe xã hội chủ nghĩa.
D. thành trì hệ thống chủ nghĩa xã hội.
Câu 25. Ý nghĩa quan trọng nhất của sự kiện Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử là
A. cân bằng lực lượng quân sự giữa Mỹ và Liên Xô.
B. đánh dấu bước phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật Liên Xô.
C. phá vỡ thế độc quyền vũ khí nguyên tử của Mỹ. D. Liên Xô trở thành cường quốc về vũ khí hạt nhân.
Câu 26: Sự kiện đánh dấu chủ nghĩa xã hội trở thành hệ thống thế giới là
A. thắng lợi của các cuộc cách mạng dân chủ nhân dân ở các nước Đông Âu.
B. thắng lợi của cách mạng Việt Nam năm 1945. C. thắng lợi của cách mạng Trung Quốc năm 1949.
D. thắng lợi của cách mạng Cuba năm 1959.
Câu 27. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, xung đột chính trị giữa hai phe XHCN và TBCN làm cho
A. thế giới như bị phân đôi . B. trật tự hai cực Ianta hình thành.

C. Liên Xô và Mỹ tranh giành quyền lợi gay gắt. D. các siêu cường kinh tế vươn lên làm bá chủ thế giới.
Câu 28. Chính sách đối ngoại của Liên bang Nga từ năm 1991 đến năm 2000 là ngả về phương Tây, khôi phục và phát triển quan hệ với các nước ở
A. châu Á. B. châu Âu. C. châu Phi. D. châu Mỹ.
Câu 29. Nguyên nhân chính dẫn đến sự ra đời của Tổ chức Hiệp ước Vacsava là
A. tăng cường tình đoàn kết giữa Liên Xô và các nước Đông Âu.
B. tăng cường sức mạnh của các nước xã hội chủ nghĩa.
C. đối phó với khối quân sự NATO. D. đảm bảo hòa bình và an ninh ở châu Âu.
Câu 30. Ý nào **không** đúng nguyên nhân khiến Liên Xô trở thành chỗ dựa cho phong trào hòa bình và cách mạng thế giới?
A. Liên Xô có nền kinh tế vững mạnh, khoa học kỹ thuật tiên tiến.
B. Liên Xô chủ trương duy trì hòa bình và an ninh thế giới.
C. Liên Xô ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.
D. Liên Xô là nước duy nhất trên thế giới sở hữu vũ khí hạt nhân.
Câu 31.Năm 1961 là năm diễn ra sự kiện gì thể hiện việc chinh phục vũ trụ của Liên Xô?
A. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo của trái đất .
B. Phóng con tàu vũ trụ đưa người đầu tiên bay vào vũ trụ.
C. Đưa con người lên Mặt Trăng. D. Đưa con người lên Sao Hỏa.
Câu 32. Điểm khác nhau về mục đích trong việc sử dụng năng lượng nguyên tử của Liên Xô và Mỹ là
A. mở rộng lãnh thổ. B. ủng hộ phong trào cách mạng thế giới.
C. duy trì nền hòa bình thế giới. D. khống chế các nước khác.
Câu 33. Lý do Liên Xô đẩy mạnh khôi phục kinh tế và xây dựng chủ nghĩa xã hội ngay sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc là gì?
A. Để chạy đua vũ trang với Mỹ.
B. Hàn gắn vết thương chiến tranh và phấn đấu nhanh chóng xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.
C. Muốn cạnh tranh vị thế cường quốc với nước Mỹ.
D. Vượt qua thế bao vây, cấm vận của Mỹ và các nước Tây Âu.
Câu 34. Trong những năm chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu lâm vào khủng hoảng, Đảng và Nhà nước Việt Nam cho rằng
A. chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam không chịu tác động từ cuộc khủng hoảng này, nên không cần sự điều chỉnh.
B. hệ thống chủ nghĩa xã hội trên thế giới chịu tác động lớn, nên phải điều chỉnh và tiến hành đổi mới đất nước.
C. mô hình chủ nghĩa xã hội không phù hợp ở châu Âu.
D. công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam không chịu tác động, nhưng cần phải đúc kết bài học kinh nghiệm.
Câu 35. Điểm tương đồng trong công cuộc cải cách-mở cửa ở Trung Quốc với công cuộc cải tổ ở Liên Xô và đổi mới đất nước ở Việt Nam là
A. tiến hành cải tổ về chính trị, cho phép đa nguyên đa đảng.
B. lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm, mở rộng hội nhập quốc tế.
C. đều tiến hành khi đất nước lâm vào tình trạng không ổn định, khủng hoảng kéo dài.
D. Đảng Cộng sản nắm quyền lãnh đạo, kiên trì theo con đường xã hội chủ nghĩa.
Câu 36. Sai lầm lớn nhất của Liên Xô và các nước Đông Âu khi tiến hành cải tổ, điều chỉnh sự phát triển kinh tế và trở thành bài học đối với Việt Nam trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay là
A. chỉ lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm, không coi trọng cải tổ bộ máy nhà nước.
B. thực hiện đa nguyên đa đảng (cho phép nhiều đảng phái cùng tham gia hoạt động).
C. thiếu dân chủ, công khai và đàn áp nhân dân biểu tình.
D. thực hiện chính sách đối ngoại đa phương hóa, gần gũi với phương Tây.

Câu 37. Chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ đã

A. chứng tỏ học thuyết Mác-Lê nin không phù hợp ở châu Âu.

B. làm cho hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới không còn nữa.

C. làm cho hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới chỉ còn lại ở châu Á và Mỹ Latinh.

D. giúp Mỹ hoàn thành mục tiêu đề ra trong chiến lược toàn cầu.

Câu 38. Nội dung nào **không** phải là đường lối xuyên suốt trong chính sách đối ngoại của Liên Xô sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Bảo vệ hòa bình thế giới. B. Mở rộng liên minh quân sự ở châu Âu, châu Á và Mỹ Latinh.

C. Ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. D. Viện trợ, giúp đỡ nhiều nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 39.Ý **không** đúng về nguyên nhân tan rã của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu là

A. người dân không ủng hộ, không hào hứng với chế độ xã hội chủ nghĩa.

B. đường lối lãnh đạo mang tính chủ quan, duy ý chí, quan liêu.

C. không bắt kịp bước phát triển của khoa học kỹ thuật tiên tiến trên thế giới.

D. sự chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước.

Câu 40. Xác định mốc thời gian tan rã của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu

A. Từ cuối những năm 60 của thế kỷ XX. B. Từ cuối những năm 70 của thế kỷ XX.

C. Từ đầu những năm 80 của thế kỷ XX. D. Từ cuối những năm 80 và đầu những năm 90 của thế kỷ XX.

Bài 3 - Các nước Đông Bắc Á

Câu 1. Trong số các nước sau, nước nào không thuộc khu vực Đông Bắc Á?

A. Trung Quốc, Nhật Bản. B. Hàn quốc, Đài Loan.

C. Triều Tiên, Nhật Bản. D. Nêpan, Ápganixtan.

Câu 2. Tình hình chung của các nước Đông Bắc Á trong nửa sau thế kỉ XX là

A. Các nước Đông Bắc Á tiến hành cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, giành độc lập dân tộc.

B. Các nước Đông Bắc Á bắt tay vào xây dựng và phát triển kinh tế và đạt nhiều thành tựu quan trọng.

C. Trừ Nhật Bản, Các nước Đông Bắc Á khác đều nằm trang tình trạng kinh tế thấp kém, chính trị bất ổn định.

D. Trừ Nhật Bản, Các nước Đông Bắc Á khác đều lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và đạt thành tựu to lớn.

Câu 3. Cuộc nội chiến ở Trung Quốc diễn ra trong khoảng thời gian nào

A. 1945-1949. B. 1946-1949.

C. 1947-1949. D. 1948-1949.

Câu 4. Cuộc nội chiến ở Trung Quốc nổ ra là do

A. Đảng cộng sản phát động.

B. Quốc dân Đảng phát động có sự giúp đỡ của Mĩ.

C. Đế quốc Mĩ phát động.

D. Quốc Dân đảng cầu kết với bọn phản động quốc tế.

Câu 5. Sau khi bị thất bại ,tập đoàn Tưởng Giới Thạch đã chạy ra

A. Mĩ. B. Hồng Công. C. Đài Loan. D. Hải Nam.

Câu 6. Nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa được thành lập vào

A. 1/10/1948. B. 1/9/1949.

C. 1/10/1949. D. 1/11/1949.

Câu 7. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập nước CHNDTrung Hoa là

A. Làm cho chủ nghĩa xã hội lan rộng khắp toàn cầu.

B. Hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ của nhân dân Trung Quốc, đưa Trung Quốc bước vào kỉ nguyên độc lập, tự do, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

C. Lật đổ chế độ phong kiến.

D. Hoàn thành cách mạng xã hội chủ nghĩa, kỉ nguyên xây dựng chủ nghĩa cộng sản bắt đầu.

Câu 8. Người khởi xướng đường lối cải cách, mở của ở Trung Quốc là:
A. Lưu Thiếu Kì. B. Mao Trạch Đông.
C. Giang Trạch Dân. D. Đặng Tiểu Bình.
Câu 9. Đường lối cải cách - mở cửa của Trung Quốc được thực hiện vào năm nào
A. 1976. B. 1978. C. 1985. D. 1986.
Câu 10. Đường lối cải cách - mở cửa của Trung Quốc được nâng lên thành đường lối chung tại đại hội nào của Đảng Cộng Sản Trung quốc
A. Đại hội XII, XIII. B. Đại hội XI, XII.
C. Đại hội XIII, XIV. D. Đại hội IX, X.
Câu 11. Tình hình kinh tế Trung Quốc(1979-1998) là
A. Nền kinh tế đã phục hồi ngang bằng so với thời kì trước chiến tranh thứ hai.
B. Nền kinh tế Trung Quốc tăng trưởng chậm chạp.
C. Nền kinh tế Trung Quốc tiến bộ nhanh chóng, tốc độ tăng trưởng cao, đời sống nhân dân được cải thiện.
D. Kinh tế phát triển mạnh nhưng đời sống nhân dân chưa đươc cải thiện.
Câu 12. Trung Quốc thử thành công bom nguyên tử vào năm
A. 1964. B. 1965. C. 1966. D. 1967.
Câu 13. Chính sách đối ngoại của Trung Quốc 1979 đến nay là
A. Tiếp tục đường lối đóng cửa. B. Duy trì hai đường lối bất lợi cho Trung Quốc.
C. Mở rộng quan hệ hữu nghị hợp tác với các nước trên thế giới.
D. Chỉ mở rộng quan hệ hợp tác với các nước Xã hội chủ nghĩa.
Câu 14. Đến năm 1999 Trung Quốc đã thu hồi chủ quyền đối với những vùng lãnh thổ nào?
A. Hồng Kông,Ma Cao. B. Hồng Kông, Đài Loan.
C. Đài Loan, Ma Cao. D. Hồng Kông, Bành Hồ.
Câu 15. Biến đổi lớn nhất của các nước Đông Bắc Á từ sau chiến tranh thế giới thứ hai là
A. Các nước Đông Bắc Á đều giành được độc lập.
B. Các nước Đông Bắc Á trở thành trung tâm kinh tế tài chính lớn nhất thế giới.
C. Các nước Đông Bắc Á bắt tay phát triển kinh tế và đạt nhiều thành tựu.
D. Hình thành các mối quan hệ thương mại.
Câu 16. Sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, Trung Quốc đã
A. Tiếp tục hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.
B. Hoàn thành cách mạngdân tộc dân chủ nhân dân. C. Bước đầu tiến lên xây dựng CNXH.
D. Tiến lên xây dựng chế độ TBCN.
Câu 17. Từ thập niên 60 của thế kỉ XX trở đi, ở Châu Á xuất hiện bốn con rồng kinh tế là
A. Hàn Quốc, Đài Loan, Xingapo, Malaixia. B. Hàn Quốc, Đài Loan, Xingapo, Hồng Kông.
C. Hàn Quốc, Triều Tiên, Xingapo, Malaixia. D. Trung Quốc, Đài Loan, Xingapo, Malaixia.
Câu 18. Tập đoàn Tưởng Giới Thạch âm mưu phát động cuộc nội chiến với Đảng cộng sản Trung Quốc nhằm mục đích
A. Tiêu diệt Đảng Cộng Sản Trung Quốc, lên nắm quyền lãnh đạo đất nước.
B. Tiêu diệt phong trào cách mạng Trung Quốc. C. Xoá bỏ sự ảnh hưởng của Liên Xô ở Trung Quốc.
D. Lên nắm quyền lãnh đạo đất nước.
Câu 19. Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa thành lập năm 1949 đánh dấu Trung Quốc
A. Hoàn thành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.
B. Hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc chủ nhân dân, tiến lên tư bản chủ nghĩa.
C. Chuẩn bị hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.
D. Hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiến lên xây dựng Chủ nghĩa xã hội.
Câu 20. Đảng và nhà nước Trung Quốc xác định trọng tâm của Đường lối chung là
A. Lấy phát triển kinh tế làm trung tâm. B. Lấy cải tổ chính trị làm trung tâm.
C. Lấy phát triển kinh tế - chính trị làm trung tâm. D. Lấy phát triển văn hóa – tư tưởng làm trung tâm.

Câu 21. Điểm nổi bật của kinh tế Trung Quốc trong thời kì 1978-2000 là

A. Kinh tế công – nông phát triển theo hướng tự cấp tự túc.

B. Xây dựng nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung.

C. Xây dựng nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. D. Xây dựng nền kinh tế thị trường tự do.

Câu 22. Trung Quốc là nước thứ mấy trên thế giới có tàu cùng với con người bay vào vũ trụ?

A. Thứ 1 B. Thứ 2. C. Thứ 3. D. Thứ 4.

Câu 23. Trung Quốc chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam vào

A. 1949. B. 1950. C. 1951. D. 1952.

Câu 24. "Chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc" là

A. Là một mô hình chủ nghĩa xã hội hoàn toàn mới, không dựa trên những nguyên lý chung của chủ nghĩa Mác – Lênin.

B. Là một mô hình chủ nghĩa xã hội đươc xây dựng trên nền tảng thống nhất, đoàn kết giữa các đảng phái chính trị.

C. Là mô hình chủ nghĩa xã hội được xây dựng trên cơ sở, những nguyên lý chung của chủ nghĩa Mác-Lênin và những đặc điểm lịch sử cụ thể của Trung Quốc.

D. Là mô hình chủ nghĩa xã hội được xây dựng trên cơ sở công xã nhân dân.

Câu 25. Ở khu vực Đông Bắc Á hiện nay, những nước có nền kinh tế đứng thứ 2 và thứ 3 thế giới lần lượt là

A. Nhật Bản-Trung Quốc. B. Trung Quốc-Nhật Bản.

C. Trung Quốc-Hàn Quốc. D. Nhật Bản-Hàn Quốc.

Câu 26. Từ công cuộc cải cách mở của Trung Quốc ,Việt Nam có thể rút ra bài học kinh nghiệm gì trong công cuộc xây dựng và đổi mới đất nước hiện nay?

A. Lấy phát triển kinh tế làm trung tâm, tiến hành cải cách và mở cửa. Chuyển nền kinh tế tập trung sang nền kinh tế thị trường XHCN.

B. Lấy phát triển kinh tế làm trung tâm, tiến hành cải cách và mở cửa. Chuyển nền kinh tế tập trung sang nền kinh tế thị trường tự do.

C. Lấy phát triển kinh tế làm trung tâm, tiến hành cải cách và mở cửa. Chuyển nền kinh tế tập trung sang nền kinh tế thị trường TBCN.

D. Lấy phát triển chính trị làm trung tâm, tiến hành cải cách và mở cửa. Chuyển nền kinh tế tập trung sang nền kinh tế thị trường XHCN.

Câu 27. Tình hình chung của khu vực Đông Bắc Á trong nửa sau thế kỉ XX là

A. Các nước Đông Bắc á tập trung, tiến hành cuộc đấu tranh chống CNTD, giành độc lập dân tộc thống nhất đất nước.

B. Các nước ở khu vực Đông Bắc Á bắt tay xây dựng và phát triển nền kinh tế, đạt được những thành tựu quan trọng.

C. Trừ Nhật Bản, các nước Đông Bắc Á khác đều nằm trong tình trạng kinh tế thấp kém, chính trị bất ổn định.

D. Trừ Nhật Bản, các nước Đông Bắc Á đều lực chọn con đường đi lên CNXH và đạt được những thành tựu to lớn.

Câu 28. Sau chiến tranh chống Nhật 1946-1949 ở Trung Quốc diễn ra sự kiện lịch sử quan trọng nào?

A. Đảng cộng sản và Quốc dân Đảng hợp tác.

B. Nội chiến giữa Đảng cộng sản và Quốc dân đảng.

C. Cách mạng Trung Quốc thắng lợi.

D. Liên Xô và Trung Quốc kí hiệp ước hợp tác.

Câu 29. Hiểu như thế nào về CNXH mang màu sắc Trung Quốc?

A. Là mô hình CNXH hoàn toàn mới, không dựa trên những nguyên lí chung của chủ nghĩa Mác-Lê Nin đề ra.

B. Là mô hình CNXH được xây dựng trên nền tảng thống nhất, đoàn kết giữa các đảng phái chính trị.

C. Mô hình CNXH được xây dựng trên cơ sở thành lập các công xã nhân dân – đơn vị kinh tế, đồng thời là đơn vị chính trị căn bản.
D. Là mô hình CNXH được xây dựng trên cơ sở những nguyên lí chung của chủ nghĩa Mác-Lê Nin và những đặc điểm lịch sử cụ thể của Trung Quốc.
Câu 30. Thực chất của cuộc nội chiến 1946-1949 ở Trung Quốc là gì?
A. Là cuộc đấu tranh chống lại ách thống trị của CNTD phương Tây.
B. Là cuộc CMDCTS nhằm lật đổ nền thống trị phong kiến lâu dài ở Trung Quốc.
C. Là cuộc đấu tranh để lựa chọn con đường phát triển của dân tộc: CNXH hay CNTB.
D. Là cuộc đấu tranh chống lại nền thống trị của CNTD mới ở Trung Quốc.
Câu 31. Điểm nổi bật của nền kinh tế Trung Quốc trong thời kì đổi mới 1978-2000 là gì?
A. Kinh tế nông-công nghiệp phát triển theo hướng tự cấp, tự túc.
B. Xây dựng nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung.
C. Xây dựng nền kinh tế thị trường tự do.
D. Xây dựng nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa.
Câu 32. Chính sách đối ngoại của Trung Quốc từ những năm 80 của thế kỷ XX đến **nay** như thế nào?
A.Thực hiện đượng lối đối ngoại bất lợi cho cách mạng Trung Quốc.
B. Bắt tay với Mỹ chống lại Liên Xô.
C. Gây chiến tranh xâm lược biên giới phía Bắc Việt Nam.
D. Mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước trên thế giới.
Câu 33. Sau 20 năm cải cách, mở cửa (1979-1999) nền kinh tế Trung Quốc như thế nào?
A. Bị cạnh tranh gay gắt.
B. Ổn định và phát triển mạnh.
C. Phát triển nhanh chóng đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới.
D. Không ổn định và bị chững lại.
Câu 35. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, theo thỏa thuận của hội nghị Ianta, phía Bắc Triều Tiên do quân đội của nước nào đóng?
A. Mĩ. B. Liên Xô. C. Anh. D. Pháp.
Câu 36. Từ 7/1946 đến 6/1947, quân giải phóng Trung Quốc thực hiện chiến lược:
A.Tân công tiêu diệt quân đội Tưởng Giới Thạch.
B. Phòng ngự bị động vì lực lượng còn yếu.
C. Phòng ngự tích cực.
D. Vừa phóng ngự vừa rút vào hoạt động bí mật để bảo toàn lực lượng.
Câu 37. Vào những thập kỉ 50-60, tình hình Nam-Bắc Triều Tiên như thế nào?
A. Ở trong tình trạng đối đầu**.**
B. Bước đầu có xu hướng chuyển sang đối thoại, hợp tác.
C.Vấn đề đối thoại có bước đột phá mới.
D. Diễn ra quá trình hòa hợp và đi đến thống nhất.
Câu 38. Sự kiện có liên quan đến chính sách đối ngoại của Trung Quốc 2/1972 là
A. Sự xung đột biên giới giữa Ấn Độ và Trung Quốc.
B. Trung Quốc tiếp tục đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam.
C. Tổng thống Mĩ Ních Xơn sang thăm Trung Quốc.
D. Cuộc xung đột giữa Trung Quốc và Liên Xô.
Câu 39. Ngày 25/6/1950 diễn ra sự kiện gì ở hai miền Nam Bắc Triều Tiên?
A. Mĩ và Liên Xô rút khỏi Nam, Bắc Triều Tiên.
B. Mĩ tìm cách hất Liên Xô ra khỏi Bắc Triều Tiên.
C. Liên Xô tuyên bố không can thiệp vào nội bộ của Nam, Bắc Triều Tiên.
D. Cuộc chiến tranh giữa hai miền Nam, Bắc Triều Tiên bùng nổ**.**
Câu 40. Trung Quốc chế tạo thành công bom nguyên tử vào năm

A. 1964. B. 1965. C. 1973. D. 1959.

Câu 41. Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến trước 1975, những quốc gia nào nằm trong tình trạng bị chia cắt lãnh thổ

A. Trung Quốc, Việt Nam, Thái Lan. B. Campuchia, Trung Quốc, Thái Lan.

C. Trung Quốc, Việt Nam, Triều Tiên. D. Triều Tiên, Campuchia, Thái Lan.

Câu 42. Cuộc cách mạng dân tộc dân chủ Trung Quốc mang tính chất

A. Một cuộc cách mạng tư sản do giai cấp vô sản lãnh đạo.

B. Một cuộc cách mạng vô sản do giai cấp vô sản lãnh đạo.

C. Một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

D. Một cuộc nội chiến.

Câu 43. Ý nghĩa quốc tế về sự ra đời nước cộng hòa dân chủ nhân dân Trung Hoa

A. Kết thúc hơn 100 năm nô dịch và thống trị của đế quốc đối với nhân dân Trung Hoa.

B. Báo hiệu sự kết thúc ách thống trị nô dịch của chế độ phong kiến tư bản trên đất Trung Hoa.

C. Tăng cường lực lượng của chủ nghĩa xã hội trên thế giới và tăng cường sức mạnh của phong trào giải phóng dân tộc.

D. Đưa đất nước Trung Hoa bước vào kỉ nguyên độc lập tự do và tiến lên CNXH.

Câu 44. Từ sau 1987, đường lối của Đảng Cộng sản Trung Quốc có gì mới so với trước?

A. Kiên trì con đường XHCN.

B. Kiên trì cải cách dân chủ nhân dân.

C. Kiên trì sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

D. Thực hiện cải cách mở cửa.

Bài 4 - Các nước Đông Nam Á, Ấn Độ

CÂU HỎI NHẬN BIẾT

Câu 1. Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Đông Nam Á là thuộc địa của

A. các nước đế quốc châu Âu. B. các nước đế quốc châu Mĩ.

C. các nước đế quốc Âu – Mĩ. D. phát xít Nhật.

Câu 2. Những nước ở Đông Nam Á tuyên bố độc lập vào năm 1945 là

A. Việt Nam, Inđônêxia, Lào. B. Thái Lan. Việt Nam, Lào.

C. Việt Nam, Lào, Campuchia. D. Việt Nam, Inđônêxia, Mianma.

Câu 3. Năm nước tham gia sáng lập tổ chức ASEAN năm 1967 là

A. Thái Lan, Philippin, Malaixia, Mianma, Xingapo.

B. Inđônêxia, Thái Lan, Philippin, Malaixia, Xingapo.

C. Thái Lan, Philippin, Malaixia, Mianma, Inđônêxia.

D. Inđônêxia, Thái Lan, Philippin, Malaixia, Brunây.

Câu 4. Ngày 26/1/1950 đánh dấu sự kiện gì ở Ấn Độ?

A. M.Gandi, lãnh tụ của Đảng Quốc đại bị ám sát.

B. Thành lập hai nhà nước tự trị ở Ấn Độ.

C. Thực dân Anh thực hiện "Phương án Maobatton".

D. Ấn Độ tuyên bố độc lập, thành lập nước cộng hòa.

Câu 5. Ý nào dưới đây **không** phản ánh đúng bối cảnh thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á?

A. Các quốc gia cần hợp tác phát triển kinh tế sau khi giành được độc lập.

B. Nhu cầu hạn chế sự ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài.

C. Xuất hiện nhiều tổ chức hợp tác khu vực và quốc tế có hiệu quả.

D. Cuộc chiến tranh xâm lược của Mĩ ở Việt Nam bước vào giai đoạn kết thúc.

Câu 6. Nhóm 5 nước sáng lập ASEAN thực hiện chiến lược kinh tế hướng nội nhằm mục tiêu

A. xóa bỏ nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng nền kinh tế tự chủ.

B. xây dựng nền kinh tế giàu mạnh, dân chủ, văn minh.

C. nâng cao đời sống nhân dân và chất lượng nguồn lao động.

D. xây dựng nền kinh tế có năng lực khẩu mạnh mẽ.
Câu 7. "Phương án Maobattơn" mà thực dân Anh thực hiện ở Ấn Độ có nội dung như cơ bản là
A. chia Ấn Độ thành hai quốc gia độc lập trên cơ sở tôn giáo.
B. chia Ấn Độ thành ba quốc gia độc lập.
C. chia Ấn Độ thành ba quốc gia tự trị trên cơ sở tôn giáo.
D. chia Ấn Độ thành hai quốc gia tự trị trên cơ sở tôn giáo.
Câu 8. Từ năm 1954 đến 1970, Chính phủ Xihanuc ở Campuchia thực hiện đường lối
A. chỉ liên kết với các nước trong khu vực Đông Nam Á.
B. liên minh với các nước xã hội chủ nghĩa.
C. hòa bình, trung lập.
D. liên minh với các nước Đông Dương.
Câu 9. Chiến lược kinh tế hướng nội của các nước sáng lập ASEAN
A. lấy phát triển sản xuất làm chỗ dựa.
B. lấy thị trường ngoài nước làm chỗ dựa.
C. lấy thị trường trong nước làm chỗ dựa.
D. lấy nguồn vốn trong nước làm chỗ dựa.
Câu 10. Ngày 2 -12- 1975, ở Lào diễn ra sự kiện
A. nhân dân thủ đô Viêng Chăn khởi nghĩa thắng lợi.
B. hoàn thành việc giành chính quyền trong cả nước.
C. chính thức thành lập nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào.
D. Mĩ kí Hiệp định Viêng Chăn công nhận nền độc lập ở Lào.
Câu 11. Do hoạt động ngoại giao của Quốc vương N. Xihanuc, ngày 9/11/1953 Pháp đã kí hiệp ước
A. trao trả độc lập hoàn toàn cho Campuchia.
B. trao trả độc lập cho Campuchia nhưng Pháp vẫn chiếm đóng đất nước này.
C. trao quyền tự trị cho Campuchia.
D. tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Campuchia.
Câu 12. Sau khi giành được độc lập, các nước Đông Nam Á tiến hành chiến lược Công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu gồm
A.Việt Nam, Inđônêxia, Thái Lan.
B. nhóm 5 nước sáng lập ASEAN.
C. Malaixia, Philippin, Xingapo.
D. ba nước Đông Dương.

CÂU HỎI THÔNG HIỂU

Câu 1. Đến giữa những năm 50 của thế kỷ XX, ở khu vực Đông Nam Á diễn ra tình hình nổi bật là
A. tất cả các quốc gia trong khu vực đều giành được độc lập.
B. hầu hết các quốc gia trong khu vực đã giành được độc lập.
C. các nước tiếp tục chịu sự thống trị của chủ nghĩa thực dân mới.
D. các nước tham gia khối phòng thủ chung Đông Nam Á (SEATO).
Câu 2. Ý nào dưới đây ***không*** đúng về quá trình mở rộng thành viên của tổ chức ASEAN từ đầu những năm 90 của thế kỷ XX?
A. Quan hệ giữa ba nước Đông Dương với ASEAN đã được cải thiện tích cực.
B. Chiến tranh lạnh kết thúc, xu thế toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ.
C. Các nước ASEAN chống lại sự hình thành trật tự "đa cực" sau Chiến tranh lạnh kết thúc.
D. Các nước ASEAN thực hiện hợp tác, phát triển có hiệu quả theo các nguyên tắc của Hiệp ước Bali.
Câu 3. Sau năm 1945, nhiều nước Đông Nam Á vẫn phải tiếp tục cuộc đấu tranh để giành và bảo vệ độc lập vì
A. thực dân Pháp xâm lược trở lại.
B. quân phiệt Nhật Bản xâm lược trở lại.
C. Mĩ và Hà Lan xâm lược trở lại.
D. thực dân Âu - Mĩ trở lại xâm lược.
Câu 4. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, đối tượng và mục tiêu cơ bản mà Ấn Độ đưa ra trong các cuộc đấu tranh là
A. chống thực dân Anh, giành độc lập dân tộc.
B. chống chủ nghĩa thực dân Anh đòi quyền tự trị.

C. chống chế độ phong kiến, xây dựng xã hội dân chủ.
D. chống thực dân Anh, thành lập Liên đoàn Hồi giáo.
Câu 5. Ý nào sau đây ***không phải*** là nguyên tắc cơ bản được xác định trong Hiệp ước Bali (2.1976)?
A. Tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.
B. Không can thiệp vào công việc của nhau.
C. không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa vũ lực đối với nhau.
D. Mọi quyết định của tổ chức phải được nhất trí của các nước thành viên.
Câu 6. Quan hệ giữa ASEAN với ba nước Đông Dương trong giai đoạn từ năm 1967 đến năm 1979 là
A. hợp tác trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, khoa học.
B. chuyển từ chính sách đối đầu sang đối thoại.
C. giúp đỡ ba nước Đông Dương trong cuộc chiến tranh chống Pháp và Mĩ.
D. đối đầu căng thẳng trong sự chi phối của trật tự hai cực.
Câu 7. Từ những năm 60 – 70 của thế kỷ XX, nhóm các nước sáng lập ASEAN chuyển sang chiến lược kinh tế hướng ngoại là do
A. tác động của cuộc Chiến tranh lạnh lan rộng đến khu vực.
B. tầng lớp nhân dân trong nước biểu tình phản đối yêu cầu thay đổi.
C. chiến lược kinh tế hướng nội bộc lộ nhiều hạn chế.
D. xu thế hợp tác giữa các nước trên thế giới diễn ra ngày càng mạnh mẽ.
Câu 8. Yếu tố khách quan thúc đẩy sự ra đời của tổ chức ASEAN là
A. nhu cầu phát triển kinh tế của các quốc gia Đông Nam Á.
B. mong muốn duy trì hòa bình và ổn định khu vực.
C. các nước Đông Nam Á gặp khó khăn trong xây dựng và phát triển đất nước.
D. những tổ chức hợp tác mang tính khu vực trên thế giới xuất hiện ngày càng nhiều.
Câu 9. Để tự túc được lương thực và xuất khẩu gạo, Ấn Độ đã
A. thực hiện biện pháp đẩy mạnh sản xuất ra nhiều máy móc hiện đại trong nông nghiệp.
B. áp dụng các kĩ thuật canh tác mới trong nông nghiệp.
C. tiến hành cuộc "Cách mạng xanh" trong nông nghiệp.
D. thực hiện lai tạo nhiều giống lúa mới có năng suất cao.
Câu 10. Nội dung nào ***không*** phải mục tiêu của Hội nghị cấp cao ASEAN ở Bali (2/ 1976)?
A. Xây dựng khu vực Đông Nam Á trở thành đối trọng với các tổ chức khác.
B. Xây dựng mối quan hệ hòa bình, hữu nghị và hợp tác giữa các nước trong khu vực.
C. Thiết lập một khu vực hòa bình, tự do, trung lập ở Đông Nam Á.
D. Tạo nên một cộng đồng Đông Nam Á hùng mạnh trên cơ sở tự cường khu vực.
Câu 11. Ý nào dưới đây ***không*** phải là nội dung cơ bản trong chiến lược kinh tế hướng ngoại của nhóm năm nước sáng lập ASEAN trong những năm 60-70 thế kỉ XX?
A. Các nước ASEAN tiến hành "mở cửa" nền kinh tế.
B. Các nước ASEAN lấy thị trường trong nước làm chỗ dựa để phát triển sản xuất.
C. Các nước ASEAN tập trung sản xuất hàng hóa để xuất khẩu, phát triển ngoại thương.
D. Các nước ASEAN thu hút vốn đầu tư và kĩ thuật của nước ngoài.
Câu 12. Thực hiện "Phương án Maobáttơn", thực dân Anh chia Ấn Độ thành hai quốc gia dựa trên cơ sở
A.Tôn giáo. B. Kinh tế.
C. Địa lí. D. Văn hoá.
CÂU HỎI VẬN DỤNG
Câu 1. Nội dung nào dưới đây phản ánh ***không*** đúng về ý nghĩa thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở các nước Á, Phi, Milatinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai?
A. Xóa bỏ chế độ phân biệt chủng tộc (Apacthai).
B. Đưa tới sự ra đời của hơn 100 quốc gia độc lập trên thế giới.

C. Làm căng thẳng thêm cuộc chiến tranh lạnh giữa Liên Xô và Mĩ.
D. Làm sụp đổ hoàn toàn chủ nghĩa thực dân kiểu cũ và chủ nghĩa thực dân kiểu mới.
Câu 2. Quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương lần đầu tiên được một Hội nghị quốc tế ghi nhận là
A. Hội nghị Pốtxđam năm 1945. B. Hội nghị Ianta năm 1945.
C. Hội nghị Giơnevơ năm 1954. D. Hội nghị Pari năm 1973.
Câu 3. Nguyên nhân quyết định đưa đến thắng lợi của nhân dân Việt Nam và Lào trong cuộc đấu tranh giành độc lập năm 1945 là
A. có thời cơ thuận lợi – Nhật Bản đầu hàng Đồng minh.
B. tình đoàn kết của nhân dân hai nước.
C. truyền thống yêu nước, đấu tranh bất khuất của các dân tộc.
D. vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương.
Câu 4. Trong cùng hoàn cảnh thuận lợi năm 1945, nhưng ở Đông Nam Á chỉ có ba nước Việt Nam, Lào, Inđônêxia tuyên bố độc lập là do
A. ba nước này chớp được thời cơ Nhật đầu hàng Đồng Minh.
B. ba nước này đề có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.
C. ba nước này có quá trình chuẩn bị cho khởi nghĩa chu đáo, kỹ lưỡng.
D. kẻ thù thống trị ở ba nước này thất bại trong Chiến tranh thế giới thứ hai.
Câu 5. Điều kiện tiên quyết nhất đưa đến sự thành lập tổ chức ASEAN năm 1967 là các quốc gia thành viên đều
A. có nền kinh tế phát triển. B. đã giành được độc lập.
C. có chế độ chính trị tương đồng. D. có nền văn hóa dân tộc đặc sắc.
Câu 6. Sự khởi sắc của tổ chức Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được đánh dấu bằng sự kiện nào?
A. Hiệp ước thân thiện và hợp tác ở Bali (2/1976).
B. Việt Nam gia nhập ASEAN (7/1995).
C. Campuchia gia nhập ASEAN (4/1999).
D. Các nước ký bản Hiến chương ASEAN (11/2007).
Câu 7. Biến đổi lớn nhất của các nước Đông Nam Á từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai là
A. trở thành các quốc gia độc lập.
B. trở thành khu vực năng động và phát triển.
C. trở thành khu vực hòa bình, hợp tác, hữu nghị.
D. thành lập tổ chức ASEAN, đẩy mạnh hợp tác trong khu vực.
Câu 8. Ý nào dưới đây **không** phải là điểm tương đồng về lịch sử của cả ba nước Đông Dương trong giai đoạn 1945 -1975?
A. Thắng lợi của cách mạng Việt Nam, Lào và Camphuchia góp phần vào sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân kiểu cũ và kiểu mới.
B. Ba nước tiến hành kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ xâm lược.
C. Có những giai đoạn thực hiện chính sách hòa bình, trung lập và đấu tranh chống lại chế độ diệt chủng.
D. Sự đoàn kết của ba dân tộc góp phần vào thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ.
Câu 9. Cơ hội của Việt Nam khi tham gia tổ chức ASEAN là
A. hội nhập, giao lưu và hợp tác với các nước trên thế giới về mọi mặt.
B. tạo điều kiện để nền kinh tế nước ta thu hẹp khoảng cách phát triển với các nước trong khu vực.
C. có điều kiện tiếp thu những tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến nhất của thế giới để phát triển.
D. có điều kiện tiếp thu, học hỏi trình độ quản lý kinh tế của các nước phát triển trên thế giới.
Câu 10. Những nước nào ở khu vực Đông Nam Á tiến hành cuộc kháng chiến chống chủ nghĩa thực dân mới của Mĩ?
A. Việt Nam, Lào, Campuchia. B. Việt Nam, Lào, Xingapo.
C. Việt Nam, Lào, Inđônêxia. D. Việt Nam, Inđônêxia, Campuchia.

Câu 11. Nét giống nhau trong của cách mạng ở Lào và Campuchia từ năm 1969-1973 là
A. do sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Đông Dương.
B. chống lại chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ.
C. chống lại chiến lược "Đông Dương hóa chiến tranh" của Mĩ.
D. chống lại sự xâm lược của Pháp - Mĩ.
Câu 12. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nhân dân các nước Đông Nam Á có cơ hội thuận lợi nào trong cuộc đấu tranh giành độc lập?
A. Liên Xô giúp đỡ phong trào đấu tranh của các nước Đông Nam Á.
B. Quân phiệt Nhật Bản đầu hàng Đồng minh không điều kiện.
C. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc ở châu Á.
D. Quân Đồng minh chiếm đóng Nhật Bản.
CÂU HỎI VẬN DỤNG CAO
Câu 1. Trong quá trình đổi mới, Việt Nam có thể rút ra bài học gì từ công cuộc xây dựng đất nước của Ấn Độ và Trung Quốc ?
A. Đẩy mạnh cuộc "Cách mạng xanh" trong nông nghiệp để xuất khẩu lúa gạo.
B. Đẩy mạnh cuộc "Cách mạng chất xám" để trở thành nước xuất khẩu phần mềm.
C. Ứng dụng thành tựu khoa học - kĩ thuật trong xây dựng đất nước.
D. Nâng cao trình độ dân trí cho nhân dân để khai thác hợp lí các nguồn tài nguyên.
Câu 2. Bài học rút ra từ sự thành công của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam đối với phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á là gì?
A. Có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. B. Chớp thời cơ phát lệnh khởi nghĩa.
C. Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin. D. Có quá trình chuẩn bị chu đáo, kĩ lưỡng, chớp thời cơ.
Câu 3. Việc thực dân Anh đưa ra phương án Maobatton đã chứng tỏ
A. thực dân Anh đã chấm dứt việc cai trị và bóc lột Ấn Độ.
B. thực dân Anh đã nhượng bộ trong quá trình cai trị ở Ấn Độ
C. cuộc đấu tranh đòi độc lập của nhân dân Ấn Độ đã giành thắng lợi hoàn toàn.
D. thực dân Anh muốn thay đổi phương án cai trị để xoa dịu mâu thuẫn dân tộc.
Câu 4. Điều kiện quyết định nhất để Việt Nam và Lào giành được độc lập năm 1945 là
A. phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện.
B. có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương.
C. các nước Đồng minh giúp đỡ để giải phóng.
D. quân Đồng minh chưa vào Đông Nam Á giải giáp quân đội Nhật Bản.

Bài 5 - Các nước châu Phi và Mĩ Latinh

Mức độ nhận biết. (6 Câu)
Câu 1. Từ sau thế chiến thứ hai (1945), phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi nổ ra sớm nhất ở khu vực
A. Bắc Phi. B. Nam Phi. C. Đông Phi. D. Tây Phi.
Câu 2. Phong trào đấu tranh giành độc lập của nhân dân Ănggôla, Môdămbích nhằm đánh đổ ách thống trị của
A. phát xít Nhật. B. phát xít Italia.
C. thực dân Tây Ban Nha. D. thực dân Bồ Đào Nha.
Câu 3. Sự kiện gắn với tên tuổi của Nen – xơn Man – đê – la là
A. Lãnh tụ của phong trào đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi.
B. Chiến sĩ nổi tiếng chống ách thống trị của bọn thực dân.
C. Lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc ở An – giê – ri.
D. Lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc ở Ăng – gô – la.
Câu 4. Mở đầu phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân của nhân dân Châu Phi trong những năm 50 của thế kỉ XX là nước
A. Ai Cập. B. MaRốc. C. Xuđăng. D. Môdămbích.

Câu 5. Tổng thống da đen đầu tiên của nước cộng hòa Nam Phi là

A. Nenxơn Manđêla. B. Catada B. Phiđen Cátxtơrô. D. Nenxơn Cácxô.

Câu 6. Chính sách Mĩ đã dùng để khống chế các nước khu vực Mĩ La-tinh là

A. "Cái gậy lớn" và "Ngoại giao đồng đô-la". B. "Cây gậy" và "Củ cà rốt".

C. Chính sách "Cái gậy lớn". D. Chính sách "Ngoại giao đồng đô-la".

Mức độ thông hiểu. (6 Câu)

Câu 1. Vì sao Mĩ La - tinh được gọi là "lục địa bùng cháy"từ sau Chiến Tranh Thế Giới II?

A. Ở Mĩ La Tinh thường xuyên xảy ra cháy rừng.

B. Ở Mĩ La Tinh có nhiều núi lửa hoạt động.

C. Ở Mĩ La Tinh có cách mạng Cuba bùng nổ.

D. Khởi nghĩa vũ trang là hình thức chủ yếu trong cuộc đấu tranh chống chế độ độc tài thân Mĩ.

Câu 2. Năm 1960, đã đi vào lịch sử với tên gọi là "năm châu Phi", vì sao?

A. Có nhiều nước ở Châu Phi được trao trả độc lập.

B. Châu phi là châu có phong trào giải phóng dân tộc phát triển sớm nhất, mạnh nhất.

C. Có 17 nước ở châu Phi được trao trả độc lập.

D. Châu Phi là " Lục địa trỗi dậy".

Câu 3. Kẻ thù chủ yếu của nhân dân các nước Mĩ la-tinh là ai?

A. Chế độ tay sai phản động của chủ nghĩa thực dân mới. B. Chế độ phân biệt chủng tộc.

C. Chủ nghĩa thực dân cũ. D. Giai cấp địa chủ phong kiến.

Câu 4. Từ nào chỉ dùng để chỉ phong trào đấu tranh cách mạng ở các nước Mĩ La-tinh sau chiến tranh thế giới thứ hai?

A."Lục địa bùng cháy.". B."Lục địa mới trỗi dậy".

C."Sân sau của Mĩ.". D."Chàng khổng lồ thức dậy sau giấc ngủ dài".

Câu 5. Kẻ thù chủ yếu trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc của người dân da đen ở Nam Phi là

A. Chủ nghĩa Apác thai. B. Chủ nghĩa thực dân cũ.

C. Chủ nghĩa thực dân mới. D. Chủ nghĩa thực dân cũ và mới.

Câu 6. Châu Phi là châu lục có diện tích đứng thứ mấy trên thế giới?

A. Thứ 3. B. Thứ 4. C. Thứ 2. D. Thứ 1.

Mức độ vận dụng. (5 Câu)

Câu 1. Sự kiện nào đánh dấu mốc sụp đổ về căn bản chủ nghĩa thực dân cũ, cùng hệ thống thuộc địa cũ của nó ở châu Phi?

A. 11/1975, nước Cộng hòa nhân dân Ăn gô la ra đời.

B. 1960, năm châu Phi.

C. 1962, năm An giê ri được công nhận độc lập.

D. 1994, Nen-Xơn Man -đê-la trở thành Tổng Thống da đen đầu tiên của nước cộng hòa Nam phi.

Câu 2. Nen xơn Man-đê-la trở thành tổng thống Nam Phi đánh đấu sự kiện lịch sử gì?

A. Sự chấm dứt chủ nghĩa phân biệt chủng tộc ở châu Phi kéo dài ba thế kỉ.

B. Sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân trên toàn thế giới.

C. Đánh dấu sự bình đẳng của các dân tộc, màu da trên thế giới.

D. Sự thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi.

Câu 3. Nước được mệnh danh là "Lá cờ trong phong trào giải phóng dân tộc Mĩ latinh" là

A. Cuba. B. Ac – hen – ti – na. C. Braxin. D. Mê – hi – cô.

Câu 4. Phong trào giải phóng dân tộc ở Châu Phi sau chiến tranh thế giới thứ hai chịu ảnh hưởng nhiều nhất của các nước nào ở Châu Á?

A. Việt Nam, Lào, Campuchia. B. Tung Quốc, Ấn độ.

C. Việt Nam, Trung Quốc. D. Trung Quốc, Ấn Độ và các nước Đông Nam Á.

Câu 5. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ dùng ưu thế gì để biến Mĩ la tinh thành sân sau êm đềm của mình?

A. Dùng ưu thế về nước láng giềng. B. Dùng ưu thế về vũ khí hạt nhân.
C. Dùng ưu thế về kinh tế và quân sự. D. Dùng ưu thế về kinh tế tài chính.

*** Mức độ vận dụng cao. (2 Câu)**

Câu 1. Sự khác biệt căn bản giữa phong trào đấu tranh cách mạng ở Châu Phi với Mĩ la tinh sau chiến tranh thế giới thứ hai là

A. Châu Phi đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân cũ, khu vực Mĩ la tinh đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân mới.

B. Châu Phi đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân mới, khu vực Mĩ la tinh đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân cũ.

C. Hình thức đấu tranh ở Châu Phi chủ yếu là khởi nghĩa vũ tranh, Mĩ la tinh là đấu tranh chính trị.

D. Lãnh đạo cách mạng ở Châu Phi là giai cấp vô sản, ở Mĩ la tinh là giai cấp tư sản dân tộc.

Câu 2. Vì sao cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở Châu Phi được xếp vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc?

A. Chế độ phân biệt chủng tộc do thực dân xây dựng và nuôi dưỡng.

B. Chế độ phân biệt chủng tộc là một hình thái của chủ nghĩa thực dân.

C. Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc là con đẻ của chủ nghĩa thực dân.

D. Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc có quan hệ mật thiết với chủ nghĩa thực dân.

Bài 6 - Nước Mỹ

NHẬN BIẾT

Câu 1. Lĩnh vực mà Mĩ đầu tư nhiều nhất để đưa đất nước phát triển là lĩnh vực nào?

A. Giáo dục và nghiên cứu khoa học. B. Khoa học kỹ thuật.
C. Công nghiệp chế tạo các loại vũ khí phục vụ chiến tranh. D. Xuất cảng tư bản đến các nước thuộc địa.

Câu 2. Nguyên nhân dẫn đến sự suy yếu của nền kinh tế Mĩ?

A. Sự vươn lên cạnh tranh của Tây Âu và Nhật Bản.

B. Kinh tế Mĩ **không** ổn định do vấp phải nhiều cuộc suy thoái, khủng hoảng.

C. Do theo đuổi tham vọng bá chủ thế giới.

D. Sự giàu nghèo quá chênh lệch trong các tầng lớp xã hội.

Câu 3. Kế hoạch Mác-san (6/1947) còn được gọi là

A. kế hoạch khôi phục châu Âu. B. kế hoạch phục hưng kinh tế các nước châu Âu.
C. kế hoạch phục hưng châu Âu. D. kế hoạch phục hưng kinh tế châu Âu.

Câu 4. Điểm nổi bật của kinh tế Mỹ trong thời gian 20 năm sau CTTG II?

A. Mỹ trở thành trung tâm kinh tế tài chính lớn nhất thế giới.

B. Kinh tế Mỹ bước đầu phát triển.

C. Bị kinh tế Nhật cạnh tranh quyết liệt.

D. Kinh tế Mỹ suy thoái.

Câu 5. Khái quát khoa học - kĩ thuật của Mỹ sau CTTG II?

A. Mỹ là nơi khởi đầu của cuộc cách mạng khoa học -kĩ thuật đạt được nhiều thành tựu.

B. Không phát triển.

C. Chỉ có những phát minh nhỏ.

D. Không chú trọng phát minh khoa học kĩ thuật.

Câu 6. Sau chiến tranh thế giới thứ hai Mỹ thực hiện chính sách đối ngoại như thế nào?

A. Triển khai chiến lược toàn cầu với tham vọng làm bá chủ thế giới.

B. Hòa bình hợp tác với các nước trên thế giới.

C. Bắt tay với Trung Quốc.

D. Dung dưỡng một số nước.

Câu 7. Nguyên nhân **không** dẫn tới sự phát triển kinh tế của Mỹ sau CTTG II là gì?

A. Nhân dân Mỹ có lịch sử truyền thống lâu đời.

B. Mỹ là nước giàu tài nguyên lại **không** bị chiến tranh tàn phá.

C. Áp dụng triệt để thành tựu khoa học –Kĩ thuật và nhà nước có chính sách điều tiết hợp lí.
D. Lợi dụng chiến tranh để làm giàu, tiến hành quân sự hóa nền kinh tế.
Câu 8. Sau Chiến tranh lạnh Mỹ có âm mưu gì?
A. Vươn lên chi phối, lãnh đạo toàn thế giới. B. Chuẩn bị đề ra chiến lược mới.
C. Dùng sức mạnh kinh tế để thao túng các nước khác. D. Thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình.
Câu 9. Tổng thống Mỹ đã đề ra chiến lược toàn cầu đó là
A. Ken-nơ-đi. B. Tru-man. C. Ai-xen-hao. D. Giôn-xơn.
Câu 10. Mỹ bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam vào thời gian nào?
A. Ngày 11/7/1994. B. Ngày 1/7/1995.
C. Ngày 11/7/1996. D. Ngày 10/7/1997.
Câu 11. Nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật sau Chiến tranh thế giới thứ hai?
A. Anh. B. Pháp. C. Mỹ. D. Nhật.
Câu 12. Lý do nào làm đạt được nhiều thành tựu rực rỡ về khoa học-kỹ thuật ?
A. Mỹ là nước khởi đầu cách mạng khoa học- kỹ thuật lần thứ hai
B. Chính sách Mỹ đặc biệt quan tâm phát triển khoa học- kỹ thuật , coi đây là trung tâm chiến lược để phát triển đất nước.
C. Nhiều nhà khoa học lỗi lạc trên thế giới đã sang Mỹ, nhiều phát minh khoa học được nghiên cứu và ứng dụng tại Mỹ.
D. Mỹ chủ yếu là mua bằng phát minh.
Câu 13. Tổng thống Mỹ đầu tiên thăm chính thức nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam?
A. Jonxon. B. Nichxơn. C. B. Clintơn. D. G. Bush.
Câu 14. Sau CTTG II Mỹ có lợi thế gì về vũ khí?
A. Nắm độc quyền vũ khí nguyên tử. B. Chế tạo ra được nhiều vũ khí.
C. Có nhiều tàu ngầm. D. Nhiều hạm đội trên biển.
THÔNG HIỂU
Câu 1. Trong các nguyên nhân đưa nền kinh tế Mĩ phát triển, nguyên nhân nào quyết định nhất?
A. Nhờ áp dụng những thành tựu KHKT của thế giới.
B. Nhờ tài nguyên thiên nhiên phong phú.
C. Nhờ trình độ tập trung sản xuất, tập trung tư bản cao.
D. Nhờ quân sự hóa nền kinh tế.
Câu 2. Vì sao Mĩ thực hiện chiến lược toàn cầu?
A. Mĩ có sức mạnh về quân sự.
B. Mĩ có thế lực về kinh tế.
C. Mĩ khống chế các nước đồng minh và các nước xã hội chủ nghĩa.
D. Mĩ tham vọng làm bá chủ thế giới.
Câu 3. Vì sao 1972 Mĩ thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc và Liên Xô?
A. Mĩ muốn bình thường hóa mối quan hệ với Trung Quốc và Liên Xô
B. Mĩ muốn hòa hoãn với Trung Quốc và Liên Xô để chống lại phong trào giải phóng dân tộc
C. Mĩ muốn thay đổi chính sách đối ngoại với các nước xã hội chủ nghĩa
D. Mĩ muốn mở rộng các nước đồng minh để chống lại các nước thuộc địa
Câu 4. Nguyên nhân nào **không** tạo điều kiện cho nền kinh tế Mĩ phát triển trong và sau Chiến tranh thế giới thứ hai?
A. Không bị chiến tranh tàn phá.
B. Được yên ổn sản xuất và buôn bán vũ khí cho các nước tham chiến.
C. Tập trung sản xuất và tư bản cao.
D. Tiến hành chiến tranh xâm lược và nô dịch các nước.
Câu 5. Đặc điểm nào sau đây **không** phản ánh đúng tình hình nước Mĩ 20 năm đầu sau chiến tranh thế giới thứ 2?
A. Nền kinh tế Mĩ phát triển nhanh chóng. B. Trở thành trung tâm kinh tế tài chính lớn nhất của thế giới.

C. Kinh tế Mĩ vượt xa Tây Âu và Nhật Bản. D. Kinh tế Mĩ chịu sự cạnh tranh của Tây Âu và Nhật Bản.

Câu 6. "Chiêu bài" Mĩ sử dụng để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước khác được đề ra trong « Chiến lược cam kết và mở rộng » là

A. tự do tín ngưỡng. B. ủng hộ độc lập dân tộc.

C. thúc đẩy dân chủ. D. chống chủ nghĩa khủng bố.

VẬN DỤNG

Câu 1. Đặc điểm nổi bật của nền kinh tế Mĩ so với kinh tế Tây Âu và Nhật Bản là gì ?

A. Kinh tế Mĩ phát triển nhanh và luôn giữ vững địa vị hàng đầu

B. Kinh tế Mĩ bị các nước tư bản Tây Âu và Nhật Bản cạnh tranh gay gắt

C. Kinh tế Mĩ phát triển nhanh, nhưng thường xuyên xảy ra nhiều cuộc suy thoái

D. Kinh tế Mĩ phát triển đi đôi với phát triển quân sự

Câu 2. Xác định thành tựu quan trọng nhất của cách mạng khoa học kỉ thuật trong nông nghiệp ở Mĩ?

A. Sử dụng cơ khí hóa, hóa học hóa trong nông nghiệp.

B. Sử dụng máy móc thiết bị hiện đại trong nông nghiệp.

C. Ứng dụng công nghệ sinh học trong lai tạo giống

D. Thực hiện cuộc "cách mạng xanh trong nông nghiệp"

Câu 3. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nước Mĩ dựa vào tiềm lực kinh tế-tài chính và lực lượng quân sự to lớn, giới cầm quyền Mĩ theo đuổi

A. mưu đồ thống trị toàn thế giới.

B. xóa bỏ chủ nghĩa xã hội.

C. mưu đồ thống trị toàn thế giới và xóa bỏ chủ nghĩa xã hội.

D. mưu đồ thống trị toàn thế giới và nô dịch các quốc gia-dân tộc trên hành tinh.

Câu 4. Chiến lược toàn cầu của Mĩ với 3 mục tiêu chủ yếu, theo em mục tiêu nào có ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam?

A. Ngăn chặn và tiến tới tới xóa bỏ chủ nghĩa xã hội.

B. Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc.

C. Đàn áp phong trào công nhân và cộng sản quốc tế

D. Khống chế các nước tư bản đồng minh.

Câu 5. Điểm giống nhau trong chính sách đối ngoại của các đời Tổng thống Mĩ (từ Truman đến Nich xơn) là

A. chuẩn bị tiến hành « Chiến tranh tổng lực ». B. ủng hộ « Chiến lược toàn cầu ».

C. xác lập một trật tự thế giới có lợi cho Mĩ. D. theo đuổi « Chủ nghĩa lấp chỗ trống »

Câu 6. Sự kiện nào chứng tỏ tâm điểm đối đầu giữa 2 cực Xô-Mĩ ở châu Âu?

A. Sự hình thành hai nhà nước trên lãnh thổ Đức với hai chế độ chính trị khác nhau.

B. Sự ra đời của "kế hoạch Mácsan", Mĩ viện trợ cho các nước Tây Âu khôi phục kinh tế.

C. Sự ra đời của " Hội đồng tương trợ kinh tế" thúc đẩy sự phát triển kinh tế các nước xã hội chủ nghĩa.

D. Sự ra đời của " Tổ chức Hiệp ước Vascsava" giữ gìn hòa bình, an ninh châu Âu và thế giới.

VẬN DỤNG CAO

Câu 1. Xác định yếu tố nào thay đổi chính sách đối nội và đối ngoại của nước Mĩ khi bước sang thế kỉ XXI?

A. Chủ nghĩa khủng bố. B. Chủ nghĩa li khai.

C. Sự suy thoái về kinh tế D. xung đột sắc tộc, tôn giáo.

Câu 2. Lí giải nguyên nhân vì sao từ những năm 80 trở đi, mối quan hệ giữa Mĩ và Liên Xô chuyển sang đối thoại và hòa hoãn?

A. Cô lập phong trào giải phóng dân tộc.

B. Địa vị kinh tế, chính trị của Mĩ và Liên Xô suy giảm.

C. Kinh tế của Tây Âu và Nhật Bản vươn lên.

D. Mĩ chấm dứt các cuộc chạy đua vũ trang.

Câu 3. Từ sự thất bại của Mĩ trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, Mĩ phải chấp nhận

A. rút quân về nước và tôn trọng quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam.

B. bình thường hóa với Việt Nam và thay đổi chính sách đối ngoại.

C. thừa nhận Việt Nam là nước thống nhất và cam kết hàn gắn vết thương chiến tranh.

D. kí với Việt Nam Hiệp định Pari và rút quân về nước.
Câu 4. Nhận xét về chính sách đối ngoại của Mĩ qua các đời Tổng thống từ năm 1945 đến năm 2000?
A. Hình thức thực hiện khác nhau, nhưng có cùng tham vọng muốn làm bá chủ thế giới.
B. Tiến hành chạy đua vũ trang và chống lại các nước xã hội chủ nghĩa.
C. Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc và khống chế các nước đồng minh.
D. Tiến hành chiến tranh xâm lược và chống lại chủ nghĩa khủng bố.
Câu 5. Sự kiện nào chứng minh cuộc chiến đấu chống Mĩ xâm lược được nhân dân Mĩ đồng tình ủng hộ?
A. Cuộc đấu tranh thu hút 25 triệu người tham gia, lan rộng khắp 125 thành phố.
B. Từ 1969-1973, những cuộc đấu tranh của người da màu diễn ra mạnh mẽ.
C. Chị Raymôngđiêng nằm trên đương ray xe lửa chặn đoàn tàu chở vũ khí sang Việt Nam.
D. Phong trào chống chiến tranh của nhân dân Mĩ diễn ra sôi nổi làm cho nước Mĩ chia rẽ.
Câu 6. Mục tiêu của chiến lược "Cam kết và mở rộng" của Tổng thống B. Clintơn có gì giống với chiến lược toàn cầu?
A. Bảo đảm an ninh của Mỹ với lực lượng quân sự mạnh, sẵn sàng chiến đấu.
B. Muốn vươn lên lãnh đạo thế giới, tiếp tục triển khai chiến lược toàn cầu.
C. Sử dụng khẩu hiệu "Thúc đẩy dân chủ" để can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác.
D. Tăng cường khôi phục và phát triển tính năng động và sức mạnh của nền kinh tế Mỹ.

Bài 7 - Tây Âu

I. Nhận biết

Câu 1. Từ năm 1945 đến 1950, dựa vào đâu để các nước tư bản Tây Âu cơ bản đạt được sự phục hồi về mọi mặt?
A. Hợp tác thành công với Nhật. B. Mở rộng quan hệ với Liên Xô.
C. Viện trợ của Mĩ qua kế hoạch Macsan. D. Đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa đến các nước thứ 3.
Câu 2. Đến đầu thập kỉ 70, các nước Tây Âu đã trở thành
A. một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới.
B. khối kinh tế tư bản, đứng thứ hai thế giới.
C. tổ chức liên kết kinh tế - chính trị lớn nhất hành tinh.
D. trung tâm công nghiệp – quốc phòng lớn của thế giới.
Câu 3. Về đối ngoại từ năm 1950 đến 1973, bên cạnh việc cố gắng đa dạng hóa, đa phương hóa, các nước tư bản Tây Âu vẫn tiếp tục chủ trương
A. liên minh chặt chẽ với Mĩ. B. mở rộng hợp tác với các nước Đông Bắc Á.
C. hợp tác với Liên Xô. D. liên minh với CHLB Đức.
Câu 4. Nguyên nhân cơ bản giúp kinh tế Tây Âu phát triển sau chiến tranh thế giới thứ 2 là
A. nguồn viện trợ của Mỹ thông qua kế hoạch Macsan.
B. tài nguyên thiên nhiên giàu có, nhân lực lao động dồi dào.
C. tận dụng tốt cơ hội bên ngoài và áp dụng thành công khoa học kỹ thuật.
D. quá trình tập trung tư bản và tập trung lao động cao.
Câu 5. Chính sách đối ngoại chủ yếu của Tây Âu từ 1950 đến 1973 là gì?
A. Cố gắng quan hệ với Nhật Bản. B. Đa phương hóa trong quan hệ.
C. Liên minh hoàn toàn với Mỹ. D. Rút ra khỏi NATO.

II. Thông hiểu

Câu 1. Mục đích các nước Tây Âu nhận viện trợ của Mĩ sau chiến tranh thế giới thứ hai?
A. Để hồi phục, phát triển kinh tế. B. Tây Âu muốn trở thành Đồng minh của Mĩ.
C. Để xâm lược các quốc gia khác. D. Tây Âu muốn cạnh tranh với Liên Xô.
Câu 2. Tại sao nền kinh tế của Tây Âu phát triển nhanh chóng vào những năm 50 (thế kỉ XX)?
A. Tây Âu mua các thành tựu về khoa học của nước ngoài.
B. Tây Âu hạ giá thành sản phẩm để tiêu thụ nhanh hàng hóa.
C. Vai trò của nhà nước trong việc quản lý nguồn vốn.

D. Nhờ hợp tác có hiệu quả với Cộng đồng châu Âu.
Câu 3. Tại sao các nước Tây Âu tham gia định ước Henxinki?
A. Vì kinh tế Tây Âu khủng hoảng. B. Vì bức tường Béc lin đã sụp đổ.
C. Do Tác động của chiến tranh lạnh kết thúc. D. Do tác động của sự hòa hoãn giữa Liên Xô và Mỹ.
Câu 4. Sở dĩ nói Tây Âu trở thành một trong ba trung tâm kinh tế- tài chính thế giới giai đoạn 1950 đến 1970 là vì?
A. Trình độ kinh tế, kĩ thuật đứng đầu thế giới. B. Quan hệ hợp tác về kinh tế rông rãi.
C. Có trình độ khoa học-kĩ thuật phát triển cao, hiện đại.
D. Là nơi tập trung các trung tâm tài chính khu vực và toàn cầu.
Câu 5. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, điểm chung trong chính sách đối ngoại của các nước Tây Âu là
A. mở rộng quan hệ hợp tác với các nước Đông Nam Á. B. tiến hành chiến tranh tái chiếm thuộc địa.
C. chỉ liên minh chặt chẽ với Mĩ. D. liên minh chặt chẽ với Nhật Bản.
III. Vận dụng thấp
Câu 1. Điểm chung trong nguyên nhân làm cho kinh tế phát triển giữa Tây Âu với Mỹ và Nhật Bản là?
A. Áp dụng những thành tựu khoa học - kĩ thuật vào sản xuất.
B. Gây chiến tranh xâm lược Việt Nam và Triều Tiên.
C. Tài năng của giới lãnh đạo và kinh doanh.
D. Người lao động có tay nghề cao.
Câu 2. Vai trò của các nước trong thế giới thứ ba đã góp một phần trong sự phát triển kinh tế ở Tây Âu từ năm 1950-1973 như thế nào?
A. Thị trường tiêu thụ hàng hóa của các nước Tây Âu.
B. Nơi cung cấp nguyên liệu rẻ tiền cho các nước Tây Âu.
C. Nơi cung cấp nguồn nhân công rẻ mạt cho các nước Tây Âu.
D. Nơi thí điểm các mặt hàng của các nước Tây Âu.
Câu 3. Đặc điểm chung nổi bật trong chính sách đối ngoại của các nước Tây Âu và Nhật Bản trong giai đoạn 1945 – 1950 là?
A. Liên minh chặt chẽ với Mĩ.
B. Mở rộng quan hệ với nhiều nước trên thế giới.
C. Tham gia khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO).
D. Đối đầu với Mĩ.
Câu 4. Trong quan hệ đối ngoại hiện nay, quốc gia nào ở Tây Âu là nước duy nhất còn duy trì liên minh chặt chẽ với Mĩ?
A. Pháp. B. Anh.
C. Italia. D. Đức.
Câu 5. Phản ứng của các nước tư bản Tây Âu đối với hệ thống thuộc địa cũ những năm sau chiến tranh thế giới thứ hai là gì?
A. Tìm cách trở lại xâm chiếm các nước này.
B. Viện trợ và bồi thường cho các nước này.
C. Thiết lập quan hệ bình thường đối với các nước này.
D. Tôn trọng độc lập của họ.
Câu 6. Để phục vụ cho mục tiêu toàn cầu hóa, Mĩ đã lôi kéo hàng loạt các nước Tây Âu tham gia khối liên minh quân sự nào?
A. ANZUS. B. NATO. C. CENTO D. SEATO
IV Vận dụng cao
Câu 1. Đâu là điểm mới trong quan hệ đối ngoại của các nước Tây Âu hiện nay?
A. Mở rộng quan hệ với các nước đang phát triển ở châu Á, Phi, Mĩ Latinh, Đông Âu và SNG.
B. Tăng cường phụ thuộc vào Mĩ, mở rộng quan hệ với các nước tư bản.
C. Cố gắng hạn chế ảnh hưởng của Mĩ, mở rộng quan hệ với các nước khu vực Mĩlatinh.

D. Mở rộng quan hệ với các nước tư bản phát triển, các nước Đông Âu.
Câu 2. Điểm giống nhau cơ bản về kinh tế của Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản sau những năm 50 đến năm 2000 là
A. đều là trung tâm kinh tế- tài chính của thế giới.
B. đều không chịu tác động của khủng hoảng kinh tế.
C. đều là siêu cường kinh tế của thế giới.
D. đều chịu sự cạnh tranh các nước XHCN.
Câu 3. Việt Nam có thể học tập được gì từ bài học phát triển kinh tế của Tây Âu?
A. Vay mượn vốn đầu từ từ bên ngoài. B. Quan hệ mật thiết với Mỹ để nhận viện trợ.
C. Tranh thủ mua nguyên liệu giá rẻ từ Châu Âu. D. Áp dụng thành tựu khoa học vào sản xuất.

Bài 8 - Nhật Bản

I. Nhận biết
Câu 1: Từ đầu năm 90 của thế kỉ XX, nền kinh tế Nhật Bản
A. lâm vào suy thoái nhưng vẫn là một trong 3 trung tâm kinh tế-tài chính lớn của thế giới.
B. tiếp tục tăng trưởng với tốc độ cao.
C. bị cạnh tranh gay gắt bởi các nước có nền công nghiệp mới.
D. có nền kinh tế phát triển nhất.
Câu 2: Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản đã gặp phải những khó khăn gì cho quá trình phát triển kinh tế?
A. Bị mất hết thuộc địa, kinh tế bị tàn phá nặng nề, nghèo tài nguyên thiên nhiên.
B. Nạn thất nghiệp, thiếu lương thực, thực phẩm.
C. Bị các nước đế quốc bao vây về kinh tế.
D. Bị quân đội Mĩ chiếm đóng theo chế độ quân quản.
Câu 3: Lĩnh vực được Nhật Bản tập trung sản xuất là
A. công nghiệp dân dụng. B. Công nghiệp hành không vũ trụ.
C. công nghiệp phần mềm. D. Công nghiệp xây dựng.
Câu 4: Ba trung tâm kinh tế tài chính lớn của thế giới hình thành vào thập niên 70 của thế kỉ XX là
A. Mĩ - Anh - Pháp. B. Mĩ - Liên Xô - Nhật Bản.
C. Mĩ - Tây Âu - Nhật Bản. D. Mĩ - Đức - Nhật Bản.
Câu 5: Nhật Bản đã lợi dụng chiến tranh của hai nước nào đề bù đắp thiệt hại do chiến tranh?
A. Hàn Quốc, Việt Nam. B. Triều Tiên, Việt Nam.
C. Đài Loan, Việt Nam. D. Philippin, Việt Nam.
Câu 6: Giai đoạn kinh tế Nhật Bản phát triển thần kì vào thời gian nào?
A. Từ năm 1960 đến năm 1973. B. Từ năm 1973 đến nay.
C. Trong những năm 1950. D. Từ sau chiến tranh đến năm 1950.
Câu 7: Nhật Bản trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới vào thời gian nào?
A. Từ 1982. B. Đầu những năm 60 của thế kỉ XX.
C. Đầu những năm 70 của thế kỉ XX. D. Đầu những năm 90 của thế kỉ XX.
Câu 8: Sự kiện nào đặt nền tảng mới cho quan hệ giữa Mĩ và Nhật Bản?
A. Mĩ viện trợ cho Nhật Bản.
B. Mĩ đóng quân tại Nhật Bản.
C. Hiệp ước an ninh Mĩ - Nhật được kí kết.
D. Mĩ xây dựng căn cứ quân sự trên đất nước Nhật Bản.
Câu 9: Nhật Bản thực hiện biện pháp nào trong lĩnh vực khoa học - kĩ thuật để đạt hiệu quả cao nhất?
A. Hợp tác với các nước khác. B. Đầu tư vốn để nghiên cứu khoa học.
C. Mua bằng phát minh sang chế. D. Đánh cắp bằng phát minh sáng chế.
Câu 10: Với bản Hiến pháp mới, Thiên hoàng Nhật Bản có vai trò như thế nào trong chế độ chính trị?
A. Giữ vai trò tượng trưng cho hòa bình và quyền con người.
B. Nắm quyền lực tối thượng.

C. Nắm quyền lãnh đạo về chính trị và kinh tế.
D. Bị xóa bỏ hoàn toàn.
Câu 11: Từ đầu năm 90 của thế kỉ XX, nền kinh tế Nhật Bản
A. lâm vào suy thoái nhưng vẫn là một trong 3 trung tâm kinh tế-tài chính lớn của thế giới.
B. tiếp tục tăng trưởng với tốc độ cao.
C. bị cạnh tranh gay gắt bởi các nước có nền công nghiệp mới.
D. có nền kinh tế phát triển nhất.
Câu 12: Theo quy định của Hiến pháp năm 1947, Nhật Bản là nước theo thể chế nào?
A. Quân chủ lập hiến. B. Cộng hòa.
C. Cộng hòa nghị viện. D. Dân chủ đại nghị.
II. Thông hiểu
Câu 1: Nguyên nhân khách quan quan trọng giúp nền kinh tế Nhật đạt mức "thần kì" sau chiến tranh là
A. áp dụng thành tựu của cách mạng khoa học kĩ thuật.
B. vai trò quản lí, điều tiết nền kinh tế của nhà nước.
C. các công ty Nhật Bản có tầm nhìn xa, quản lý tốt, biết len lỏi vào thị trường thế giới.
D. yếu tố con người được nhà nước Nhật Bản quan tâm, đầu tư hàng đầu.
Câu 2: Nguyên nhân nào **không** dẫn đến sự phát triển kinh tế Nhật sau chiến tranh thế giới thứ hai?
A. Con người năng động,sáng tạo. B. Lãnh thổ rộng lớn, tài nguyên phong phú.
C. Chi phí quốc phòng thấp. D. Tận dụng tối đa viện trợ bên ngoài.
Câu 3: Từ đầu năm 90 của thế kỉ XX, nền kinh tế Nhật Bản
A. lâm vào suy thoái nhưng vẫn là một trong 3 trung tâm kinh tế-tài chính lớn của thế giới.
B. tiếp tục tăng trưởng với tốc độ cao.
C. bị cạnh tranh gay gắt bởi các nước có nền công nghiệp mới.
D. có nền kinh tế phát triển nhất.
Câu 4: Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản đã gặp phải những khó khăn gì cho quá trình phát triển kinh tế?
A. Bị mất hết thuộc địa, kinh tế bị tàn phá nặng nề, nghèo tài nguyên thiên nhiên.
B. Nạn thất nghiệp, thiếu lương thực, thực phẩm.
C. Bị các nước đế quốc bao vây về kinh tế.
D. Bị quân đội Mĩ chiếm đóng theo chế độ quân quản.
Câu 5: Nền tảng xuyên suốt của chính sách đối ngoại của Nhật là mối quan hệ với
A. Mĩ. B. Mĩ, Tây Âu.
C. Mĩ, Tây Âu, Đông Nam Á. D. Mĩ, Tây Âu, Châu Á, NICs.
Câu 6: GDP giành cho quốc phòng của Nhật chỉ dưới 1% tổng GDP vì
A. nền công nghiệp quốc phòng phát triển mạnh mẽ. B. được Mĩ bảo hộ.
C. chính sách đối ngoại hòa bình, trung lập. D. Nhật không có quân đội thường trực.
Câu 7: Nguyên nhân khách quan hàng đầu làm nền kinh tế Nhật phát triển "thần kì" là
A. vai trò quan trọng của Nhà nước trong việc quản lí, điều tiết nền kinh tế.
B. coi trọng yếu tố con người.
C. các công ty của Nhật có tầm nhìn xa.
D. áp dụng tốt tiến bộ khoa học- kĩ thuật thế giới.
Câu 8: Tháng 8 - 1977, ở Nhật có sự kiện gì thể hiện sự thay đổi trong chính sách ngoại giao?
A. Hiệp ước hòa bình và hữu nghị Nhật -Trung. B. Học thuyết Kai-phu.
C. Học thuyết Phucađa. D. Học thuyết Hayatô.
Câu 9: Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản đã gặp phải những khó khăn gì cho quá trình phát triển kinh tế?
A. Bị mất hết thuộc địa, kinh tế bị tàn phá nặng nề, nghèo tài nguyên thiên nhiên.
B. Nạn thất nghiệp, thiếu lương thực, thực phẩm.

C. Bị các nước đế quốc bao vây về kinh tế.
D. Bị quân đội Mĩ chiếm đóng theo chế độ quân quản.
Câu 10: Nguyên nhân nào khiến Nhật Bản phục hồi kinh tế trong những năm 1950-1951?
A. Do nỗ lực bản thân và nền KH-KT tiên tiến.
B. Do nỗ lực bản thân và nguồn viện trợ từ Mĩ.
C. Do nỗ lực bản thân, nguồn viện trợ từ Mĩ, tận dụng tốt yếu tố bên ngoài.
D. Do nỗ lực bản thân, nguồn viện trợ từ Mĩ, tận dụng tốt yếu tố bên ngoài và nền KH-KT tiên tiến.
Câu 11: Đặc điểm của nền kinh tế Nhật Bản trong giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1950 là gì?
A. Kinh tế phát triển chậm chạp và phụ thuộc Mĩ. B. Kinh tế phát triển nhảy vọt.
C. Kinh tế phát triển "Thần kỳ". D. Kinh tế lệ thuộc vào Mĩ.
Câu 12: Nội dung cơ bản của học thuyết Hasimôtô là gì?
A. Tăng cường quan hệ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội với các nước Đông Nam Á và tổ chức ASEAN.
B. Coi trọng quan hệ với Tây Âu, mở rộng quan hệ đối ngoại trên phạm vi toàn cầu, chú trọng quan hệ với các nước Đông Nam Á.
C. Tăng cường quan hệ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội với các nước châu Phi và Mĩ Latinh.
D. Đặc biệt coi trọng việc hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa.
III. Vận dụng
Câu 1: Sự kiện đánh dấu sự "trở về" Châu Á của Nhật Bản là
A. năm 1978, hiệp ước hoà bình và hữu nghị Trung- Nhật. B. năm 1991, học thuyết Kai-phu.
C. năm 1977, học thuyết Phu-cư-đa. D. năm 4/1996, hiệp ước An ninh Mĩ Nhật kéo dài vĩnh viễn.
Câu 2: Hai sự kiện nào sau đây xảy ra đồng thời trong một năm và có ý nghĩa quan trọng trong chính sách đối ngoại của Nhật?
A. Bình thường hóa quan hệ với Liên Xô và gia nhập Liên hợp quốc.
B. Thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam và Trung Quốc.
C. Thiết lập quan hệ ngoại giao với Mĩ và tây Âu.
D. Thiết lập quan hệ ngoại giao với ASEAN và Liên minh châu Âu.
Câu 3: Sự phát triển "thần kì" của kinh tế Nhật Bản bộc lộ rõ nét nhất ở ý nào sau đây?
A. Năm 1968, tổng số sản phẩm quốc dân đứng thứ 2 thế giới tư bản sau Mĩ.
B. Từ 1950-1973, tổng sản phẩm quốc dân tăng gấp 20 lần.
C. Nhật là một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới.
D. Từ một nước bại trận, khó khăn, thiếu thốn, Nhật Bản vươn lên thành một siêu cường.
Câu 4. Để phát triển khoa học- kỹ thuật, ở Nhật xuất hiện những hiện tượng gì ít thấy trong thế giới tư bản?
A. Coi trọng giáo dục quốc dân- khoa học kỹ thuật
B. Đi sâu vào các ngành công nghiệp ứng dụng dân dụng
C. Chấp nhận đứng dưới Chiếc ô bảo hộ hạt nhân của Mĩ
D. Đẩy mạnh việc mua bằng sáng chế về khoa học, công nghệ, kỹ thuật
Câu 5: Sự kiện đánh dấu nền kinh tế Nhật phát triển sau chiến tranh thế giới thứ hai là gì?
A. Cách mạng Trung Quốc thành công. B. Từ sau cuộc chiến tranh Triều Tiên.
C. Sau chiến tranh Việt Nam. D. Sau cách mạng Cu ba.
Câu 6: Đặc điểm cơ bản của sự phát triển khoa học - kỹ thuật Nhật Bản là gì?
A. Chi phí nhiều cho nghiên cứu. B. Mua phát minh sáng chế từ bên ngoài.
C. Chú trọng giáo dục. D. Trả lương cao cho các nhà khoa học.
Câu 7: Sự phát triển "Thần kì" của Nhật Bản được biểu hiện rõ nét nhất ở thành tựu
A. Tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm (từ 1960 đến 1969) là 10,8%.
B. Năm 1968, kinh tế Nhật vươn lên đứng hàng thứ hai trong thế giới tư bản.
C. Từ thập niên 70, Nhật trở thành một trong ba trung tâm kinh tế- tài chính của thế giới.
D. Từ một nước bại trận, chỉ sau thời gian ngắn, Nhật vươn lên thành một siêu cường kinh tế.

Câu 8: Việc đầu tư để rút ngắn khoảng cách về sự phát triển khoa học- kĩ thuật của Nhật Bản có nét khác biệt so với các nước tư bản khác là

A. mua bằng phát minh sáng chế và chuyển giao công nghệ.

B. đầu tư cho giáo dục, xem đó là quốc sách hàng đầu.

C. đầu tư chi phí cho nghiên cứu khoa học.

D. khuyến khích các nhà khoa học trên thế giới sang Nhật làm việc.

Câu 9: Hiệp ước an ninh Mĩ- Nhật được kí kết năm 1951, nhằm mục đích

A. Nhật dựa vào Mĩ về quân sự để giảm chi phí quốc phòng.

B. Kết thúc chế độ chiếm đóng của Đông minh trên lãnh thổ Nhật.

C. Tạo thế cân bằng chiến lược về quân sự giữa Mĩ và Nhật.

D. Chống lại các nước XHCN và phong trào giải phóng dân tộc ở Viễn Đông.

Câu10: Trong bối cảnh "Chiến tranh lạnh" căng thẳng, về quân sự Nhật Bản khác với các nước tư bản Tây Âu ở chỗ

A. không tham gia bất kì tổ chức quân sự nào của Mĩ.

B. không sản xuất vũ khí cho Mĩ.

C. không có quân đội thường trực.

D. không có lực lượng phòng vệ.

Câu 11: Mốc đánh dấu sự "trở về" Châu Á của Nhật Bản là

A. Học thuyết Tan-na-ca (1973).

B. Học thuyết Phu-cư-đa (1977).

C. Học thuyết Kai-pu (1991).

D. Học thuyết Ko-zu-mi (1998).

Câu 12: Nguyên nhân chính nào giúp Nhật Bản không chi tiêu nhiều cho chi phí quốc phòng?

A. Nhật nằm trong vùng thường xảy ra thiên tai, động đất, sóng thần.

B. Nhật nằm trong "ô bảo vệ hạt nhân" của Mĩ.

C. Tài nguyên khoáng sản không nhiều, nợ nước ngoài do bồi thường chi phí chiến tranh.

D. Dân cư đông không thích hợp đầu tư nhiều vào quốc phòng.

Câu 13: "Ba kho báu thiêng liêng" nào giúp cho vác công ty Nhật Bản có sức mạnh và tính cạnh tranh cao?

A. Chế độ làm việc suốt đời, chế độ lương theo thâm niên và chủ nghĩa nghiệp đoàn xí nghiệp.

B. Chế độ làm việc theo giờ, chế độ lương theo con số và chủ nghĩa nghiệp đoàn xí nghiệp.

C. Chế độ lao động theo năng suất, chế độ lương theo mức làm việc và chủ nghĩa nghiệp đoàn xí nghiệp.

D. Chế độ lao động theo giờ, chế độ lương theo quy định và chủ nghĩa nghiệp đoàn xí nghiệp.

Câu 14: Sự kiện nào diễn ra ở Nhật có tác động trực tiếp đến cách mạng Việt Nam?

A. Ngày 06/08/1945, Mĩ ném bom nguyên tử xuống thành phố Hirôsima.

B. Ngày 15/08/1945, Nhật Hoàng chính thức tuyên bố chấp nhận đầu hàng đồng minh không điều kiện.

C. Năm 1951, Hiệp nước an ninh Mĩ - Nhật được kí kết.

D. Năm 1968, Nhật trở thành cường quốc thứ 2 trong thế giới tư bản.

Câu 15: Theo Hiến pháp hiện nay, ai là người đứng đầu Chính phủ ở Nhật Bản?

A. Tổng thống.

B. Chủ tịch Quốc hội.

C. Thiên hoàng.

D. Thủ tướng.

Câu 16: Việt Nam có thể rút ra bài học gì về sự phát triển thần kì của kinh tế Nhật Bản?

A. Khai thác triệt để nguồn tài nguyên thiên nhiên.

B. Áp dụng những thành tựu khoa học kĩ thuật một cách hiệu quả vào sản xuất.

C. Đầu tư nghiên cứu khoa học và chú trọng giáo dục.

D. Giảm chi phí cho quốc phòng để tập trung phát triển kinh tế.

Bài 9 - Quan hệ quốc tế trong và sau thời kỳ ''Chiến tranh lạnh''

1. Mức độ nhận biết:

Câu 1. Quan hệ giữa Mĩ và Liên Xô sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã có sự chuyển biến như thế nào?

A. Chuyển từ đối đầu sang đối thoại.

B. Hợp tác với nhau trong việc giải quyết nhiều vấn đề quốc tế lớn.

C. Từ hợp tác với nhau trong chiến tranh chuyển sang đối đầu.

D. Từng là đồng minh trong chiến tranh chuyển sang đối đầu và đi đến tình trạng chiến tranh lạnh.

Câu 2. Chiến tranh lạnh là
A. cuộc đối đầu căng thẳng giữa hai siêu cường Mĩ và Liên Xô trên tất cả mọi lĩnh vực.
B. chính sách thù địch, căng thẳng trong quan hệ giữa hai phe - phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.
C. sự xung đột trực tiếp bằng quân sự giữa hai siêu cường Mĩ và Liên Xô.
D. cuộc chạy đua vũ trang giữa hai phe – phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.
Câu 3. Sự kiện khởi đầu cho chính sách chống Liên Xô, gây nên cuộc "Chiến tranh lạnh" là sự ra đời của
A. "Học thuyết Truman". B. "Kế hoạch Mácsan".
C. Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương. D. chiến lược "Cam kết và mở rộng".
Câu 4. "Kế hoạch Mácsan" (6/1947) của Mĩ còn có tên gọi khác là
A. "Kế hoạch phục hưng châu Âu". B. "Kế hoạch khôi phục châu Âu".
C. "Kế hoạch phát triển châu Âu". D. "Kế hoạch tái thiết châu Âu".
Câu 5. Một trong những mục đích của Mĩ khi đề ra "Kế hoạch Mácsan" (1947) là tập hợp các nước Tây Âu vào
A. liên minh kinh tế đối lập với các nước xã hội chủ nghĩa.
B. liên minh quân sự chống Liên Xô và các nước Đông Âu.
C. liên minh chính trị chống Liên Xô và các nước Đông Âu.
D. tổ chức chính trị-quân sự chống lại phe xã hội chủ nghĩa.
Câu 6. Việc thực hiện "Kế hoạch Mácsan" đã tác động như thế nào đến đến mối quan hệ giữa các nước Tây Âu tư bản chủ nghĩa và các nước Đông Âu xã hội chủ nghĩa?
A. Tạo nên sự phân chia đối lập về kinh tế và chính trị.
B. Tạo nên sự phân chia đối lập về kinh tế và quân sự.
C.Tạo nên sự phân chia đối lập về chính trị.
D. Tạo nên sự phân chia đối lập về kinh tế.
Câu 7. Tổ chức nào dưới đây là liên minh quân sự lớn nhất của các nước tư bản phương Tây do Mĩ cầm đầu nhằm chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu?
A. SEATO. B. NATO. C. CENTO. D. ANZUS.
Câu 8. Tổ chức Hiệp ước Vácsava là tổ chức liên minh
A. quân sự của các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu.
B. kinh tế - quân sự của các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu.
C. chính trị - quân sự của các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu.
D. kinh tế - chính trị của các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu.
Câu 9. Sự ra đời của tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (1949) và Tổ chức Hiệp ước Vácsava (1955) đã tác động như thế nào đến quan hệ quốc tế?
A. Đánh dấu cuộc Chiến tranh lạnh chính thức bắt đầu.
B. Đánh dấu sự xác lập cục diện hai cực, hai phe, Chiến tranh lạnh bao trùm thế giới.
C. Đặt nhân loại đứng trước nguy cơ của cuộc chiến tranh thế giới mới.
D. Khoét sâu thêm mâu thuẫn giữa hai phe – phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.
Câu 10. Định ước Henxinki (8/1975), được kí kết giữa 33 nước châu Âu với Mĩ và Canađa đã tạo nên một cơ chế giải quyết các vấn đề
A. chống khủng bố ở châu Âu. B. liên quan đến hòa bình, an ninh ở châu Âu.
C. tranh chấp bằng biện pháp hòa bình ở châu Âu. D. bảo vệ môi trường ở châu Âu.
Câu 11. Sự kiện nào dưới đây được xem là sự kiện chấm dứt cuộc "Chiến tranh lạnh"?
A. Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức được kí kết (1972).
B. Định ước Henxinki được kí kết (1975).
C. Liên Xô và Mĩ kí Hiệp định hạn chế vũ khí tiến công chiến lược (1972).
D. Cuộc gặp gỡ không chính thức giữa M.Góocbachốp và G. Busơ (cha) (1989).
Câu 12. Bước sang thế kỉ XXI, xu thế chung trong quan hệ quốc tế là
A. tăng cường liên kết khu vực để tăng cường tiềm lực kinh tế, quân sự. B. hòa bình, hợp tác và phát triển.

C. cạnh tranh khốc liệt để tồn tại. D. cùng tồn tại trong hòa bình, các bên cùng có lợi.

2. Mức độ thông hiểu:

Câu 1: Nét nổi bật chi phối các quan hệ quốc tế trong hơn bốn thập kỉ nửa sau thế kỉ XX là

A. nhiều cuộc chiến tranh cục bộ đã xảy ra. B. xu thế liên minh kinh tế khu vực và quốc tế.

C. xuất hiện tình trạng Chiến tranh lạnh. D. thế giới chuyển sang xu thế hòa dịu, hợp tác.

Câu 2. Nguồn gốc của cuộc Chiến tranh lạnh là

A. do sự đối lập về mục tiêu và chiến lược giữa hai cường quốc Mĩ và Liên Xô.

B. xuất phát từ tham vọng làm bá chủ thế giới của Mĩ.

C. do sự chi phối của trật tự hai cực Ianta.

D. xuất phát từ mục tiêu chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa của Mĩ.

Câu 3. Mục tiêu của Mĩ khi phát động "Chiến tranh lạnh" là

A. ngăn chặn sự mở rộng của chủ nghĩa xã hội từ Liên Xô sang Đông Âu và thế giới.

B. Mĩ lôi kéo các nước Đồng Minh của mình chống Liên Xô.

C. chống lại ảnh hưởng của Liên Xô.

D. phá hoại phong trào cách mạng thế giới.

Câu 4: Thực chất của Kế hoạch Mácsan (6/1947) mà Mĩ đề ra là

A. giúp các nước Tây Âu khôi phục nền kinh tế bị tàn phá sau chiến tranh.

B. khống chế, chi phối các nước Tây Âu trở thành đồng minh phụ thuộc Mĩ.

C. tăng cường sức mạnh kinh tế của các nước tư bản chủ nghĩa.

D. tập hợp các nước Tây Âu vào liên minh kinh tế -chính trị của Mĩ chống Liên Xô và các nước Tây Âu.

Câu 5. Tổ chức Hiệp ước Vácsava là đối trọng của khối quân sự

A. NATO. B. SEATO. C. CENTO. D. ANZUS.

Câu 6. Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) do Mĩ lập ra vào tháng 4/1949 nhằm mục đích

A. đàn áp phong trào cách mạng thế giới.

B. đảm bảo hòa bình và an ninh châu Âu.

C. chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu.

D. tăng cường sức mạnh kinh tế - chính trị của các nước tư bản chủ nghĩa.

Câu 7. Nguyên nhân chủ quan buộc Mĩ và Liên Xô chấm dứt Chiến tranh lạnh là

A. sự phát triển mạnh mẽ của phong trào giải phóng dân tộc.

B. Tây Âu và Nhật Bản vươn lên mạnh mẽ trở thành đối thủ của Mĩ.

C. cuộc chạy đua vũ trang làm cho 2 nước quá tốn kém và suy giảm thế mạnh của họ trên nhiều mặt.

D. sự lớn mạnh của Trung Quốc, Ấn Độ và các nước công nghiệp mới.

Câu 8. Chiến tranh lạnh chấm dứt đã tác động như thế nào đến tình hình thế giới ngày nay?

A. Nhiều vụ tranh chấp, xung đột được giải quyết bằng biện pháp hòa bình.

B. Phạm vi ảnh hưởng của Mĩ và Liên Xô bị thu hẹp.

C. Các cường quốc tăng cường chạy đua vũ trang để xây dựng sức mạnh thực sự của mình.

D. Sự xuất hiện của chủ nghĩa khủng bố đe dọa hòa bình an ninh thế giới.

Câu 9. Vì sao trật tự "hai cực" Ianta sụp đổ?

A. Do sự vươn lên mạnh mẽ của Nhật Bản và các nước Tây Âu.

B. Liên Xô và Mĩ quá tốn kém trong việc chạy đua vũ trang.

C. "cực" Liên Xô đã tan rã, hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới không tồn tại.

D. Nền kinh tế Liên Xô ngày càng lâm vào tình trạng trì trệ, khủng hoảng.

Câu 10. Vì sao sau Chiến tranh lạnh, giới cầm quyền Mĩ ra sức thiết lập trật tự thế giới "một cực" nhưng không dễ gì thực hiện được?

A. Do sự lớn mạnh của Trung Quốc. B. Do sự vươn lên mạnh mẽ của Nhật Bản.

C. Do sự phát triển mạnh mẽ của Tây Âu. D. Do tương quan lực lượng giữa các cường quốc.

Câu 11. Nội dung nào sau đây đúng với một trong các xu thế phát triển của thế giới sau Chiến tranh lạnh?

A. Trật tự thế giới mới đang trong quá trình hình thành theo xu hướng "đa cực".

B. Trật tự thế giới mới đang trong quá trình hình thành theo xu hướng "đơn cực".
C. Hầu hết các quốc gia đều điều chỉnh chiến lược phát triển, tập trung vào ổn định chính trị.
D. Thế giới không còn xảy ra chiến tranh, xung đột.
Câu 12. Ý **không** phản ánh đúng xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh là
A. trật tự thế giới mới đang trong quá trình hình thành theo xu hướng "đa cực".
B. các quốc gia đều ra sức điều chỉnh chiến lược phát triển lấy kinh tế làm trọng điểm.
C. trong quan hệ quốc tế, dần hình thành một trật tự thế giới mới – trật tự thế giới đơn cực, do Mĩ đứng đầu.
D. giới cầm quyền Mĩ ra sức thiết lập trật tự thế giới "một cực" nhưng khó thực hiện được.
3. Mức độ vận dụng:
Câu 1. Tham vọng của Mĩ khi phát động cuộc Chiến tranh lạnh là
A. chống phá Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.
B. đẩy lùi phong trào cách mạng thế giới.
C. thực hiện mưu đồ bá chủ thế giới.
D. đàn áp phong trào đấu tranh của công nhân trong nước.
Câu 2. Điểm giống nhau giữa hai cuộc chiến tranh thế giới và Chiến tranh lạnh trong thế kỉ XX là
A. gây nên mâu thuẫn sâu sắc giữa các nước. B. để lại hậu quả nghiêm trọng cho nhân loại.
C. diễn ra trên mọi lĩnh vực. D. diễn ra quyết liệt, không phân thắng bại.
Câu 3. Học thuyết Truman được Quốc hội Mĩ thông qua ngày 12/3/1947 đã vấp phải sự phản kháng của thế giới vì bản chất
A. phi nghĩa của nó B. bành trướng của nó.
C. chống cộng của nó. D. đe dọa nền hòa bình của nó đối với nhân loại.
Câu 4. Một trong những nguyên nhân dẫn tới sự ra đời của Tổ chức Hiệp ước Vácsava là
A. chống lại khối quân sự NATO do Mĩ cầm đầu.
B. tăng cường mối quan hệ hợp tác kinh tế giữa các nước xã hội chủ nghĩa.
C. giữ gìn hòa bình và an ninh châu Âu.
D. tăng cường sức mạnh chính trị của các nước xã hội chủ nghĩa.
Câu 5. Hậu quả nặng nề, nghiêm trọng nhất để lại cho thế giới trong suốt thời gian cuộc Chiến tranh lạnh là gì?
A. Khoét sâu thêm mâu thuẫn giữa hai phe – phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.
B. Hàng ngàn căn cứ quân sự được thiết lập trên toàn cầu .
C. Thế giới luôn ở trong tình trạng căng thẳng, đối đầu, nguy cơ bùng nổ chiến tranh thế giới.
D. Xuất hiện các cuộc chiến tranh cục bộ ở nhiều khu vực như Đông Nam Á, Triều Tiên….
Câu 6. Ý nào dưới đây không nằm trong diễn biến của Chiến tranh lạnh?
A. Xung đột trực tiếp giữa hai siêu cường. B. Các cuộc chiến tranh cục bộ ở Đông Dương.
C. Cuộc chiến tranh Triều Tiên. D. Xung đột ở Trung Đông.
Câu 7. Sự khác biệt cơ bản giữa Chiến tranh lạnh với Chiến tranh thế giới thứ hai là
A. diễn ra trên mọi lĩnh vực, ngoại trừ xung đột trực tiếp về quân sự.
B. làm cho thế giới luôn trong tình trạng đối đầu, căng thẳng.
C. gây ra nhiều hậu quả nặng nề cho nhân loại.
D. diễn ra dai dẳng, giằng co, không phân thắng bại.
Câu 8. Điểm chung của Hiệp ước Bali (của tổ chức ASEAN) và Định ước Henxinki (của Mĩ, Canada và 33 nước châu Âu) là
A. xác định những nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước.
B. khẳng định sự bền vững của đường biên giới giữa các quốc gia.
C. hợp tác phát triển có hiệu quả trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội.
D. tăng cường sự hợp tác giữa các nước trong lĩnh vực khoa học – kĩ thuật.
Câu 9. Sự "đối đầu" giữa hai cực Xô – Mĩ trong gian Chiến tranh lạnh được biểu hiện rõ nét nhất qua
A. cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương của thực dân Pháp.

B. cuộc chiến tranh Triều Tiên.
C. cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của đế quốc Mĩ.
D. các cuộc chiến tranh ở Trung Đông.
Câu 10. Ý **không** phản ánh đúng hậu quả do Chiến tranh lạnh để lại là
A. thế giới luôn trong tình trạng căng thẳng, nguy cơ nổ ra chiến tranh thế giới mới.
B. cả hai siêu cường Mĩ và Liên Xô đều thu được những nguồn lợi khổng lồ.
C. các cuộc chiến tranh cục bộ đã diễn ra ở nhiều khu vực như Đông Nam Á, Triều Tiên, Trung Đông….
D. các nước phải chi phí nhiều tiền của và sức người để chạy đua vũ trang.
Câu 11. Để ngăn chặn sự làn tràn của chủ nghĩa cộng sản tại châu Á, Mĩ đã thành lập tổ chức quân sự
A. NATO. B. CENTO. C. ANZUS. D. SEATO.
Câu 12. Sau chiến tranh lạnh, nét nổi bật trong chính sách đối ngoại của Mĩ là
A. vẫn tiếp tục theo đuổi chiến lược toàn cầu.
B. tăng cường hơn nửa mối quan hệ với các nước Mĩ Latinh.
C. tiếp tục tìm cách chi phối các nước đồng minh.
D. cải thiện quan hệ với Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác.
4. Mức độ vận dụng cao:
Câu 1. Trong xu thế phát triển của thế giới sau Chiến tranh lạnh, Việt Nam cần đề ra chiến lược phát triển đất nước như thế nào?
A. Tập trung ổn định tình hình chính trị. B. Tập trung phát triển kinh tế.
C. Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. D. Mở rộng quan hệ ngoại giao.
Câu 2. Bước sang thế kỉ XXI, với sự tiến triển của xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển, Việt Nam có những thời cơ gì?
A. Ứng dụng các thành tựu khoa học – kĩ thuật vào sản xuất.
B. Học hỏi kinh nghiệm quản lý của các nước tiên tiến trên thế giới.
C. Hợp tác kinh tế, thu hút vốn đầu tư và ứng dụng khoa học kĩ thuật.
D. Thu hút vốn từ bên ngoài, mở rộng thị trường.
Câu 3. Một trong những xu thế trong quan hệ quốc tế sau chiến tranh lạnh mà Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng để giải quyết vấn đề Biển Đông là
A. giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.
B. giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp quân sự.
C. giải quyết các tranh chấp bằng việc lợi dụng mâu thuẫn giữa các nước lớn.
D. giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp liên minh chính trị với các nước.
Câu 4. Chiến tranh lạnh chấm dứt tác động như thế nào đến tình hình các nước Đông Nam Á?
A. Thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc ở các nước Đông Nam Á phát triển mạnh.
B. Quan hệ giữa các nước ASEAN và các nước Đông Dương được trở nên hòa dịu.
C. Tạo điều kiện cho sự ra đời và phát triển của tổ chức ASEAN.
D. Làn sóng xã hội chủ nghĩa lan rộng ở hầu hết các nước trong khu vực Đông Nam Á.

Bài 10 - Cách mạng khoa học công nghệ và xu thế toàn cầu hóa nửa sau thế kỷ 20

1. Nhận biết: (12 câu)
Câu 1. Nguồn gốc sâu xa cuộc cách mạng khoa học công nghệ thế kỉ XX theo nghĩa đủ nhất là gì
A.Do sự bùng nổ dân số.
B.Do đòi hỏi của cuộc sống, của sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng cao của con người.
C. Yêu cầu của việc cải tiến vũ khí, sáng tạo vũ khí mới.
D. Yêu cầu chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh hạt nhân.
Câu 2: Xu thế toàn cầu hóa là hệ quả của?
A. Sự phát triển của quan hệ thương mại quốc tế. B. Cuộc cách mạng khoa học – công nghệ.
C. Sự ra đời các công ty xuyên quốc gia. D. Quá trình thống nhất thị trường thế giới.

Câu 3. Nội dung của cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật lần thứ hai diễn ra trong lĩnh vực khoa học cơ bản có ý nghĩa?

A.Tạo cơ sở lý thuyết cho các khoa học khác và nền móng của tri thức.

B.Giúp cho nhân loại phát minh ra nhiều ngành khoa học mới.

C.Giải quyết những vấn đề kĩ thuật phục vụ cuộc sống con người.

D.Tìm ra nguồn năng lượng mới.

Câu 4. Đặc điểm nào dưới đây không có trong cuộc cách mạng KHKT lần 1 và là đặc trưng của cách mạng khoa học – kĩ thuật lần 2?

A. Mọi phát minh về kĩ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học.

B. Mọi phát minh về kĩ thuật đều bắt nguồn từ thực tiễn.

C. Mọi phát minh về kĩ thuật đều dựa vào các ngành khoa học cơ bản.

D. Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

Câu 5. Nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật sau Chiến tranh thế giới thứ hai

A. Anh. B. Mỹ. C. Pháp. D. Nhật.

Câu 6: Đặc trưng cơ bản của cách mạng kỉ thuật là gì?

A. Cải tiến việc tổ chức sản xuất.

B. Cải tiến, hoàn thiện những phương tiện sản xuất (công cụ, máy móc…) .

C. Cải tiến việc quản lí sản xuất.

D. Cải tiến việc phân công lao động.

Câu 7: Ý nghĩa quan trọng nhất của cách mạng khoa học – kĩ thuật lần 2 là gì?

A. Tạo ra 1 khối lượng hàng hóa đồ sộ. B. Đưa loài người chuyển sang nền văn minh trí tuệ.

C. Thay đổi 1 cách cơ bản các nhân tố sản xuất. D. Sự giao lưu quốc tế ngày càng được mở rộng.

Câu 8 :Đặc điểm lớn nhất của cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật sau CTTG2 là

A. Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. B. Kỹ thuật trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

C. Sự bùng nổ các lĩnh vực khoa học- công nghệ. D. Mọi phát minh kỹ thuật đều bắt nguồn từ sản xuất.

Câu 9 : Sự phát triển nhanh chóng của cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật hiện đại dẫn đến một hiện tượng là

A. Sự bùng nổ thông tin

B. Đầu tư vào khoa học cho lãi cao hơn so với đầu tư vào các lĩnh vực khác.

C. .Mọi phát minh về kỹ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học.

D. Cuộc cách mạng xanh.

Câu 10: Một trong những biểu hiện của Xu thế toàn cầu hóa là

A. Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực .

B. Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế khu vực .

C. Sự ra đời của các tổ chức liên kết quân sự, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực .

D. Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, quân sự và khu vực .

Câu 12 :Nội dung nào sau đây không phải là biểu hiện của xu thế toàn cầu hóa:

A. Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.

B. Sự phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia.

C. Sự sáp nhập và hợp nhất các công ty thành những tập đoàn khổng lồ.

D.Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, quân sự và khu vực .

2. Thông Hiểu (12 câu)

Câu 1: Tại sao nói khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp

A. Vì khoa học là nguồn gốc chính của những tiến bộ kỹ thuật và công nghệ.

B. Vì tay nghề của công nhân ngày sàng cao.

C. Vì sản xuất được nhiều sản phẩm hàng hóa.

D. Vì nhà máy là phòng nghiên cứu chính.

Câu 2: Đâu là biểu hiện không phải của xu thế toàn cầu hóa.

A. Việc duy trì sự liên minh Mĩ-Nhật. B. Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế.

C. Sự phát triển của quan hệ thương mại quốc tế. D. Sự ra đời của liên minh Châu Âu EU.
Câu 3: Vì sao nói khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp
A. Kỹ thuật đi trước mở đường cho khoa học.
B. Sự bùng nổ của các lĩnh vực khoa học công nghệ.
C. Các nhà khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.
D. Mọi phát minh kỹ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học.Khoa học ngắn liền với kỹ thuật,khoa học đi trước mở đường cho kỹ thuật.
Câu 4: Nguồn gốc sâu xa chung của hai cuộc cách mạng: cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII-XIX và cách mạng khoa học công nghệ thế kỉ XX là gì ?
A. Nhằm đáp ứng yêu cầu vật chất và tinh thần ngày càng đòi hỏi của cuộc sống con người.
B. .Do sự bừng nổ dân số.
C. Yêu cầu của việc cải tiến vũ khí ,sáng tạo vũ khí mới.
D. Yêu cầu chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh hạt nhân.
Câu 5: Đâu là hạn chế cơ bản nhất trong quá trình diễn ra cuộc cách mạng khoa học -kĩ thuật lần thứ hai?
A. Chế tạo các loại vũ khí và phương tiện tính chất tàn phá , hủy diệt . Nạn ô nhiễm mô trường, tai nạn, bệnh tật.
B. Cách mạng khoa học kĩ thuật chế tạo vũ khí đẩy nhân loại trước một cuộc chiến tranh mới.
C. Nguy cơ của cuộc chiến tranh hạt nhân.
D. .Nạn khủng bố , gây nên tình hình căng thẳng.
Câu 6: Tại sao lại có sự sáp nhập và hợp nhất các công ti thành những tập đoàn lớn?
A. Vì cá lớn nuốt cá bé. B. Vì lượng nhân công ngày càng cao.
C. Vì trí thức ngày càng lớn.
D. Vì muốn tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế và trong nước.
Câu 7 : Tại sao giai đoạn thứ 2 gọi là cách mạng khoa học – công nghệ
A. Vì tất cả mọi phát minh đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học.
B. Vì dầu mỏ ngày càng khan hiếm.
C. Vì cách mạng công nghệ trở thành cốt lõi của cách mạng KH- KT
D. Vì thế hệ máy tính thứ 3 ra đời.
Câu 8 : Đâu là biểu hiện không phải của xu thế toàn cầu hóa?
A. Việc duy trì sự liên minh Mĩ-Nhật. B. Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế.
C. Sự phát triển của quan hệ thương mại quốc tế. D. Sự ra đời của liên minh Châu Âu EU.
Câu 9: Ý nghĩa nào sau đây không phải là tác động tiêu cực của toàn cầu hóa?
A. Phân hóa giàu nghèo giữa các nước trên thế giới và trong xã hội.
B. Kém an toàn về kinh tế, tài chính, chính trị.
C. Tạo ta nguy cơ đánh mất bản sắc văn hoá dân tộc...
B. Đưa lại sự tăng trưởng cao.
Câu 10: Ý nào sau đây không phải là thành tựu của cuộc cách mạng KH- CN?
A. Sự ra đời của thế hệ máy tính thứ .
B. Chế tạo ra nhiều vật liệu mới, năng lượng mới.
C. Đạt được nhiều thành tựu trong lĩnh vực công nghệ sinh học.
D. Nguyên tử trở thành năng lượng tối ưu.
Câu 11: Nguồn năng lượng nào sau đây không phải là nguồn năng lượng mới?
A. Năng lượng gió. B. Năng lượng dầu mỏ.
C. Năng lượng mặt trời. D. Năng lượng nguyên tử.
Câu 12: Quá trình tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, những ảnh hưởng, tác động, phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các khu vực, các quốc gia, dân tộc trên thế giới được gọi là
A. Quá trình công nghiệp hóa. B. Quá trình toàn cầu hóa.
C. Quá Trình hiện đại hóa. D. Quá trình tư bản hóa.

3. Vận Dụng : (12 câu)

Câu 1: Sự khác nhau cơ bản giữa 2 giai đoạn của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật là gì?

A.Từ giai đoạn 2, khoa học đã đi trước, mở đường cho kĩ thuật phát triển.

B. Trong giai đoạn 1, mọi phát minh kĩ thuật đều bắt nguồn từ những cải tiến kĩ thuật.

C.Trong giai đoạn 1, tập trung phát triển về các khoa học cơ bản.

D. Giai đoạn 2, cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật diễn ra theo chiều sâu, tập trung trên lĩnh vực công nghệ.

Câu 2: Điểm khác nhau cơ bản của khoa học khác với kĩ thuật là gì ?

A. Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

B. .Khoa học cơ bản đi trước kĩ thuật.

C. Khoa học phát minh, phát hiện các quy luật trong các vĩnh vực Toán , Lý, Hóa ,Sinh.

D. Khoa học tạo điều kiện để kĩ thuật phát triển.

Câu 3: Thách thức lớn nhất của thế giới hiện nay là gì?

A. nguy cơ cạn kiệt các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

B. chiến tranh và xung đột diễn ra ở nhiều khu vực trên thế giới.

C. sự xuất hiện và hoạt động của chủ nghĩa khủng bố.

D. tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng trầm trọng.

Câu 4: Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật ngày nay có gì khác so với cuộc cách mạng công nghiệp thế kỷ XVIII?

A.Khoa học kĩ thuật đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

B.Mọi phát minh kỹ thuật đều bắt nguồn từ sản xuất.

C.Kĩ thuật trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

D.Sự bùng nổ của các lĩnh vực khoa học công nghệ.

Câu 5: Sự kiện ngày 11/9/2001 đã dẫn đến hệ quả như thế nào đối với thế giới hiện nay?

A. Các quốc gia trên thế giới ngày càng phát triển.

B. Đặt các quốc gia, các dân tộc trước những thách thức của chủ nghĩa khủng bố với những nguy cơ khó lường.

C.Gây ra những tác động phức tập trong quan hệ quốc tế.

D. Đó là tổn thất to lớn của nước Mỹ.

Câu 6 : Trong cuộc cách mạng khoa học hiện đại, vật liệu mới nào tìm ra trong các vật liệu dưới đây?

A. Bê tông. B. Polime. C. Sắt,thép. D. Hợp kim.

Câu 7: Thách thức lớn nhất Việt Nam phải đối mặt trong xu thế toàn cầu hóa là?

A. Sử dựng chưa có hiệu quả các nguồn vốn vay nợ.

B. Sự cạnh tranh quyết liệt từ thị trường thế giới.

C. Sự chênh lệch về trình độ khi tham gia hội nhập.

D. Sự bất bình đẳng trong quan hệ quốc tế.

Câu 8: Ý nghĩa then chốt của cuộc cách mạng khoa học –kĩ thuật hiện đại là?

A. Thay đổi một cách cơ bản các nhân tố sản xuất. B. Tạo ra khối lượng hàng hóa đồ sộ.

C. Đưa loài người sang nền văn minh trí tuệ. D. Sự giao lưu quốc tế ngày càng mở rộng.

Câu 9: Những yếu tố nào đã trở thành nguồn gốc sâu xa dẫn đến cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện nay?

A. Yêu cầu của kĩ thuật và đời sống xã hội. B. Yêu cầu của chiến tranh và sự gia tăng dân số.

C. Yêu cầu của sự văn minh nhân loại. D. Yêu cầu của kĩ thuật và sản xuất.

Câu 10: Khi dân số bùng nổ,tài nguyên thiên nhiên ngày càng cạn kiệt,nhân loại đang cần đến những yếu tố nào?

A. Dựa vào bản thân sức lao động của mình. B. Tìm cách để không ngừng cải tiến kĩ thuật.

C. Tài nguyên thiên nhiên được tái tạo lại. D. Những công cụ sản xuất mới,có kĩ thuật cao.

Câu 11: Cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật lần thư hai đã gây ra những hậu quả tiêu cực đến đời sông con người như thế nào?

A. Tài nguyên cạn kiệt,môi trường ô nhiễm nặng. B. Đưa con người trở về nền văn minh nông nghiệp.

C. Cơ cấu dân cư thay đổi. D. Lao động dịch vụ và trí óc tăng lên.

Câu 12: Kĩ thuật muốn tiến bộ trước hết phải dựa vào

A. Sự phát triển của khoa học cơ bản. B. Sự văn minh của nhân loại.

C. Sự phát triển của văn hóa. D.Sự phát minh và cải tiến công cụ sản xuất.

4. Vận Dụng Cao: (4 Câu)

Câu 1: Đảng ta nhận định như thế nào về tác động của xu hướng toàn cầu hóa đối với Việt Nam :

A. Xu hướng toàn cầu hóa là một cơ hội lớn để Việt Nam vươn lên, hiện đại hóa đất nước.

B. Xu hướng toàn cầu hóa là một thách thức lớn đối với các nước kém phát triển trong đó có Việt Nam.

C. Xu hướng toàn cầu hóa là cơ hội đồng thời là một thách thức lớn đối với sự phát triển của dân tộc.

D. Xu hướng toàn cầu hóa là không có ảnh hưởng gì đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Câu 2 : Tại văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, Đảng ta khẳng định Việt Nam cần làm gì trước thời cơ và thách thức của xu thế toàn cầu hóa?

A. Nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức, phát triển mạnh mẽ trong thời kỳ mới, đó là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và nhân dân ta.

B. Bỏ qua cơ hội, vượt qua thách thức,phát triển mạnh mẽ trong thời kỳ mới, đó là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và nhân dân ta.

C. Bỏ qua cơ hội, bỏ qua thách thức,phát triển mạnh mẽ trong thời kỳ mới, đó là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và nhân dân ta.

D. Nắm bắt cơ hội, đó là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và nhân dân ta.

Câu 3: Sau cuộc chiến tranh lạnh, hầu hết các quốc gia đều ra sức điều chỉnh

A. Chiến lược lấy phát triển kinh tế, quốc phòng theo xu thế toàn cầu hóa.

B. Chiến lược lấy quốc phòng làm trọng tâm.

C. Nền kinh tế và quốc phòng cho phù hợp với tình hình mới.

D. Chiến lược phát triển lấy kinh tế làm trọng tậm.

Câu 4: Đảng ta nhận định như thế nào về tác động của xu hướng toàn cầu hóa đối với Việt nam

A. Xu hướng toàn cầu hóa là một thách thức lớn đối với các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam.

B. Xu hướng toàn cầu hóa là cơ hội đồng thời là một thách thức lớn đối với sự phát triển của dân tộc.

C. Xu hướng toàn cầu hóa vừa là một cơ hội lớn để Việt nam vươn lên hiện đại hóa đất nước.

D. Xu hướng toàn cầu hóa không có ảnh hưởng gì đối với công cuộc xây dựng CNXH ở Việt Nam.

TỔNG KẾT LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI (TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI TỪ 1945 ĐẾN NĂM 2000)

Phần 1

Câu 1. Nội dung chủ yếu của lịch sử thế giới hiện đại là các cuộc chiến tranh nào?

A. Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp. B. Đấu tranh giữa các nước đế quốc.

C. Đấu tranh của công nhân ở các nước chính quốc. D. Đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít.

Câu 2. Trong lịch sử thế giới hiện đại, phong trào giải phóng dân tộc diễn ra chủ yếu ở khu vực nào?

A. Châu Á, châu Phi và châu Âu. B. Châu Á, châu Phi và châu Mĩ la-tinh.

C. Châu Á, châu Âu và châu Mĩ la-tinh. D. Trên tất cả các lục địa.

Câu 3. Trong lịch sử thế giới hiện đại đã hình thành chủ nghĩa phát xít. Vậy quê hương của chủ nghĩa phát xít bắt nguồn từ nước nào?

A. Nước Nhật. B. Nước Pháp. C. Nước Đức. D. Nước I-ta-li-a.

Câu 4. "Hệ thống Vec-xai và Oa-sinh-tơn" được thiết lập vào thời điểm lịch sử nào?

A. Sau Cách mạng tháng Mười Nga. B. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.

C. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai. D. Cùng lúc với Chiến tranh thế giới thứ nhất.

Câu 5. "Trật tự thế giới hai cực I-an-ta" sau Chiến tranh thế giới thứ hai bị chi phối bởi hai cường quốc nào?

A. Mĩ và Trung Quốc. B. Mĩ và Anh.

C. Mĩ và Đức. D. Mĩ và Liên Xô.

Câu 6. Ghi đúng (Đ) hoặc sai (S) vào ô trống các câu dưới đây nói về đặc điểm của lịch sử thế giới hiện đại trong thời kì từ 1917 đến 1945.

A. Mặc dầu trong vòng vây của chủ nghĩa chủ nghĩa tư bản và đế quốc, nhà nước xã hội chủ nghĩa Liên Xô vẫn đứng vững và không ngừng lớn mạnh về mọi mặt.

B. Cách mạng thế giới đã giành được hoàn toàn thắng lợi, tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa đế quốc và phát xít.

C. Chủ nghĩa tư bản ở trong thời kì ổn định tạm thời.

D. Sự xuất hiện chủ nghĩa phát xít đã dẫn tới Chiến tranh thế giới lần thứ nhất.

E. Cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ hai là cuộc đụng đầu giữa hai thế lực tiến bộ và phản động trên phạm vi toàn thế giới .

F. Kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai đã mở ra một thời kì mới của lịch sử thế giới hiện đại.

Câu 7. Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật với những thành tựu to lớn đã dẫn tới những chuyển biến quan trọng trong cục diện thế giới. Đó là một trong những đặc điểm của thời kì nào?

A. Từ năm 1917 đến năm 1945.

B. Từ năm 1945 đến nửa đầu những năm 70.

C. Từ nửa sau những năm 70 đến năm 1991.

Câu 8. Hãy nối một số đặc điểm của lịch sử thế giới hiện đại cho phù hợp với từng thời kì sau đây:

Thời kì	Đặc điểm
1. 1917 - 1945.	A. Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật với những thành tựu to lớn dẫn tới những biến chuyển quan trọng trong cục diện thế giới.
2. 1945 đến nửa đầu những năm 70.	B. Sau nhiều năm khủng hoảng kinh tế, chính trị các nước tư bản chủ nghĩa nhờ cải cách kinh tế, đi sâu vào cách mạng khoa học-công nghệ thích nghi về chính trị xã hội, đã đạt được bước phát triển mới về kinh tế, ổn định về chính trị và mức sống của người dân được nâng cao.
3. Nửa sau những năm 70 đến 1991.	C. Chủ nghĩa tư bản đã lâm vào một số cuộc khủng hoảng kinh tế, chính trị và xuất hiện chủ nghĩa phát xít đã dẫn tới Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.
	D. Tất cả các thời kì trên.
Đ/A: 1. C 2. A 3. B	

Câu 9. Liên Xô đạt được những thành tựu quan trọng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội vào khoảng thời gian nào?

A. Từ năm 1945 đến 1991. B. Từ nửa đầu những năm 70 đến 1991.

C. Từ nửa sau những năm 70 đến 1991. D. Từ năm 1945 đến nửa đầu những năm 70.

Câu 10. Trong những thập niên 50, 60 nền công nghiệp ở Liên Xô như thế nào?

A. Bị giảm sút nghiêm trọng. B. Là cường quốc công nghiệp đứng thứ hai trên thế giới.

C. Là cường quốc công nghiệp đứng thứ hai ở châu Âu. D. Phát triển với tốc độ bình thường.

Câu 11. Các nước Đông Âu bước vào thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội vào khoảng thời gian nào?

A. Những năm 1948-1949. B. Những năm 1949-1950.

C. Từ năm 1950. D. Từ năm 1970.

Câu 12. Từ những năm 70 trở đi, tình hình kinh tế Liên Xô như thế nào?

A. Khủng hoảng trầm trọng. B. Lâm vào tình trạng "trì trệ".
C. Đang đạt mức tăng trưởng. D. vẫn giữ mức phát triển bình thường.
Câu 13. Các nước Đông Âu lâm vào tình trạng khủng hoảng trong thời gian nào?
A. Đầu năm 1980 đến 1990. B. Cuối năm 1980 đến 1991.
C. Cuối năm 1988 đến 1991. D. Cuối những năm 70 đến đầu những năm 80.
Câu 14. Nguyên nhân chung có tính chất quyết định đến sự khủng hoảng và sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu?
A. Xây dựng một mô hình về chủ nghĩa xã hội chưa đúng đắn.
B. Chậm sửa chữa, thay đổi trước những biến động của tình hình thế giới.
C. Sự tha hóa, biến chất của một số người lãnh đạo Đảng và Nhà nước.
D. Do hoạt động chống phá của các thế lực phản cách mạng.
Câu 15. Năm 1949 gắn liền với sự kiện nào dưới đây ở các nước xã hội chủ nghĩa?
A. Khối NATO được thành lập. B. Khối Vác-sa-va ra đời.
C. Hội đồng tương trợ kinh tế được thành lập. D. Liên Xô phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái Đất.
Câu 16. Tháng 2-1950 gắn liền với sự kiện nổi bật nào ở Trung Quốc?
A. Hiệp ước liên minh và tương trợ Trung - Xô được kí kết.
B. Trung quốc thực hiện đường lối "ba ngọn cờ hồng".
C. Trung Quốc xây dựng chủ nghĩa xã hội theo hướng "đại nhảy vọt".
D. Trung Quốc lâm vào tình trạng hỗn loạn.
Câu 17. Công cuộc cải cách ở Trung Quốc bắt đầu vào năm nào?
A. Năm 1968. B. Năm 1987. C. Năm 1988. D. Năm 1978.
Câu 18. Sau khi giành được độc lập, nước Lào tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, đúng hay sai?
A. Đúng. B. Sai.
Câu 19. Liên minh chính trị - quân sự do Mĩ cầm đầu ở Đông Nam Á viết tắt là gì?
A. Khối NATO. B. Khối SEATO.
C. Tổ chức ASEAN. D. Tổ chức EU.
Câu 20. Khu vực nào trên thế giới thường diễn ra tranh chấp về sắc tộc và chiến tranh?
A. Khu vực Đông Nam Á. B. Khu vực nắc Đại Tây Dương,
C. Khu vực Trung Đông. D. Khu vực Mĩ La-tinh.
Câu 21. Nước nào ở châu A tuyên bố độc lập và thành lập nước cộng hòa vào ngày 26-1-1950?
A. Lào. B. Cam-pu-chia. C. In-đô-nê-xi-a. D. Ấn Độ.
Câu 22. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, châu lục nào được mệnh danh là "lục địa mới trỗi dậy"?
A. Châu Á. B. Châu Mĩ La-tinh,
C. Châu Âu. D. Châu Phi.
Câu 23. Nước cộng hòa nào ở châu Phi được thành lập vào ngày 18-6-1953?
A. Ai Cập. B. Tuy-ni-di. C. An-giê-ri. D. Ma-rốc.
Câu 24. Hình thức đấu tranh giành độc lập chủ yếu thông qua đấu tranh chính trị hợp pháp, đó là đặc điểm của phong trào giải phóng dân tộc ở:
A. Châu Á. B. Châu Phi.
C. Mĩ La-tinh. D. Châu Á và châu Phi.
Câu 25. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, châu lục nào được mệnh danh là "lục địa bùng cháy"?
A. Châu Á. B. Châu Âu.
C. Châu Phi. D. Mĩ Latinh.
Câu 26. Nước nào ở châu Mĩ Latinh dược xem là "lá cờ đầu" của phong trào giải phóng dân tộc?
A. Mê-hi-cô. B. Ác-hen-ti-na.
C. Cu-ba. D. Tất cả các nước trên.
Câu 27. Đặc điểm nào dưới đây là đặc điểm chung của nền kinh tế Mĩ, Nhật sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Là nước khởi đầu cách mạng khoa học - kĩ thuật.
B. Áp dụng thành tựu khoa học - kĩ thuật đang phát triển của thế giới.
C. Tập trung sản xuất và tập trung tư bản cao độ.
D. Đều thực hiện quân sự hóa nền kinh tế.

Câu 28. Nước nào trong những nảm 60 của thế kỉ XX có tốc độ phát triển kinh tế "thần kì"?
A. Nước Mĩ. B. Nước Pháp. C. Nước Anh. D. Nước Nhật.

Câu 29. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nước nào được mệnh danh là "đế quốc kinh tế"
A. Nước Mĩ. B. Nước Pháp. C. Nước Đức. D. Nước Nhật.

Câu 30. Trong nhiều thập niên liền, Liên minh Thiên chúa giáo cầm quyền ở nước nào?
A. Nước Đức. B. Nước Anh. C. Nước Pháp. D. Nước Hà Lan.

Câu 31. Ngày 6-4-1948, một hiệp ước hữu nghị và hợp tác của các nước nào dưới đây được kí kết?
A. Anh- Liên Xô. B. Liên Xô-Mĩ.
C. Phần Lan - Liên Xô. D. Anh-Pháp.

Câu 32. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, chủ nghĩa tư bản còn gọi là gì?
A. Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc. B. Chủ nghĩa tư bản độc quyền.
C. Chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước. D. Chủ nghĩa tư bản hiện đại.

Câu 33. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai đã diễn ra hội nghị nào ở Liên Xô của các nước Đồng minh?
A. Hội nghị Pốt-xđam. B. Hội nghị I-an-ta.
C. Hội nghị Mát-xcơ-va. D. Hội nghị Man-ta.

Câu 34. Ba nước tư bản trong Hội đồng bảo an Liên hiệp quốc là những nước:
A. Mĩ, Anh, Đức. B. Mĩ, Anh, Nhật.
C. Mĩ, Anh, Pháp. D. Mĩ, Pháp, Tây Ban Nha.

Câu 35. Trật tự thế giới theo khuôn khổ thỏa thuận I-an-ta là của ba nước nào?
A. Liên Xô, Trung Quốc, Mĩ. B. Mĩ, Anh, Pháp.
C. Liên Xô, Anh, Pháp. D. Liên Xô, Mĩ, Anh.

Câu 36. Yếu tố nào sẽ còn tiếp tục tạo ra sự "đột phá" và biến chuyển trong cục diện thế giới?
A. Sự hợp tác Xô- Mĩ. B. Sự vươn lên của Nhật Bản và Tây Âu.
C. Sự chạy đua vũ trang của Mĩ và Liên Xô. D. Sự phát triển của cách mạng khoa học - kĩ thuật.

Phần 2

ĐÁP ÁN

1.B	2.A	3.A	4.A	5.A	6.C	7.D	8.B	9.D	10.B
11.B	12.A	13.C	14.C	15.B	16.B	17.A	18.B	19.C	20.A

Câu 1. Đặc điểm nổi bật của trật tự thế giới mới được hình thành trong những năm đầu sau chiến tranh thế giới thứ hai là
A. một trật tự thế giới hoàn toàn do chủ nghĩa xã hội thao túng.
B. một trật tự thế giới có sự phân cực giữa hai phe xã hội chủ nghĩa và Tư bản chủ nghĩa.
C. một trật tự thế giới hoàn toàn do chủ nghĩa Tư bản thao túng.
D. một trật tự thế giới được thiết lập trên cơ sở các nước tư bản thắng trận áp đặt quyền thống trị đối với các nước bại trận.

Câu 2. Cuộc nội chiến ở Trung Quốc (1946- 1949) mang tính chất là
A. Cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân.
B. Lật đổ tàn dư của chế độ phong kiến đưa giai cấp vô sản lên nắm chính quyền.
C. Chủ nghĩa xã hội nối liền từ Âu sang Á.
D. Cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Câu 3. Từ thập niên 60,70 của thế kỉ XX trở đi nhóm các nước sáng lập ASEAN đã tiến hành
A. Công nghiệp hóa lấy xuất khẩu làm chủ đạo. B. Công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu.
C. Lấy thị trường trong nước làm chỗ dựa để phát triển sản xuất.
D. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng nội địa.

Câu 4. Thành công của cách mạng Trung Quốc đã ảnh hưởng thế nào đến cách mạng tháng Tám

A. Tăng cường lực lượng phe XHCN và động viên, giúp đỡ để lại nhiều bài học quý giá cho phong trào cách mạng Việt Nam.

B. Tạo điều kiện cho sinh viên Việt Nam sang du học và học hỏi kinh nghiệm về lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

C. Giúp Việt Nam xây dựng, phát triển kinh tế.

D. Giúp Việt Nam trong việc giao lưu, mở rộng và phát triển văn hóa dân tộc.

Câu 5. Nhận xét nào dưới đây đúng với xu thế phát triển của thế giới sau Chiến tranh lạnh?

A. thế giới mới được hình thành theo xu hướng "đa cực". B. trật tự "hai cực Ianta" tiếp tục được duy trì.

C. thế giới phát triển theo xu thế một cực và nhiều trung tâm. D. Mĩ vươn lên trở thành "một cực" duy nhất.

Câu 6. Nguyên nhân cơ bản nhất làm cho chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ vào cuối ng năm 80 đầu những năm 90 của thế kỉ XX là gì?

A. không bắt kịp bước phát triển của khoa học kĩ thuật.

B. chậm sửa chữa những sai lầm.

C. đường lối lãnh đạo mang tính chủ quan, duy ý chí.

D. sự chống phá của các thế lực chống chủ nghĩa xã hội.

Câu 7. Việt Nam có thể rút kinh nghiệm gì từ sự phát triển kinh tế của Mĩ sau chiến tranh thế giới thứ hai để đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước

A. Nâng cao trình độ tập trung vốn và lao động.

B. Khai thác và sử dụng hợp lí nguồn tài nguyên thiên nhiên.

C. Tăng cường xuất khẩu công nghệ phần mềm.

D. Ứng dụng các thành tựu khoa học kĩ thuật.

Câu 8. Đâu không phải là vấn đề quan trọng, cấp bách với các nước đồng minh tại hội nghị Ianta?

A. Tổ chức lại trật tự thế giới sau chiến tranh. B. Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc.

C. Nhanh chóng đánh bại hoàn toàn các nước phát xít. D. Phân chia thành quả giữa các nước thắng trận.

Câu 9. Ngày 22-3-1955, ở Lào diễn ra sự kiện gì đánh dấu bước phát triển của cuộc kháng chiến chống Mĩ?

A. Lào giải phóng được 4/5 lãnh thổ. B. Lào giải phóng được 2/3 lãnh thổ.

C. Hiệp định Viêng Chăn lập lại hòa bình, thực hiện hòa hợp dân tộc ở Lào được kí kết.

D. Đảng Nhân dân Lào được thành lập.

Câu 10. Cuộc chiến tranh lạnh kết thúc đánh dấu bằng sự kiện

A. Hiệp định về một giải pháp toàn diện cho vấn đề Campuchia (10/1991).

B. Cuộc gặp không chính thức giữa Busơ và Goocbachop tại đảo Manta (12/1989).

C. Định ước Henxinki năm 1975.

D. Hiệp ước về hạn chế hệ thống phòng chống tên lửa (ABM) năm 1972.

Câu 11. Yếu tố nào sau đây quyết định nhất đến sự phát triển và thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở các nước Á, Phi và Mĩ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Sự suy yếu của các nước thực dân phương Tây.

B. Ý thức độc lập và sự lớn mạnh của lực lượng dân tộc.

C. Thắng lợi của phe Đồng minh trong chiến tranh chống phát xít.

D. Hệ thống xã hội chủ nghĩa hình thành và ngày càng phát triển.

Câu 12. Cơ sở quyết định để Mĩ triển khai chiến lược toàn cầu với tham vọng bá chủ thế giới sau chiến tranh thế giới thứ hai là

A. tiềm lực kinh tế và quân sự của to lớn của Mĩ.

B. sự suy yếu của các nước tư bản Tây Âu và sự lớn mạnh của Liên Xô.

C. sự ủng hộ của các nước tư bản đồng minh đã bị Mĩ khống chế.

D. sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế ở các nước thuộc địa, phụ thuộc.

Câu 13. Sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000 là

A. Hướng về các nước châu Á. B. Tăng cường quan hệ với các nước Đông Nam Á.
C. Liên minh chặt chẽ với Mĩ. D. Coi trọng quan hệ với Tây Âu.

Câu 14. Khoa học - kĩ thuật và công nghệ Nhật Bản chủ yếu tập trung vào lĩnh vực
A. công cụ sản xuất mới. B. chinh phục vũ trụ.
C. sản xuất ứng dụng dân dụng. D. công nghệ phần mềm.

Câu 15. Dưới đây là những sự kiện được coi là khởi đầu cho chiến tranh lạnh
1. Tổ chức hiệp ước Vacsava. 2. Hội đồng tương trợ kinh tế thành lập.
3. Tổ chức hiệp ước Đại Tây Dương. 4. Kế hoạch Macsan ra đời.
Hãy sắp xếp các sự kiện trên theo đúng trình tự thời gian
A. 1, 2, 3, 4. B. 4,2,3,1.
C. 4, 3, 2, 1. D. 1,3,2,4.

Câu 16. Đặc điểm lớn nhất của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại là
A. Cách mạng công nghệ trở thành cốt lõi. B. Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.
C. Công nghệ thông tin phát triển mạnh mẽ. D. tạo ra công cụ sản xuất mới.

Câu 17. Nội dung nào dưới đây không phải là mặt tiêu cực của xu thế toàn cầu hoá
A. Làm cho quan hệ quốc tế trở nên căng thẳng, phức tạp.
B. Làm trầm trọng thêm sự bất công xã hội.
C. Đào sâu hố ngăn cách giàu – nghèo trong từng nước và giữa các nước.
D. Làm cho mọi hoạt động và đời sống con người kém an toàn.

Câu 18. Ba trung tâm kinh tế tài chính lớn của thế giới hình thành vào thập niên 70 của thế kỉ XX là
A. Mĩ- Đức- Nhật Bản. B. Mĩ- Tây Âu- Nhật Bản.
C. Mĩ- Anh – Pháp. D. Mĩ- Liên Xô- Nhật Bản.

Câu 19. Nhân tố khách quan nào sau đã giúp kinh tế các nước Tây Âu hồi phục sau chiến tranh thế giới thứ hai?
A. Sự nỗ lực của toàn thể nhân dân trong nước. B. Sự giúp đỡ viện trợ của Liên Xô.
C. Viện trợ của Mĩ theo kế hoạch Macsan. D. Tiền bồi thường chiến phí từ các nước bại trận.

Câu 20. Quốc gia nào ở khu vực Tây Âu luôn luôn liên minh chặt chẽ với Mĩ sau chiến tranh thế gới thứ hai.
A. Anh. B. I-ta-li-a.
C. Đức. D. Pháp.

Phần 3

Câu 1. Để thực hiện tham vọng làm bá chủ thế giới Mĩ đã triển khai
A. kế hoạch Macsan. B. chiến lược toàn cầu.
C. học thuyết Rigan. D. chiến lược cam kết, mở rộng.

Câu 2. Tổ chức nào ra đời ở Châu Âu năm 1951
A. Cộng đồng năng lượng và nguyên tử Châu Âu. B. Cộng đồng Châu Âu.
C. Cộng đồng kinh tế Châu Âu. D. Cộng đồng than – thép Châu Âu.

Câu 3. Lực lượng thực hiện cải cách dân chủ ở Nhật Bản trong những năm 1945-1952 là
A. Chính phủ Nhật Bản. B. Thiên Hoàng.
C. Nghị viện Nhật Bản. D. Bộ chỉ huy tối cao lực lượng quân đồng minh.

Câu 4. Nội dung nào dưới đây không phải là biểu hiện của xu thế toàn cầu hoá ngày này
A. Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.
B. Sự phát triển và tác động lớn của các công ty xuyên quốc gia.
C. Sự hình thành ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới.
D. sự sáp nhập và hợp nhất các công ty thành những tập đoàn lớn.

Câu 5. Nhiệm vụ quan trọng nhất của tổ chức Liên Hiệp quốc là gì
A. hợp tác quốc tế về kinh tế.
B. phát triển mối quan hệ hữu nghị quốc tế.
C. giúp đỡ các dân tộc vè kinh tế, Cộng hoà, giáo dục, y tế, nhân đạo.

D. duy trì hoà bình và an ninh thế giới.

Câu 6. Nội dung nào sau đây không có trong nội dung chiến lược công nghiệp hoá lấy xuất khẩu làm chủ đạo của nhóm 5 nước ASEAN

A. tập trung sản xuất hàng hoá để xuất khẩu.

B. tiến hành mở cửa nền kinh tế thu hút vốn đầu tư và kĩ thuật.

C. lấy thị trường trong nước làm chỗ dựa để phát triển sản xuất.

D. phát triển ngoại thương.

Câu 7. Sau Chiến tranh thế giới II quốc gia nào ở Châu Phi giành được độc lập sớm nhất?

A. Agiêri. B. Ai Cập.

C. Ghinê. D. Tuynidi.

Câu 8. Hội nghị Ianta (2/1945) diễn ra khi cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai

A. đã hoàn toàn kết thúc. B. bước vào giai đoạn kết thúc.

C. bùng nổ và đang diễn ra ác liệt. D. ngày càng lan rộng.

Câu 9. Trong bối cảnh thế giới phân chia thành hai cực, hai phe, nguyên tắc hoạt động được xem là có ý nghĩa thực tiễn nhất của Liên Hợp Quốc là

A. giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình.

B. bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia và quyền tự quyết của các dân tộc.

C. không can thiệp vào công việc nội bộ của bất kì nước nào.

D. chung sống hòa bình và sự nhất trí giữa 5 nước lớn (Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp, Trung Quốc).

Câu 10. Khu vực Đông Bắc Á có ba quốc gia được gọi là những "con rồng" kinh tế của châu Á là

A. Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan. B. Trung Quốc, Đài Loan, Hồng Công.

C. Hàn Quốc, Hồng Công, Đài Loan. D. Nhật Bản, Hàn Quốc, Hồng Công.

Câu 11. Ý nào sau đây không phải là nguyên nhân dẫn tới sự ra đời của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)?

A. Cần hợp tác giữa các nước trong khu vực để cùng phát triển.

B. Hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài đối với khu vực.

C. Sự xuất hiện của các tổ chức hợp tác mang tính khu vực trên thế giới.

D. Tác động của xu thế toàn cầu hóa.

Câu 12. Yếu tố nào dưới đây đã làm thay đổi sâu sắc "bản đồ chính trị thế giới" sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Cục diện Chiến tranh lạnh bao trùm thế giới. B. Sự thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc.

C. Trật tự hai cực Ianta được xác lập trên thế giới. D. Chủ nghĩa xã hội trở thành hệ thống thế giới.

Câu 13. Chủ nghĩa Apacthai nghĩa là

A. Sự phân biệt tôn giáo. B. Sự phân biệt ngôn ngữ.

C. Sự phân biệt chủng tộc. D. Sự phân biệt giàu nghèo.

Câu 14. Hậu quả nặng nề, nghiêm trọng nhất mang lại cho thế giới trong suốt thời gian cuộc chiến tranh lạnh là

A. Các nước ráo riết, tăng cường chạy đua vũ trang để chuẩn bị tiến hành chiến tranh với nhau.

B. Thế giới luôn ở trong tình trạng căng thẳng, đối đầu, nguy cơ bùng nổ chiến tranh thế giới.

C. Hàng ngàn căn cứ quân sự, các khối quân sự được thiết lập trên toàn cầu.

D. Các nước phải chi một khối lượng khổng lồ về tiền của và sức người để sản xuất các loại vũ khí hủy diệt.

Câu 15. Sự kiện nào đặt nền tảng mới cho quan hệ giữa Mỹ và Nhật Bản?

A. Mỹ đóng quân tại Nhật Bản. B. Mỹ viện trợ cho Nhật Bản.

C. Hiệp ước an ninh Mỹ - Nhật ký kết. D. Mỹ xây dựng căn cứ quân sự trên đất Nhật Bản.

Câu 16. Nội dung gây nhiều tranh cãi nhất giữa ba cường quốc Liên Xô, Mỹ, Anh tại Hội nghị Ianta (Liên Xô)?

A. Kết thúc chiến tranh thế giới thứ hai để tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật.

B. Thành lập tổ chức quốc tế - Liên Hợp Quốc.

C. Phân chia khu vực chiếm đóng và phạm vi ảnh hưởng của các cường quốc thắng trận.

D. Giải quyết các hậu quả chiến tranh, phân chia chiến lợi phẩm.

Câu 17. Từ năm 1950 đến nửa đầu những năm 70, Liên Xô đi đầu thế giới trong lĩnh vực nào?

A. Công nghiệp nặng, công nghiệp chế tạo. B. Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.

C. Công nghiệp quốc phòng. D. Công nghiệp vũ trụ, công nghiệp điện hạt nhân.

Câu 18. Ba nước đầu tiên ở Đông Nam Á tuyên bố giành độc lập sau chiến tranh Thế giới lần thứ 2 là

A. In- đô- nê- xi- a, Việt Nam, Cam- pu- chia B. Thái Lan, In- đô- nê- xi- a, Việt Nam.

C. In- đô- nê- xi- a, Việt Nam, Lào. D. Việt Nam, Thái Lan, Lào.

Câu 19. Vị trí công nghiệp của Liên Xô trên thế giới trong những năm 50, 60 nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX là

A. đứng thứ nhất trên thế giới. B. đứng thứ ba trên thế giới.

C. đứng thứ hai trên thế giới. D. đứng thứ tư trên thế giới.

Câu 20. Nước được mệnh danh là "Lá cờ đầu trong phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ Latinh"

A. Chi lê. B. Cuba.

C. Achentina D. Nicanagoa.

ĐÁP ÁN

1.B	2.D	3.D	4.C	5.D	6.C	7.B	8.B	9.D	10.C
11.D	12.B	13.C	14.B	15.C	16.C	17.D	18.C	19.C	20

Phần 4

Câu 1. Biến đổi quan trọng nhất của các nước Đông Nam Á sau chiến tranh thế giới thứ hai là

A. Phát triển kinh tế. B. Gia nhập ASEAN.

C. Giành độc lập dân tộc. D. Chống chủ nghĩa thực dân Âu – Mĩ.

Câu 2. Luận điểm nào đúng?

A. Toàn cầu hóa vừa là thời cơ, vừa là thách thức cho các nước đang phát triển, đòi hỏi các nước phải cải cách kinh tế- xã hội.

B. Toàn cầu hóa là khó khăn và thách thức lớn cho tất cả các nước trên thế giới. Thế giới ngày càng tụt hậu.

C. Toàn cầu hóa mang lại nhiều lợi ích, kích thích sự phát triển của các nước đang phát triển.

D. Toàn cầu hóa vừa là thời cơ và tạo điều kiện thuận lợi cho tất cả các nước trên thế giới cùng phát triển.

Câu 3. Cuối thập kỉ 90 của thế kỉ XX, EU chiếm hơn ¼ GDP của thế giới và đã trở thành

A. Tổ chức liên kết chính trị - kinh tế lớn nhất hành tinh. B. Tổ chức chính trị - kinh tế lớn nhất châu Âu.

C. Tổ chức kinh tế lớn nhất Đông Nam Á. D. Tổ chức chính trị lớn nhất châu Âu.

Câu 4. Quyết định chính thức thành lập tổ chức Liên hợp quốc được thông qua ở đâu?

A. Pốtxđam(Đức). B. Xan Phanxixcô(Mĩ).

C. Ianta (Liên Xô). D. Vecxai (Pháp).

Câu 5. Sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000 là

A. Hướng về các nước châu Á. B. Tăng cường quan hệ với các nước Đông Nam Á.

C. Liên minh chặt chẽ với Mĩ. D. Coi trọng quan hệ với Tây Âu.

Câu 6. Hình thức đấu tranh giành độc lập chủ yếu của nhân dân các nước Mĩ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. Đấu tranh vũ trang. B. Đấu tranh trên lĩnh vực báo chí.

C. Đấu tranh chính trị. D. Đấu tranh nghị trường.

Câu 7. Cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Ấn Độ do giai cấp nào lãnh đạo?

A. Giai cấp vô sản liên minh với giai cấp tư sản. B. Giai cấp vô sản.

C. Giai cấp nông dân. D. Giai cấp tư sản.

Câu 8. Trong thập niên 70 của thế kỉ XX xu thế chủ đạo trong quan hệ quốc tế là

A. xu thế hòa hoãn Đông – Tây. B. xu thế toàn cầu hóa.

C. xu thế đơn cực. D. xu thế đa cực.
Câu 9. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, châu Phi được mệnh danh là "Lục địa trỗi dậy" vì
A. Thường xuyên bị động đất. B. Xóa bỏ chế độ phân biệt chủng tộc.
C. Phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ. D. 17 nước giành được độc lập.
Câu 10. Hệ quả quan trọng của cuộc cách mạng khoa học- công nghệ là từ đầu những năm 80 của thế kỉ XX thế giới đã
A. đạt nhiều thành tựu ở trên các lĩnh vực. B. nâng cao mức sống, chất lượng cuộc sống cho con người.
C. tăng năng suất sản xuất. D. diễn ra xu thế toàn cầu hóa.
Câu 11. Sau khi "Chiến tranh lạnh" chấm dứt, Mĩ muốn thiết lập một trật tự thế giới như thế nào?
A. Đa cực. C. Đa cực nhiều trung tâm.
B. Một cực nhiều trung tâm. D. Đơn cực.
Câu 12. Thành tựu lớn nhất mà các nước Tây Âu đạt được trong những năm 50-70(XX) là
A. trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới.
B. trình độ khoa học kĩ thuật phát triển cao và hiện đại.
C. thành lập được một tổ chức khu vực hoạt động có hiệu quả.
D. trở thành trung tâm chính trị có ảnh hưởng lớn trên phạm vi thế giới.
Câu 13. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản đã gặp phải những khó khăn gì cho quá trình phát triển kinh tế?
A. Bị mất hết thuộc địa, kinh tế bị tàn phá nặng nề, nghèo tài nguyên thiên nhiên.
B. Nạn thất nghiệp, thiếu lương thực, thực phẩm.
C. Bị các nước đế quốc bao vây về kinh tế.
D. Bị quân đội Mĩ chiếm đóng theo chế độ quân quản.
Câu 14. Năm 1997, một thành tựu sinh học gây chấn động lớn dư luận thế giới, đó là
A. Các nhà khoa học công bố "Bản đồ gen người". B. Công nghệ ezim ra đời.
C. Cừu Đô-li ra đời bằng phương pháp sinh sản vô tính.
D. Các nhà khoa học đã công bố công nghệ "đột biến gen".
Câu 15. AFTA là
A. Hiệp ước thương mại tự do Bắc Mĩ. B. Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương.
C. Diễn đàn hợp tác Á – Âu. D. Khu vực thương mại tự do ASEAN.
Câu 16. Nhân loại đã trải qua các cuộc khoa học kĩ thuật nào?
A. Cuộc Cách mạng kĩ thuật thế kỉ XVIII và Cách mạng kĩ thuật thế kỉ XIX.
B. Cuộc Cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII và cuộc Cách mạng khoa học kĩ thuật thế kỉ XX.
C. Cuộc Cách mạng kĩ thuật và Cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII-XIX và cuộc Cách mạng khoa học kĩ thuật đang diễn ra từ những năm 40 của thế kỉ XX.
D. Cuộc Cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII-XIX và cuộc Cách mạng công nghiệp
Câu 17. Liên Xô và Mĩ trở thành hai thế lực đối đầu nhau rồi đi đến "chiến tranh lạnh" vào thời điểm nào?
A. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai. B. TrongChiến tranh thế giới thứ hai.
C. Trong và sau Chiến tranh thế giới thứ hai. D. Trước Chiến tranh thế giới thứ hai.
Câu 18. Năm nước nào ở Đông Nam Á được gọi là nhóm sáng lập khối ASEAN?
A. Mianma, Xingapo, Philippin, Thái Lan, Brunây.
B. Việt Nam, Malayxia, Xingapo, Philippin, Thái Lan.
C. Indonêxia, Malayxia, Xingapo, Philippin, Thái Lan.
D. Indonêxia, Malayxia, Xingapo, Campuchia, Thái Lan.
Câu 19. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, kẻ thù chủ yếu của nhân dân các nước Mĩ Latinh là
A. chế độ phân biệt chủng tộc. B. chủ nghĩa thực dân cũ.
C. chế độ độc tài thân Mĩ. D. giai cấp địa chủ phong kiến.
Câu 20. Nước nào trở thành thành trì của phong trào cách mạng thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai?
A. Nhật. B. Trung Quốc. C. Ấn Độ. D. Liên Xô.

ĐÁP ÁN

1.C	2.A	3.A	4.B	5.C	6.A	7.D	8.A	9.C	10.D
11.D	12.A	13.A	14.C	15.D	16.C	17.A	18.C	19.C	20.D

Phần 4

Câu 1. Chính sách đối ngoại của Liên bang Nga từ năm 1991 đến năm 2000 ngả về phương Tây khôi phục và phát triển quan hệ với

A. các nước ASEAN. B. các nước châu Á.

C. Nhật Bản. D. Trung Quốc.

Câu 2. Theo quyết định của Hội nghị Ianta vùng Đông Đức, Đông Âu, miền Bắc Triều Tiên thuộc phạm vi ảnh hưởng của

A. Mĩ. B. Liên Xô. C. Pháp. D. Anh.

Câu 3. Mục đích chính trị của kế hoạch Macsan (1974) do Mĩ thực hiện

A. Tấn công Liên Xô và Đông Âu từ phía Tây. B. Chia cắt Châu Âu làm hai phe đối nhau.

C. Giúp các nước Tây Âu khôi phục kinh tế.

D. Lôi kéo và khống chế các nước Tây Âu là đồng minh chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 4. Học thuyết đánh dấu sự "trở về" Châu Á trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản là:

A. Học thuyết Myadaoa. B. Học thuyết Hasimato.

C. Học thuyết Kaiphu. D. Học thuyết Phucuda.

Câu 5. Quá trình liên kết ở Tây Âu diễn ra mạnh mẽ vì

A. Tây Âu muốn thoát khỏi sự khống chế của Mĩ.

B. Tây Âu bị cạnh tranh khốc liệt bởi Mĩ và Nhật Bản.

C. Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa liên kết chặt chẽ cạnh tranh với Tây Âu

D. Các nước Tây Âu đều đi theo con đường tư bản chủ nghĩa

Câu 6. Biểu hiện rõ nhất sự phát triển "Thần kì" của Nhật Bản trong những năm 1960 – 1973 là:

A. Thu nhập bình quân đầu người cao nhất thế giới.

B. Vươn lên hàng thứ 2 thế giới tư bản (sau Mĩ).

C. Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm của Nhật cao nhất thế giới.

D. Tỉ lệ mù chữ và thất nghiệp thấp nhất thế giới.

Câu 7. Sau 1945 thế giới như bị phân đôi

A. Do Liên Xô muốn chống lại âm mưu chống phá phong trào cách mạng thế giới của Mĩ.

B. Do sự xung đột chính trị giữa hai phe Xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa.

C. Do xu thế muốn vươn lên làm bá chủ thế giới của các siêu cường kinh tế.

D. Do sự tranh giành quyền lợi giữa các nước thắng trận trong phe đồng minh, nổi bật là Liên Xô và Mĩ.

Câu 8. Sự khác biệt cơ bản giữa "chiến tranh lạnh" và những cuộc chiến tranh thế giới đã qua

A. Chiến tranh lạnh làm cho thế giới luôn trong tình trạng căng thẳng.

B. Chiến tranh lạnh chỉ diễn ra chủ yếu giữa hai nước Liên Xô và Mĩ.

C. Chiến tranh lạnh diễn ra trên mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, quân sự nhưng không xung đột trực tiếp bằng quân sự giữa Liên Xô và Mĩ.

D. Chiến tranh lạnh diễn ra dai dẳng, giằng co và không phân thắng bại.

Câu 9. Sự kiện nào có ảnh hưởng lớn nhất đến tâm lí người Mĩ trong nửa sau thế kỉ XX là

A. Những cuộc đấu tranh của người da đen và người da đỏ chống chế độ phân biệt chủng tộc.

B. Vụ khủng bố 11/9 tại trung tâm thương mại Mĩ.

C. Sự thất bại của quân đội Mĩ trên chiến trường Irac.

D. Sự thất bại của Mĩ trong chiến tranh Việt Nam.

Câu 10. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, nhân dân Liên Xô bước vào công cuộc khôi phục kinh tế và tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh

A. Gặp nhiều khó khăn vì Liên Xô là nước chịu tổn thất nặng nề nhất trong chiến tranh thế giới thứ hai.

B. Có thuận lợi song Liên Xô cũng gặp nhiều khó khăn do phải gánh chịu hậu quả nặng nề của chiến tranh và bị các nước đế quốc bao vây chống phá.
C. Rất thuận lợi vì Liên Xô là nước thắng trận trong chiến tranh thế giới thứ hai nên có nhiều thuận lợi.
D. Khủng hoảng trầm trọng về kinh tế, chính trị, xã hội.
Câu 11. Trật tự hai cực Ianta sụp đổ vì
A. Ảnh hưởng của Mĩ và Liên Xô trên thế giới bị thu hẹp.
B. Liên Hợp quốc đã lấy lại được vị trí của mình trong việc giải quyết các vấn đề quốc tế.
C. Liên Xô và hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu tan rã.
D. Mĩ và Liên Xô đã chuyển từ đối đầu sang đối thoại.
Câu 12. Cuộc xung đột thể hiện rõ nhất sự cân bằng lực lượng giữa hai phe Tư bản chủ nghĩa và Xã hội chủ nghĩa
A. Cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp ở Đông Dương (1945 – 1954).
B. Cuộc chiến tranh Triều Tiên (1950 – 1953).
C. Cuộc chiến tranh chống Mĩ xâm lược (1954 -1975).
D. Sưu phong tỏa, cấm vận Cu Ba của Mĩ.
Câu 13. Để thoát khỏi tình trạng đối đầu căng thẳng giữa hai phe Tư bản Chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa, Châu Âu đã
A. Thành lập cộng đồng châu Âu (EC). B. Giúp đỡ Đông Âu phát triển kinh tế.
C. Rút khỏi các khối quân sự do Liên Xô và Mĩ đứng đầu.
D. Kí hiệp định Henxinki, tạo nên một cơ chế giải quyết các vấn đề liên quan đến hòa bình và an ninh khu vực.
Câu 14. Sự kiện phát xít đầu hàng đồng minh (8/1945) đã tạo điều kiện cho nhân dân các nước Đông Nam Á
A. Đứng lên đấu tranh và nhiều nước giành được độc lập dân tộc.
B. Làm cách mạng thành công và thành lập các nước cộng hòa.
C. Đứng lên đấu tranh và tất cả các nước Đông Nam Á đã giành được độc lập dân tộc.
D. Tự tuyên bố là các quốc gia độc lập.
Câu 15. Điểm khác nhau căn bản của phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ La tinh với phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi?
A. Mĩ Latinh đấu tranh chống các thế lực thân Mĩ, thành lập chính phủ dân tộc dân chủ. Qua đó giành độc lập chủ quyền của dân tộc.
B. Mĩ La tinh đấu tranh giành độc chủ quyền của dân tộc.
C. Hình thành tổ chức thống nhất chung sự đấu tranh.
D. Mĩ La tinh đấu tranh chống lại bọn đế quốc thực dân và bọn tay sai để giải phóng dân tộc.
Câu 16. Xu thế chung của quan hệ quốc tế sau chiến tranh lạnh"?
A. Tăng cường liên kết khu vực để tăng sức mạnh kinh tế, quân sự. B. Xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển.
C. Xu thế cạnh tranh để tồn tại. D. Xu thế dùng khủng bố để đối đầu với các nước.
Câu 17. Đặc điểm nổi bật của Chủ nghĩa xã hội sau chiến tranh thế giới thứ hai?
A. Trở thành hệ thống trên thế giới. B. Sản xuất ra khối lượng hàng hóa khổng lồ.
C. Khoa học - kĩ thuật phát triển vượt bậc. D. Có nhiều thắng lợi quyết định trong chiến lược toàn cầu.
Câu 18. Để rút ngắn khoảng cách về sự phát triển khoa học với các nước tư bản khác, Nhật Bản đã
A. Đầu tư cho nhiều trung tâm nghiên cứu và ứng dụng.
B. Cử sinh viên học tập và nghiên cứu ở nước ngoài.
C. Coi trọng các môn khoa học tự nhiên và công nghệ ở trường học.
D. Mua bằng phát minh sáng chế và chuyển giao công nghệ.
Câu 19. Việc Mĩ thực hiện kế hoạch Mácsan đã tác động như thế nào đến tình hình châu Âu?
A. Giúp phục hồi kinh tế Tây Âu. B. Giúp Tây Âu trở thành trung tâm kinh tế, tài chính thế giới.
C. Tây Âu liên minh chặt chẽ với Mĩ. D. Sự đối lập về kinh tế, chính trị giữa Tây Âu và Đông Âu.
Câu 20. "Phương án Maobáttơn" chia Ấn Độ thành 2 quốc gia là

A. Ấn Độ của người theo đạo Tin Lành, Pakixtan của người theo Hồi giáo.
B. Ấn Độ của người theo Thiên chúa giáo, Pakixtan của người theo Hồi giáo.
C. Ấn Độ của người theo Ấn Độ giáo, Pakixtan của người theo Hồi giáo.
D. Ấn Độ của người theo Ấn Độ giáo, Pakixtan của người theo Phật giáo

ĐÁP ÁN

1.B	2.B	3.D	4.D	5.A	6.B	7.D	8.C	9.D	10.A
11.C	12.B	13.D	14.A	15.A	16.B	17.A	18.D	19.D	20.C

Phần 5

Câu 1. Nội dung chủ yếu của lịch sử thế giới hiện đại là các cuộc chiến tranh nào?
A. Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp. B. Đấu tranh giữa các nước đế quốc.
C. Đấu tranh của công nhân ở các nước chính quốc. D. Đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít.

Câu 2. Trong lịch sử thế giới hiện đại, phong trào giải phóng dân tộc diễn ra chủ yếu ở khu vực nào?
A. Châu Á, châu Phi và châu Âu. B. Châu Á, châu Phi và châu Mĩ la-tinh.
C. Châu Á, châu Âu và châu Mĩ la-tinh. D. Trên tất cả các lục địa.

Câu 3. Trong lịch sử thế giới hiện đại đã hình thành chủ nghĩa phát xít. Vậy quê hương của chủ nghĩa phát xít bắt nguồn từ nước nào?
A. Nước Nhật. B. Nước Pháp. C. Nước Đức. D. Nước I-ta-li-a.

Câu 4. "Hệ thống Vec-xai và Oa-sinh-tơn" được thiết lập vào thời điểm lịch sử nào?
A. Sau Cách mạng tháng Mười Nga. B. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.
C. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai. D. Cùng lúc với Chiến tranh thế giới thứ nhất.

Câu 5. "Trật tự thế giới hai cực I-an-ta" sau Chiến tranh thế giới thứ hai bị chi phối bởi hai cường quốc nào?
A. Mĩ và Trung Quốc. B. Mĩ và Anh.
C. Mĩ và Đức. D. Mĩ và Liên Xô.

Câu 6. Ghi đúng (Đ) hoặc sai (S) vào ô trống các câu dưới đây nói về đặc điểm của lịch sử thế giới hiện đại trong thời kì từ 1917 đến 1945.
A. Mặc dầu trong vòng vây của chủ nghĩa chủ nghĩa tư bản và đế quốc, nhà nước xã hội chủ nghĩa Liên Xô vẫn đứng vững và không ngừng lớn mạnh về mọi mặt.
B. Cách mạng thế giới đã giành được hoàn toàn thắng lợi, tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa đế quốc và phát xít.
C. Chủ nghĩa tư bản ở trong thời kì ổn định tạm thời.
D. Sự xuất hiện chủ nghĩa phát xít đã dẫn tới Chiến tranh thế giới lần thứ nhất.
E. Cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ hai là cuộc đụng đầu giữa hai thế lực tiến bộ và phản động trên phạm vi toàn thế giới .
F. Kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai đã mở ra một thời kì mới của lịch sử thế giới hiện đại.

Câu 7. Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật với những thành tựu to lớn đã dẫn tới những chuyển biến quan trọng trong cục diện thế giới. Đó là một trong những đặc điểm của thời kì nào?
A. Từ năm 1917 đến năm 1945.
B. Từ năm 1945 đến nửa đầu những năm 70.
C. Từ nửa sau những năm 70 đến năm 1991.

Câu 8. Hãy nối một số đặc điểm của lịch sử thế giới hiện đại cho phù hợp với từng thời kì sau đây:

Thời kì	Đặc điểm
1. 1917 - 1945.	A. Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật với những thành tựu to lớn dẫn tới những biến chuyển quan trọng trong cục diện thế giới.
2. 1945 đến nửa đầu những năm 70.	B. Sau nhiều năm khủng hoảng kinh tế, chính trị các nước tư bản chủ nghĩa nhờ cải cách kinh tế, đi sâu vào cách mạng khoa học-công nghệ thích nghi về chính trị xã hội, đã đạt được bước phát

3. Nửa sau những năm 70 đến 1991.	triển mới về kinh tế, ổn định về chính trị và mức sống của người dân được nâng cao. C. Chủ nghĩa tư bản đã lâm vào một số cuộc khủng hoảng kinh tế, chính trị và xuất hiện chủ nghĩa phát xít đã dẫn tới Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. D. Tất cả các thời kì trên.
Đ/A: 1. C. 2. A. 3. B	

Câu 9. Liên Xô đạt được những thành tựu quan trọng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội vào khoảng thời gian nào?
A. Từ năm 1945 đến 1991. B. Từ nửa đầu những nám 70 đến 1991.
C. Từ nửa sau những năm 70 đến 1991. D. Từ năm 1945 đến nửa đầu những năm 70.
Câu 10. Trong những thập niên 50, 60 nền công nghiệp ở Liên Xô như thế nào?
A. Bị giảm sút nghiêm trọng. B. Là cường quốc công nghiệp đứng thứ hai trên thế giới.
C. Là cường quốc công nghiệp đứng thứ hai ở châu Âu. D. Phát triển với tốc độ bình thường.
Câu 11. Các nước Đông Âu bước vào thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội vào khoảng thời gian nào?
A. Những năm 1948-1949. B. Những năm 1949-1950.
C. Từ năm 1950. D. Từ năm 1970.
Câu 12. Từ những năm 70 trở đi, tình hình kinh tế Liên Xô như thế nào?
A. Khủng hoảng trầm trọng. B. Lâm vào tình trạng "trì trệ".
C. Đang đạt mức tăng trưởng. D. vẫn giữ mức phát triển bình thường.
Câu 13. Các nước Đông Âu lâm vào tình trạng khủng hoảng trong thời gian nào?
A. Đầu năm 1980 đến 1990. B. Cuối năm 1980 đến 1991.
C. Cuối năm 1988 đến 1991. D. Cuối những năm 70 đến đầu những năm 80.
Câu 14. Nguyên nhân chung có tính chất quyết định đến sự khủng hoảng và sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu?
A. Xây dựng một mô hình về chủ nghĩa xã hội chưa đúng đắn.
B. Chậm sửa chữa, thay đổi trước những biến động của tình hình thế giới.
C. Sự tha hóa, biến chất của một số người lãnh đạo Đảng và Nhà nước.
D. Do hoạt động chống phá của các thế lực phản cách mạng.
Câu 15. Năm 1949 gắn liền với sự kiện nào dưới đây ở các nước xã hội chủ nghĩa?
A. Khối NATO được thành lập. B. Khối Vác-sa-va ra đời.
C. Hội đồng tương trợ kinh tế được thành lập. D. Liên Xô phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái Đất.
Câu 16. Tháng 2-1950 gắn liền với sự kiện nổi bật nào ở Trung Quốc?
A. Hiệp ước liên minh và tương trợ Trung - Xô được kí kết.
B. Trung quốc thực hiện đường lối "ba ngọn cờ hồng".
C. Trung Quốc xây dựng chủ nghĩa xã hội theo hướng "đại nhảy vọt".
D. Trung Quốc lâm vào tình trạng hỗn loạn.
Câu 17. Công cuộc cải cách ở Trung Quốc bắt đầu vào năm nào?
A. Năm 1968. B. Năm 1987. C. Năm 1988. D. Năm 1978.
Câu 18. Sau khi giành được độc lập, nước Lào tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, đúng hay sai?
A. Đúng. B. Sai.
Câu 19. Liên minh chính trị - quân sự do Mĩ cầm đầu ở Đông Nam Á viết tắt là gì?
A. Khối NATO. B. Khối SEATO.
C. Tổ chức ASEAN. D. Tổ chức EU.
Câu 20. Khu vực nào trên thế giới thường diễn ra tranh chấp về sắc tộc và chiến tranh?
A. Khu vực Đông Nam Á. B. Khu vực nắc Đại Tây Dương,

C. Khu vực Trung Đông. D. Khu vực Mĩ La-tinh.
Câu 21. Nước nào ở châu A tuyên bố độc lập và thành lập nước cộng hòa vào ngày 26-1-1950?
A. Lào. B. Cam-pu-chia. C. In-đô-nê-xi-a. D. Ấn Độ.
Câu 22. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, châu lục nào được mệnh danh là "lục địa mới trỗi dậy"?
A. Châu Á. B. Châu Mĩ La-tinh,
C. Châu Âu. D. Châu Phi.
Câu 23. Nước cộng hòa nào ở châu Phi được thành lập vào ngày 18-6-1953?
A. Ai Cập. B. Tuy-ni-di. C. An-giê-ri. D. Ma-rốc.
Câu 24. Hình thức đấu tranh giành độc lập chủ yếu thông qua đấu tranh chính trị hợp pháp, đó là đặc điểm của phong trào giải phóng dân tộc ở:
A. Châu Á. B. Châu Phi. C. Mĩ La-tinh. D. Châu Á và châu Phi.
Câu 25. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, châu lục nào được mệnh danh là "lục địa bùng cháy"?
A. Châu Á. B. Châu Âu. C. Châu Phi. D. Mĩ Latinh.
Câu 26. Nước nào ở châu Mĩ Latinh dược xem là "lá cờ đầu" của phong trào giải phóng dân tộc?
A. Mê-hi-cô. B. Ác-hen-ti-na.
C. Cu-ba. D. Tất cả các nước trên.
Câu 27. Đặc điểm nào dưới đây là đặc điểm chung của nền kinh tế Mĩ, Nhật sau Chiến tranh thế giới thứ hai?
A. Là nước khởi đầu cách mạng khoa học - kĩ thuật.
B. Áp dụng thành tựu khoa học - kĩ thuật đang phát triển của thế giới.
C. Tập trung sản xuất và tập trung tư bản cao độ.
D. Đều thực hiện quân sự hóa nền kinh tế.
Câu 28. Nước nào trong những nảm 60 của thế kỉ XX có tốc độ phát triển kinh tế "thần kì"?
A. Nước Mĩ. B. Nước Pháp. C. Nước Anh. D. Nước Nhật.
Câu 29. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nước nào được mệnh danh là "đế quốc kinh tế"
A. Nước Mĩ. B. Nước Pháp. C. Nước Đức. D. Nước Nhật.
Câu 30. Trong nhiều thập niên liền, Liên minh Thiên chúa giáo cầm quyền ở nước nào?
A. Nước Đức. B. Nước Anh. C. Nước Pháp. D. Nước Hà Lan.
Câu 31. Ngày 6-4-1948, một hiệp ước hữu nghị và hợp tác của các nước nào dưới đây được kí kết?
A. Anh- Liên Xô. B. Liên Xô-Mĩ.
C. Phần Lan - Liên Xô. D. Anh-Pháp.
Câu 32. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, chủ nghĩa tư bản còn gọi là gì?
A. Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc. B. Chủ nghĩa tư bản độc quyền.
C. Chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước. D. Chủ nghĩa tư bản hiện đại.
Câu 33. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai đã diễn ra hội nghị nào ở Liên Xô của các nước Đồng minh?
A. Hội nghị Pốt-xđam. B. Hội nghị I-an-ta.
C. Hội nghị Mát-xcơ-va. D. Hội nghị Man-ta.
Câu 34. Ba nước tư bản trong Hội đồng bảo an Liên hiệp quốc là những nước:
A. Mĩ, Anh, Đức. B. Mĩ, Anh, Nhật.
C. Mĩ, Anh, Pháp. D. Mĩ, Pháp, Tây Ban Nha.
Câu 35. Trật tự thế giới theo khuôn khổ thỏa thuận I-an-ta là của ba nước nào?
A. Liên Xô, Trung Quốc, Mĩ. B. Mĩ, Anh, Pháp.
C. Liên Xô, Anh, Pháp. D. Liên Xô, Mĩ, Anh.
Câu 36. Yếu tố nào sẽ còn tiếp tục tạo ra sự "đột phá" và biến chuyển trong cục diện thế giới?
A. Sự hợp tác Xô- Mĩ. B. Sự vươn lên của Nhật Bản và Tây Âu.
C. Sự chạy đua vũ trang của Mĩ và Liên Xô. D. Sự phát triển của cách mạng khoa học - kĩ thuật.

LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ 1919 – 2000.

PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM TỪ 1919 – 1925.

1. Câu hỏi nhận biết

Câu 1. Biện pháp chủ yếu nhằm tăng ngân sách Đông Dương của Pháp sau chiến tranh thế giới thứ nhất là
A. ban hành nhiều loại thuế mới. B. tăng cường trồng cao su.
C. tăng thuế. D. đẩy mạnh khai mỏ.

Câu 2. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, trong xã hội Việt Nam có những giai cấp nào?
A. Nông dân, địa chủ. B. Nông dân, địa chủ, công nhân, tiểu tư sản.
C. Nông dân, địa chủ, tư sản, tiểu tư sản. D. Nông dân, địa chủ, công nhân, tư sản, tiểu tư sản.

Câu 3. Trong xã hội Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất, giai cấp có thành phần chủ yếu là trí thức, học sinh, sinh viên là
A. tư sản dân tộc. B. công nhân. C. nông dân. D. tiểu tư sản.

Câu 4. Thực dân Pháp đầu tư vốn nhiều nhất vào ngành nào trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Việt Nam?
A. Công nghiệp chế biến. B. Thương nghiệp.
C. Khai thác mỏ. D. Nông nghiệp.

Câu 5. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam, giai cấp tư sản phân hóa
A. thành hai bộ phận tư sản dân tộc và tư sản thương nghiệp.
B. thành hai bộ phận tư sản dân tộc và tư sản công nghiệp
C. thành hai bộ phận tư sản dân tộc và tư sản mại bản.
D. thành hai bộ phận tư sản dân tộc và tư sản công thương.

Câu 6. Giai cấp tư sản Việt Nam vừa mới ra đời đã
A. được thực dân Pháp dung dưỡng. B. bị thực dân Pháp chèn ép, kìm hãm.
C. bị thực dân Pháp bóc lột nặng nề nhất. D. được thực dân Pháp sử dụng làm tay sai đắc lực cho chúng.

Câu 7. Tài liệu được Nguyễn Ái Quốc gửi đến hội Nghị Véc-xai (6/1919) là
A. báo "Người cùng khổ". B. "Bản yêu sách của nhân dân An Nam".
C. báo "Đời sống công nhân". D. "Bản án chế độ thực dân Pháp".

Câu 8. Sự kiện nào dưới dây gắn liền với hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở Liên Xô trong những năm 1923-1924?
A. Tham dự Đại hội lần thứ V của Quốc tế Cộng sản. B. Thành lập Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên.
C. Thành lập Hội liên hiệp thuộc địa. D. Viết "Bản án chế độ thực dân Pháp".

Câu 9. Mâu thuẫn chủ yếu hàng đầu của xã hội Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất là
A. giữa công nhân với tư sản. B. giữa nông dân với địa chủ.
C. giữa nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp và phản động tay sai.
D. giữa tư sản Việt Nam với tư sản Pháp

Câu 10. Thực dân Pháp thực hiện chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Việt Nam nhằm mục đích
A. bù đắp những thiệt hại do chiến tranh thế giới lần thứ nhất gây ra.
B. thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam.
C. bù đắp những thiệt hại do chiến tranh thế giới lần thứ hai gây ra.
D. chuẩn bị cho việc tham gia chiến tranh thế giới lần thứ hai.

Câu 11. Tổ chức cách mạng theo khuynh hướng vô sản đầu tiên ở Việt Nam là
A. Tâm tâm xã. B. Tân Việt Cách mạng đảng.
C. Việt Nam Quốc dân đảng. D. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

Câu 12. Từ năm 1920 đến 1925, những hoạt động yêu nước của Nguyễn Ái Quốc chủ yếu ở các nước
A. Pháp, Liên Xô, Trung Quốc. B. Pháp, Thái Lan, Trung Quốc,
C. Pháp, Liên Xô, Trung Quốc, Thái Lan. D. Pháp và Trung Quốc.

2. Câu hỏi thông hiểu

Câu 1. Tác động của chương trình khai thác lần thứ hai của thực dân Pháp đến kinh tế Việt Nam là

A. Việt Nam phát triển độc lập tự chủ
B. Việt Nam phát triển thêm một bước nhưng bị kìm hãm và lệ thuộc kinh tế Pháp
C. Việt Nam lạc hậu, phụ thuộc vào Pháp
D. Việt Nam trở thành thị trường độc chiếm của Pháp
Câu 2. Đặc điểm cơ bản nhất của giai cấp công nhân Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất là
A. bị ba tầng áp bức bóc lột của đế quốc, phong kiến, tư sản dân tộc.
B. có quan hệ tự nhiên gắn bó với giai cấp nông dân.
C. kế thừa truyền thống yêu nước anh hùng và bất khuất của dân tộc.
D. sớm chịu ảnh hưởng của trào lưu cách mạng vô sản nên nhanh chóng vươn lên thành động lực của phong trào dân tộc dân chủ.
Câu 3. Thái độ chính trị của giai cấp tư sản dân tộc trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam là
A. thỏa hiệp với Pháp để được hưởng quyền lợi.
B. ít nhiều có tinh thần dân tộc, dân chủ nhưng dễ thỏa hiệp.
C. có tinh thần đấu tranh cách mạng triệt để trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.
D. tham gia cách mạng hăng hái nhất.
Câu 4. Giai cấp công nhân Việt Nam xuất thân chủ yếu từ
A. tư sản bị phá sản.
B. nông dân bị tước đoạt ruộng đất.
C. tầng lớp tiểu tư sản bị chèn ép.
D. thợ thủ công bị thất nghiệp.
Câu 5. Sự kiện nào đánh dấu bước chuyển biến mới của phong trào công nhân Việt Nam từ tự phát sang tự giác?
A. Cuộc bãi công của công nhân thợ nhuộm ở Chợ Lớn (1922).
B. Cuộc tổng bải công của công nhân Bắc Kì (1922).
C. Bãi công của thợ máy xưởng Ba Son cảng Sài Gòn (8 - 1925).
D. Cuộc bãi công của 1000 công nhân nhà máy sợi Nam Định (1926).
Câu 6. Sự kiện đánh dấu Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam là
A. đưa yêu sách đến Hội nghị Véc xai (18-6-1919).
B. tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp (12-1920).
C. đọc sơ thảo Luận cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa (7-1920).
D. thành lập tổ chức Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên (6-1925).
Câu 7. Giai cấp có đủ khả năng nắm lấy ngọn cờ lãnh đạo cách mạng Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất là
A. nông dân.
B. tư sản dân tộc.
C. công nhân.
D. tiểu tư sản.
Câu 8. Lý do để Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản tại Đại hội Tua là vì
A. Quốc tế Cộng sản ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc thuộc địa.
B. Quốc tế Cộng sản ủng hộ cuộc đấu tranh lật đổ chủ nghĩa đế quốc.
C. Quốc tế Cộng sản là một tổ chức đoàn kết rộng rãi giai cấp vô sản toàn thế giới.
D. Quốc tế Cộng sản mang trên mình sứ mệnh giải phóng loài người.
Câu 9. Ngoài thực dân Pháp, còn có bộ phận nào trở thành đối tượng của cách mạng Việt Nam sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất?
A. Nông dân.
B. Công nhân.
C. Đại địa chủ phong kiến.
D. Tư sản dân tộc.
Câu 10. Công lao to lớn đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc đối với dân tộc Việt Nam trong những năm 1911-1925 là đã
A. tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam.
B. thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

C. trở thành Đảng viên cộng sản đầu tiên của Việt Nam.
D. hợp nhất ba tổ chức cộng sản thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
Câu 11. Giai cấp nào có tinh thần cách mạng triệt để, có ý thức tổ chức kỉ luật gắn với nền sản xuất hiện đại, có quan hệ mật thiết với giai cấp nông dân?
A. Tiểu tư sản. B. Công nhân. C. Tư sản. D. Địa chủ.
Câu 12. Sự kiện nào sau đây gắn liền với hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở Liên Xô trong những năm 1923-1924?
A. Tham dự Đại hội lần thứ V của Quốc tê Cộng sản.
B. Thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.
C. Thành lập Hội liên hiệp thuộc địa. D. Viết "Bản án chẽ độ thực dán Pháp".
3. Câu hỏi vận dụng
Câu 1. Mục tiêu đấu tranh của công nhân Việt Nam trong những năm 1919 - 1924 chủ yếu là
A. đòi quyền lợi về kinh tế. B. đòi quyền lợi về chính trị.
C. đòi quyền lợi về kinh tê và chính trị. D. chống thực dân Pháp để giải phóng dân tộc.
Câu 2. Sự kiện nào thể hiện tư tưởng cách mạng tháng Mười Nga đã thấm sâu vào giai cấp công nhân Việt Nam và bắt đầu biến thành hành động?
A. Bãi công của thợ máy xưởng Ba Son cảng Sài Gòn (8-1925).
B. Nguyễn Ái Quốc đọc sơ thảo Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa (7-1920).
C. Tiếng bom của Phạm Hồng Thái vang dội ở Sa Diện, Quảng Châu (6-1924).
D. Nguyễn Ái Quốc gởi yêu sách đến hội nghị Vécxai (1919).
Câu 3. Con đường đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc khác với con đường cứu nước của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh là
A. đi sang phương Tây tìm đường cứu nước. B. đi sang châu Mĩ tìm đường cứu nước.
C. đi sang châu Phi tìm đường cứu nước. D. đi sang phương Đông tìm đường cứu nước.
Câu 4. Mâu thuẫn nào là mâu thuẫn giai cấp cơ bản của cách mạng Việt Nam trong cuộc khai thác thuộc địa lần hai của thực dân Pháp?
A. Giữa giai cấp công nhân với giai cấp tư sản. B. Giữa giai cấp nông dân với địa chủ.
C. Giữa giai cấp công nhân với đế quốc Pháp. D. Giữa giai cấp công nhân, nông dân với đế quốc Pháp.
Câu 5. Đặc điểm của phong trào công nhân việt Nam giai đoạn 1919-1925 là
A. đã thể hiện ý thức chính trị. B. đã thể hiện ý thức về quyền lợi kinh tế.
C. đã chủ yếu đòi quyền lợi chính trị và kinh tế. D. còn mang tính tự phát.
Câu 6. Vì sao trong quá trình khai thác thuộc địa lần thứ hai, tư bản Pháp hạn chế phát triển công nghiệp nặng ở Việt Nam?
A. Để thúc đẩy công nghiệp nhẹ ở Việt Nam phát triển.
B. Biến Việt Nam thành thị trường tiêu thụ hàng hóa do nền công nghiệp Pháp sản xuất.
C. Biến Việt Nam thành căn cứ quân sự và chính trị của Pháp
D. Để tạo điều kiện cho nông nghiệp Việt Nam phát triển
Câu 7. Hậu quả việc khai thác thuộc địa của Pháp ở Việt Nam dẫn đến sự ra đời của giai cấp
A. công nhân, nông dân, tư sản dân tộc. B. công nhân, tiểu tư sản, tư sản dân tộc.
C. công nhân, tư sản dân tộc, địa chủ phong kiến.
D. công nhân, nông dân, tư sản dân tộc, tiểu tư sản, địa chủ phong kiến.
Câu 8. Báo nào do Nguyễn Ái Quốc làm chủ nhiệm kiêm chủ bút được sáng lập năm 1922?
A. Đời sống công nhân. B. Người cùng khổ (Le Paria).
C. Nhân đạo. D. Sự thật.
Câu 9. Điểm nổi bật trong quá trình hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1919 đến năm 1925 là
A. chuẩn bị về tư tưởng chính trị và tổ chức cho sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930).
B. truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam.
C. thành lập ba tổ chức Cộng sản ở Việt Nam.

D. chuẩn bị thực hiện chủ trương "vô sản hóa" ở Việt Nam.
Câu 10. Để nghiên cứu, học tập chủ nghĩa Mác- Lê-nin và Cách mạng tháng Mười Nga, từ năm 1920 đến 1923, Nguyễn Ái Quốc hoạt động chủ yếu ở đâu?
A. Liên Xô. B. Pháp. C. Trung Quốc. D. Anh.
Câu 11. Ai trở thành tay sai, làm chỗ dựa cho thực dân Pháp trong việc bóc lột nông dân Việt Nam ở chương trinh khai thác thuộc địa?
A. Giai cấp địa chủ phong kiến. B. Tầng lớp đại địa chủ.
C. Tầng lớp tư sản mại bản. D. Giai cấp tư sản dân tộc.
Câu 12. Giai cấp nào ở Việt nam có số lượng tăng nhanh nhất trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp?
A. Nông dân B. Tư sản dân tộc.
C. Địa chủ. D. Công nhân.
4. Câu hỏi vận dụng cao
Câu 1. Sự kiện đánh dấu bước ngoặt trong cuộc đời hoạt động của Nguyễn Ái Quốc đi từ lập trường một người yêu nước chuyển sang lập trường một người cộng sản là
A. ảnh hưởng của cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 đến tư tưởng cứu nước của Nguyễn Ái Quốc
B. đưa yêu sách đến Hội nghi Vécxai (18-6-1919).
C. đọc sơ thảo luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa (7-1920).
D. bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế thứ Cộng sản (12-1920).
Câu 2. "Phút khóc đầu tiên là phút Bác Hồ cười"của nhà thơ Chế Lan Viên nói đến sự kiện nào trong quá trình hoạt động của Nguyễn Ái Quốc?
A. Sáng lập ra Hội liên hiệp thuộc địa ở Pa-ri.
B. Đọc luận cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa.
C. Viết bài và làm chủ nhiệm tờ báo "Người cùng khổ".
D. Dự Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V (1924).
Câu 3. Điểm khác biệt lớn nhất giữa cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam so với lần thứ nhất là
A. đầu tư với tốc độ nhanh, quy mô lớn vào các ngành kinh tế ở Việt Nam.
B. đầu tư với tốc độ nhanh, quy mô nhỏ vào tất cả các ngành kinh tế Việt Nam.
C. đầu tư với tốc độ nhanh, quy mô lớn vào giao thông vận tải của Việt Nam.
D. đầu tư vào phát triển văn hóa và ổn định chính trị ở Việt Nam.
Câu 4. Vì sao Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành Quốc tế thứ III?
A. Quốc tế này bênh vực cho quyền lợi của các nước thuộc địa.
B. Quốc tế này giúp nhân dân ta đấu tranh chống thực dân Pháp,
C. Quốc tế này đề ra đường lối cho cách mạng Việt Nam.
D. Quốc tế này chủ trương thành lập Mặt trận giải phóng dân tộc ở Việt Nam

PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM TỪ 1925 - 1930.

Câu 1. Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên được thành lập vào
A. 5/1925 ở Quảng Châu (TQ). B. 6/1925 ở Hương Cảng (TQ).
C. 7/1925 ở Quảng Châu (TQ). D. 6/1925 ở Quảng Châu (TQ).
Câu 2. Hoạt động chủ yếu của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên là
A. Các hội viên nghe Nguyễn Ái Quốc giảng lí luận về cách mạng giải phóng dân tộc.
B. Viết sách báo tuyên truyền cách mạng.
C. Xây dựng các cơ sở trong và ngoài nước.
D. Các ý A, B, C đều đúng.
Câu 3. Cơ quan ngôn luận của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên là
A. Tác phẩm "Đường Kách Mệnh". B. Báo Thanh niên.
C. Báo người cùng khổ. D. Bản án chế độ Thực dân Pháp.

Câu 4. Hội các dân tộc thuộc địa bị áp bức ở Á Đông được thành lập
A. tại Pháp (8/7/1925). B. tại Quảng Châu (9/7/1925).
C. tại Xiêm (10/7/1925). D. tại Liên Xô (10/1925).
Câu 5. Việt Nam Quốc dân đảng được thành lập vào thời gian nào, địa bàn hoạt động chính ở đâu?
A. 1925 - Bắc Kì. B. 1926 -Trung Kì.
C. 1927 - Bắc Kì. D. 1928 - Trung Kì.
Câu 6. Tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng chịu ảnh hưởng sâu sắc của hệ tư tưởng
A. Chủ nghĩa Mác-Lê-Nin B. Chủ nghĩa Tam Dân của Tôn Trung Sơn
C. Dân chủ tư sản của Đảng Quốc Đại ở Ấn Độ D. Cải cách Minh Trị ở Nhật Bản
Câu 7. Lực lượng nắm quyền lãnh đạo trong Việt Nam Quốc dân đảng là
A. Trí thức Tiểu Tư sản. B. Tư sản dân tộc.
C. tầng lớp Đại địa chủ. D. Binh lính người Việt.
Câu 8. Phong trào "vô sản hóa" năm 1928 có tác dụng
A. Tăng cường số lượng công nhân làm việc trong các nhà máy, xí nghiệp, hầm mỏ...
B. Nâng cao ý thức chính trị của giai cấp công nhân, thúc đẩy phong trào công nhân phát triển mạnh, trở thành nòng cốt của phong trào đấu tranh trong cả nước.
C. Thúc đẩy các phong trào đấu tranh của nông dân, tiểu thương, tiểu chủ, học sinh, sinh viên.
D. Chuẩn bị trực tiếp cho sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam.
Câu 9. Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quốc dân đảng vào đêm 9/2/1930 nổ ra ở Yên Bái sau đó nổ ra ở các tỉnh
A. Phú Thọ, Hải Dương, Sơn Tây, Hà Tĩnh. B. Hòa Bình, Lai Châu, Sơn La, Lào Cai.
C. Phú Thọ, Sơn Tây, Hải Dương, Thái Bình. D. Phú Thọ, Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình.
Câu 10. Nguyên nhân khách quan làm cho khởi nghĩa Yên Bái thất bại là do
A. giai cấp Tư sản dân tộc lãnh đạo. B. tổ chức Quốc dân Đảng còn non yếu.
C. khởi nghĩa nổ ra hoàn toàn bị động. D. đế quốc Pháp còn mạnh.
Câu 11. Lí luận nào sau đây đã được cán bộ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên truyền bá vào Việt Nam?
A. Lí luận Mác - Lênin. B. Lí luận đấu tranh giai cấp.
C. Lí luận cách mạng vô sản. D. Lí luận giải phóng dân tộc
Câu 12. Việt Nam quốc dân đảng là một Đảng chính trị theo xu hướng nào?
A. Dân chủ vô sản. B. Dân chủ tư sản.
C. Dân chủ tiểu tư sản. D. Dân chủ vô sản và tư sản.
Câu 13. Người sáng lập ra Hội Việt Nam cách mạng thanh niên là
A. Trần Phú. B. Nguyễn Thái Học.
C. Nguyễn Ái Quốc. D. Phó Đức Chính.
Câu 14. Đầu năm 1927, Nguyễn Ái Quốc xuất bản tác phẩm
A. Đường Kách mệnh. B. Báo Thanh niên.
C. Bản án chế độ thực dân Pháp. D. Con rồng tre.
Câu 15. Mục tiêu của Việt Nam Quốc dân đảng là
A. Đánh đuổi giặc Pháp. B. Đánh đổ ngôi vua.
C. Thiết lập dân quyền. D. Cả 3 mục tiêu trên.
Câu 16. Mục đích của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên là
A. Đưa thanh niên trí thức sang Nhật Bản để học tập.
B. Xuất bản báo chí tiến bộ.
C. Đòi tự do dân chủ.
D. Tổ chức, lãnh đạo quần chúng đấu tranh đánh đổ đế quốc.
Câu 17. Việt Nam Quốc dân Đảng là một chính đảng cách mạng theo khuynh hướng
A. Dân chủ tư sản. B. Vô sản.

C. Phong kiến. D. Tiểu tư sản.
Câu 18. Chủ trương cách mạng của Việt Nam Quốc dân đảng là
A. Đấu tranh nghị trường. B. phương pháp hoà bình.
C. đấu tranh chính trị kết hợp vũ trang. D. đấu tranh bằng sắt và máu.
Câu 19. Tổ chức tiền thân của Đảng cộng sản Việt Nam là
A. Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên. B. Việt Nam Quốc dân dân đảng.
C. Tân Việt Cách mạng đảng. D. Cả 3 tổ chức trên.
Câu 20. Việt Nam Quốc dân đảng là một tổ chức của giai cấp
A. Nông dân. B. Công nhân. C. Tiểu tư sản. D. Tư sản dân tộc.
Câu 21. Báo Thanh niên của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên ra số đầu tiên vào
A. ngày 21/6/ 1925. B. ngày 21/6/1927.
C. ngày 21/12/1925. D. ngày 21/9/1925.
Câu 22. Trong thời gian hoạt động tại Quảng Châu, tháng 7 năm 1925 Nguyễn Ái Quốc đã lập ra tổ chức nào?
A. Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên. B. Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông.
C. Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa. D. Nhóm Cộng sản đoàn.
Câu 23. Hoạt động nào không phải của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên
A. Huấn luyện cán bộ và tuyên truyền lý luận cách mạng. B. Phát triển hội viên.
C. Xây dựng hệ thống tổ chức ở trong nước. D. Tổ chức cuộc khởi nghĩa Yên Bái.
Câu 24. Sự ra đời và những hoạt động của Việt Nam Quốc dân đảng có ý nghĩa
A. Góp phần đào tạo đội ngũ cán bộ cho cách mạng.
B. Tích cực chuẩn bị điều kiện về tổ chức cho sự ra đời của Đảng cộng sản.
C. Cổ vũ lòng yêu nước của nhân dân Việt Nam.
D. Tuyên truyền chủ nghĩa Mác – Lênin và lý luận cách mạng giải phóng dân tộc vào phong trào công nhân.
Câu 25. Thành phần và địa bàn hoạt động của Tân Việt cách mạng đảng
A. Công nhân và nông dân, hoạt động ở Trung Kì.
B. Trí thức và thanh niên tiểu tư sản, hoạt động ở Trung Kì.
C. Tư sản dân tộc và công nhân, hoạt động ở Bắc Kì.
D. Tất cả các giai cấp, các tầng lớp, hoạt động ở Nam Kì.
Câu 26. Cuộc khởi nghĩa Yên Bái nổ ra vào
A. Đêm 9/2/1930. B. Đêm 2/9/1930.
C. Đêm 19/12/1930. D. Đêm 12/9/1930.
Câu 27. Mục tiêu của Đảng Tân Việt là
A. Đánh đổ phong kiến.
B. Đánh đổ đế quốc, thiết lập chuyên chính vô sản.
C. Đánh đổ phong kiến, thiết lập chế độ cộng hoà tư sản.
D. Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa, thiết lập một xã hội bình đẳng, bác ái.
Câu 28. Cuộc khởi nghĩa Yên Bái (2-1930) là hoạt động tiêu biểu nhất của
A. Đảng Thanh niên. B. Đảng Lập hiến.
C. Việt Nam Quốc dân Đảng. D. Việt Nam nghĩa đoàn.
Nhận biết:
Câu 1. Tiền thân của chính đảng vô sản ở Việt Nam là
A. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên. B. Cộng sản Đoàn.
C. Tâm tâm xã. D. Tân Việt cách mạng đảng.
Câu 2. "Cộng sản đoàn" là tiền thân của tổ chức
A. Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên. B. Việt Nam quốc dân đảng.
C. Tân Việt cách mạng đảng. D. Đông Dương Cộng sản đảng.
Câu 3. Cơ quan ngôn luận của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên là

A. báo "An Nam trẻ". B. Báo "Chuông Rè".
C. báo "Người nhà quê". D. báo "Thanh niên".
Câu 4. Tháng 12-1927, Nguyễn Thái Học, Phó Đức Chính đã thành lập
A. Tân Việt Cách mạng đảng. B. Việt Nam quốc dân đảng.
C. Đông Dương cộng sản đảng. D. Đông Dương cộng sản liên đoàn.
Câu 5. Đầu năm 1929 Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên bị phân hóa thành các tổ chức cộng sản
A. Đông Dương Cộng sản Đảng và nhóm Cộng sản đoàn.
B. An Nam Cộng sản Đảng và Tân Việt cách mạng Đảng.
C. Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng.
D. Đông Dương Cộng sản Đảng và Đông sản Dương Cộng liên đoàn.
Câu 6. Chủ trương "vô sản hóa" do tổ chức nào phát động?
A. Tân Việt Cách mạng đảng. B. Việt Nam quốc dân đảng.
C. Đông Dương cộng sản đảng. D. Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.
Câu 7. Tổ chức cộng sản ra đời đầu tiên ở Việt Nam là
A. Tâm Tâm xã. B. Đông Dương cộng sản đảng.
C. An Nam cộng sản đảng. D. Đông dương cộng sản liên đoàn.
Câu 8. Tiền thân tổ chức cách mạng của Đông Dương cộng sản liên đoàn là
A. Cộng sản đoàn. B. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.
C. Tân Việt cách mạng đảng. D. Việt Nam quốc dân đảng.
Câu 9. Tại số nhà 5D phố Hàm Long (Hà Nội) là nơi diễn ra sự kiện
A. chi bộ cộng sản đầu tiên ở Việt Nam ra đời.
B. đại hội toàn quốc lần thứ nhất của Việt Nam cách mạng thanh niên.
C. thành lập Đông Dương cộng sản liên đoàn.
D. thành lập An Nam cộng sản đảng.
Câu 10. An Nam Cộng sản đảng ra đời trên cơ sở
A. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở Bắc kì.
B. những hội viên tiên tiến trong Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở Tổng bộ và Kì bộ Nam Kì.
C. các hội viên tiên tiến trong Tân Việt cách mạng đảng.
D. thành viên còn lại của Việt Nam quốc dân đảng.
Câu 11. Nguyễn Ái Quốc triệu tập hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản với cương vị là
A. Người sáng lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.
B. Người đọc được bản sơ thảo luận cương của Lê Nin.
C. phái viên của Quốc tế cộng sản.
D. Người truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam.
Câu 12. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng xác định mục tiêu chiến lược của cách mạng Việt Nam là
A. tiến hành cách mạng tư sản dân quyền và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản.
B. tiến hành cách mạng tư sản dân quyền, bỏ qua thời kỳ TBCN, sau đó tiến thẳng lên con đường XHCN.
C. xây dựng chính quyền công nông binh, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.
D. đánh đổ đế quốc và phong kiến làm cho Việt Nam hoàn toàn độc lập.
Thông hiểu:
Câu 13. Cho các sự kiện: 1. Phong trào "Vô sản hóa". 2. Thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.
3. Thành lập Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á Đông.
Sắp xếp các sự kiện theo trình tự thời gian
A. 1,2,3. B. 2,3,1. C. 3,2,1. D. 1,3,2.
Câu 14. Lí giải nguyên nhân khách quan dẫn đến sự thất bại của cuộc khởi nghĩa Yên Bái?
A. Việt Nam quốc dân đảng tổ chức còn lỏng lẻo
B. giai cấp tư sản còn nhỏ, yếu cả về kinh tế lẫn chính trị nên không đủ sức nắm vững ngọn cờ cách mạng
C. thực dân Pháp còn mạnh.

D. thiếu đường lối chính trị đúng đắn.
Câu 15. Lực lượng nào dưới đây nắm quyền lãnh đạo trong Việt Nam Quốc dân đảng?
A. Giai cấp công nhân. B. Đại diện của trí thức tiểu tư sản và tư sản dân tộc.
C. Đại diện giai cấp nông dân. D. Đại diện giai cấp tư sản dân tộc và giai cấp công nhân.
Câu 16. Nguyên nhân nào quan trọng nhất dẫn đến sự phát triển của phong trào công nhân trong giai đoạn 1926-1929?
A. Vai trò của hội viên Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên, đặc biệt phong trào "vô sản hóa".
B. Ảnh hưởng của phong trào cách mạng thế giới.
C. Giai cấp công nhân giác ngộ về chính trị.
D. Tác động và ảnh hưởng của cách mạng Trung Quốc.
Câu 17. Vai trò lớn nhất của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên đối với cách mạng Việt Nam?
A. lãnh đạo phong trào đấu tranh của công nhân. B. truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê nin về nước.
C. chuẩn bị về tổ chức cho việc thành lập Đảng cộng sản Việt Nam. D. thực hiện phong trào "vô sản hóa".
Câu 18. Ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam lần lượt ra đời trong bối cảnh lịch sử như thế nào?
A. Phong trào dân chủ phát triển mạnh mẽ, sôi nổi, rộng khắp.
B. Phong trào yêu nước phát triển theo khuynh hướng vô sản.
C. Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên bị phân liệt.
D. Yêu cầu thành lập các tổ chức cộng sản.
Câu 19. Trong quá trình vận động thành lập Đảng, Nguyễn Ái Quốc đã sáng lập tổ chức cách mạng nào?
A. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên. B. Cộng sản đoàn.
C. Tân Việt cách mạng đảng. D. Việt Nam quốc dân đảng.
Câu 20. Tác phẩm nào được xuất bản năm 1927 trên cơ sở tập hợp những bài giảng của Nguyễn Ái Quốc tại các lớp huấn luyện cho cán bộ, hội viên Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên?
A. Người cùng khổ. B. Bản Án chế độ thực dân Pháp.
C. Báo Thanh Niên. D. Đường Kách mệnh.
Câu 21. Nguyên nhân cơ bản quyết định sự thành công của Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam?
A. Giữa các đại biểu các tổ chức cộng sản không có mâu thuẫn về hệ tư tưởng.
B. Giữa các đại biểu các tổ chức cộng sản đều tuân theo điều lệ quốc tế vô sản.
C. Đáp ứng đúng yêu cầu thực tiễn cách mạng Việt Nam và sự chủ động của Nguyễn Ái Quốc.
D. Do được sự quan tâm của quốc tế cộng sản và uy tín cao của Nguyễn Ái Quốc.
Câu 22. Văn kiện nào đầu tiên của Đảng đặt nhiệm vụ chống đế quốc lên hàng đầu?
A. Cương lĩnh chính trị do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo.
B. Luận cương chính trị do Trần Phú soạn thảo.
C. Tác phẩm Đường kách mệnh của Nguyễn Ái Quốc.
D. Nghị quyết đại hội lần thứ nhất của Đảng tại Ma Cao – Trung Quốc.
Câu 23. Đâu là tư tưởng cốt lõi của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo?
A. Độc lập dân tộc và tự do. B. Độc lập dân tộc và ruộng đất.
C. Độc lập dân tộc và dân chủ. D. Độc lập dân tộc và bình đẳng.
Câu 24. Cho các sự kiện:
1. Thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên. 2. Thông qua chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt của Đảng. 3. Hợp nhất ba tổ chức cộng sản thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam
Hãy sắp xếp các sự kiện theo trình tự thời gian
A. 1,2,3. B. 3,2,1. C. 1,3,2. D. 3,1,2.
Câu 25. Điểm giống nhau giữa Hội Việt Nam cách mạng thanh niên và Việt Nam quốc dân đảng?
A. Đều là các tổ chức cách mạng. B. Đều là các tổ chức cộng sản.
C. Đều là các tổ chức chính trị theo khuynh hướng vô sản.

D. Đều là các tổ chức yêu nước theo khuynh hướng tư sản.
Câu 26. Tác dụng lớn nhất của phong trào "vô sản hóa" ở Việt Nam trong những thập niên hai mươi của thế kỷ XX?
A. Thúc đẩy phong trào đấu tranh của mọi tầng lớp nhân dân.
B. Nâng cao ý thức chính trị, giác ngộ giai cấp công nhân.
C. Thúc đẩy phong trào đấu tranh của các giai cấp: nông dân, trí thức.
D. Phong trào công nhân trở thành nòng cốt của phong trào yêu nước.
Câu 27. Phong trào đấu tranh của công nhân trong giai đoạn 1926-1929 có điểm gì khác so với phong trào công nhân giai đoạn 1919-1925?
A. Phong trào diễn ra dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng cộng sản.
B. Các cuộc diễn ra quyết liệt đòi các mục tiêu về kinh tế.
C. Phong trào đã thu nhiều thắng lợi quan trọng.
D. Các cuộc đấu tranh đã mang tính chất chính trị rõ rệt, bắt đầu có sự liên kết thành các phong trào chung.
Câu 28. Nội dung nào dưới đây khẳng định nguyên tắc tư tưởng của Việt Nam Quốc dân đảng?
A. Tự do - Bình đẳng - Bác ái.
B. Cổ động bãi công, đánh đuổi giặc Pháp.
C. Đánh đổ ngôi vua, thiết lập dân quyền.
D. Độc lập dân tộc, tự do cho nhân dân.
Câu 29. Nhận xét vai trò lớn nhất của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên đối với cách mạng Việt Nam?
A. Truyền bá lí luận giải phóng dân tộc về Việt Nam.
B. Làm cho giai cấp công nhân ngày càng giác ngộ.
C. khuynh hướng vô sản ngày càng chiếm ưu thế trong phong trào dân tộc.
D. Góp phần chuẩn bị về tư tưởng chính trị và tổ chức, tạo điều kiện cho sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam.
Câu 30. Tại sao nói Nguyễn Ái Quốc đã trực tiếp chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời chính đảng vô sản ở Việt Nam?
A. Người đã tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho cách mạng Việt Nam, con đường cách mạng vô sản.
B. Người đã lập ra Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á đông, hiểu được vai trò của cách mạng các nước thuộc địa.
C. Người đã tiếp nhận được ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin và đã có công truyền bá vào nước ta.
D. Người đã thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên tiền thân của của Đảng ta.
Câu 31. Nhận xét nào dưới đây là ý nghĩa của sự thành lập ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam năm 1929?
A. Chấm dứt thời kì khủng hoảng về đường lối của cách mạng Việt Nam.
B. Mở ra một bước ngoặt lịch sử vô cùng to lớn cho cách mạng Việt Nam.
C. Là bước chuẩn bị trực tiếp cho sự thành lập đảng Cộng sản Việt Nam.
D. Là kết quả tất yếu của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở Việt Nam.
Câu 32. Đánh giá ý nghĩa lớn nhất của phong trào công nhân đối với sự thành lập Đảng cộng sản Việt Nam?
A. Là cơ sở để tiếp thu chủ nghĩa Mác – Lê nin, lí luận cách mạng giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái quốc.
B. Phong trào công nhân đã đóng góp vai trò trung tâm của phong trào giải phóng dân tộc.
C. Thúc đẩy các phong trào yêu nước phát triển theo khuynh hướng vô sản.
D. Là một nhân tố để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
Câu 33. Phân tích nội dung nào sau đây trong cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo thể hiện tính đúng đắn và sáng tạo?
A. Đặt vấn đề dân tộc lên hàng đầu và đánh giá đúng khả năng cách mạng của giai cấp công nhân và nông dân.
B. Đặt vấn đề dân tộc lên hàng đầu và đánh giá đúng khả năng cách mạng của các giai cấp trong xã hội Việt Nam.
C. Đặt vấn đề đấu tranh giai cấp lên hàng đầu và đánh giá đúng khả năng cách mạng của các giai cấp trong xã hội Việt Nam.

D. Đặt vấn đề đấu tranh giai cấp lên hàng đầu và thấy được khả năng cách mạng của giai cấp công nhân và nông dân.
Câu 34. Nhận xét nào dưới đây là đúng về vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản (3/2/1930)?
A. Thống nhất các tổ chức cộng sản để thành lập một đảng duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam, soạn thảo cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.
B. Thống nhất các tổ chức cộng sản để thành lập một đảng duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Đông Dương; thông qua chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt.
C. Thống nhất các tổ chức cộng sản để thành lập một đảng duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Đông Dương, tiếp tục truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào Việt Nam.
D. Thống nhất các tổ chức cộng sản để thành lập một đảng duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam, bầu ban chấp hành trung ương chính thức của Đảng.
Câu 35. Nhận xét nào dưới đây là đúng về lực lượng cách mạng được xác định trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo?
A. Công nhân và nông dân là lực lượng nòng cốt đánh đổ đế quốc và phong kiến.
B. Công nhân, nông dân và các tầng lớp tiểu tư sản, tri thức, trung nông hăng hái cách mạng.
C. Công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản và địa chủ phong kiến động lực cách mạng.
D. Công nhân, nông dân và các tầng lớp tiểu tư sản, tri thức là lực lượng cách mạng chủ yếu.
Câu 36. Chứng minh rằng sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là bước ngoặt vĩ đại đối với cách mạng Việt Nam?
A. Là sự kết hợp tất yếu của quá trình đấu tranh dân tộc và giai cấp ở Việt Nam.
B. Chấm dứt thời kì khủng hoảng đường lối, là bước chuẩn bị đầu tiên có tính chất quyết định cho thắng lợi của cách mạng Việt Nam.
C. Chấm dứt thời kì khủng hoảng đường lối và giai cấp lãnh đạo đối với cách mạng Việt Nam.
D. Chấm dứt thời kì khủng hoảng về giai cấp lãnh đạo của cách mạng Việt Nam, đưa cách mạng tiến lên một bước mới.
Câu 37. Phân tích nguyên nhân tiến hành triệu tập hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (1930)?
A. Thay thế vai trò của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.
B. Chấm dứt sự chia rẽ giữa các tổ chức cộng sản.
C. Ý muốn chủ quan của Nguyễn Ái Quốc.
D. Yêu cầu của Quốc tế cộng sản.
Câu 38. Phân tích các yếu tố cơ bản nào dẫn đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930?
A. Chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân.
B. Chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào tiểu tư sản, phong trào yêu nước.
C. Chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước.
D. Chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân, tư sản dân tộc.
Câu 39. Đánh giá vai trò chủ yếu của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên đối với phong trào công nhân Việt Nam?
A. Truyền bá chủ nghĩa Mác Lê-nin, lãnh đạo công nhân Việt Nam đấu tranh.
B. Truyền bá chủ nghĩa Mác Lê-nin, xây dựng cơ sở và thúc đẩy phong trào công nhân phát triển.
C. Truyền bá chủ nghĩa Mác Lê-nin, giúp cho công nhân Việt Nam tăng nhanh về số lượng.
D. Truyền bá chủ nghĩa Mác Lê-nin, giúp công nhân Việt Nam xây dựng tổ chức.
Câu 40. Vì sao Hội nghị thành lập Đảng đầu năm 1930 có ý nghĩa quan trọng đối với cách mạng Việt Nam?
A. Đánh dấu sự thống nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam.
B. Thống nhất phong trào cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của một Đảng Cộng sản, có đường lối cách mạng đúng đắn.
C. Có ý nghĩa như một Đại hội thành lập Đảng.
D. Thông qua cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

Nhận biết:

Câu 1. Tiền thân của chính đảng vô sản ở Việt Nam là

A. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên. B. Cộng sản Đoàn.

C. Tâm tâm xã. D. Tân Việt cách mạng đảng.

Câu 2. "Cộng sản đoàn" là tiền thân của tổ chức

A. Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên. B. Việt Nam quốc dân đảng.

C. Tân Việt cách mạng đảng. D. Đông Dương Cộng sản đảng.

Câu 3. Cơ quan ngôn luận của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên là

A. báo "An Nam trẻ". B. Báo "Chuông Rè".

C. báo "Người nhà quê". D. báo "Thanh niên".

Câu 4. Tháng 12-1927, Nguyễn Thái Học, Phó Đức Chính đã thành lập

A. Tân Việt Cách mạng đảng. B. Việt Nam quốc dân đảng.

C. Đông Dương cộng sản đảng. D. Đông Dương cộng sản liên đoàn.

Câu 5. Đầu năm 1929 Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên bị phân hóa thành các tổ chức cộng sản

A. Đông Dương Cộng sản Đảng và nhóm Cộng sản đoàn.

B. An Nam Cộng sản Đảng và Tân Việt cách mạng Đảng.

C. Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng.

D. Đông Dương Cộng sản Đảng và Đông sản Dương Cộng liên đoàn.

Câu 6. Chủ trương "vô sản hóa" do tổ chức nào phát động?

A. Tân Việt Cách mạng đảng. B. Việt Nam Quốc Dân đảng.

C. Đông Dương Cộng sản đảng. D. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

Câu 7. Tổ chức cộng sản ra đời đầu tiên ở Việt Nam là

A. Tâm Tâm xã. B. Đông Dương Cộng sản đảng.

C. An Nam Cộng sản đảng. D. Đông dương Cộng sản liên đoàn.

Câu 8. Tiền thân tổ chức cách mạng của Đông Dương Cộng sản liên đoàn là

A. Cộng sản đoàn. B. Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên.

C. Tân Việt cách mạng đảng. D. Việt Nam Quốc Dân đảng.

Câu 9. Tại số nhà 5D phố Hàm Long (Hà Nội) là nơi diễn ra sự kiện

A. chi bộ cộng sản đầu tiên ở Việt Nam ra đời.

B. đại hội toàn quốc lần thứ nhất của Việt Nam cách mạng thanh niên.

C. thành lập Đông Dương cộng sản liên đoàn.

D. thành lập An Nam cộng sản đảng.

Câu 10. An Nam Cộng sản đảng ra đời trên cơ sở

A. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở Bắc kì.

B. những hội viên tiên tiến trong Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở Tổng bộ và Kì bộ Nam Kì.

C. các hội viên tiên tiến trong Tân Việt cách mạng đảng.

D. thành viên còn lại của Việt Nam quốc dân đảng.

Câu 11. Nguyễn Ái Quốc triệu tập hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản với cương vị là

A. Người sáng lập Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên.

B. Người đọc được bản sơ thảo luận cương của Lê Nin.

C. phái viên của Quốc tế cộng sản.

D. Người truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam.

Câu 12. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng xác định mục tiêu chiến lược của cách mạng Việt Nam là

A. tiến hành cách mạng tư sản dân quyền và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản.

B. tiến hành cách mạng tư sản dân quyền, bỏ qua thời kỳ TBCN, sau đó tiến thẳng lên con đường XHCN.

C. xây dựng chính quyền công nông binh, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

D. đánh đổ đế quốc và phong kiến làm cho Việt Nam hoàn toàn độc lập.

Câu 13. Cho các sự kiện: 1. Phong trào "Vô sản hóa". 2. Thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

3. Thành lập Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á Đông
Sắp xếp các sự kiện theo trình tự thời gian
A. 1,2,3. B. 2,3,1. C. 3,2,1. D. 1,3,2.
Câu 14. Lí giải nguyên nhân khách quan dẫn đến sự thất bại của cuộc khởi nghĩa Yên Bái?
A. Việt Nam quốc dân đảng tổ chức còn lỏng lẻo.
B. giai cấp tư sản còn nhỏ, yếu cả về kinh tế lẫn chính trị nên không đủ sức nắm vững ngọn cờ cách mạng.
C. thực dân Pháp còn mạnh. D. thiếu đường lối chính trị đúng đắn.
Câu 15. Lực lượng nào dưới đây nắm quyền lãnh đạo trong Việt Nam Quốc dân đảng?
A. Giai cấp công nhân. B. Đại diện của trí thức tiểu tư sản và tư sản dân tộc.
C. Đại diện giai cấp nông dân. D. Đại diện giai cấp tư sản dân tộc và giai cấp công nhân.
Câu 16. Nguyên nhân nào quan trọng nhất dẫn đến sự phát triển của phong trào công nhân trong giai đoạn 1926-1929?
A. Vai trò của hội viên Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên, đặc biệt phong trào "vô sản hóa".
B. Ảnh hưởng của phong trào cách mạng thế giới.
C. Giai cấp công nhân giác ngộ về chính trị.
D. Tác động và ảnh hưởng của cách mạng Trung Quốc.
Câu 17. Vai trò lớn nhất của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên đối với cách mạng Việt Nam?
A. lãnh đạo phong trào đấu tranh của công nhân. B. truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê nin về nước.
C. chuẩn bị về tổ chức cho việc thành lập Đảng cộng sản Việt Nam.
D. thực hiện phong trào "vô sản hóa".
Câu 18. Ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam lần lượt ra đời trong bối cảnh lịch sử như thế nào?
A. Phong trào dân chủ phát triển mạnh mẽ, sôi nổi, rộng khắp.
B. Phong trào yêu nước phát triển theo khuynh hướng vô sản.
C. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên bị phân liệt.
D. Yêu cầu thành lập các tổ chức cộng sản.
Câu 19. Trong quá trình vận động thành lập Đảng, Nguyễn Ái Quốc đã sáng lập tổ chức cách mạng nào?
A. Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên. B. Cộng sản đoàn.
C. Tân Việt cách mạng đảng. D. Việt Nam Quốc Dân đảng.
Câu 20. Tác phẩm nào được xuất bản năm 1927 trên cơ sở tập hợp những bài giảng của Nguyễn Ái Quốc tại các lớp huấn luyện cho cán bộ, hội viên Hội Việt Nam cách mạng thanh niên?
A. Người cùng khổ. B. Bản Án chế độ thực dân Pháp.
C. Báo Thanh Niên. D. Đường Kách mệnh.
Câu 21. Nguyên nhân cơ bản quyết định sự thành công của Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam?
A. Giữa các đại biểu các tổ chức cộng sản không có mâu thuẫn về hệ tư tưởng.
B. Giữa các đại biểu các tổ chức cộng sản đều tuân theo điều lệ quốc tế vô sản.
C. Đáp ứng đúng yêu cầu thực tiễn cách mạng Việt Nam và sự chủ động của Nguyễn Ái Quốc.
D. Do được sự quan tâm của quốc tế cộng sản và uy tín cao của Nguyễn Ái Quốc.
Câu 22. Văn kiện nào đầu tiên của Đảng đặt nhiệm vụ chống đế quốc lên hàng đầu?
A. Cương lĩnh chính trị do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo.
B. Luận cương chính trị do Trần Phú soạn thảo.
C. Tác phẩm Đường kách mệnh của Nguyễn Ái Quốc.
D. Nghị quyết đại hội lần thứ nhất của Đảng tại Ma Cao – Trung Quốc.
Câu 23. Đâu là tư tưởng cốt lõi của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo?
A. Độc lập dân tộc và tự do. B. Độc lập dân tộc và ruộng đất.
C. Độc lập dân tộc và dân chủ. D. Độc lập dân tộc và bình đẳng.
Câu 24. Cho các sự kiện:

1. Thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.
2. Thông qua chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt của Đảng.
3. Hợp nhất ba tổ chức cộng sản thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam
Hãy sắp xếp các sự kiện theo trình tự thời gian
A. 1,2,3. B. 3,2,1. C. 1,3,2. D. 3,1,2.

Vận dụng.

Câu 25. Điểm giống nhau giữa Hội Việt Nam cách mạng thanh niên và Việt Nam quốc dân đảng?
A. Đều là các tổ chức cách mạng.
B. Đều là các tổ chức cộng sản.
C. Đều là các tổ chức chính trị theo khuynh hướng vô sản.
D. Đều là các tổ chức yêu nước theo khuynh hướng tư sản.

Câu 26. Tác dụng lớn nhất của phong trào "vô sản hóa" ở Việt Nam trong những thập niên hai mươi của thế kỷ XX?
A. Thúc đẩy phong trào đấu tranh của mọi tầng lớp nhân dân.
B. Nâng cao ý thức chính trị, giác ngộ giai cấp công nhân.
C. Thúc đẩy phong trào đấu tranh của các giai cấp: nông dân, trí thức.
D. Phong trào công nhân trở thành nòng cốt của phong trào yêu nước.

Câu 27. Phong trào đấu tranh của công nhân trong giai đoạn 1926-1929 có điểm gì khác so với phong trào công nhân giai đoạn 1919-1925?
A. Phong trào diễn ra dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng cộng sản.
B. Các cuộc diễn ra quyết liệt đòi các mục tiêu về kinh tế.
C. Phong trào đã thu nhiều thắng lợi quan trọng.
D. Các cuộc đấu tranh đã mang tính chất chính trị rõ rệt, bắt đầu có sự liên kết thành các phong trào chung.

Câu 28. Nội dung nào dưới đây khẳng định nguyên tắc tư tưởng của Việt Nam Quốc dân đảng?
A. Tự do - Bình đẳng - Bác ái. B. Cổ động bãi công, đánh đuổi giặc Pháp.
C. Đánh đổ ngôi vua, thiết lập dân quyền. D. Độc lập dân tộc, tự do cho nhân dân.

Câu 29. Nhận xét vai trò lớn nhất của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên đối với cách mạng Việt Nam?
A. Truyền bá lí luận giải phóng dân tộc về Việt Nam.
B. Làm cho giai cấp công nhân ngày càng giác ngộ.
C. khuynh hướng vô sản ngày càng chiếm ưu thế trong phong trào dân tộc.
D. Góp phần chuẩn bị về tư tưởng chính trị và tổ chức, tạo điều kiện cho sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam.

Câu 30. Tại sao nói Nguyễn Ái Quốc đã trực tiếp chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời chính đảng vô sản ở Việt Nam?
A. Người đã tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho cách mạng Việt Nam, con đường cách mạng vô sản.
B. Người đã lập ra Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á đông, hiểu được vai trò của cách mạng các nước thuộc địa.
C. Người đã tiếp nhận được ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin và đã có công truyền bá vào nước ta.
D. Người đã thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên tiền thân của của Đảng ta.

Câu 31. Nhận xét nào dưới đây là ý nghĩa của sự thành lập ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam năm 1929?
A. Chấm dứt thời kì khủng hoảng về đường lối của cách mạng Việt Nam.
B. Mở ra một bước ngoặt lịch sử vô cùng to lớn cho cách mạng Việt Nam.
C. Là bước chuẩn bị trực tiếp cho sự thành lập đảng Cộng sản Việt Nam.
D. Là kết quả tất yếu của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở Việt Nam.

Câu 32. Đánh giá ý nghĩa lớn nhất của phong trào công nhân đối với sự thành lập Đảng cộng sản Việt Nam?
A. Là cơ sở để tiếp thu chủ nghĩa Mác – Lê nin, lí luận cách mạng giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái quốc.
B. Phong trào công nhân đã đóng góp vai trò trung tâm của phong trào giải phóng dân tộc.

C. Thúc đẩy các phong trào yêu nước phát triển theo khuynh hướng vô sản.
D. Là một nhân tố để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
Câu 33. Phân tích nội dung nào sau đây trong cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo thể hiện tính đúng đắn và sáng tạo?
A. Đặt vấn đề dân tộc lên hàng đầu và đánh giá đúng khả năng cách mạng của giai cấp công nhân và nông dân.
B. Đặt vấn đề dân tộc lên hàng đầu và đánh giá đúng khả năng cách mạng của các giai cấp trong xã hội Việt Nam.
C. Đặt vấn đề đấu tranh giai cấp lên hàng đầu và đánh giá đúng khả năng cách mạng của các giai cấp trong xã hội Việt Nam.
D. Đặt vấn đề đấu tranh giai cấp lên hàng đầu và thấy được khả năng cách mạng của giai cấp công nhân và nông dân.
Câu 34. Nhận xét nào dưới đây là đúng về vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản (3/2/1930)?
A. Thống nhất các tổ chức cộng sản để thành lập một đảng duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam, soạn thảo cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.
B. Thống nhất các tổ chức cộng sản để thành lập một đảng duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Đông Dương; thông qua chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt.
C. Thống nhất các tổ chức cộng sản để thành lập một đảng duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Đông Dương, tiếp tục truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào Việt Nam.
D. Thống nhất các tổ chức cộng sản để thành lập một đảng duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam, bầu ban chấp hành trung ương chính thức của Đảng.
Câu 35. Nhận xét nào dưới đây là đúng về lực lượng cách mạng được xác định trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo?
A. Công nhân và nông dân là lực lượng nòng cốt đánh đổ đế quốc và phong kiến.
B. Công nhân, nông dân và các tầng lớp tiểu tư sản, tri thức, trung nông hăng hái cách mạng.
C. Công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản và địa chủ phong kiến động lực cách mạng.
D. Công nhân, nông dân và các tầng lớp tiểu tư sản, tri thức là lực lượng cách mạng chủ yếu.
Câu 36. Chứng minh rằng sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là bước ngoặt vĩ đại đối với cách mạng Việt Nam?
A. Là sự kết hợp tất yếu của quá trình đấu tranh dân tộc và giai cấp ở Việt Nam.
B. Chấm dứt thời kì khủng hoảng đường lối, là bước chuẩn bị đầu tiên có tính chất quyết định cho thắng lợi của cách mạng Việt Nam.
C. Chấm dứt thời kì khủng hoảng đường lối và giai cấp lãnh đạo đối với cách mạng Việt Nam.
D. Chấm dứt thời kì khủng hoảng về giai cấp lãnh đạo của cách mạng Việt Nam, đưa cách mạng tiến lên một bước mới.
Câu 37. Phân tích nguyên nhân tiến hành triệu tập hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (1930)?
A. Thay thế vai trò của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.
B. Chấm dứt sự chia rẽ giữa các tổ chức cộng sản.
C. Ý muốn chủ quan của Nguyễn Ái Quốc.
D. Yêu cầu của Quốc tế cộng sản.
Câu 38. Phân tích các yếu tố cơ bản nào dẫn đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930?
A. Chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân.
B. Chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào tiểu tư sản, phong trào yêu nước.
C. Chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước.
D. Chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân, tư sản dân tộc.
Câu 39. Đánh giá vai trò chủ yếu của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên đối với phong trào công nhân Việt Nam?

A. Truyền bá chủ nghĩa Mác Lê-nin, lãnh đạo công nhân Việt Nam đấu tranh.
B. Truyền bá chủ nghĩa Mác Lê-nin, xây dựng cơ sở và thúc đẩy phong trào công nhân phát triển.
C. Truyền bá chủ nghĩa Mác Lê-nin, giúp cho công nhân Việt Nam tăng nhanh về số lượng.
D. Truyền bá chủ nghĩa Mác Lê-nin, giúp công nhân Việt Nam xây dựng tổ chức.
Câu 40. Vì sao Hội nghị thành lập Đảng đầu năm 1930 có ý nghĩa quan trọng đối với cách mạng Việt Nam?
A. Đánh dấu sự thống nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam.
B. Thống nhất phong trào cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của một Đảng Cộng sản, có đường lối cách mạng đúng đắn.
C. Có ý nghĩa như một Đại hội thành lập Đảng.
D. Thông qua cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

Bài 14 - Phong trào cách mạng 1930 - 1935

Câu 1: Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933) đã tác động đến tình hình kinh tế và xã hội Việt Nam ra sao?
A. Pháp trút gánh nặng của cuộc khủng hoảng vào tất cả các nước thuộc địa.
B. Đời sống nhân dân thuộc địa càng cơ cực, đói khổ.
C. Kinh tế suy thoái, khủng hoảng, phụ thuộc vào kinh tế Pháp.
D. Kinh tế chịu đựng hậu quả nặng nề, đời sống nhân dân khổ cực.
Câu 2: Trong các nguyên nhân sau đây, nguyên nhân nào là cơ bản nhất, quyết định sự bùng nổ phong trào cách mạng 1930- 1931?
A. Ảnh hưởng cuộc khủng hoảng kinh tế 1929- 1933 làm cho đời sống nhân dân cơ cực
B. Thực dân Pháp tiến hành khủng bố trắng sau khởi nghĩa Yên Bái.
C. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, kịp thời lãnh đạo công, nông đấu tranh chống đế quốc và phong kiến.
D. Địa chủ phong kiến tay sai của thực dân Pháp tăng cường bóc lột nhân dân Việt Nam.
Câu 3: Hai khẩu hiệu mà Đảng ta vận dụng trong phong trào cách mạng 1930- 1931 là?
A. "Độc lập dân tộc" và "Ruộng đất dân cày"..
B. "Tự do dân chủ" và "cơm áo hòa bình".
C. "Giải phóng dân tộc" và "tịch thu ruộng đất của đế quốc Việt gian".
D. "Chống đế quốc" và "Chống phát xít, chống chiến tranh".
Câu 4: Nguyên nhân nào làm cho phong trào ở Nghệ - Tĩnh lên cao?
A. Vì Nghệ - Tĩnh đã lập được chính quyền xô viết.
B. Vì Nghệ - Tĩnh có tổ chức cộng sản và cơ sở đảng khá mạnh.
C. Vì nhân dân ở đây có lòng yêu nước và căm thù giặc sâu sắc.
D. Vì cơ sở công nghiệp Vinh – Bến Thủy ở Nghệ - Tĩnh là trung tâm kỹ nghệ lớn nhất ở Việt Nam.
Câu 5: Căn cứ vào đâu để khẳng định Xô viết Nghệ - Tĩnh là hình thức sơ khai của chính quyền công nông ở nước ta, và đó thực sự là chính quyền cách mạng của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng?
A. Thể hiện rõ bản chất cách mạng. Đó là chính quyền của dân, do dân, vì dân...
B. Vì lần đầu tiên chính quyền của địch tan rã, chính quyền của giai cấp vô sản được thiết lập trong cả nước.
C. Lần đầu tiên chính quyền Xô viết thực hiện những chính sách thể hiện tính tự do dân chủ của một dân tộc được độc lập
D. Chính quyền Xô viết thành lập đó là thành quả đấu tranh gian khổ của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng.
Câu 6: Công tác mặt trận được xây dựng thời kỳ cách mạng 1930- 1931 gọi tên là gì?
A. Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương
B. Mặt trận dân chủ Đông Dương
C. Hội phản đế Đông Dương
D. Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương
Câu 7: Mục tiêu đấu tranh trong thời kỳ cách mạng 1930 – 1931 là gì?
A. Chống đế quốc và phong kiến đòi độc lập dân tộc và ruộng đất dân cày

B. Chống bọn phản động thuộc địa và tay sai của chúng, đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình
C. Chống đế quốc và phát xít Pháp – Nhật, đòi độc lập cho dân tộc
D. Chống phát xít, chống chiến tranh, bảo vệ hòa bình
Câu 8: Chính quyền cách mạng ở Nghệ - Tĩnh được gọi là chính quyền Xô viết vì:
A. **Nhân dân đứng lên tự quản lí đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa phương.**
B. Chính quyền do giai cấp công nhân lãnh đạo.
C. **Hình thức của chính quyền theo kiểu Xô viết (Nga).**
D. **Hình thức chính quyền theo kiểu nhà nước mới.**
Câu 9: Trong các nội dung sau đây, nội dung nào không thuộc luận cương chính trị tháng 10/1930:
A. Cách mạng Việt Nam phải trải qua hai giai đoạn: cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng xã hội chủ nghĩa.
B. Cách mạng do Đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo
C. Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới
D. Lực lượng để đánh đuổi đế quốc và phong kiến là công nông. Đồng thời "phải biết liên lạc với tiểu tư sản, tri thức, trung nông ... để kéo họ về phe vô sản giai cấp"
Câu 10: Từ tháng 5 đến tháng 8 - 1930, trung tâm của phong trào cách mạng chủ yếu diễn ra ở đâu?
A. Miền Trung B. Miền Bắc
C. Miền Nam D. Trong cả nước
Câu 11: Trong các nội dung sau đây, nội dung nào không thuộc luận cương chính trị tháng 10/1930
A. Cách mạng Việt Nam phải trải qua hai giai đoạn: cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng xã hội chủ nghĩa.
B. Cách mạng do Đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo
C. Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới
D. Lực lượng để đánh đuổi đế quốc và phong kiến là công nông. Đồng thời "phải biết liên lạc với tiểu tư sản, tri thức, trung nông ... để kéo họ về phe vô sản giai cấp"
Câu 12: Lực lượng cách mạng được nêu ra trong Luận cương chính trị tháng 10 năm 1930 là:
A. Công nhân, nông dân
B. Công nhân, nông dân và tiểu tư sản
C. Công nhân, nông dân, tư sản và tiểu tư sản
D.Công nhân, nông dân và trí thức
Câu 13: ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 nặng nề nhất đối với ngành sản xuất nào của Việt Nam:
A. Nông nghiệp B. Công nghiệp
C. Thủ công nghiệp D. Thương nghiệp
Câu 14: Bài học kinh nghiệm về lực lượng cách mạng được rút ra trong phong trào cách mạng 1930-1931 là gì?
A. Về tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh
B. Xây dựng khối liên minh công nông
C. Xây dựng khối đoàn kết dân tộc
D. Xây dựng khối liên minh công nông và mặt trận thống nhất
Câu 15: Mục tiêu đấu tranh trong thời kỳ cách mạng 1930 – 1931 là gì?
A. Chống đế quốc và phong kiến đòi độc lập dân tộc và ruộng đất dân cày
B. Chống bọn phản động thuộc địa và tay sai của chúng, đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình
C. Chống đế quốc và phát xít Pháp – Nhật, đòi độc lập cho dân tộc
D. Chống phát xít, chống chiến tranh, bảo vệ hòa bình
Câu 16: Qua thực tế lãnh đạo phong trào cách mạng 1930-1931, Đảng ta đã trưởng thành nhanh chóng. Do đó, tháng 4/1931 Đảng ta được quốc tế cộng sản công nhận**:**
A. Là một chi bộ của quốc tế cộng sản

B. Là một Đảng trong sạch vững mạnh
C. Là một Đảng đủ khả năng lãnh đạo cách mạng
D. Là một Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam

Câu 17. Tình hình kinh tế Việt Nam trong những năm 1929-1933 như thế nào?
A. Bước đầu phát triển. B. Phát triển mạnh mẽ.
C. Khủng hoảng trầm trọng D. Bước vào thời kỳ suy thoái.

Câu 18. Chính sách kinh tế nào **không** phải do chính quyền Xô Viết Nghệ Tĩnh thực hiện trong những năm 1930-1931?
A. Bãi bỏ thuế thân. B. Cải cách ruộng đất.
C. Xóa nợ cho người nghèo. D. Chia ruộng đất công cho dân cày.

Câu 19. Bức tranh dưới đây phản ánh sự kiện nào của lịch sử Việt Nam?

A. Đấu tranh trong phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh (1930-1931).
B. Cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn (9/1940).
C. Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ (11/1940).
D. Phong trào "Phá kho thóc của Nhật, giải quyết nạn đói" (3/1945).

Câu 20. Đối tượng của cách mạng Việt Nam được xác định trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (2/1930) là
A. phong kiến, đế quốc. B. đế quốc, tư sản phản cách mạng.
C. thực dân Pháp và tư sản mại bản. D. đế quốc, phong kiến và tư sản phản cách mạng.

Câu 21. Luận cương chính trị (10/1930) xác định nhiệm vụ của cách mạng Đông Dương là
A. đánh đổ thực dân Pháp và bọn tay sai. B. đánh đổ phong kiến và đánh đổ đế quốc.
C. đánh đổ đế quốc, tư sản phản cách mạng.
D. đánh đổ đế quốc, phong kiến và tư sản phản cách mạng.

Câu 22. Văn kiện nào được thông qua tại Hội nghị lần thứ nhất Ban chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam (10/1930)?
A. Báo cáo chính trị. B. Luận cương chính trị.
C. Cương lĩnh chính trị đầu tiên. D. Nghị quyết chính trị, Điều lệ Đảng.

Câu 21. Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng Cộng sản Đông Dương là
A. Trần Phú. B. Nguyễn Ái Quốc. C. Lê Hồng Phong. D. Nguyễn Văn Cừ.

Câu 23. Luận cương chính trị (10/1930) xác định lực lượng cách mạng Đông Dương gồm
A. công nhân, nông dân. B. nông dân, tiểu tư sản.
C. công nhân, tiểu tư sản, tư sản dân tộc. D. công nhân, nông dân, tiểu tư sản.

Câu 24. Lực lượng chủ yếu tham gia phong trào cách mạng 1930-1931 ở Việt Nam là
A. tiểu tư sản, công nhân B. công nhân và nông dân.
C. công nhân, nông dân, tiểu tư sản. D. công nhân, nông dân, tư sản dân tộc.

Câu 25. Cuộc khủng hoảng kinh tế ở Việt Nam trong những năm 1929-1933 bắt đầu từ ngành nào?
A. Nông nghiệp. B. Công nghiệp. C. Thủ công nghiệp. D. Thương nghiệp.

Câu 26. Hình thức đấu tranh chủ yếu trong phong trào 1930-1931 của nhân dân Nghệ - Tĩnh là gì?
A. Bãi công chính trị. B. Biểu tình có vũ trang tự vệ.
C. Mít tinh đòi quyền dân chủ. D. Đưa yêu sách cải thiện đời sống.
Câu 27. Vì sao cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933 lại có tác động, ảnh hưởng đến Việt Nam?
A. Vì Việt Nam là thuộc địa của Pháp.
B. Việt Nam là thị trường độc chiếm của Pháp.
C. Vì cuộc khủng hoảng có phạm vi ảnh hưởng trên toàn thế giới.
D.Vì kinh tế Việt Nam lệ thuộc vào nền kinh tế Pháp.
Câu 28. Vì sao nói Xô viết Nghệ - Tĩnh là đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930 – 1931?
A. Đã khẳng định quyền làm chủ của nông dân.
B. Đã đánh đổ thực dân Pháp và phong kiến tay sai.
C. Đã làm lung lay tận gốc chế độ phong kiến ở nông thôn trên cả nước.
D. Đã thiết lập được một chính quyền kiểu mới, của dân, do dân và vì dân.
Câu 29. Vì sao chính quyền được thành lập ở Nghệ - Tĩnh trong phong trào 1930 – 1931 được gọi là Xô viết?
A. Chính quyền đầu tiên của công nông.
B. Chính quyền do giai cấp công nhân lãnh đạo.
C. Chính quyền được tổ chức theo nhà nước kiểu mới.
D. Chính quyền được tổ chức theo kiểu Xô viết ở nước Nga.
Câu 30. Vì sao Nghệ -Tĩnh là địa phương đấu tranh mạnh nhất trong phong trào 1930-1931?
A. Là nơi tập trung đông đảo giai cấp công nhân.
B. Là nơi thành lập chính quyền Xô viết sớm nhất.
C. Là nơi có đội ngũ cán bộ Đảng đông nhất trong cả nước.
D. Là nơi có truyền thống anh dũng dân tộc chống giặc ngoại xâm.
Câu 31. Hạn chế lớn nhất của Luận cương chính trị tháng 10 năm 1930 là gì?
A. Đánh giá không đúng khả năng cách mạng của giai cấp nông dân.
B. Không đưa ngọn cờ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, nặng về đấu tranh giai cấp.
C. Xác định động lực cách mạng là giai cấp công nhân, nông dân, tiểu tư sản trí thức.
D. Cách mạng Đông Dương lúc đầu là CMTSDQ, bỏ qua TBCN, tiến thẳng lên con đường XHCN.
Câu 32. Tính chất triệt để của phong trào cách mạng 1930-1931 được thể hiện như thế nào?
A. Phong trào đấu tranh liên tục từ Bắc đến Nam
B. Phong trào đã hình thành được khối liên minh công- nông vững chắc
C. Phong trào đã giáng một đòn quyết liệt vào bọn thực dân, phong kiến.
D. Phong trào đã thành lập chính quyền cách mạng Xô Viết - Nghệ Tĩnh
Câu 33. Mâu thuẫn cơ bản nào tồn tại trong xã hội Việt Nam những năm 1930-1931?
A. Mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ phong kiến.
B. Mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp.
C. Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản với chính quyền thực dân.
D. Mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân với giai cấp tư sản.
Câu 34: Nét nổi bật của nền kinh tế Việt Nam trong những năm 1929 – 1933 là
A. ổn định. B. phát triển nhanh.
C. suy thoái, khủng hoảng. D. có bước phát triển mới.
Câu 35. Nguyên nhân quyết định dẫn tới sự phát triển mạnh của phong trào cách mạng 1930-1931 là gì?
A. Đời sống của nhân dân lao động đói khổ trầm trọng.
B. Ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933.
C. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, kịp thời lãnh đạo phong trào.
D. Thực dân Pháp tiến hành khủng bố trắng sau khởi nghĩa Yên Bái.
Câu 36. Thành quả đạt được lớn nhất của phong trào cách mạng 1930 – 1931 là gì?

A. Hình thành khối liên minh công nông.
B. Thành lập được chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh.
C. Đảng rút ra nhiều bài học quý báu trong lãnh đạo cách mạng.
D. Quần chúng được giác ngộ trở thành lực lượng chính trị hùng hậu .

Câu 37. Phong trào đấu tranh nào có ý nghĩa như cuộc tập dượt đầu tiên cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945?
A. phong trào dân chủ 1936 – 1939.
B. phong trào cách mạng 1930 – 1931.
C. phong trào giải phóng dân tộc 1939 – 1945.
D. cao trào kháng Nhật cứu nước từ tháng 3 đến giữa tháng 8/1945.

Câu 38. Hai khẩu hiệu " Độc lập dân tộc" và "Ruộng đất dân cày" được thể hiện rõ nét nhất trong giai đoạn nào của cách mạng Việt Nam?
A. 1930-1931. B. 1936-1939.
C. 1939-1945. D. 1945-1946.

Câu 39. Sự kiện nào chấm dứt thời kì khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo cách mạng Việt Nam?
A. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời B. Cách mạng tháng Tám thành công
C. Nguyễn Ái Quốc tìm thấy con đường cứu nước. D. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời.

Câu 40. Căn cứ vào đâu để khẳng định Xô Viết Nghệ - Tĩnh thực sự là chính quyền cách mạng của quần chúng?
A. Vì chính quyền này thực sự là của dân, do dân, vì dân...
B.Vì lần đầu tiên chính quyền của giai cấp vô sản được thiết lập trong cả nước.
C. Vì chính quyền này thực hiện những chính sách tiến bộ của một dân tộc được độc lập
D. Vì chính quyền này được thành lập từ thành quả đấu tranh gian khổ của nhân dân.

Câu 41: Điểm giống nhau giữa Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do đồng chí Nguyễn Ái Quốc khởi thảo và Luận cương chính trị do đồng chí Trần Phú soạn thảo?
A. Cách mạng Việt Nam phải trải qua hai giai đoạn: cách mạng tư sản dân **quyền và cách mạng xã hội chủ nghĩa.**
B. Nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam là Đảng của **giai cấp vô sản lãnh đạo.**
C. Nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là đánh đế quốc trước, đánh phong kiến sau.
D. Nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là đánh đánh phong kiến trước, đế quốc sau.

Câu 42. Điểm khác biệt căn bản của phong trào cách mạng 1930 – 1931 so với phong trào yêu nước trước năm 1930?
A. Quy mô phong trào rộng lớn trên cả nước.
B. Hình thức đấu tranh quyết liệt và triệt để hơn.
C. Lôi cuốn đông đảo quần chúng nhân dân tham gia.
D. Đây là phong trào cách mạng đầu tiên do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Câu 43: Bài học cơ bản nào cho cách mạng Việt Nam hiện nay được rút ra từ sự thất bại của phong trào 1930-1931?
A. Xây dựng khối liên minh công nông vững chắc. B. Tổ chức và lãnh đạo quần chính đấu tranh.
C. Xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất. D. Tổ chức, lãnh đạo quần chính đấu tranh công khai.

Bài 15 - Phong trào dân chủ 1936 - 1939

Câu 1. Nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt nam thời kì 1930 – 1945 là
A. đánh đuổi đế quốc xâm lược giành độc lập dân tộc.
B. đánh đổ các giai cấp bóc lột giành quyền tự do, dân chủ.
C. lật đổ chế độ phong kiến giành ruộng đất cho dân cày.
D. lật đổ chế độ phản động ở thuộc địa, cải thiện dân sinh.

Câu 2. Đường lối và phương pháp đấu tranh của Đảng đề ra thời kì (1936-1939) là căn cứ vào
A. chính sách của chính phủ mặt trận nhân dân Pháp ban hành. B. tình hình cụ thể của Việt Nam.

C. tình hình thế giới và châu Á. D. chủ nghĩa phát xít xuất hiện, đe doạ hoà bình an ninh thế giới.
Câu 3: Nhiệm vụ trực tiếp, trước mắt của cách mạng Đông Dương thời kì (1936-1939) là chống
A. đế quốc, phong kiến. B. bọn thực dân Pháp phản động và tay sai ở Đông dương.
C. chủ nghĩa phát xít. D. bọn đế quốc nói chung.
Câu 4: Căn cứ chủ yếu để Đảng ta dùng các hình thức đấu tranh công khai,hợp pháp trong phong trào dân chủ 1936 - 1939 là
A. chủ nghĩa phát xít xuất hiện, đe doạ hoà bình an ninh thế giới.
B. quốc tế Cộng sản chủ trương thành lập Mặt trận nhân dân ở các nước.
C. chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp ban hành chính sách tiến bộ cho thuộc địa.
D. đời sống của các tầng lớp nhân dân ta rất cực khổ.
Câu 5. Hình thức đấu tranh cơ bản của Phong trào Đông Dương đại hội năm 1936 là
A. bãi công và mít tinh. B. biểu tình.
C. khởi nghĩa vũ trang. D. tổ chức nhân dân họp để lập các bản "dân nguyện".
Câu 6. Đảng ta kết hợp phương pháp đấu tranh công khai và hợp pháp... ở thời kì (1936-1939) là do
A. chủ nghĩa phát xít xuất hiện, đe doạ hoà bình an ninh thế giới.
B. mục tiêu đấu tranh của ta là chính nghĩa.
C. chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp ban hành chính sách tiến bộ cho thuộc địa.
D. lực lượng dân chủ, yêu hòa bình của thế giới ủng hộ.
Câu 7. Mục tiêu cụ thể trước mắt của cao trào cách mạng 1936-1939 là gì?
A. Độc lập dân tộc. B. Các quyền tự do dân chủ cơ bản.
C. Ruộng đất cho dân cày. D. Người của Đảng ta giành một số ghế trong nghị viện.
Câu 8. Đặc điểm nổi bật nhất của cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939 là gì?
A. Uy tín và ảnh hưởng của Đảng được mở rộng và ăn sâu trong quần chúng nhân dân.
B. Chủ trương của Đảng được phổ biến, trình độ chính trị và công tác của Đảng viên được nâng cao.
C. Tập hợp được một lực lượng công - nông hùng mạnh.
D. Đảng đã tập hợp được lực lượng chính trị đông đảo và sử dụng hình thức, phương pháp đấu tranh phong phú.
Câu 9. Đâu là đối tượng chính của cách mạng trong giai đoạn 1936-1939 ?
A. Bọn đế quốc xâm lược. B. Địa chủ phong kiến.
C. Đế quốc và phong kiến. D. Một bộ phận đế quốc xâm lược và tay sai.
Câu 10. Nội dung nào sau đây thể hiện sự lãnh đạo nhạy bén của Đảng trước sự thay đổi của bối cảnh lịch sử trong hội nghị trung ương Đảng tháng 7/1936?
A. Xác định nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Đông Dương là đánh đế quốc và phong kiến.
B. Xác định nhiệm vụ trực tiếp của cách mạng Đông Dương là đánh phong kiến.
C. Xác định nhiệm vụ trực tiếp của cách mạng Đông Dương là đánh bọn phản động ở thuộc địa, chống phát xít.
D. Đưa ra phương pháp đấu tranh bí mật.
Câu 11. Nhiệm vụ của cách mạng được Đảng ta xác định trong thời kì 1936 – 1939 là gì ?
A. Đánh đổ đế quốc Pháp để giành độc lập dân tộc.
B. Đánh đổ phong kiến để người cày có ruộng.
C. Chống phát xít, chống phản động thuộc địa tay sai, đòi tự do dân chủ cơm áo hoà bình.
D. Chống bọn tư bản pháp và tư sản bóc lột công nhân.
Câu 12. Phương pháp đấu tranh cách mạng thời kì 1936 - 1939 là gì?
A. Kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang.
B. Hợp pháp và nửa hợp pháp, công khai và nửa công khai.
C. Đấu tranh công khai, trực diện với kẻ thù.
D. Đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ.
Câu 13. Thời kì (1936-1939) Đảng ta lập mặt trận có tên gọi là gì?

A. Mặt trận dân chủ Đông Dương. B. Mặt trận thống nhất.
C. Mặt trận phản đế Đông Dương. D. Mặt trận Liên Việt.
Câu 14. Sự kiện nào diễn ra trên thế giới tác động trực tiếp dẫn đến phong tràodân chủ (1936-1939)?
A. Chủ nghĩa phát xít xuất hiện, đe doạ hoà bình an ninh thế giới.
B. Quốc tế Cộng sản chủ trương thành lập Mặt trận nhân dân ở các nước.
C. Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp ban hành chính sách tiến bộ cho thuộc địa.
D. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933.
Câu 15. Nét nổi bật của tình hình xã hội Việt Nam (1936-1939) là
A. đời sống các tầng lớp nhân dân khó khăn cực khổ.
B. đa số nông dân không có ruộng đất để canh tác.
C. tư sản dân tộc phải chịu thuế cao, bị tư bản Pháp chèn ép.
D. số lượng công nhân thất nghiệp còn nhiều, số có việc làm thì lương thấp.
Câu 16. Trong cao trào dân chủ 1936-1939 Đảng chủ trương tập hợp những lực lượng nào?
A. Công nhân và nông dân. B. Cả dân tộc Việt Nam.
C. Công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản, địa chủ.
D. Mọi lực lượng dân tộc và một bộ phận người Pháp ở Đông Dương.
Câu 17. Phong trào dân chủ 1936 – 1939 ở Việt nam là một phong trào
A. có tính chất dân tộc sâu sắc. B. có tính chất dân chủ là chủ yếu.
C. có tính chất dân tộc, dân chủ, trong đó tính dân chủ là nét nổi bật.
D. mang tính dân tộc, dân chủ và nhân dân sâu sắc.
Câu 18. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 7 năm 1936, chủ trương thành lập
A. Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương. B. Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh.
C. Mặt trận Dân chủ Đông Dương. D. Mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương.
Câu 19. Hội nghị nào của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta chủ trương tạm gát khẩu hiệu : độc lập dân tộc và người cày có ruộng?
A. Hội nghị họp tháng 10 – 1930 . B. Hội nghị họp tháng 7 – 1936.
C. Hội nghị họp tháng 11 – 1939. D. Hội nghị họp tháng 5 – 1941.
Câu 20. Hậu quả bao trùm về mặt xã hội ở Việt Nam, mà cuộc khủng hoảng kinh tế gây ra trong những năm 1929 - 1933 là gì?
A. Nhiều công nhân, viên chức bị sa thải, thợ thủ công thất nghiệp.
B. Làm trầm trọng thêm tình trạng đói khổ của các tầng lớp nhân dân lao động.
C. Nông dân phải chịu thuế cao, lãi nặng, bị mất ruộng đất, cuộc sống bần cùng.
D. Số đông tư sản dân tộc gặp nhiều khó khăn trong kinh doanh.
Câu 21. Đặc điểm nổi bậc của tình hình thế giới trong những năm 1930 là
A. chủ nghĩa phát xit nắm quyền ở Đức, Italia, Nhật Bản.
B. Đại Hội VII, Quốc tế Cộng sản dề ra các chủ trương quan trọng.
C. Chính phủ Mặt trận nhân dân lên cầm quyền ở Pháp năm 1936.
D. Thực dân Pháp tăng cường bóc lột ở các thuộc địa.
Câu 22. Ý nghĩa nào là quan trọng nhất của phong trào cách mạng 1936 – 1939?
A. Chứng tỏ Đảng Cộng sản Đông Dương ngày càng trưởng thành.
B. Cuộc tập dượt tiếp theo chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa tháng tám sau này.
C. Để lại nhiều bài học kinh nghiệm quí báu.
D. Một bộ phận cán bộ của Đảng ra hoạt động công khai.
Câu 23. Nét nổi bật của phong trào dân chủ 1936 – 1939 là
A. uy tín của Đảng ta được nâng cao và cán bộ được rèn luyện trưởng thành.
B. chủ trương của Đảng ta được nhân dân hưởng ứng mạnh mẽ.

C. buộc Pháp phải nhượng bộ cho nhân dân các quyền về dân sinh, dân chủ.
D. Đảng ta đã tập hợp đông đảo quần chúng và dùng phương pháp đấu tranh phong phú .
Câu 24. Trong thời kì 1936 -1939, Đảng ta đưa một số cán bộ ra hoạt động công khai là do
A. tình hình thế giới đang lúc có lợi cho cách mạng.
B. tình hình trong nước thay đổi, lực lượng cách mạng lớn mạnh.
C. Chính phủ mới ở Pháp ban hành các chính sách tiến bộ ở thuộc địa .
D. thực hiện nghị quyết của Quốc tế Cộng sản .
Câu 25. So với thời kì 1930- 1931, nhiệm vụ trước mắt của cách mạng thời kì 1936- 1939 có điểm khác là
A. chống đế quốc và bọn tay sai phản động.
B. chống chế độ phản động ở thuộc địa và tay sai.
C. chống đế quốc, chống phong kiến.
D. chống chế độ phản động ở thuộc địa, chống phát xít, chống chiến tranh.
Câu 26. Trong cuộc vận động dân chủ 1936- 1939, cuộc đấu tranh tiêu biểu nhất là phong trào
A. Đông Dương Đại hội. B. đấu tranh nghị trường.
C. đấu tranh trên lĩnh vực báo chí. D. đấu tranh của quần chúng ở các đô thị lớn.
Câu 27. Đâu là kết quả của phong trào dân chủ trong những năm 1936 – 1939?
A. Chính quyền thực dân phải nhượng bộ quần chúng nhân dân một số yêu sách cụ thể về dân chủ, dân sinh.
B. Quần chúng nhân dân được giác ngộ, trở thành một lực lượng chính trị hùng hậu của cách mạng.
C. Uy tín của Mặt trận Dân chủ Đông Dương được tăng lên.
D. Đội ngũ cán bộ của Đảng được rèn luyện, trưởng thành.
Câu 28. Cuộc vận động dân chủ 1936- 1939, được đông đảo nhân dân tham gia là do
A. chính sách tăng thuế của thực dân Pháp. B. đa số nông dân không có hoặc có ít ruộng đất để làm ăn.
C. số người thất nghiệp tăng lên, giá cả sinh hoạt đắt đỏ. D. đời sống của đa số nhân dân khó khăn, cực khổ.
Câu 29. Để trực tiếp tổ chức nhân dân chuẩn bị tiến tới Đông Dương Đại hội, Đảng ta đã thành lập
A. Mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương.
B. các bản ”dân nguyện” để gửi tới phái đoàn của chính phủ Pháp.
C. các ủy ban hành động ở khắp nơi trong nước.
D. các đoàn biểu tình và “đón rước” phái viên của chính phủ Pháp.
Câu 30. Yếu tố nào quyết định sự bùng nổ của phong trào dân chủ những (1936-1939) ở nước ta?
A. Chính phủ mặt trận nhân dân lên cầm quyền ở Pháp (6.1936).
B. Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản (7.1935).
C. Sự xuất hiện chủ nghĩa phát xit và nguy cơ chiến tranh thế giới mới (những năm 30 của thế kỉ XX).
D. Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (7.1936)
I. NHẬN BIẾT
Câu 1: Căn cứ địa cách mạng đầu tiên của nước ta là
A. Bắc Sơn – Võ Nhai. B. Thanh – Nghệ – Tĩnh.
C. Liên khu V. D. Cao Bằng.
Câu 2: Mặt trận Việt Minh là tên gọi tắt của tổ chức
A. Đội cứu quốc dân. B. Việt Nam độc lập Đồng minh.
C. Mặt trận dân chủ Đông Dương. D. Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương.
Câu 3: Chiến thắng đầu tiên của Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân giành được là
A. Vũ Lăng – Đình Bảng. B. Bắc Sơn – Võ Nhai.
C. Phay Khắt – Nà Ngần. D. Chợ Rạng – Đô Lương.
Câu 4: Từ tháng 3 đến giữa tháng 8/1945, ở Nam Kì, phong trào Việt Minh hoạt động mạnh nhất
A. Kiên Giang – Đồng Tháp. B. Mỹ Tho – Hậu Giang.
C. Cần Thơ – Cà Mau. D. Tây Ninh – Long An.
Câu 5: Chiều ngày 16 – 8 – 1945, theo lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, một đội giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy, xuất phát từ Tân Trào về giải phóng

A. thị xã Cao Bằng. B. thị xã Thái Nguyên.
C. thị xã Tuyên Quang. D. thị xã Lào Cai.
Câu 6: Chỉ thị "Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" có nội dung cơ bản là
A. kêu gọi sửa soạn khởi nghĩa. B. kêu gọi nhân dân đứng dậy khởi nghĩa.
C. phát động cao trào "kháng Nhật cứu nước". D. phát động khởi nghĩa giành chính quyền.
Câu 7: Ngay khi nhận được tin về việc Phát xít Nhật đầu hàng thì Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh đã
A. triệu tập ngay hội nghị toàn quốc để phát lệnh tổng khởi nghĩa.
B. triệu tập Đại hội Quốc dân tại Tân Trào.
C. phát động quần chúng chớp thời cơ tổng khởi nghĩa.
D. thành lập Ủy ban tổng khởi nghĩa toàn quốc.
Câu 8: Cách mạng tháng Tám năm 1945 diễn ra và thành công nhanh chóng chỉ trong vòng
A. 10 ngày. B. 15 ngày. C. 20 ngày. D. 30 ngày.
Câu 9: Thực hiện chỉ thị "Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta", nhân dân ta phải làm gì?
A. Chuẩn bị đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc.
B. Đứng lên đánh Pháp đuổi Nhật.
C. Thực hiện một cao trào "kháng Nhật cứu nước".
D. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc.
Câu 10: Sau 30 năm xa Tổ quốc, Bác Hồ về nước trực tiếp chỉ đạo cách mạng trong hội nghị nào?
A. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (đầu năm 1930).
B. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (7-1936).
C. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương đảng Cộng sản Đông Dương (11-1939).
D. Hội nghị 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5-1941)
Câu 11: Lệnh tổng khởi nghĩa được ban bố tại
A. Hội nghị Ban thường vụ Trung ương Đảng (3-1945).
B. Hội nghị quân sự Bắc Kì (4-1945).
C. Hội nghị toàn quốc ở Tân Trào (từ ngày 13 đến ngày 15-8-1945).
D. Đại hội Quốc dân họp ở Tân Trào (8-1945).
Câu 12: Vị vua cuối cùng của triều đại phong kiến Việt Nam là
A. Tự Đức. B. Hàm Nghi. C. Duy Tân. D. Bảo Đại.
Câu 13: Chủ tịch Hồ Chí Minh viết bản Tuyên ngôn độc lập ở
A. 90 Thợ Nhuộm. B. 312 Khâm Thiên. C. 48 Hàng Ngang. D. 5D Hàm Long.

II. THÔNG HIỂU

Câu 1: Mục tiêu đấu tranh trước mắt của cách mạng Đông Dương được xác định trong Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 11-1939 là
A. đánh đổ đế quốc và phong kiến, thực hiện quyền làm chủ cho nhân dân lao động.
B. đánh đổ Nhật – Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập.
C. đánh đổ đế quốc và tay sai, giải phóng các dân tộc Đông Dương.
D. tiêu diệt chủ nghĩa phát xít, chia ruộng đất cho dân cày.
Câu 2: Hình thức đấu tranh cách mạng trong thời kì 1939 – 1945 là
A. hợp pháp, công khai. B. khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.
C. bí mật, bạo động vũ trang. D. bất hợp pháp, bán công khai.
Câu 3: Chỉ thị "Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" là của
A. Tổng bộ Việt Minh B. Chủ tịch Hồ Chí Minh.
C. Ban Thường vụ Trung ương Đảng. D. Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân.
Câu 4: Theo nhận định Chỉ thị "Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta", khẩu hiệu "Đánh đuổi Nhật – Pháp" được thay thế bằng khẩu hiệu gì?
A. "Đánh đuổi thực dân Pháp". B. "Đánh đuổi phát xít Nhật".

C. "Đánh đuổi Nhật và bọn tay sai thân Nhật". D. "Đánh đuổi Pháp – Nhật".
Câu 5: Từ năm 1939, để đối phó với tình hình mới, thực dân Pháp đã thực hiện chính sách
A. mở cửa cho Nhật vào Đông Dương.
B. thỏa hiệp với Nhật, thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng và đàn áp nhân dân ta.
C. thi hành chính sách "Kinh tế chỉ huy".
D. tăng các loại thuế lên gấp nhiều lần.
Câu 6: Từ ngày 14 đến 15-8-1945, tại Tân Trào, Hội nghị toàn quốc của Đảng quyết định
A. khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.
B. tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.
C. khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn.
D. tổng khởi nghĩa và giành chính quyền trước khi quân Đồng minh vào.
Câu 7: Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa được cải tổ từ
A. Ủy ban Quân sự cách mạng Bắc Kì. B. Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc.
C. Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam. D. Tổng bộ Việt Minh.
Câu 8: Ngay khi tiến vào Đông Dương, quân Nhật đã
A. hất cẳng Pháp khỏi Đông Dương. B. thiết lập bộ máy thống trị mới của Nhật.
C. bắt lính người Việt đi làm bia đỡ đạn thay cho người Nhật.
D. giữ nguyên bộ máy thống trị của Pháp để vơ vét bóc lột.
Câu 9: Sự kiện nào sau đây không thuộc thời kì cao trào "kháng Nhật cứu nước"?
A. Khởi nghĩa Ba Tơ. B. Thành lập khu giải phóng Việt Bắc.
C. "Phá kho thóc Nhật giải quyết nạn đói".
D. Chỉ thị "Sửa soạn khởi nghĩa" của Tổng bộ Việt Minh.
Câu 10: Tiền thân của lực lượng vũ trang được Đảng đặc biệt chú ý quan tâm xây dựng ngay từ đầu là
A. Đội du kích Bắc Sơn. B. Hội cứu quốc.
C. Các đội vũ trang tự vệ. D. Trung đội cứu quốc quân I.
Câu 11: Phương pháp đấu tranh cơ bản trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 là
A. đấu tranh chính trị. B. đấu tranh vũ trang.
C. đấu tranh nghị trường. D. đấu tranh ngoại giao.
Câu 12: Hình thức mặt trận được Đảng chủ trương thành lập ở Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (11-1939) là
A. Hội phản đế Đồng minh Đông Dương. B. Mặt trận dân chủ Đông Dương.
C. Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương. D. Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.

III. VẬN DỤNG

Câu 1: Phát xít Nhật xâm lược Đông Dương với âm mưu
A. lấy Đông Dương làm bàn đạp tấn công các nước khác. B. biến Đông Dương thành thuộc địa của Nhật.
C. độc quyền chiếm Đông Dương. D. biến Đông Dương thành thuộc địa và căn cứ chiến tranh của Nhật.
Câu 2: Đảng ta quyết định tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước khi
A. Nhật đảo chính Pháp. B. Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh vô điều kiện.
C. Liên Xô và phe Đồng minh chuyển sang phản công trên khắp các mặt trận.
D. Anh – Mĩ triển khai các hoạt động tấn công Nhật Bản.
Câu 3: Vì sao Hội nghị Trung ương 8 (5-1941) có tầm quan trọng đặc biệt trong Cách mạng tháng Tám 1945?
A. Hội nghị Trung ương 8 (5-1941) củng cố được khối đoàn kết toàn dân.
B. Hội nghị Trung ương 8 (5-1941) chủ trương nâng cao ngọn cờ giải phóng dân tộc.
C. Hội nghị Trung ương 8 (5-1941) giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.
D. Hội nghị Trung ương 8 (5-1941) hoàn chỉnh chủ trương đề ra tại Hội nghị Trung ương 6 (11-1939).
Câu 4: "Tôi thà làm dân một nước tự do còn hơn làm vua một nước nô lệ" câu nói trên là của nhân vật nào?
A. Huỳnh Thúc Kháng. B. Vua Bảo Đại.

C. Chủ tịch Hồ Chí Minh. D. Phạm Văn Đồng.
Câu 5: Nguyên nhân cơ bản quyết định sự thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là
A. sự lãnh đạo tài tình của Đảng, đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh.
B. dân tộc Việt Nam có truyền thống yêu nước, tinh thần đấu tranh kiên cường bất khuất.
C. khối liên minh công nông vững chắc, tập hợp được mọi lực lượng yêu nước ở mọi mặt trận thống nhất.
D. Hồng quân Liên Xô và quân Đồng minh đã đánh bại phát xít Đức – Nhật trong Chiến tranh thế giới thứ hai.
Câu 6: Hội nghị nào của Đảng Cộng sản Đông Dương đã đánh dấu bước chuyển hướng quan trọng – đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu?
A. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (đầu năm 1930).
B. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương đảng Cộng sản Đông Dương (7-1936).
C. Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương đảng Cộng sản Đông Dương (11-1939).
D. Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5-1941)
Câu 7: Đoạn văn sau đây được Nguyễn Ái Quốc trình bày trong văn kiện nào?
"Nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu mà quyền lợi của bộ phận giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được."
A. Văn kiện Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 6 (11-1939).
B. Văn kiện Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 (5-1941).
C. Thư gửi đồng bào toàn quốc sau Hội nghị Trung ương lần thứ 8.
D. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.
Câu 8: Vì sao Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 có tầm quan trọng đặc biệt với Cách mạng tháng Tám năm 1945?
A. Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 chủ trương giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc.
B. Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 củng cố được khối đoàn kết toàn dân.
C. Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 giải quyết được vấn đề ruộng đất cho nông dân.
D. Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 hoàn chỉnh việc chuyển hướng chỉ đạo chiến lược đề ra từ Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 6 (11-1939).
Câu 9: Thời cơ khách quan thuận lợi để Cách mạng tháng Tám giành được thắng lợi nhanh chóng và ít đổ máu là
A. Mĩ thả 2 quả bom nguyên tử xuống Hiroshima và Nagayaki để tiêu diệt phát xít Nhật.
B. Phát xít Nhật lần lượt rút khỏi khu vực Châu Á – Thái Bình Dương.
C. Nhật đảo chính Pháp làm cho cách mạng Việt Nam chỉ còn có một kẻ thù.
D. Quân Nhật ở Đông Dương rệu rã, chính phủ tay sai của Nhật hoang mang.
Câu 10: "Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến, toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta…". Đó là lời kêu gọi
A. của Đảng tại Hội nghị toàn quốc (từ ngày 14 – 15/8/1945) họp ở Tân Trào.
B. Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc trong Quân lệnh số 1 (13/8/1945).
C. của Đảng tại Đại hội quốc dân Tân Trào (từ ngày 16 – 17/8/1945).
D. của Hồ Chí Minh trong Thư gởi đồng bào cả nước kêu gọi nổi dậy tổng khởi nghĩa giành chính quyền.
Câu 11: Công tác chuẩn bị toàn diện cho tổng khởi nghĩa được gấp rút tiến hành từ
A. Tháng 6 – 1941, khi Đức tấn công Liên Xô.
B. Cuối năm 1942, khi Mĩ tuyên chiến với Nhật Bản.
C. Năm 1943, Liên Xô và phe Đồng minh phản công trên khắp các mặt trận.
D. Năm 1944, Pháp được giải phóng; Đồng minh triển khai hoạt động tấn công Nhật Bản.
Câu 12: Sắp xếp các sự kiện sau đây theo đúng trình tự thời gian trong công tác chuẩn bị cho cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945: 1. Mặt trận Việt Minh được thành lập. 2. Khu giải phóng Việt Bắc ra đời. 3. Hội nghị Quân sự cách mạng Bắc Kì được triệu tập.

A. 1, 3, 2. B. 3, 1, 2. C. 2, 3, 1. D. 1, 2, 3.

IV. VẬN DỤNG CAO

Câu 1: Hội nghị Trung ương 8 (5-1941) một mặt đã hoàn thiện chủ trương chuyển hướng chiến lược đề ra từ Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 6 (11-1939), đồng thời đã khắc phục hoàn toàn những hạn chế thiếu sót của

A. Cương lĩnh chính trị (2-1930). B. Luận cương chính trị (10-1930).

C. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (7-1936).

D. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (11-1939).

Câu 2: Căn cứ địa cách mạng là

A. Địa bàn bí mật mà địch không ngờ tới.

B. Pháo đài "bất khả xâm phạm", chính quyền địch tan rã hoàn toàn, nhân dân làm chủ.

C. Địa bàn thuận lợi và khá an toàn, chuẩn bị mọi điều kiện cho cuộc khởi nghĩa giành chính quyền.

D. Cung cấp chủ yếu về sức người, sức của cho cách mạng.

I. NHẬN BIẾT

Câu 1: Căn cứ địa cách mạng đầu tiên của nước ta là

A. Bắc Sơn – Võ Nhai. B. Thanh – Nghệ – Tĩnh.

C. Liên khu V. D. Cao Bằng.

Câu 2: Mặt trận Việt Minh là tên gọi tắt của tổ chức

A. Đội cứu quốc dân. B. Việt Nam độc lập Đồng minh.

C. Mặt trận dân chủ Đông Dương. D. Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương.

Câu 3: Chiến thắng đầu tiên của Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân giành được là

A. Vũ Lăng – Đình Bảng. B. Bắc Sơn – Võ Nhai.

C. Phay Khắt – Nà Ngần. D. Chợ Rạng – Đô Lương.

Câu 4: Từ tháng 3 đến giữa tháng 8/1945, ở Nam Kì, phong trào Việt Minh hoạt động mạnh nhất

A. Kiên Giang – Đồng Tháp. B. Mỹ Tho – Hậu Giang.

C. Cần Thơ – Cà Mau. D. Tây Ninh – Long An.

Câu 5: Chiều ngày 16 – 8 – 1945, theo lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, một đội giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy, xuất phát từ Tân Trào về giải phóng

A. thị xã Cao Bằng. B. thị xã Thái Nguyên.

C. thị xã Tuyên Quang. D. thị xã Lào Cai.

Câu 6: Chỉ thị "Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" có nội dung cơ bản là

A. kêu gọi sửa soạn khởi nghĩa. B. kêu gọi nhân dân đứng dậy khởi nghĩa.

C. phát động cao trào "kháng Nhật cứu nước". D. phát động khởi nghĩa giành chính quyền.

Câu 7: Ngay khi nhận được tin về việc Phát xít Nhật đầu hàng thì Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh đã

A. triệu tập ngay hội nghị toàn quốc để phát lệnh tổng khởi nghĩa.

B. triệu tập Đại hội Quốc dân tại Tân Trào.

C. phát động quần chúng chớp thời cơ tổng khởi nghĩa.

D. thành lập Ủy ban tổng khởi nghĩa toàn quốc.

Câu 8: Cách mạng tháng Tám năm 1945 diễn ra và thành công nhanh chóng chỉ trong vòng

A. 10 ngày. B. 15 ngày. C. 20 ngày. D. 30 ngày.

Câu 9: Thực hiện chỉ thị "Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta", nhân dân ta phải làm gì?

A. Chuẩn bị đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc.

B. Đứng lên đánh Pháp đuổi Nhật.

C. Thực hiện một cao trào "kháng Nhật cứu nước".

D. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc.

Câu 10: Sau 30 năm xa Tổ quốc, Bác Hồ về nước trực tiếp chỉ đạo cách mạng trong hội nghị nào?

A. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (đầu năm 1930).

B. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (7-1936).
C. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương đảng Cộng sản Đông Dương (11-1939).
D. Hội nghị 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5-1941)
Câu 11: Lệnh tổng khởi nghĩa được ban bố tại
A. Hội nghị Ban thường vụ Trung ương Đảng (3-1945). B. Hội nghị quân sự Bắc Kì (4-1945).
C. Hội nghị toàn quốc ở Tân Trào (từ ngày 13 đến ngày 15-8-1945).
D. Đại hội Quốc dân họp ở Tân Trào (8-1945).
Câu 12: Vị vua cuối cùng của triều đại phong kiến Việt Nam là
A. Tự Đức. B. Hàm Nghi. C. Duy Tân. D. Bảo Đại.
Câu 13: Chủ tịch Hồ Chí Minh viết bản Tuyên ngôn độc lập ở
A. 90 Thợ Nhuộm. B. 312 Khâm Thiên.
C. 48 Hàng Ngang. D. 5D Hàm Long.
II. THÔNG HIỂU
Câu 1: Mục tiêu đấu tranh trước mắt của cách mạng Đông Dương được xác định trong Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 11-1939 là
A. đánh đổ đế quốc và phong kiến, thực hiện quyền làm chủ cho nhân dân lao động.
B. đánh đổ Nhật – Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập.
C. đánh đổ đế quốc và tay sai, giải phóng các dân tộc Đông Dương.
D. tiêu diệt chủ nghĩa phát xít, chia ruộng đất cho dân cày.
Câu 2: Hình thức đấu tranh cách mạng trong thời kì 1939 – 1945 là
A. hợp pháp, công khai. B. khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.
C. bí mật, bạo động vũ trang. D. bất hợp pháp, bán công khai.
Câu 3: Chỉ thị "Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" là của
A. Tổng bộ Việt Minh B. Chủ tịch Hồ Chí Minh.
C. Ban Thường vụ Trung ương Đảng. D. Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân.
Câu 4: Theo nhận định Chỉ thị "Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta", khẩu hiệu "Đánh đuổi Nhật – Pháp" được thay thế bằng khẩu hiệu gì?
A. "Đánh đuổi thực dân Pháp". B. "Đánh đuổi phát xít Nhật".
C. "Đánh đuổi Nhật và bọn tay sai thân Nhật". D. "Đánh đuổi Pháp – Nhật".
Câu 5: Từ năm 1939, để đối phó với tình hình mới, thực dân Pháp đã thực hiện chính sách
A. mở cửa cho Nhật vào Đông Dương.
B. thỏa hiệp với Nhật, thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng và đàn áp nhân dân ta.
C. thi hành chính sách "Kinh tế chỉ huy". D. tăng các loại thuế lên gấp nhiều lần.
Câu 6: Từ ngày 14 đến 15-8-1945, tại Tân Trào, Hội nghị toàn quốc của Đảng quyết định
A. khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.
B. tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.
C. khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn.
D. tổng khởi nghĩa và giành chính quyền trước khi quân Đồng minh vào.
Câu 7: Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa được cải tổ từ
A. Ủy ban Quân sự cách mạng Bắc Kì. B. Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc.
C. Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam. D. Tổng bộ Việt Minh.
Câu 8: Ngay khi tiến vào Đông Dương, quân Nhật đã
A. hất cẳng Pháp khỏi Đông Dương. B. thiết lập bộ máy thống trị mới của Nhật.
C. bắt lính người Việt đi làm bia đỡ đạn thay cho người Nhật.
D. giữ nguyên bộ máy thống trị của Pháp để vơ vét bóc lột.
Câu 9: Sự kiện nào sau đây không thuộc thời kì cao trào "kháng Nhật cứu nước"?
A. Khởi nghĩa Ba Tơ. B. Thành lập khu giải phóng Việt Bắc.
C. "Phá kho thóc Nhật giải quyết nạn đói". D. Chỉ thị "Sửa soạn khởi nghĩa" của Tổng bộ Việt Minh.

Câu 10: Tiền thân của lực lượng vũ trang được Đảng đặc biệt chú ý quan tâm xây dựng ngay từ đầu là
A. Đội du kích Bắc Sơn. B. Hội cứu quốc.
C. Các đội vũ trang tự vệ. D. Trung đội cứu quốc quân I.
Câu 11: Phương pháp đấu tranh cơ bản trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 là
A. đấu tranh chính trị. B. đấu tranh vũ trang.
C. đấu tranh nghị trường. D. đấu tranh ngoại giao.
Câu 12: Hình thức mặt trận được Đảng chủ trương thành lập ở Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (11-1939) là
A. Hội phản đế Đồng minh Đông Dương. B. Mặt trận dân chủ Đông Dương.
C. Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương. D. Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.

III. VẬN DỤNG

Câu 1: Phát xít Nhật xâm lược Đông Dương với âm mưu
A. lấy Đông Dương làm bàn đạp tấn công các nước khác.
B. biến Đông Dương thành thuộc địa của Nhật.
C. độc quyền chiếm Đông Dương.
D. biến Đông Dương thành thuộc địa và căn cứ chiến tranh của Nhật.
Câu 2: Đảng ta quyết định tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước khi
A. Nhật đảo chính Pháp.
B. Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh vô điều kiện.
C. Liên Xô và phe Đồng minh chuyển sang phản công trên khắp các mặt trận.
D. Anh – Mĩ triển khai các hoạt động tấn công Nhật Bản.
Câu 3: Vì sao Hội nghị Trung ương 8 (5-1941) có tầm quan trọng đặc biệt trong Cách mạng tháng Tám 1945?
A. Hội nghị Trung ương 8 (5-1941) củng cố được khối đoàn kết toàn dân.
B. Hội nghị Trung ương 8 (5-1941) chủ trương nâng cao ngọn cờ giải phóng dân tộc.
C. Hội nghị Trung ương 8 (5-1941) giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.
D. Hội nghị Trung ương 8 (5-1941) hoàn chỉnh chủ trương đề ra tại Hội nghị Trung ương 6 (11-1939).
Câu 4: "Tôi thà làm dân một nước tự do còn hơn làm vua một nước nô lệ" câu nói trên là của nhân vật nào?
A. Huỳnh Thúc Kháng. B. Vua Bảo Đại.
C. Chủ tịch Hồ Chí Minh. D. Phạm Văn Đồng.
Câu 5: Nguyên nhân cơ bản quyết định sự thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là
A. sự lãnh đạo tài tình của Đảng, đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh.
B. dân tộc Việt Nam có truyền thống yêu nước, tinh thần đấu tranh kiên cường bất khuất.
C. khối liên minh công nông vững chắc, tập hợp được mọi lực lượng yêu nước ở mọi mặt trận thống nhất.
D. Hồng quân Liên Xô và quân Đồng minh đã đánh bại phát xít Đức – Nhật trong Chiến tranh thế giới thứ hai.
Câu 6: Hội nghị nào của Đảng Cộng sản Đông Dương đã đánh dấu bước chuyển hướng quan trọng – đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu?
A. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (đầu năm 1930).
B. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương đảng Cộng sản Đông Dương (7-1936).
C. Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương đảng Cộng sản Đông Dương (11-1939).
D. Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5-1941)
Câu 7: Đoạn văn sau đây được Nguyễn Ái Quốc trình bày trong văn kiện nào?
"Nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu mà quyền lợi của bộ phận giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được."
A. Văn kiện Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 6 (11-1939).
B. Văn kiện Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 (5-1941).

C. Thư gởi đồng bào toàn quốc sau Hội nghị Trung ương lần thứ 8.
D. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.
Câu 8: Vì sao Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 có tầm quan trọng đặc biệt với Cách mạng tháng Tám năm 1945?
A. Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 chủ trương giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc.
B. Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 củng cố được khối đoàn kết toàn dân.
C. Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 giải quyết được vấn đề ruộng đất cho nông dân.
D. Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 hoàn chỉnh việc chuyển hướng chỉ đạo chiến lược đề ra từ Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 6 (11-1939).
Câu 9: Thời cơ khách quan thuận lợi để Cách mạng tháng Tám giành được thắng lợi nhanh chóng và ít đổ máu là
A. Mĩ thả 2 quả bom nguyên tử xuống Hiroshima và Nagayaki để tiêu diệt phát xít Nhật.
B. Phát xít Nhật lần lượt rút khỏi khu vực Châu Á – Thái Bình Dương.
C. Nhật đảo chính Pháp làm cho cách mạng Việt Nam chỉ còn có một kẻ thù.
D. Quân Nhật ở Đông Dương rệu rã, chính phủ tay sai của Nhật hoang mang.
Câu 10: "Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến, toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta…". Đó là lời kêu gọi
A. của Đảng tại Hội nghị toàn quốc (từ ngày 14 – 15/8/1945) họp ở Tân Trào.
B. Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc trong Quân lệnh số 1 (13/8/1945).
C. của Đảng tại Đại hội quốc dân Tân Trào (từ ngày 16 – 17/8/1945).
D. của Hồ Chí Minh trong Thư gởi đồng bào cả nước kêu gọi nổi dậy tổng khởi nghĩa giành chính quyền.
Câu 11: Công tác chuẩn bị toàn diện cho tổng khởi nghĩa được gấp rút tiến hành từ
A. Tháng 6 – 1941, khi Đức tấn công Liên Xô.
B. Cuối năm 1942, khi Mĩ tuyên chiến với Nhật Bản.
C. Năm 1943, Liên Xô và phe Đồng minh phản công trên khắp các mặt trận.
D. Năm 1944, Pháp được giải phóng; Đồng minh triển khai hoạt động tấn công Nhật Bản.
Câu 12: Sắp xếp các sự kiện sau đây theo đúng trình tự thời gian trong công tác chuẩn bị cho cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945: 1. Mặt trận Việt Minh được thành lập. 2. Khu giải phóng Việt Bắc ra đời. 3. Hội nghị Quân sự cách mạng Bắc Kì được triệu tập.
A. 1, 3, 2. B. 3, 1, 2. C. 2, 3, 1. D. 1, 2, 3.

IV. VẬN DỤNG CAO

Câu 1: Hội nghị Trung ương 8 (5-1941) một mặt đã hoàn thiện chủ trương chuyển hướng chiến lược đề ra từ Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 6 (11-1939), đồng thời đã khắc phục hoàn toàn những hạn chế thiếu sót của
A. Cương lĩnh chính trị (2-1930).
B. Luận cương chính trị (10-1930).
C. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (7-1936).
D. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (11-1939).
Câu 2: Căn cứ địa cách mạng là
A. Địa bàn bí mật mà địch không ngờ tới.
B. Pháo đài "bất khả xâm phạm", chính quyền địch tan rã hoàn toàn, nhân dân làm chủ.
C. Địa bàn thuận lợi và khá an toàn, chuẩn bị mọi điều kiện cho cuộc khởi nghĩa giành chính quyền.
D. Cung cấp chủ yếu về sức người, sức của cho cách mạng.

Bài 17 - Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa từ sau ngày 2- 9-1945 đến trước 19-12-1946

I. NHẬN BIẾT

Câu 1: Thuận lợi cơ bản của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 là gì?
A. Dân ta có truyền thống yêu nước, đoàn kết, Đảng ta được tôi luyện và có lãnh tụ thiên tài.
B. Chủ nghĩa xã hội dần trở thành hệ thống thế giới.

C. Phong trào đấu tranh đòi dân chủ ở các nước phát triển.
D. Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, phụ thuộc lên cao.
Câu 2: Tình hình tài chính của nước ta sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám như thế nào?
A. Ngân sách nhà nước hầu như trống rỗng.
B. Nền tài chính quốc gia bước đầu được xây dựng.
C. Bị quân Trung Hoa Dân quốc thao túng, chi phối.
D. Lệ thuộc vào các ngân hàng của Pháp và Nhật.
Câu 3: Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, quân đội nước nào sẽ vào nước ta theo quyết định của Đồng Minh?
A. Quân Anh, quân Mĩ. B. Quân Pháp, quân Trung Hoa Dân quốc.
C. Quân Anh, quân Pháp. D. Quân Trung Hoa Dân quốc, quân Anh.
Câu 4: Sau Cách mạng tháng Tám, cuộc đấu tranh của Đảng và Chính phủ ta để thực hiện
A. độc lập- chủ quyền- thống nhất. **B. thống nhất – độc lập – chủ quyền.**
C. giải phóng dân tộc. **D. hòa bình- thống nhất tổ quốc.**
Câu 5: Để giải quyết nạn dốt ngay sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kí sắc lệnh thành lập
A. hũ gạo cứu đói. B. ty bình dân học vụ.
C. nha bình dân học vụ. D. cơ quan Giáo dục quốc gia.
Câu 6: Theo quyết định của Đồng Minh, quân Anh sẽ giải giáp quân đội phát xít Nhật ở Đông Dương từ
A. phía bắc Vĩ tuyến 16. B. phía nam Vĩ tuyến 16.
C. phía bắc Vĩ tuyến 17. D. phía nam Vĩ tuyến 17.
Câu 7: Nước nào đã giúp đỡ Pháp quay trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai vào 9-1945 ?
A. Anh. B. Tây Ban Nha.
C. Trung Quốc . D. Bồ Đào Nha.
Câu 8: Quân dân ta mở đầu cho đấu tranh chống Pháp trở lại xâm lược 1945 ở đâu ?
A. Tây Nguyên. B. Nam trung Bộ.
C. Nam Bộ. D. Sài Gòn – Chợ Lớn.
Câu 9. Với danh nghĩa quân đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật, quân Trung Hoa Dân quốc không dám....., mà dùng bọn tay sai phá hoại cách mạng nước ta từ bên trong.
A. ra mặt công khai. B. dùng vũ lực.
C. mạnh tay với ta. D. hợp tác với Pháp.
Câu 10: Sự kiện nào đánh dấu Pháp trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai ?
A. **Ngày 2 - 9 -1945, khi nhân dân Sài Gòn-Chợ Lớn tổ chức mít tinh chào mừng ngày độc lập, thực dân Pháp xả súng bắn làm cho 47 người chết, và nhiều người bị thương.**
B. **Ngày 23 - 9 - 1945, thực dân Pháp đánh úp trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ và cơ quan tự vệ thành phố Sài Gòn.**
C. **Ngày 17- 11- 1946, thực dân Pháp đánh chiếm Hải Phòng.**
D. Ngày 18 - 12 - 1946, thực dân Pháp gửi tối hậu thư yêu cầu Chính phủ ta giải tán lực lượng vũ trang, giao quyền kiểm soát thủ đô Hà Nội cho chúng.
Câu 11: Tạm ước 14 - 9 - 1946, ta nhân nhượng cho Pháp quyền lợi trên lĩnh vực nào nào?
A. **Một số quyền lợi về kinh tế và văn hóa.**
B. **Chấp nhận cho Pháp đưa 15.000 quân ra Bắc thay quân Trung Hoa Dân quốc**
C. **Một số quyền lợi về chính trị, quân sự.**
D. Một số quyền lợi về kinh tế và quán sự.
Câu 12. Nội dung thứ hai của Hiệp định Sơ bộ ngày 6 - 3 - 1946 mà Chính phủ ta kí với Pháp là gì?
A. Pháp công nhận nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là một quốc gia tự do, có Chính phủ, Nghị viện, quân đội và Tài chính riêng là thành viên của Liên bang Đông Dương nằm trong khối Liên Hiệp Pháp.

B. Chính phủ Việt Nam thỏa thuận cho 15.000 quân Pháp ra miền Bắc thay quân Trung Hoa Dân quốc giải giáp quân Nhật , và số quân này sẽ rút dần trong thời hạn 5 năm.
C. Hai bên ngừng xung đột ở miền Nam.
D. Tạo thuận lợi đi đến đàm phán chính thức.

II. THÔNG HIỂU

Câu 13: Nội dung nào phản ánh đầy đủ những khó khăn cơ bản của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau Cách mạng tháng Tám năm 1945?
A. Nạn đói, nạn dốt, hạn hán, lũ lụt. B. Sự chống phá của bọn phản cách mạng Việt Quốc, Việt Cách.
C. Quân Pháp tấn công ở Nam Bộ. D. Nạn đói, nạn dốt, khó khăn về tài chính, thù trong giặc ngoài.

Câu 14: Để củng cố chính quyền dân chủ nhân dân, ngay sau Cách mạnh tháng Tám năm 1945 thành công, Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã
A. thành lập "Nha bình dân học vụ". B. phát động phong trào "nhường cơm sẻ áo".
C. thành lập các đoàn quân "Nam tiến". D. tiến hành Tổng tuyển cử bầu Quốc Hội trên cả nước.

Câu 15: Nguyên nhân nào dẫn đến tình trạng rối loạn tài chính của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau khi Cách mạng tháng Tám thành công?
A. Ta không giành được quyền kiểm soát ngân hàng Đông Dương.
B. Ta không in được tiền riêng nên buộc phải chấp nhận đồng tiền mất giá "quan kim", "quốc tệ" của Trung Hoa Dân quốc.
C. Vì cách mạng và Chính phủ của ta còn yếu nên chưa in được tiền mới.
D. Ta chưa in được tiền mới, không giành được quyền kiểm soát ngân hàng Đông Dương và buộc phải chấp nhận đồng tiền mất giá "quan kim", "quốc tệ" của Trung Hoa Dân quốc.

Câu 16: Chọn từ ngữ đúng nhất điền vào chỗ trống trong câu sau: "*Một dân tộc……. là một dân tộc ……..*" (Hồ Chí Minh):
A. ít học, dốt. B. dốt, yếu.
C. không học tập, không thể làm chủ đất nước mình. D. không học tập, dốt.

Câu 17: Nhiệm vụ cấp bách trước mắt của nước ta sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 là gì?
A. Xây dựng chính quyền cách mạng. B. Giải quyết nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính.
C. Giải quyết nạ ngoại xâm và nội phản.
D. Xây dựng chính quyền cách mạng, giải quyết nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính.

Câu 18: Thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử ngày 6/1/1946 khẳng định vấn đề gì?
A. Đất nước đã vượt qua khó khăn thử thách.
B. Xây dựng được chế độ mới hợp lòng dân, thể hiện tinh thần yêu nước và khối đoàn kết toàn dân.
C. Chính quyền cách mạng đã thật sự vững mạnh. D. Dân tộc Việt Nam đã có chính quyền riêng.

Câu 19: Trước ngày 6-3-1946, Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh thực hiện sách lược gì?
A. Hòa với Trung Hoa Dân quốc để đánh Pháp. **B. Hòa với Pháp để đuổi Trung Hoa Dân quốc.**
C. Hòa với Pháp và Trung Hoa Dân quốc để chuẩn bị lực lượng.
D. Đánh Pháp, Trung Hoa Dân quốc kiên quyết bảo vệ nền độc lập.

Câu 20: Vì sao Trung Hoa Dân quốc chấp nhận rút quân về nước đồng ý cho quân Pháp ra Bắc thay thế theo hiệp ước Pháp – Hoa (28-2-1946)?
A. Pháp nhượng cho Trung Hoa Dân quốc một số quyền lợi ở Trung Quốc và con đường buôn bán Việt Nam với Trung Quốc.
B. Trung Hoa Dân quốc gặp khó khăn ở Trung Quốc.
C. Được chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa nhân nhượng cho một số quyền lợi về kinh tế.
D. Được chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa nhân nhượng cho một số quyền lợi về chính trị.

Câu 21: Tại sao ta chuyển từ chiến lược đánh Pháp sang chiến lược hòa hoãn nhân nhượng Pháp?
A. Vì Pháp được Anh hậu thuẫn. B. **Vì ta tránh tình trạng một lúc đối phó với**

nhiều kẻ thù.

C. Vì Pháp và Trung Hoa Dân quốc đã bắt tay cấu kết với nhau chống ta.

D. Vì Pháp được bọn phản động tay sai giúp đỡ.

Câu 22: Vì sao ta kí với Pháp Hiệp định sơ bộ 6-3-1946?

A. Lực lượng ta còn yếu so với Pháp, tránh đụng độ nhiều kẻ thù một lúc và gạt Trung Hoa Dân quốc.

B. Để Pháp công nhận nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là một quốc gia tự do nằm trong khối liên hiệp Pháp.

C. Tranh thủ thời gian hoà hoãn củng cố và phát triển lực lượng cách mạng.

D. Để chuyển cở sở vật chất lên Việt Bắc chuẩn bị kháng chiến lâu dài

Câu 23: Điều khoản nào trong Hiệp định sơ bộ 6-3-1946 có lợi thực tế cho ta?

A. Pháp công nhận Việt Nam dân chủ cộng hoà là 1 quốc gia tự do nằm trong khối liên hiệp Pháp.

B. Pháp công nhận ta có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng nằm trong khối Liên hiệp Pháp.

C. Chính phủ Việt Nam thoả thuận cho 15.000 quân Pháp vào miền Bắc thay quân Trung Hoa Dân quốc.

D. Hai bên thực hiện hiện ngừng bắn ngay ở Nam Bộ.

III. VẬN DỤNG THẤP

Câu 24: Trong các khó khăn mà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phải đối mặt ngay sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 thì khó khăn nào là chính yếu nhất?

A. Nạn đói, nạn dốt. B. Khó khăn về tài chính.

C. Sự chống phá của bọn phản cách mạng Việt Quốc, Việt Cách. D. Các thế lực ngoại xâm.

Câu 25: Việc có tới hơn 90% cử tri đi bỏ phiếu trong cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc Hội đầu tiên đã thể hiện điều gì?

A. Phá vỡ âm mưu chống phá của kẻ thù.

B. Sự ủng hộ, tin tưởng của nhân dân vào Đảng, chính quyền mới.

C. Niềm tin của nhân dân còn hạn chế vì thiếu 10% cử tri.

D. Sự ủng hộ, tin tưởng của nhân dân vào Đảng, chính quyền mới, đồng thời phá vỡ âm mưu chống phá của kẻ thù.

Câu 26: Vì sao nói cuộc Tổng tuyển cử tháng 1/1946 là cuộc đấu tranh chính trị gay go, quyết liệt?

A. Vì lúc đó nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa gặp rất nhiều khó khăn về kinh tế-tài chính, một nửa đất nước đã có chiến tranh và nhân dân ta hầu hết mù chữ nên việc thực hiện quyền công dân rất khó khăn.

B. Vì cuộc Tổng tuyển cử diễn ra trong điều kiện các thế lực đế quốc, tay sai ráo riết chống phá chính quyền cách mạng, chống lại độc lập, tự do của dân tộc ta.

C. Vì lúc đó nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa gặp rất nhiều khó khăn về kinh tế-tài chính, các thế lực đế quốc, tay sai ráo riết chống phá chính quyền cách mạng.

D. Vì nhân dân ta hầu hết mù chữ nên việc thực hiện quyền công dân rất khó khăn, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa gặp rất nhiều khó khăn về kinh tế-tài chính, một nửa đất nước đã có chiến tranh, các thế lực đế quốc, tay sai ráo riết chống phá chính quyền cách mạng, chống lại độc lập, tự do của dân tộc ta.

Câu 27: Những biện pháp mà Đảng và Chính phủ đã thực hiện để giải quyết các khó khăn trước mắt của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngay sau Cách mạng tháng Tám có ý nghĩa như thế nào đối với đất nước lúc này?

A. Đưa đất nước vượt qua khó khăn. B. Cổ vũ, động viên nhân dân bảo vệ chính quyền mới.

C. Đưa đất nước vượt qua khó khăn, thể hiện tính ưu việt của chế độ mới, tăng cường sức mạnh đoàn kết dân tộc, làm cơ sở cho cuộc đấu tranh chống thù trong giặc ngoài.

D. Đưa đất nước vượt qua khó khăn, cổ vũ, động viên nhân dân bảo vệ chính quyền mới.

Câu 28: Ý nghĩa chính trị của cuộc Tổng tuyển cử ngày 6/1/1946 và việc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp là

A. đưa đất nước thoát khỏi tình thế "ngàn cân treo sợi tóc".

B. tạo cơ sở pháp lí vững chắc cho quần chúng cách mạng, nâng cao uy tín của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

C. khơi dậy và phát huy tinh thần yêu nước, tinh thần làm chủ đất nước, giáng một đòn vào âm mưu xuyên tạc, chia rẽ của kẻ thù đối với chế độ mới.

D. tạo cơ sở pháp lí vững chắc cho quần chúng cách mạng, nâng cao uy tín của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, khơi dậy và phát huy tinh thần yêu nước, tinh thần làm chủ đất nước, giáng một đòn vào âm mưu xuyên tạc, chia rẽ của kẻ thù đối với chế độ mới.

Câu 29: Kết quả của cuộc bầu cử Quốc Hội ngày 6/1/1946 được đánh giá là thắng lợi của

A. cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc.

B. cuộc đấu tranh giai cấp, đưa giai cấp vô sản lên cầm quyền.

C. cuộc đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang khi Đảng ta chưa nắm chính quyền.

D. cuộc vận động chính trị nhưng cũng là thắng lợi của cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp.

Câu 30: Nguyên nhân chủ yếu nào làm cho Hội nghị Phôngtennơblô (Pháp) không đạt được kết quả như mong muốn?

A. Thực dân Pháp thực hiện âm mưu mở rộng và kéo dài chiến tranh xâm lược nước ta.

B. Thời gian đàm phán quá ngắn.

C. Ta chưa có kinh nghiệm trong đấu tranh ngoại giao.

D. Ta không có được sự ủng hộ của nhân dân trong nước và nhân dân các nước tiến bộ trên thế giới.

Câu 31: Trong quá trình đấu tranh chống Trung Hoa Dân quốc và Pháp, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh thực hiện nhiều biện pháp. Biện pháp nào sau đây được coi là "đau đớn" của ta ?

A. Để tay sai Trung Hoa Dân quốc **được tham gia quốc hội và chính trị.**

B. Đảng Cộng sản Đông Dương tuyên bô giải tán (11-11-1945) nhưng thực chất là rút vào hoạt động bí mật.

C. Nhận tiêu tiền "Quan kim" "Quốc tệ" của Trung Hoa Dân quốc.

D. Kí hiệp định sơ bộ 6-3-1946, đồng ý cho Pháp ra miền Bắc thay thế Trung Hoa Dân quốc.

Câu 32: Lý do nào quan trọng nhất để Đảng chính phủ và Hồ Chí Minh lúc thì đánh Trung Hoa dân quốc hòa với Pháp, lúc thì hòa với Pháp đánh Trung Hoa Dân quốc?

A. Trung Hoa Dân quốc dùng bọ phản động trong nước làm tay sai.

B. Lúc thì Pháp mạnh lúc thì Trung Hoa Dân quốc mạnh.

C. Do chính quyền ta còn non yếu chưa thể cùng lúc đối phó với nhiều kẻ thù.

D. Âm mưu của Pháp và Trung Hoa Dân quốc thay đổi theo thời gian nên ta thay đổi theo.

Câu 33: Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946 được kí kết trong mối tương quan lực lượng giữa ta với địch như thế nào?

A. Pháp thất thế trong hoạt động ngoại giao. **B. Pháp thất thế so với ta trên chiến trường.**

C. ta yếu hơn địch. D. ta và địch có tương quan sức mạnh quân sự bằng nhau.

Câu 34: Thành công bước đầu của lĩnh vực nào trong việc ta kí với Pháp hiệp định sơ bộ 6-3-1946?

A. Ngoại giao. **B. Chính trị và ngoại giao.**

C. Quân sự và ngoại giao. D. Kinh tế và chính trị.

Câu 35: Bốn ghế Bộ trưởng trong Chính phủ liên hiệp mà Quốc hội nước ta đã nhường cho phái thân Trung Hoa Dân quốc đó những bộ nào?

A. Ngoại giao, kinh tế, canh nông, xã hội. B. Ngoại giao, kinh tế, giáo đục, xã hội.

C. Ngoại giao, giáo đục, canh nông, xã hội. D. Kinh tế, giáo dục, canh nông, xã hội.

IV. VẬN DỤNG CAO

Câu 36: Trong các thế lực ngoại xâm đang vây quanh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngay sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 thì nước nào sẽ là kẻ thù chính của nhân dân Việt Nam?

A. Trung Hoa Dân quốc. B. Pháp. C. Anh. D. Nhật.

Câu 37: Tại sao nói Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là Nhà nước của dân, do dân, vì dân?

A. chính quyền nhà nước do dân bầu ra và phục vụ cho nhân dân.

B. chính quyền nhà nước do dân bầu ra, nhân dân có ý thức, trách nhiệm xây dựng và bảo vệ chính quyền của mình.

C. chính quyền phục vụ nhân dân và nhân dân bảo vệ chính quyền.

D. chính quyền nhà nước do dân bầu ra và phục vụ cho nhân dân, nhân dân có ý thức. trách nhiệm xây dựng và bảo vệ chính quyền của mình.

Câu 38: Ta chỉ chấp nhận đàm phán với pháp theo nguyên tắc

A. quyền dân tộc tự quyết. **B. Pháp công nhận chính quyền hợp pháp của ta.**

C. hai bên thực hiện ngừng bắn. **D. Pháp đóng quân ở nước ta chỉ là tạm thời.**

Câu 39: Mục đích quân Trung Hoa Dân quốc vào Việt Nam với danh nghĩa quân đồng minh với âm mưu

A. lật đổ chính quyền cách mạng, lập chính quyền tay sai. B. thay thực dân Pháp.

C. giải giáp quân đội Nhật. D. phối hợp với Nhật giải quyết hậu quả của chiến tranh.

Bài 18 - Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 - 1950)

1. Câu hỏi thuộc mức độ nhận biết (12 câu):

Câu 1. Trong chiến dịch Việt Bắc thu – đông 1947: "Ở hướng đông, quân ta phục kích đánh địch trên đường số 4, cản bước tiến của chúng, tiêu biểu nhất là trận đánh phục kích ở...."

A. đèo Bông Lau. B. Chợ Mới, chợ Đồn.

C. Đoan Hùng, Khe Lau. D. Chiêm Hoá, Tuyên Quang.

Câu 2. "Không! Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ..." Câu văn trên trích trong văn bản nào?

A. Tuyên ngôn độc lập. B. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

C. Lời kêu gọi nhân ngày thành lập Đảng. D. Chỉ thị toàn dân kháng chiến.

Câu 3. Tác giả của tác phẩm "*Kháng chiến nhất định thắng lợi*" là ai ?

A. Hồ Chí Minh. B. Võ Nguyên Giáp.

C. Phạm Văn Đồng. D. Trường Chinh.

Câu 4. Điền từ còn thiếu vào dấu chấm "*Phải phá tan cuộc tấn công ……. của giặc Pháp*".

A. mùa đông. B. mùa xuân. C. mùa hạ. D. mùa thu.

Câu 5. Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến vào thời điểm nào?

A. Sáng 19-12-1946. B. Trưa 19-12-1946.

C. Chiều 19-12-1946. D. Đêm 19-12-1946.

Câu 6. Đường lối kháng chiến chống Pháp được Đảng ta xác định là:

A.Toàn dân, toàn diện.

B. Toàn dân, toàn diện và tranh thủ sự giúp đỡ của các nước XHCN.

C.Toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

D.Toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh.

Câu 7. Tháng 6 năm 1948, chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát động phong trào

A. thi đua yêu nước toàn quốc. B. thi đua chống Pháp toàn quốc.

C. thi đua giết giặc lập công. D. tất cả các phong trào trên.

Câu 8. Mĩ từng bước can thiệp sâu và dính líu trực tiếp vào chiến tranh Đông Dương thông qua việc

A. đồng ý cho chính phủ Pháp đề ra và thực hiện kế hoạch Rơ ve năm 1949 ở Đông Dương.

B. trực tiếp viện trợ cho Pháp mở rộng chiến tranh Đông Dương.

C. đồng ý cho Pháp lập phòng tuyến boong-ke và vành đai trắng ở đồng bằng Bắc bộ.

D. đồng ý cho Pháp đưa quân Âu-Phi sang tham chiến trên chiến trường Đông Dương.

Câu 9. Nhằm chuẩn bị một kế hoạch quy mô lớn tiến công lên Việt Bắc lần 2, mong muốn giành thắng lợi, nhanh chóng kết thúc chiến tranh, tháng 5/1949 được sự đồng ý của Mĩ, Pháp đề ra kế hoạch

A. Bôla. B. Rơve. C. Đờ Lát đơ Tátxinhi. D. Nava.

Câu 10. Trong chiến dịch Biên giới 1950, ở mặt trận hướng Tây, quân dân ta phục kích đánh địch nhiều trận trên sông Lô, nổi bật nhất là

A. trận Đoan Hùng, Khe Lau. B. trận Đèo Bông Lau.

C. trận Thất Khê. D. trận Chợ Đồn, chợ Rã.

Câu 11. Hành động khiêu khích nghiêm trọng, trắng trợn nhất thể hiện thực dân Pháp đã bội ước, tiến công quân ta là hành động nào?

A. Khiêu khích, tiến công ta ở Hải Phòng và Lạng Sơn.

B. Chiếm đóng trái phép ở Đà Nẵng, Hải Dương.

C. Gửi tối hậu thư đòi ta giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu, để quân Pháp làm nhiệm vụ giữ trật tự ở Hà Nội.

D. Pháp tiến đánh các vùng tự do của ta ở Nam bộ và Nam Trung Bộ

Câu 12. Trong chiến dịch Biên giới 1950, trận đánh nào ác liệt và có ý nghĩa nhất?

A.Đông Khê. **B.Thất Khê.**

C.Phục kích đánh địch trên đường số 4. **D.Phục kích đánh địch từ Cao Bằng rút chạy.**

2. Câu hỏi thuộc mức độ thông hiểu (12 câu)

Câu 1. Mục tiêu chiến lược của ta khi quyết định mở Chiến dịch Biên giới 1950 là nhằm

A. tạo điều kiện để thúc đẩy cuộc kháng chiến của ta tiến lên một bước.

B. khai thông đường biên giới biên giới Việt - Trung.

C. tiêu diệt một bộ phận lực lượng địch, khai thông biên giới Việt - Trung, mở rộng và củng cố căn cứ địa cách mạng.

D. để đánh bại kế hoạch Rơ-ve.

Câu 2. Kết quả lớn nhất mà quân dân ta đạt được sau chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947 là

A. tiêu diệt nhiều sinh lực địch, làm phân tán một bộ phận lớn quân địch.

B. bảo vệ vững chắc căn cứ địa Việt Bắc và cơ quan đầu não của ta.

C. bộ đội chủ lực của ta trưởng thành hơn trong chiến đấu.

D. làm thất bại âm mưu "*đánh nhanh thắng nhanh*" của Pháp.

Câu 3. Ý nghĩa lớn nhất trong thắng lợi Chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950 của ta là

A. làm thất bại âm mưu "*đánh nhanh thắng nhanh*" của Pháp.

B. giành được quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính.

C. buộc Pháp phải chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương.

D. bảo vệ cơ quan đầu não kháng chiến của ta.

Câu 4. Với thắng lợi của chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950, quân ta đã giành được thế chủ động chiến lược trên chiến trường

A. Bình – Trị – Thiên. B. Nam bộ. C. Bắc bộ. D. Liên khu V.

Câu 5. Âm mưu của Pháp sau thất bại ở Việt Bắc là

A. thực hiện chính sách "*dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh*".

B. tiếp tục chiến lược đánh nhanh thắng nhanh.

C. tiến hành chiến tranh tổng lực, bình định vùng tạm chiếm.

D. kí với Mĩ hiệp định phòng thủ chung Đông Dương.

Câu 6. Hành lang Đông -Tây mà Pháp thiết lập theo nội dung kế hoạch Rơ ve bao gồm

A. Hà Nội, Hòa Bình, Sơn La, Thái Nguyên. B. Hòa Bình, Sơn La, Thái Nguyên, Lai Châu.

C. Hải Phòng, Hà Nội, Hòa Bình, Sơn La. D. Hải Phòng, Hà Nội, Sơn La, Thái Nguyên.

Câu 7. Sau khi kí Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946) và Tạm ước (14/9/1946), thái độ của thực dân Pháp như thế nào?

A. Đẩy mạnh việc xâm lược nước ta một lần nữa. B. Rút hết quân về nước.
C. Thực hiện nghiêm chỉnh hiệp định sơ bộ và tạm ước. D. Tiếp tục đề nghị và đàm phán với ta.

Câu 8. Từ sau chiến thắng Việt Bắc thu – đông năm 1947, cuộc kháng chiến của ta có thêm thuận lợi mới là
A. Liên Xô,Trung Quốc và các nước XHCN công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với nước ta.
B. các nước châu Phi và thuộc địa của Pháp giành được độc lập.
C. hai nước Lào và Campuchia giành độc lập.
D. nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới phản đối cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp ở Việt Nam.

Câu 9. *"Tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, khai thông biên giới Việt – Trung, củng cố và mở rộng căn cứ địa Việt Bắc*". Đó là 3 mục đích mà Đảng ta đã đề ra trong
A. Chiến dịch Việt Bắc Thu – Đông 1947. B. Chiến dịch Biên giới thu đông 1950.
C. Chiến dịch Hòa Bình- Thượng Lào. D. Chiến dịch Điện Biên Phủ.

Câu 10. Cuộc chiến đấu trong các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 năm 1946, thành phố nào đã kìm được chân địch lâu nhất?
A. Hải Phòng. B. Nam Định. C. Huế. D. Hà Nội.

Câu 11. Sau khi rút khỏi Hà Nội, các cơ quan Đảng chính phủ, mặt trận, các đoàn thể của ta đã chuyển lên căn cứ địa nào?
A. Việt Bắc. B. Cao Bằng. C. Bắc Sơn. D. Bắc Sơn – Võ Nhai.

Câu 12. Hiệu lệnh chiến đấu trong toàn thủ đô Hà Nội, mở đầu cho cuộc kháng chiến toàn quốc là?
A. Công nhân nhà máy điện Yên Phụ phá máy, Hà Nội mất điện.
B. Quân dân Hà Nội phá nhà máy xe lửa.
C. Nhà máy nước Hà Nội ngừng hoạt động.
D. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến được phát trên đài phát thanh.

3. Câu hỏi thuộc mức độ vận dụng thấp: (12 câu)

Câu 1. "*Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh*!" là lời khen ngợi của Hồ Chủ Tịch dành cho
A. Đội Cứu quốc quân. B.Trung đoàn Thủ Đô.
C. Việt Nam giải phóng quân. D. Vệ Quốc Quân.

Câu 2. Tính nhân dân của cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta biểu hiện ở điểm nào?
A. Nội dung kháng chiến toàn dân của Đảng ta. B. Mục đích kháng chiến của Đảng ta.
C. Quyết tâm kháng chiến của Đảng ta. D. Đường lối kháng chiến của Đảng ta.

Câu 3. Quyết định của Đảng và Chính phủ ta trước hành động bội ước của thực dân Pháp cuối năm 1946 là
A. tiếp tục nhân nhượng, hòa hoãn với Pháp. B. đề nghị chính phủ Pháp thương lượng, đàm phán.
C. phát động toàn quốc kháng chiến. D. kêu gọi cộng đồng quốc tế can thiệp.

Câu 4. Trung Quốc, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác đặt quan hệ ngoại giao với ta đầu năm 1950 đã
A. tạo ra những điều kiện thuận lợi mới cho cuộc kháng chiến của ta.
B. chứng tỏ sự thất bại của Pháp trong việc cô lập cuộc kháng chiến của ta.
C. phá được thế bao vây Việt Bắc của Pháp trong kế hoạch Rơ ve.
D. giúp ta tạo ra mối quan hệ ngoại giao với tất cả các nước trên thế giới.

Câu 5. Thực chất của chính sách "*dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh*" của Pháp là
A. thực hiện chiến lược đánh nhanh thắng nhanh. B. thực hiện chiến lược đánh lâu dài với ta.
C. chuyển sang hình thức xâm lược thực dân mới. D. cuộc chiến tranh tổng lực.

Câu 6. Việc Pháp thực hiện kế hoạch Rơ ve đã làm cho
A. cả nước ta biến thành chiến trường. B. toàn bộ vùng Bắc bộ bị bao vây.
C. khu tự do của ta bị thu hẹp, căn cứ địa Việt Bắc bị bao vây. D. vùng Bắc bộ và Trung bộ bị bao vây.

Câu 7. Trong những năm 1947 – 1948, Đảng và chính phủ ta đã có chủ trương gì để đối phó với những âm mưu và hành động của thực dân Pháp?
A. Mở các cuộc tấn công đánh địch trên các mặt trận chính diện.

B. Phát triển chiến tranh du kích rộng rãi ở các vùng tạm chiến.
C. Tạm thời rút vào hoạt động bí mật.
D. Mở những cuộc tấn công nhỏ nhằm phân tán và tiêu hao sinh lực địch.
Câu 8. Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 đã tạo điều kiện cho
A. cả nước đi vào cuộc kháng chiến toàn diện.
B. cả nước đi vào cuộc kháng chiến lâu dài.
C. Đảng và cơ quan đầu não của ta được bảo vệ an toàn.
D. nhân dân miền Bắc có điều kiện đẩy mạnh sản xuất.
Câu 9. Tháng 6/1949 Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt đã quyết định tiến tới thống nhất thành một tổ chức có tên là
A. Mặt trận Việt Minh.
B. Việt Nam độc lập đồng minh.
C. Mặt trận Liên Việt.
D. Mặt trận Việt Nam.
Câu 10. Mục tiêu lớn nhất của quân và dân ta trong cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 vào tháng 12/1946 nhằm
A. làm tiêu hao sinh lực địch, khai thông biên giới.
B. làm cho địch hoang mang lo sợ, để cho ta có thời gian di chuyển cơ quan đầu não an toàn.
C. để cho ta có thời gian di chuyển kho tàng, công xưởng về chiến khu, bảo vệ trung ương Đảng, chính phủ về căn cứ an toàn.
D. quyết tâm tiêu diệt địch ở các thành phố lớn.
Câu 11. Ai là người trực tiếp nghiên cứu, chỉ đạo kế hoạch tác chiến Chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950?
A. Trường Chinh.
B. Võ Nguyên Giáp.
C. Hồ Chí Minh.
D. Phạm Văn Đồng.
Câu 12. Trước sự bội ước của thực dân Pháp sau khi đã ký với ta Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946) và Tạm ước (14/9/1946), nhân dân ta đã làm gì để tích cực chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài với thực dân Pháp?
A. Thực hiện một cuộc tổng di chuyển các cơ quan quan trọng, nhà máy, xí nghiệp...
B. Tiến hành tiêu thổ để cho tiện kháng chiến lâu dài.
C. Xây dựng lực lượng về mọi mặt: chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa.
D. Xây dựng các cơ sở sản xuất, chế biến tốt phục vụ cuộc kháng chiến lâu dài.
4. Câu hỏi thuộc mức độ vận dụng cao (4 câu)
Câu 1. Trong Chiến dịch Biên giới, hình thức đấu tranh nào phát triển mạnh ở Bình - Trị - Thiên, Liên Khu V và Nam Bộ?
A. Chiến tranh nhân dân.
B. Đấu tranh chính trị.
C. Chiến tranh du kích.
D. Đấu tranh vũ trang.
Câu 2. Lối đánh nào được quân dân ta thể hiện trong chiến dịch Biên giới thu - đông 1950.
A. Đánh du kích.
B. Bám thắt lưng địch mà đánh.
C. Công kiên, đánh điểm, diệt viện
D. Đánh du kích, mai phục dài ngày
Câu 3. Thực hiện kế hoạch Rơve, Pháp tăng cường hệ thống phòng ngự trên đường số 4 nhằm mục đích gì?
A. Bao vây biên giới Việt – Trung, chặn con đường liên lạc của ta với các nước XHCN khác.
B. Bao vây biên giới Việt – Trung nhằm khóa chặt Việt Bắc từ hướng Đông, Bắc.
C. Bao vây biên giới Việt – Trung nhằm ngăn chặn Trung Quốc giúp đỡ Miền Bắc.
D. Bao vây biên giới Việt – Trung nhằm ngăn chặn không cho hàng hóa Trung Quốc sang thị trường Việt Nam.
Câu 4. Nguyên nhân nào quan trọng nhất dẫn đến sự thắng lợi của cả hai chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947 và chiến dịch Biên giới thu – đông 1950?
A. Tinh thần đoàn kết chiến đấu của quân và dân ta.
B. Sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng đứng đầu là Hồ Chí Minh.
C. Do sự giúp đỡ nhiệt tình của các nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới.
D. Do đường lối kháng chiến chống Pháp đúng đắn.

Bài 19

Câu 1. Chiến thắng Biên giới - thu đông 1950 đã làm thay đổi quyền chủ động về chiến lược ở Đông Dương như thế nào?

A. Quân đội ta giành được thế chủ động về chiến lược trên chiến trường chính (Bắc Bộ).

B. Ta giành quyền chủ động về chiến lược trên toàn chiến trường Đông Dương.

C. Pháp giành lại thế chủ động về chiến lược ở Bắc Bộ.

D. Pháp càng lùi sâu vào thế bị động trên toàn chiến trường Đông Dương.

Câu 2. Việc Mĩ kí với Pháp Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương (12-1950) đã chứng tỏ

A. Mĩ chính thức xâm lược Đông Dương.

B. Mĩ từng bước thay chân Pháp ở Đông Dương.

C. Mĩ hất cẳng Pháp độc chiếm Đông Dương.

D. Mĩ đã bước đầu nhòm ngó Đông Dương.

Câu 3. Việc Mĩ kí với Bảo Đại Hiệp ước hợp tác kinh tế Việt- Mĩ (9-1951) nhằm mục đích gì?

A. Gián tiếp viện trợ cho Chính phủ Bảo Đại về kinh tế.

B. Trực tiếp viện trợ cho Chính phủ Bảo Đại.

C. Trực tiếp ràng buộc Chính phủ Bảo Đại.

D. Từng bước can thiệp vào Đông Dương.

Câu 4. Dựa vào đâu thực dân Pháp đề ra kế hoạch Đờ Lát đờ Tatxinhi?

A. Pháp bị thất bại ở chiến dịch Biên giới 1950.

B. Nền kinh tế Pháp phát triển.

C. Viện trợ của Mĩ.

D. Viện trợ của các nước tư bản khác.

Câu 5. Với kế hoạch Đờ Lát đờ Tatxinhi thực dân Pháp muốn

A. giành lại thế chủ động về chiến lược ở chiến trường chính (Bắc Bộ).

B. kết thúc nhanh chiến tranh.

C. buộc ta phải đàm phán.

D. buộc ta phải đầu hàng.

Câu 6. Kế hoạch Đờ Lát đờ Tatxinhi đã có ảnh hưởng như thế nào đến cuộc kháng chiến của ta?

A. Làm cho cuộc kháng chiến của ta trở nên khó khăn, phức tạp.

B. Làm cho cuộc kháng chiến của ta trở nên thuận lợi hơn.

C. Ta có thể đàm phán với Pháp.

D. Ta có thể nhanh chóng lợi dụng điểm yếu của kế hoạch để giành thắng lợi.

Câu 7. Đại hội đại biểu lần thứ hai của Đảng (2-1950) họp ở

A. Chiêm Hóa-Tuyên Quang.

B. Tân Trào -Tuyên Quang.

C. Định Hóa-Thái Nguyên.

D. Pác Bó-Cao Bằng.

Câu 8. Đại hội đại biểu lần thứ hai của Đảng đã quyết định đổi tên Đảng ta là

A. Đảng Cộng sản Việt Nam.

B. Đảng Lao động Việt Nam.

C. Đảng Cộng sản Đông Dương.

D. Đảng Dân chủ Việt Nam.

Câu 9. Đại hội đại biểu lần thứ hai của Đảng đã bầu Tổng Bí thư của Đảng là

A. Hồ Chí Minh.

B. Lê Duẩn.

C. Trường Chinh.

D. Võ Nguyên Giáp.

Câu 10. Đại hội đại biểu lần thứ hai của Đảng đã quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai với tên mới là Đảng Lao động Việt Nam nhằm

A. khẳng định vai trò lãnh đạo độc quyền của Đảng đối với cách mạng Việt Nam.

B. đưa cách mạng về từng nước trên bán đảo Đông Dương, mỗi nước cần thành lập một đảng riêng.

C. tiếp tục sứ mệnh lãnh đạo cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.

D. đẩy mạnh sự tranh thủ hợp tác của các nước XHCN đối với cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.

Câu 11. Đại hội đại biểu lần thứ hai của Đảng có ý nghĩa lịch sử như thế nào?

A. Nêu cao vai trò lãnh đạo cuộc kháng chiến của Đảng và giai cấp công nhân.

B. Tăng thêm lòng tin của nhân dân.

C. Làm cho nhân dân thế giới hiểu về cách mạng Việt Nam.

D. Đánh dấu bước phát triển mới trong quá trình lãnh đạo và trưởng thành của Đảng ta, thúc đẩy kháng chiến tiến lên.

Câu 12. Mặt trận Việt Minh và Liên Việt(3-1951) hợp nhất thành mặt trận có tên là gì?

A. Mặt trận Việt Minh.

B. Mặt trận Liên Việt.

C. Liên Việt Dân tộc thống nhất.

D. Liên Việt Tổ quốc Việt Nam.

Câu 13. Sự kiện nào thể hiện liên minh đoàn kết chiến đấu ba nước Đông Dương trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)?

A. Bộ đội ta mở chiến dịch Thượng Lào. B. Bộ đội ta mở chiến dịch Trung Lào.

C. Thành lập liên minh nhân dân Việt-Miên-Lào (3-1951).

D. Bộ đội ta tiến đánh Đông Bắc Cam-pu-chia.

Câu 14. Sự kiện nào thể hiện Đảng ta có chính sách bồi dưỡng sức dân trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)?

A. Đảng ta phát động triệt để giảm tô và cải cách ruộng đất đầu năm 1953.

B. Đảng đề ra chính sách nhằm chấn chỉnh chế độ thuế khóa.

C. Chính phủ mở cuộc vận động lao động sản xuất và thực hành tiết kiệm năm 1952.

D. Chia lại toàn bộ ruộng đất công cho giai cấp nông dân.

Câu 15. Hãy cho biết tình hình thực dân Pháp sau 8 năm tiến hành cuộc chiến tranh ở Việt Nam?

A. Bước đầu gặp những khó khăn và mâu thuẫn giữa tập trung và phân tán lực lượng.

B. Thiệt hại ngày càng lớn, lâm vào thế phòng ngự bị động.

C. Vùng chiếm đóng bị thu hẹp. D. Hành lang Đông Tây bị chọc thủng.

Câu 16. Trước tình thế sa lầy và thất bại của Pháp ở Đông Dương, thái độ của Mĩ đối với cuộc chiến tranh Đông Dương như thế nào?

A. Chuẩn bị can thiệp vào cuộc chiến tranh Đông Dương. B. Bắt đầu can thiệp vào Đông Dương.

C. Can thiệp sâu vào Đông Dương. D. Không can thiệp vào Đông Dương.

Câu 17. Từ thu – đông 1953, ở chiến trường Đông Dương thực dân Pháp tập trung quân lớn nhất ở đâu?

A. Đồng bằng Bắc Bộ. B. Tây Bắc.

C. Thượng Lào. D. Các thành phố.

Câu 18. Bước vào Đông-Xuân 1953-1954, âm mưu của Pháp-Mĩ là

A. giành một thắng lợi quân sự quyết định nhằm "kết thúc chiến tranh trong danh dự".

B. giành một thắng lợi quân sự để tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

C. giành quyền chủ động chiến lược trên chiến trường Bắc Bộ.

D. giành thắng lợi để tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế cho cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Câu 19. Ý nào sau đây không nằm trong phương hướng chiến lược Đông –Xuân 1953-1954 được Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đề ra?

A. Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu để tiêu diệt địch, giải phóng đất đai.

B. Buộc địch phải bị động phân tán lực lượng đối phó với ta trên những địa bàn xung yếu mà chúng không thể bỏ.

C. Do địch phải phân tán lực lượng mà tạo điều kiện tiêu diệt thêm sinh lực địch.

D. Nhanh chóng đánh bại quân Pháp kết thúc chiến tranh.

Câu 20. Âm mưu trước mắt của đế quốc Pháp-Mĩ khi biến Điện Biên Phủ thành trung tâm điểm của kế hoạch Nava là

A. xây dựng thành căn cứ quân sự khổng lồ để đe dọa ta.

B. xây dựng thành hậu cứ vững chắc của thực dân Pháp.

C. xây dựng thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhằm thu hút chủ lực của ta và tiêu diệt chủ lực ta, tạo điều kiện để chúng thực hiện bước 2 của kế hoạch Nava.

D. dựa vào tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ để kéo dài chiến tranh.

Câu 21. Chủ trương của Đảng và Chính phủ ta trong Đông-Xuân 1953-1954 là

A. tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu, buộc chúng phải bị động phân tán lực lượng đối phó với ta trên những địa bàn xung yếu mà chúng không thể bỏ.

B. tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược ở các đô thị lớn.

C. tiến công địch ở rừng núi-nơi lực lượng của chúng mỏng, dễ bị tiêu diệt.

D. tiến công địch ở những nơi chúng tập trung quân, buộc chúng phải bị động phân tán lực lượng .

Câu 22. Nội dung nào không phải là ý nghĩa của chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ?
A. Đập tan kế hoạch Nava.
B. Giáng một đòn quyết định vào ý chí xâm lược của Pháp.
C. Làm xoay chuyển cục diện chiến tranh, tạo điều kện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao.
D. Hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ trên phạm vi cả nước.
Câu 23. Thắng lợi nào đã đập tan hoàn toàn kế hoạch Nava của thực dân Pháp?
A. Cuộc tiến công chiến lược Đông-Xuân 1953-1954 thắng lợi.
B. Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ.
C. Thắng lợi trong công chiến lược Đông-Xuân 1953-1954 và chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ.
D. Hiệp định Giơnevơ 1954 về Đông Dương được kí kết.
Câu 24. Pháp chấp nhận đàm phán với ta ở Hội nghị Giơnevơ là
A. do sức ép của Liên Xô. B. xu thế đàm phán của thế giới lúc bấy giờ.
C. Pháp bị thất bại ở Điện Biên Phủ.
D. dư luận nhân dân thế giới phản đối cuộc chiến tranh của Pháp ở Đông Dương.

Bài 20 - Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp kết thúc (1953 - 1954)

Câu hỏi nhận biết:

Câu 1. Đến cuối tháng 12 năm 1953, ngoài đồng bằng Bắc Bộ, nơi nào trở thành nơi tập trung quân thứ hai của Pháp?
A. Luông Pha Băng. B. Điện Biên Phủ.
C. Plâyku. D. Xê nô.
Câu 2. Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ diễn ra bao nhiêu ngày?
A. 55 ngày đêm. B. 56 ngày đêm. C. 60 ngày đêm. D. 65 ngày đêm.
Câu 3. Hiệp định Giơnevơ là văn bản pháp lí quốc tế ghi nhận
A. Quyền được hưởng độc lập, tự do của nhân dân các nước Đông Dương.
B. Các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân các nước Đông Dương.
C. Quyền tổ chức tổng tuyển cử tự do.
D. Quyền chuyển quân tập kết theo giới tuyến quân sự tạm thời.
Câu 4. Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ được chia thành?
A. 5 cứ điểm 3 phân khu. B. 49 cứ điểm 3 phân khu.
C. 50 cứ điểm 3 phân khu. D. 43 cứ điểm 3 phân khu.
Câu 5. Tháng 12/1953, liên quân Lào - Việt mở cuộc tiến công địch ở đâu?
A. Trung Lào. B. Thượng Lào. C. Bắc Việt Nam. D. Hạ Lào.
Câu 6. Cuối tháng 9-1953, Bộ chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng họp ở Việt Bắc để:
A. bàn kế hoạch quân sự Đông- Xuân 1953-1954.
B. bàn kế hoạch mở chiến dịch đánh địch ở Điện Biên Phủ.
C. bàn kế hoạch đối phó với Mĩ.
D. bàn kế hoạch đối phó với Pháp- Mĩ.
Câu 7. Nơi nào diễn ra trận chiến giằng co và ác liệt nhất trong chiến Điện Biên Phủ?
A. Cứ điểm Him Lam. B. Sân bay Mường Thanh.
C. Đồi A1, C1. D. Sở chỉ huy Đờ Cat-xtơri.
Câu 8. Đông xuân 1953- 1954 ta tích cực, chủ động tiến công địch ở bốn hướng nào?
A. Việt Bắc, Tây Bắc, đồng bằng Bắc Bộ, Thanh- Nghệ - Tĩnh.
B. Tây Bắc, Trung Lào, Tây Nguyên, Thượng Lào.
C. Việt Bắc, Tây Bắc, đồng bằng Bắc Bộ, Nam Bộ.
D. Trung Lào, Tây Nguyên, Thượng Lào, Việt Bắc.
Câu 9. Cuối tháng 9/1953 Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp ở đâu để bàn về kế hoạch quân sự trong Đông-Xuân 1953-1954?
A. Hà Nội. B. Lai Châu.

C. Hải Phòng. D. Việt Bắc.

Câu 10. Pháp đề ra kế hoạch quân sự Nava với hi vọng trong vòng bao nhiêu tháng để giành lấy thắng lợi quyết định" kết thúc chiến tranh trong danh dự"?

A. 15 tháng. B. 16 tháng. C. 17 tháng. D. 18 tháng.

Câu 11. Kế hoạch Nava của Pháp được chia thành mấy bước?

A. Ba bước. B. Bốn bước. C. Hai bước. D. Năm bước.

Câu 12. Cuộc chiến đấu ác liệt nhất giữa ta và địch trong đợt hai (30/3/1954-26/4/1954) tại mặt trận Điện Biên Phủ diễn ra tại cứ điểm nào?

A. C1. B. E1. C. A1. D. D1.

Câu hỏi thông hiểu:

Câu 13. Vì sao ta chọn Điện Biên Phủ thành điểm quyết chiến chiến lược?

A. Vì Điện Biên Phủ là tập đoàn cứ điểm mạnh, trung tâm của kế hoạch Na-va, muốn làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Na-va phải tiêu diệt Điện Biên Phủ.

B.Vì Điện Biên Phủ là một địa bàn chiến lược quan trọng mà cả ta và địch đều muốn nắm giữ.

C. Vì Na- va đã xây dựng Điện Biên Phủ là tập đoàn cứ điểm mạnh, niềm hi vọng của cả Pháp và Mĩ.

D. Vì Điện Biên Phủ có địa hình núi non hiểm trở, địch không thể ngờ ta có thể đem quân lên đây để tấn công chúng.

Câu 14. Thắng lợi nào của nhân dân ta từ năm 1946 đến 1954 đã làm xoay chuyển cục diện chiến tranh ở Đông Dương?

A. Chiến dịch Việt Bắc thu –đông 1947. B. Chiến dịch Biên giới thu –đông 1950.

C. Chiến dịch Tây Bắc 12/1953. D. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

Câu 15. Điểm yếu trong kế hoạch quân sự Na-va mà địch không thể giải quyết được là

A. mâu thuẫn giữ tập trung lực lượng và phân tán lực lượng để mở rộng vùng chiếm đóng.

B. thiếu về trang bị quân sự hiện đại phục vụ chiến trường.

C. không thể tăng thêm quân số để xây dựng lực lượng mạnh.

D. thời gian để xây dựng lực lượng, chuyển bại thành thắng quá ngắn (18 tháng).

Câu 16. Phương châm đánh của ta trong trận Điện Biên Phủ là

A. đánh nhanh, thắng nhanh . B. đánh lâu dài.

C. đánh chắc, tiến chắc. D. đánh công kiên, diệt đồn.

Câu 17. Nội dung nào sau đây thuộc về chủ trương của ta trong Đông-Xuân 1953-1954?

A. Trong vòng 18 tháng chuyển bại thành thắng.

B. Tập trung lực lượng tiến công vào những hướng chiến lược quan trọng mà địch tương đối yếu.

C. Tránh giao chiến ở miền Bắc với địch để chuẩn bị đàm phán.

D. Giành thắng lợi nhanh chóng về quân sự Đông-Xuân 1953-1954.

Câu 18. Ý nghĩa cơ bản nhất của chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ 1954 là gì?

A. Thắng lợi lớn nhất, oanh liệt nhất, tiêu biểu nhất cho tinh thần chiến đấu anh dũng, bất khuất của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mĩ.

B. Được ghi vào lịch sử dân tộc như một Bạch Đằng, một Chi Lăng, một Đống Đa của thế kỉ XX.

C. Góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.

D. Cổ vũ các dân tộc bị áp bức đứng lên tự đấu tranh giải phóng mình.

Câu 19. Trong Đông-Xuân 1953-1954, ta mở 4 chiến dịch tấn công vào những hướng quan trọng mà địch tương đối yếu, điều này thể hiện

A. ta giữ vững thế chủ động trên chiến trường Bắc Bộ.

B. tính chủ động, liên tục, sáng tạo của ta, khoét sâu thêm mâu thuẫn giữa tập trung và phân tán của địch.

C. ta quyết tâm đập tan kế hoạch quân sự Na-va.

D. Lực lượng ta lớn mạnh vượt bậc, có thể đương đầu với địch tại Điện Biên Phủ.

Câu 20. Với cuộc tiến công của ta trong Đông-Xuân 1953-1954 đã tác động như thế nào đến kế hoạch Na-va?

A. Kế hoạch Na-va bước đầu bị phá sản. B. Kế hoạch Na-va bị phá sản.
C. Kế hoạch Na-va bị phá sản hoàn toàn. D. Kế hoạch Na-va bị phá sản ở đồng bằng Bắc Bộ.

Câu hỏi vận dụng:

Câu 21. Hội nghị Bộ chính trị Trung ương Đảng (9/1953) đã đề ra kế hoạch tác chiến Đông Xuân (1953-1954) với quyết tâm giữ vững quyền chủ động đánh địch trên cả hai mặt trận nào?
A. Chính trị quân sự. B. Chính diện và sau lưng địch.
C. Quân sự và ngoại giao. D. Chính trị và ngoại giao.

Câu 22. Phương châm chiến lược của ta trong Đông – Xuân 1953- 1954 là gì?
A. "Đánh nhanh thắng nhanh". B."Đánh chắc, thắng chắc".
C. "Đánh vào những nơi ta cho là chắc thắng". D. "Tích cực, chủ động, linh hoạt", "Đánh chắc thắng".

Câu 23. Kết quả lớn nhất của chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ 1954?
A. Làm thất bại hoàn toàn âm mưu kéo dài chiến tranh của Pháp- Mĩ.
B. Tiêu diệt và bắt sống 16200 tên, hạ 62 máy bay, thu nhiều phương tiện chiến tranh hiện đại khác của Pháp – Mĩ.
C. Giải phóng 4000km đất đai và 40 vạn dân.
D. Đập tan hoàn toàn kế hoạch Nava, làm xoay chuyển cục diện chiến tranh, tạo điều kiện.

Câu 24. Trong các nội dung sau đây, nội dung nào không nằm trong Hiệp định Giơnevơ?
A.Các nước tham dự hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản là độc lập, thống nhất, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân Việt Nam, Lào, Campuchia.
B. Hai bên thực hiện ngừng bắn ở Nam Bộ để giải quyết vấn đề Đông Dương bằng con đường hòa bình.
C. Việt Nam sẽ thực hiện thống nhất bằng cuộc Tổng tuyển cử tự do trong cả nước vào tháng 7/1956.
D. Trách nhiệm thi hành Hiệp định thuộc về những người kí Hiệp định và những người kế tục nhiệm vụ của họ.

Câu 25. Âm mưu của Pháp, Mĩ trong việc vạch ra kế hoạch quân sự Nava?
A. Lấy lại thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.
B. Xoay chuyển cục diện chiến tranh, trong 18 tháng giành thắng lợi quân sự quyết định" kết thúc chiến tranh trong danh dự".
C. Giành thắng lợi quân sự kết thúc chiến tranh trong vòng 18 tháng.
D. Giành thắng lợi quân sự kết thúc chiến tranh theo ý muốn.

Câu 26. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống chống Pháp và can thiệp Mĩ đã để lại cho nhân dân ta những bài học kinh nghiệm quý báu, bài học mang tính thời sự và vận dụng vào giai đoạn hiện nay
A. đấu tranh quân sự kết hợp với đấu tranh ngoại giao.
B. đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của nhân dân.
C. tận dụng thời cơ, chớp thời cơ cách mạng kịp thời.
D. kiên quyết, khéo léo trong đấu tranh quân sự.

Câu 27. Lý do chủ yếu nhất Pháp đề ra kế hoạch Nava?
A. Vì sau chiến tranh Triều Tiên, Mĩ muốn tăng cường can thiệp vào Đông Dương.
B. Vì Nava được Mĩ chấp nhận.
C.Vì phong trào phản đối chiến tranh của Pháp ở Đông Dương lên cao.
D. Sau 8 năm chiến tranh Pháp sa lầy, vùng chiếm đóng bị thu hẹp, có nhiều khó khăn về kinh tế, tài chính.

Câu 28. Trong các nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mĩ (1946-1954) ngyên nhân nào quyết định nhất?
A. Sự lãnh đạo của Đảng với đường lối chính trị, quân sự độc lập, đúng đắn, sáng tạo.
B. Toàn Đảng, toàn dân, và toàn quân ta đoàn kết một lòng.
C. Có hậu phương vững chắc.
D. Có tinh thần đoàn kết, chiến đấu.

Câu 29. Lí do nào sau đây không đúng khi nói về việc ta chọn Điện Biên Phủ làm điểm quyết chiến chiến lược với thực dân Pháp?

A. Ta cho rằng Điện Biên Phủ nằm trong kế hoạch dự định trước của Nava.
B. Pháp cho rằng ta không đủ sức đương đầu với chúng ở Điện Biên Phủ.
C. Điện Biên Phủ có tầm quan trọng với miền Bắc Đông Dương.
D. Quân ta có đủ điều kiện đánh thắng địch ở Điện Biên Phủ.
Câu 30. Nguyên nhân khách quan nào quan trọng dẫn đến sự thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1946-1954?
A. Chủ nghĩa thực dân suy yếu sau Chiến tranh thế giới thứ hai tạo điều kiện cho nhân dân ta.
B. Tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương và sự giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa.
C. Sự ủng hộ nhân dân ba nước Đông Dương và sự giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa.
D. Quân đồng minh đánh bại phát xít tạo điều kiện cho nhân dân ta đứng lên đấu tranh giành thắng lợi.
Câu 31. Nhận định sau đây nói về chiến thắng nào của nhân ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1946-1954): " Đây là thắng lợi quân sự lớn nhất và là thắng lợi quyết định, buộc thực dân Pháp phải ký Hiệp định Giơnevơ"?
A. Chiến dịch Việt Bắc thu – đông 1947 . C. Chiến dịch Biên giới thu –đông 1950.
B. Chiến dịch Tây Nguyên 2/1954. D. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.
Câu hỏi vận dụng cao:
Câu 32. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống chống Pháp và can thiệp Mĩ đã để lại cho nhân dân ta những bài học kinh nghiệm quý báu, bài học mang tính thời sự và vận dụng vào giai đoạn hiện nay
A. đấu tranh quân sự kết hợp với đấu tranh ngoại giao.
B. đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của nhân dân.
C. tận dụng thời cơ, chớp thời cơ cách mạng kịp thời.
D. kiên quyết, khéo léo trong đấu tranh quân sự.
Câu 33. Chiến thắng nào quyết định thắng lợi của Hội nghị Giơnevơ 1954?
A. Chiến thắng Biên Giới 1950. B. Chiến thắng Tây Bắc.
C. Chiến thắng Đông-Xuân 1953-1954. D. Chiến thắng Điện Biên Phủ 1954.
Câu 34. Để đạt được kết quả tốt trong học tập, em cần phát huy phẩm chất tốt đẹp nào của người lính Điện Biên năm xưa?
A. Dũng cảm hi sinh. B. Đoàn kết nhất trí.
C. Chịu đựng gian khổ. D. Kiên trì, quyết tâm.
Câu 35. Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, một quyết định được đánh giá là sáng suốt, kịp thời, quyết định này mang đến thắng lợi "lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu" của Tướng Võ Nguyên Giáp
A. chuyển từ "đánh nhanh, thắng nhanh" sang "đánh lâu dài".
B. chuyển từ "đánh nhanh, thắng nhanh" sang "đánh chắc, tiến chắc".
C. chuyển từ "đánh lâu dài" sang "đánh nhanh, thắng nhanh".
D. chuyển từ "đánh chắc, tiến chắc" sang "đánh lâu dài".
Câu 36. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946-1954) của nhân dân Việt Nam kết thúc bằng sự kiện nào?
A. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954. B. Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương.
C. Hiệp định Pari năm 1973 về Việt Nam. D. Trận Điện Biên Phủ trên không.
Câu 37. Điểm khác nhau cơ bản giữa Hiệp định sơ bộ ngày 6/3/1949 với Hiệp định Giơnevơ ngày 21/7/1954
A. về quyền dân tộc cơ bản. B. khu vực đóng quân của hai bên.
C.về chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình. D. về thời gian rút quân.
Câu 38 . Khẩu hiệu "Điện Biên Phủ-Hồ Chí Minh-Việt Nam" mà bạn bè quốc tế ca ngợi chứng tỏ điều gì?
A. Tinh thần chiến đấu anh dũng, bất khuất của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mĩ.

B. Thắng lợi của ta trong trận Điện Biên Phủ mang tầm vóc quốc tế, có sức ảnh hưởng lớn và cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.
C. Điện Biên Phủ là thắng lợi lớn nhất của ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp.
D. Hồ Chí Minh là vị lãnh tụ thiên tài, đã chỉ huy trận Điện Biên Phủ giành thắng lợi.
Câu 39. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng ví "….như cái chiêng, ….như cái tiếng, cái chiêng có to thì cái tiếng mới lớn"
A. Chính trị / quân sự. B. Chính trị /ngoại giao.
C. Chính trị/ kinh tế . D. Quân sự / ngoại giao.
Câu 40. Mối quan hệ giữa trận Điện Biên Phủ và Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về kết thúc chiến tranh lập lại hòa bình ở Đông Dương là:
A. chính trị và quân sự. B. quân sự và ngoại giao.
C. chính trị, Quân sự và kinh tế. D. chính trị và ngoại giao.

Bài 21 - Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh chống đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam (1954 - 1965)

Nhận biết
Câu 1. Đặc điểm tình hình nước ta sau Hiệp định Giơ ne vơ năm 1954 là
A. Mĩ thay chân Pháp, thành lập chính quyền tay sai ở miền Nam.
B. miền Nam trở thành thuộc địa kiểu mới, căn cứ quân sự của Mĩ.
C. miền Bắc được giải phóng, đi lên CNXH.
D. đất nước bị chia cắt thành 2 miền, với 2 chế độ chính trị-xã hội khác nhau.
Câu 2. Mục đích của Đảng khi thực hiện cải cách ruộng đất là
A. củng cố khối liên minh công – nông, mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất.
B. thực hiện khẩu hiệu "người cày có ruộng".
C. xây dựng miền Bắc thành hậu phương lớn của cả nước.
D. xây dựng đời sống mới cho nhân dân.
Câu 3. Những thắng lợi quân sự nào làm phá sản hoàn toàn chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của Mĩ?
A. Ấp Bắc, Đồng Xoài, An Lão. B. An Lão, Ba Gia, Đồng Xoài.
C. Bình Giã, An Lão, Ba Gia, Đồng Xoài. D. Vạn Tường, núi Thành, An Lão.
Câu 4. Nhiệm vụ của cách mạng nước ta sau Hiệp định Giơ ne vơ năm 1954 là
A. khôi phục kinh tế ở miền Bắc, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.
B. tiến hành xây dựng CNXH trên phạm vi cả nước.
C. cả nước tập trung kháng chiến chống Mĩ-Ngụy ở miền Nam.
D. tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thống nhất đất nước.
Câu 5. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9-1960) đã xác định cách mạng miền Nam
A. có vai trò quyết định đối với sự nghiệp thống nhất đất nước.
B. có vai trò quyết định đối với sự phát triển của cách mạng cả nước.
C. có vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam.
D. có vai trò đặc biệt quan trọng trong cuộc kháng chiến ở miền Nam.
Câu 6. Ý nghĩa quan trọng nhất của phong trào "Đồng khởi" là
A. đưa nhân dân lên làm chủ ở nhiều thôn, xã miền Nam.
B. giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ.
C. làm lung lay tận gốc chính quyền Ngô Đình Diệm.
D. đánh dấu bước phát triển mới của cách mạng miền Nam.
Câu 7. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao Động Việt Nam (9-1960) đã xác định nhiệm vụ của cách mạng miền Nam là
A. khôi phục kinh tế, hàn gắn viết thương chiến tranh.
B. hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.
C. vừ kháng chiến vừa kiến quốc.

D. đấu tranh chống Mĩ và chính quyền Sài gòn.
Câu 8. Lực lượng nòng cốt thực hiện chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam là
A. quân đội Sài Gòn. B. quân Mĩ và quân đồng minh.
C. quân đội Sài Gòn và quân Đồng minh của Mĩ.
D. quân đội Sài Gòn đảm nhiệm, không có sự chi viện của Mĩ.
Câu 9. Âm mưu của Mĩ khi thực hiện chiến lược chiến tranh đặc biệt ở miền Nam là
A. biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới.
B. chia cắt miền Nam Việt Nam, tiêu diệt chủ nghĩa xã hội miền Bắc.
C. dùng người Việt đánh người Việt. D. để chống lại phong trào cách mạng miền Nam.
Câu 10. Trong thời kì 1954-1975, sự kiện nào đánh dấu bước phát triển của cách mạng ở miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công?
A. "Đồng khởi". B. Chiến thắng Ấp Bắc.
C. Chiến thắng Vạn Tường. D. Chiến thắng Bình Giã.
Câu 11. Phong trào "Đồng Khởi" mạng lại kết quả là
A. phá vỡ từng mảng lớn bộ máy chính quyền của địch ở nông thôn.
B. lực lượng vũ trang hình thành và phát triển.
C. nông thôn miền Nam được giải phóng.
D. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời.
Câu 12. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9-1960) đã xác định cách mạng miền Bắc
A. có vai trò quyết định nhất đối với sự nghiệp cách mạng đất nước.
B. có vai trò quyết định đối với sự phát triển của cách mạng cả nước.
C. có vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam.
D. có vai trò đặc biệt quan trọng trong cuộc kháng chiến ở miền Nam.
Thông hiểu
Câu 13. Vì sao, ngay sau khi hòa bình lập lại năm 1954, nhân dân miền Bắc tiến hành cải cách ruộng đất?
A. Để khắc phục hậu quả chiến tranh để lại.
B. Nông nghiệp còn lạc hậu, năng suất lao động thấp.
C. Chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ phong kiến còn phổ biến.
D. Xây dựng miền Bắc trở thành hậu phương kháng chiến lớn.
Câu 14. Nhân dân miền Nam tiến hành phong trào "Đồng khởi" chống lại chính quyền Mĩ – Diệm là vì
A. chính quyền Mĩ – Diệm đàn áp đẫm máu nhân dân miền Nam.
B. lực lượng cách mạng miền Nam đã trưởng thành.
C. nhân dân miền Nam đã có đường lối cách mạng đúng đắn.
D. chính quyền Mĩ – Diệm không chịu thi hành hiệp định Giơnevơ.
Câu 15. Vì sao nói, Đại Hội Đại biểu toàn quốc của Đảng lao động Việt Nam lần thứ III (1960) đã đưa ra đường lối cách mạng khoa học và sáng tạo?
A. Đảng đã xác định vai trò quyết định của miền Bắc đối với sự nghiệp thống nhất đất nước.
B. Đảng đã xác định vai trò quyết định của miền Nam đối với sự phát triển của cách mạng cả nước.
C. Đảng đã tiến hành đồng thời cả 2 nhiệm vụ cách mạng XHCN ở miền Bắc và cách mạng Dân tộc, dân chủ, nhân dân ở miền Nam.
D. Khẳng định vai trò quyết định nhất của cách mạng miền Bắc đối với cách mạng cả nước.
Câu 16. Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (1- 1959) quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng là vì
A. lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam đã phát triển.
B. Mĩ và chính quyền Sài Gòn phá hoại Hiệp định Giơnevơ.
C. ta không thể tiếp tục sử dụng biện pháp hoà bình được nữa.
D. miền Nam đã có lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang lớn mạnh.

Câu 17. Chiến thắng quân sự nào sau đây mở đầu cho quân và dân miền Nam chiến đấu chống "chiến tranh đặc biệt" của Mĩ?

A. Chiến thắng Ấp Bắc. B. Chiến thắng Vạn Tường.

C. Chiến thắng Ba Gia. D. Chiến thắng Đồng Xoài.

Câu 18. Ngay sau khi hiệp định Giơ ne vơ được kí kết, Mĩ liền thay thế Pháp dựng ra chính quyền Ngô Đình Diệm là vì

A. Mĩ muốn độc chiếm Đông dương. B. tiêu diệt chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam.

C. thực hiện âm mưu cắt Việt Nam, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới.

D. Mĩ muốn chi phối cách mạng miền Nam, phá hoại hiệp định Giơ ne vơ.

Câu 19. Trong chiến lược chiến tranh đặc biệt, chính quyền Mĩ-Diệm tập trung nhiều nhất vào việc

A. dồn dân lập "Ấp chiến lược".

B. mở các cuộc hành quân "tìm diệt" vào vùng "đất thánh Việt cộng".

C. mở rộng quy mô đánh phá miền Bắc. D. xây dựng lực lượng quân đội Sài Gòn.

Câu 20. Trong chiến lược "chiến tranh đặc biệt", quân đội Sài Gòn có vai trò như thế nào trên chiến trường?

A. Giữ vai trò chủ lực trên chiến trường. B. Đặt dưới sự chỉ huy trực tiếp của quân viễn chinh Mĩ.

C. Cung cấp nhân lực cho quân đội Mĩ. D. Trực tiếp chỉ huy chiến dịch.

Câu 21. Chiến thắng Bình Giã (1964) có ý nghĩa như thế nào?

A. Làm phá sản hoàn toàn chiến lược "chiến tranh đặc biệt".

B. Bước đầu làm phá sản chiến lược "chiến tranh đặc biệt".

C. Chiến lược "chiến tranh đặc biệt" cơ bản bị phá sản về.

D. Mở đầu cho phong trào đánh Mĩ ở miền Nam.

Câu 22. Vì sao, để đưa miền Bắc tiến lên CNXH, Đảng ta xác định phải tiến hành ưu tiên phát triển công nghiệp nặng?

A. Xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật cho miền Bắc. B. Xây dựng nền kinh tế chủ nghĩa xã hội hiện đại.

C. Đưa Việt Nam trở thành một nước công nghiệp. D.Thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Câu 23. Kế hoạch Giôn xơn – Mác Namara là một bước thụt lùi trong chiến lược chiến tranh đặc biệt vì

A. quy mô và thời gian thực hiện kế hoạch có sự thay đổi.

B. lực lượng quân đội Sài Gòn không thể đảm nhiệm được vai trò chủ lực.

C. quân Mĩ và đồng minh chuẩn bị vào miền Nam Việt Nam.

D. Mĩ chấp ngừng đánh phá miền Bắc.

Câu 24. Tính đến năm 1964, từng mảng lớn "ấp chiến lược" của địch bị phá vỡ. Điều này chứng tỏ

A. chiến lược "chiến tranh đặc biệt" đứng trước nguy cơ phá sản.

B. xương sống của "chiến tranh đặc biệt" bị phá sản về cơ bản.

C. địa bản giải phóng được mở rộng.

D. phong trào đấu tranh binh vận phát triển ở miền Nam.

Vận dụng

Câu 25. Điểm giống nhau cơ bản giữa chiến tranh cục bộ và chiến tranh đặc biệt là

A. chiến tranh thực dân kiểu mới, nằm trong chiến lược toàn cầu. B. chiến tranh thực dân.

C. chiến tranh tổng lực. D. có quân đội Sài Gòn làm chủ lực.

Câu 26. Điểm khác biệt về quy mô giữa "chiến tranh đặc biệt" và "chiến tranh cục bộ" của Mĩ là

A. chỉ diễn ra ở miền Nam. B. diễn ra cả ở miền Nam và miền Bắc.

C. diễn ra trên toàn Đông Dương. D. chỉ diễn ra ở khu vực Đông Nam Bộ.

Câu 27. Cho dữ liệu sau:

1. phong trào Đồng khởi bùng nổ ở ba xã điểm là Định Thủy, Phước Hiệp, Bình Khánh.

2. Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực đánh đổ chính quyền Mĩ-Diệm.

3. phong trào đầu tiên bùng nổ ở Vĩnh Thạnh, Bác Ái, Trà Bồng.

4. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời.

Hãy sắp xếp các dữ liệu trên theo thứ tự thời gian.
A. 1;3;2;4. B. 2;1;3;4. C. 3;2;1;4. D. 2;3;1;4.
Câu 28. Điểm khác biệt về lực lượng giữa chiến lược "chiến tranh đặc biệt" so với chiến lược "chiến tranh cục bộ "là
A. quân đội Sài Gòn là chủ lực. B. cố vấn Mĩ là chủ lực.
C. quân Mĩ là chủ lực. D. quân Mĩ và quân đồng minh của Mĩ là chủ lực.
Câu 29. Từ năm 1959 đến năm 1965 hình thức đấu tranh chủ yếu của miền Nam là
A. đấu tranh vũ trang giành chính quyền. B. đấu tranh chính trị.
C. đấu tranh binh vận. D. đấu tranh ngoại giao.
Câu 30. Điểm khác nhau về quy mô "bình định" miền Nam Việt Nam trong kế hoạch Xta lây – Tay lo so với kế hoạch Giôn Xơn – Mácna Mara là
A. cả miền Nam và miền Bắc. B. trên toàn miền Nam.
C. xung quanh Sài Gòn. D. Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ
Câu 31. Nhân dân miền Nam chiến đấu chống phá "Ấp chiến lược" đã dẫn đến hệ quả
A. chiến lược "chiến tranh đặc biệt" bị phá sản hoàn toàn.
B. chiến lược "chiến tranh đặc biệt" cơ bản bị phá sản.
C. miền Nam được giải phóng. D. chính quyền Mĩ – Diệm ở nông thôn bị phá sản.
Câu 32. Sự khác biệt về phương hướng cách mạng ở miền Nam Việt Nam trong giai đoạn 1959-1965 so với giai đoạn 1954 – 1959 là
A. kết hợp giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang. B. đấu tranh chính trị là chủ yếu.
C. đấu tranh vũ trang là chủ yếu D. đấu tranh binh vận là chủ yếu.
Câu 33. Cho các dữ liệu sau
1. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời.
2. Chiến thắng Bình Giã đã loại khỏi vòng chiến đấu 1700 tên địch, phá hủy hàng chục máy bay địch.
3. Quân ta tiếp quản thủ đô Hà Nội trong không khí tưng bừng của ngày hội giải phóng.
4. Trung ương cục miền Nam ra đời.
Sắp xếp dữ liệu trên theo thứ tự thời gian.
A. 3;1;4;2. B. 2;3;4;1. C. 1;3;2;4. D. 4; 1;2;3.
Câu 34. Sự khác biệt về âm mưu giữa chiến lược "chiến tranh đặc biệt" so với chiến lược "chiến tranh cục bộ" là
A. bình định miềm Nam, đánh phá miền Bắc. B. dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương.
C. dùng người Việt đánh người Việt. D. bình định toàn miền Nam.
Câu 35. Tác dụng của phong trào đấu tranh chính trị ở miền Nam từ năm 1961-1965 đã
A. đẩy nhanh quá trình sụp đổ của chính quyền Ngô Đình Diệm.
B. phá vỡ từng mảng Ấp chiến lược.
C. đánh sập từng mảng chính quyền Diệm ở địa phương.
D. góp phần làm phá sản chiến lược "chiến tranh đặc biệt".
Câu 36. Chiến lược "chiến tranh đặc biệt" và "chiến tranh cục bộ" đều diễn ra trong hoàn cảnh
A. Mĩ – Diệm giành ưu thế ở chiến trường. B. Mĩ – Ngụy Sài Gòn gặp thất bại.
C. hoàn thành nhiệm vụ bình định miền Nam. D. đánh phá miền Bắc.
Vận dụng cao
Câu 37. Từ thắng lợi của phong trào "Đồng khởi" để lại cho cách mạng miền Nam kinh nghiệm gì?
A. Đảng phải kịp thời đề ra chủ trương cách mạng phù hợp.
B. Phải kết hợp giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.
C. Kết hợp giữa đấu tranh binh vận và đấu tranh chính trị.
D. Sử dụng bạo lực cách mạng.
Câu 38. Ý nghĩa lớn nhất của phong trào "Đồng khởi" là
A. chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

B. đánh dấu bước phát triển của cách mạng cả nước.
C. mở đầu phong trào đánh Mĩ ở miền Nam.
D. đánh dấu sự thất bại của Mĩ-Diệm ở miền Nam.
Câu 39. Những thắng lợi trên mặt trận quân sự của quân và dân miền Nam từ 1961 – 1965 có tác dụng
A. đánh dấu sự thất bại hoàn toàn của Mĩ – Diệm ở miền Nam Việt Nam.
B. quyết định sự thất bại hoàn toàn chiến lược "chiến tranh đặc biệt.
C. buộc Mĩ phải thực hiện chiến lược thực dân mới.
D. Mĩ phải ngồi vào bàn đàm phán với ta.
Câu 40. Thắng lợi của quân và dân miền Nam chiến đấu chống "chiến tranh đặc biệt" chứng tỏ
A. sự lớn mạnh của cách mạng miền Nam. B. vai trò to lớn của hậu phương miền Bắc.
C. sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng. D. sự phát triển của lực lượng vũ trang miền Nam.

BÀI 22: HAI MIỀN ĐẤT NƯỚC TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC. MIỀN BẮC VỪA CHIẾN ĐẤU VỪA SẢN XUẤT (1965 – 1973)

Câu 1. Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ra đời trong hoàn cảnh nào?
A. Sau thất bại của chiến lược "chiến tranh đặc biệt". B. Sau phong trào Đồng khởi.
C. Sau thất bại của chiến lược "chiến tranh đơn phương". D. Sau thất bại chiến lược "chiến tranh cục bộ".
Câu 2. Cùng với thực hiện chiến tranh cục bộ, Mĩ
A. mở rộng chiến tranh sang Lào. B. mở rộng chiến tranh sang Cam pu chia.
C. mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc. D. cả Đông Dương.
Câu 3. Chiến tranh Cục bộ là loại hình chiến tranh nào?
A. Thực dân kiểu cũ . B. Thực dân kiểu mới.
C. Ngoại giao. D. Chính trị.
Câu 4. Lực lượng tiến hành chiến lược "Chiến tranh cục bộ" là.
A. Quân đội Sài Gòn, quân Mĩ. B. Quân đội Mĩ và quân Đồng minh.
C. Quân Mĩ, quân Đồng minh, quân đội Sài Gòn. D. Quân Mĩ.
Câu 5. Chiến lược quân sự của "Chiến tranh cục bộ" là.
A. "tìm diệt". B. "tìm diệt" và "bình định".
C. "bình định". D. "Trực thăng vận" và "thiết xa vận".
Câu 6. Ưu thế về quân sự trong chiến tranh cục bộ của Mĩ là.
A. quân số đông vũ khí hiện đại. B. nhiều xe tăng.
C. thực hiện nhiều chiến thuật mới. D. nhiều máy bay.
Câu 7. Lực lượng giữ vai trò quan trọng và không ngừng tăng lên về số lượng và trang bị trong "Chiến tranh cục bộ" là lực lượng nào?
A. Lực lượng viễn chinh Mĩ. B. Lực lượng nguỵ quân.
C. Lực lượng nguỵ quân, lực lượng viễn chinh Mĩ. D. Lực lượng quân đội Sài Gòn.
Câu 8. "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ ở miền Nam (1965-1968) là loại chiến tranh xâm lược kiểu thực dân cũ?
A. Sai. B. Đúng.
Câu 9. Điểm nào trong các điểm sau đây là điểm khác nhau giữa "Chiến tranh cục bộ" và "Chiến tranh đặc biệt"?
A. Sử dụng lực lượng quân viễn chinh Mĩ, quân chư hầu và tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc.
B. Sử dụng cố vấn Mĩ, vũ khí và phương tiện chiến tranh của Mĩ.
C. Là loại hình chiến tranh thực dân mới nhằm chống lại cách mạng miền Nam.
D. Sử dụng quân đội Đồng minh.
Câu 10. Điểm giống nhau giữa chiến lược "Chiến tranh cục bộ" và chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ là gì?
A. Sử dụng quân đội Sài gòn. B. Chiến tranh xâm lược thực dân mới.
C. Phá hoại miền Bắc. D. Quân đông, vũ khí hiện đại.

Câu 11. Cuộc hành quân mang tên "Ánh sáng sao" nhằm thí điểm cho "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ diễn ra ở đâu?

A. Vạn Tường. B. Núi Thành.

C. Chu Lai. D. Ba Gia.

Câu 12. Chiến thắng nào của quân dân miền Nam giai đoạn 1965 – 1968 được coi là "Ấp Bắc" đối với Mĩ?

A. Chiến thắng Bình Giã B. Chiến thắng mùa khô (1965- 1968)

C. Chiến thắng Vạn Tường. D. Chiến thắng Núi Thành.

Câu 13. Chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi) vào ngày 18-8-1968, chứng tỏ điều gì?

A. Lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam đủ sức đương đầu và đánh bại quân viễn chinh Mĩ.

B. Lực lượng vũ trang miền Nam đà trưởng thành nhanh chóng.

C. Quân viễn chinh Mĩ đả mất khá năng chiến đấu.

D. Cách mạng miền Nam đả giành thắng lợi trong việc đánh bại "Chiên tranh cục bộ" của Mĩ.

Câu 14. Chiến thắng nào của ta đã mở đầu cho cao trào "tìm Mĩ mà đánh, tìm ngụy mà diệt" trên toàn miền Nam?

A. Chiến thắng Vạn Tường. B. chiến thắng Ấp Bắc.

C. Chiến thắng Bình Giã. D. Chiến thắng Ba Gia.

Câu 15. Mục đích của Mĩ trong cuộc hành quân vào Vạn Tường?

A. Phô trương thanh thế. B. Thí điểm chiến lược quân sự "tìm diệt"

C. Tiêu diệt một đơn vị chủ lực Quân giải phóng. D. Bình định Vạn Tường.

Câu 16. Ý nghĩa lịch sử của trận Vạn Tường (Quảng Ngãi) là gì?

A. Tạo ra bước ngoặt của chiến tranh. B. Buộc Mĩ chuyển sang chiến lược khác.

C. Đánh bại Mĩ về quân sự.

D. Được coi là Ấp Bắc đối với Mĩ, mở đầu cao trào "tìm Mĩ mà đánh, tìm ngụy mà diệt" trên toàn miền Nam.

Câu 17. Trận Vạn Tường thể hiện khả năng như thế nào của ta?

A. Không thể đánh thắng Mĩ về quân sự. B. Chiến thắng quân Mĩ về quân sự trong chiến tranh cục bộ.

C. Chiến thắng Mĩ trên mặt trận chính trị. D. Chiến thắng Mĩ trên mặt trận ngoại giao.

Câu 18. Cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất (1965- 1966) của Mĩ ở miền Nam Việt Nam nhằm vào hướng chiến lược chính là

A. Đông Nam Bộ và Liên khu V. B. Đông Nam Bộ

C. Liên khu V. D. Đông Nam Bộ và đồng bằng Liên khu V

Câu 19. Cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất (1965 -1966) của Mĩ ở miền Nam Việt Nam nhằm mục tiêu gì?

A. Tiêu diệt cơ quan đầu não của ta. B. Bình định

C. Đánh bại chủ lực quân giải phóng. D. Kết thúc chiến tranh.

Câu 20. Cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ hai (1966 -1967) của Mĩ ở miền Nam Việt Nam nhằm mục tiêu gì?

A. Tiêu diệt quân chủ lực của ta. B. Bình định,

C. Tiêu diệt cơ quan đầu não của ta. D. Tiêu diệt chủ lực và cơ quan đầu não của ta.

Câu 21. Trong mùa khô lần thứ hai(1966 -1967)Mĩ đã mở các cuộc hành quân then chốt đánh vào miền Đông Nam Bộ, hãy cho biết cuộc hành quân nào lớn nhất?

A. Gian-xơn-xi-ti. B. Át-tơn-bô-rơ.

C. Xê-đa-phôn. D. Xê-đa-phôn và Gian – xơn –xi -ti.

Câu 22. Chiến thắng nào của quân dân miền Nam đã làm phá sản mục tiêu chiến lược "tìm diệt" và "bình định" của MĨ?

A. Chiến thắng Ba Gia. B. Chiến thắng hai mùa khô (1965-1966), (1966-1967)

C. Chiến thắng Đồng Xoài. D. Chiến thắng Ấp Bắc.

Câu 23. Căn cứ vào đâu ta quyết định mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968?

A. Quân Mĩ suy yếu và có nguy cơ bị tan rã.

B. Ta nhận định tương quan lực lượng thay đổi có lợi cho ta, lợi dụng mâu thuẫn ở Mĩ trong cuộc bầu cử Tổng thống năm 1968.

C. Sự giúp đỡ về vật chất, phương tiện chiến tranh của Trung Quốc, Liên Xô.

D. Quân đội Trung Quốc sang giúp đỡ ta đánh Mĩ.

Câu 24. Đâu là yếu tố bất ngờ nhất của cuộc tiến công và nổi dậy trong Tết Mậu Thân 1968?

A. Tiến công vào các vị trí đầu não của địch ở Sài Gòn.

B. Tấn công vào bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn.

C. Tiến công vào sân bay Tân Sơn Nhất.

D. Mở đầu cuộc tiến công vào đêm giao thừa, đồng loạt ở 37 thị xã, 5 thành phố.

Câu 25. Cuộc Tổng tiến công và Nổi dậy Mậu Thân 1968 diễn ra mạnh mẽ nhất ở đâu?

A. Ở Bến Tre. B. Ở các đô thị lớn.

C. Ở Sài Gòn. D. Ở Huế.

BỔ SUNG THEO CẤP ĐỘ CÂU HỎI

I. Nhận biết

Câu 1. Chiến lược "chiến tranh cục bộ" được thực hiện dưới thời Tổng thống Mĩ

A. Ai-xen-hao. B. Ken-nơ-di.

C. Giôn-xơn. D. Nich-xơn.

Câu 2. Chiến lược "chiến tranh cục bộ" sử dụng lực lượng chủ yếu là

A. quân đội Sài Gòn. B. quân viễn chinh Mĩ và quân đồng minh.

C. quân các nước chư hầu của Mĩ. D. quân Mĩ và quân Sài Gòn.

Câu 3. Âm mưu cơ bản của chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh là

A. dựa vào ưu thế quân sự để giành thắng lợi. B. lấy chiến tranh nuôi chiến tranh.

C. tiếp tục âm mưu "dùng người Việt đánh người Việt".

D. thực hiện chính sách xâm lược thực dân mới ở Việt Nam.

Câu 4. Thắng lợi nào buộc Mĩ phải tuyên bố "Mĩ hóa" trở lại cuộc chiến tranh xâm lược nước ta?

A. Chiến thắng Vạn Tường. B. Chiến thắng Mậu Thân 1968.

C. Chiến thắng hai mùa khô (1965-1966) và (1966-1967). D. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972.

II. Thông hiểu

Câu 1. Ý nghĩa nào dưới đây **không** nằm trong thắng lợi của Cuộc tiến công chiến lược năm 1972?

A. Mở ra bước ngoặt mới của cuộc kháng chiến chống Mĩ.

B. Giáng một đòn mạnh mẽ vào quân đội Sài Gòn và quốc sách "bình định" của "Việt Nam hóa chiến trranh".

C. Buộc Mĩ ngừng ngay cuộc ném bom đánh phá miền Bắc 12 ngày đêm.

D. Buộc Mĩ phải tuyên bố "Mĩ hóa" trở lại chiến tranh xâm lược.

Câu 2. Thắng lợi lớn nhất của quân và dân miền Bắc trong trận Điện Biên Phủ trên không là

A. buộc Mĩ phải tuyên bố ngừng ném bom phá hoại miền Bắc.

B. buộc Mĩ kí Hiệp định Pa-ri chấm dứt chiến tranh, rút quân về nước.

C. đánh bại âm mưu phá hoại công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc.

D. đánh bại âm mưu ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam.

Câu 3. Thắng lợi quan trọng của Hiệp định Pa-ri đối với sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ cứu nước là

A. đánh cho "Mĩ cút", đánh cho "Ngụy nhào".

B. phá sản hoàn toàn chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh.

C. tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên đánh cho "Ngụy nhào".

D. tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên đánh cho "Mĩ cút", "Ngụy nhào".

Câu 4. Vì sao Mĩ chấp nhận thương lượng với Việt Nam ở Hội nghị Pa-ri?

A. Bị thất bại trong chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất.
B. Bị thất trong chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai.
C. Bị đánh bất ngờ trong cuộc tập kích chiến lược Tết Mậu Thân 1968.
D. Bị thất bại trong cuộc tập kích chiến lược 12 ngày đêm đánh phá miền Bắc.

III. Vận dụng

Câu 1. Điểm giống nhau cơ bản giữa "Việt Nam hóa chiến tranh" và "chiến tranh cục bộ" là
A. đều là chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của Mĩ.
B. đều thực hiện âm mưu "dùng người Việt trị người Việt".
C. đều sử dụng quân đội Sài Gòn là chủ yếu.
D. đều sử dụng quân đội Mĩ là chủ yếu.

Câu 2. Chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh có gì mới so với các loại hình chiến tranh trước đó?
A. Gắn Việt Nam hóa chiến tranh với "Đông Dương hóa" chiến tranh.
B. Tìm cách chia rẻ Việt Nam với các nước XHCN.
C. Được tiến hành bằng quân đội tay sai là chủ yếu.
D. Tăng cường viện trợ kinh tế và quân sự cho quân Sài Gòn.

Câu 3. Điểm giống nhau giữa trận Điện Biên Phủ 1954 và trận "Điện Biên Phủ trên không" là
A. thắng lợi có ý nghĩa quyết định trên bàn đàm phán.
B. thắng lợi có ý nghĩa quyết định trên mặt trận quân sự.
C. thắng lợi diễn ra tại Điện Biên Phủ.
D. thắng lợi mang tính bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống xâm lược.

Câu 4. Nguyên nhân chủ yếu ta mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 là gì?
A. So sánh lực lượng thay đổi có lợi cho ta sau hai mùa khô.
B. Tình hình kinh tế chính trị, xã hội Mĩ gặp nhiều khó khăn.
C. Phong trào phản đối chiến tranh xâm lược của nhân dân thế giới lên cao.
D. Tinh thần chiến đấu của lính Mĩ giảm sút.

IV. Vận dụng cao

Câu 1. Tội ác tàn bạo nhất của đế quốc Mĩ trong việc đánh phá miền bắc nước ta?
A. Ném bom vào các mục tiêu quân sự. B. Ném bom vào các đầu mối giao thông.
C. Ném bom vào các nhà máy, xí nghiệp, hầm mỏ, công trình thủy lợi.
D. Ném bom vào khu đông dân, trường học, nhà trẻ, bệnh viện.

Câu 2. Hãy xác định nội dung cơ bản của Hiệp định Pa-ri?
A. Hoa Kì rút hết quân viễn chinh và quân chư hầu về nước.
B. Các bên ngừng bắn tại chỗ, trao trả tù binh và dân thường bị bắt.
C. Hoa Kì và các nước cam kết tôn trọng độc lập chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.
D. Các bên để cho nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị thông qua tổng tuyển cử tự do.

Câu 3. Đâu là yếu tố bất ngờ nhất trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968?
A. Tiến công vào các vị trí đầu não của địch ở Sài Gòn. B. Tiến công vào đêm giao thừa.
C. Tiến công vào Bộ tổng tham mưu quan đội Sài Gòn. D. Tiến công vào sân bay Tân Sơn Nhất.

Bài 23 - Khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội miền ở Bắc, giải phóng hoàn toàn miền Nam (1973-1975)

- Hệ thống câu hỏi
+ Nhân biết: 12 câu
+ Thông hiểu: 12 câu
+ Vận dụng: 12 câu
+ Vận dụng cao: 4 câu

A. CÂU HỎI NHẬN BIẾT

Câu 1: Toán lính Mĩ cuối cùng rút khỏi nước ta ngày 29 – 3 – 1973 có ý nghĩa như thế nào đối với cách mạng miền Nam?

A. Hoàn thành nhiệm vụ "đánh cho Mĩ cút".

B. Quân Mĩ không còn tham chiến ở miền Nam.

C. Chính quyền Sài Gòn không còn nhận được sự viện trợ từ Mĩ.

D. Là cơ hội để giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Câu 2: Sau khi quân Mĩ rút khỏi miền Nam Việt Nam, chính quyền Sài Gòn đã có hành động như thế nào ở miền Nam?

A. Không còn thực hiện kế hoạch "Việt Nam hóa chiến tranh".

B. Chấp nhận đầu hàng lực lượng cách mạng miền Nam Việt Nam.

C. Tiến hành chiến dịch "tràn ngập lãnh thổ".

D. Tiếp tục nhận viện trợ từ Mĩ.

Câu 3: Kẻ thù của cách mạng miền Nam được xác định trong Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 21 tháng 7 năm 1973 là

A. chính quyền Sài Gòn và Ngô Đình Diệm.

B. chính quyền Nguyễn Văn Thiệu và bọn phản động.

C. đế quốc Mĩ và tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu.

D. chính quyền phản động miền Nam và Mĩ.

Câu 4: Con đường cách mạng của miền Nam được xác định trong Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 21 là

A. đấu tranh ôn hòa.

B. cách mạng bạo lực.

C. cách mạng vũ trang.

D. đấu tranh ngoại giao.

Câu 5: Chiến thắng trong chiến dịch Đường 14 – Phước Long đã mở ra khả năng

A. trưởng thành của quân Sài Gòn.

B. thắng lớn của quân ta.

C. trưởng thành của quân đội giải phóng miền Nam.

D. khả năng chiến đấu của quân Mĩ.

Câu 6: Từ cuối năm 1974 đầu năm 1975, Bộ chính trị đề ra chủ trương giải phóng hoàn toàn miền Nam trong khoảng thời gian nào?

A. Mùa mưa năm 1974 và 1975.

B. Cuối năm 1975 đầu năm 1976.

C. Vào đầu năm 1975 cuối năm 1977.

D. Trong hai năm 1975 và 1976.

Câu 7: Chiến dịch mở đầu cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 là

A. chiến dịch Đường 14 – Phước Long.

B. chiến dịch Tây Nguyên.

C. chiến dịch Huế - Đà Nẵng.

D. chiến dịch Hồ Chí Minh.

Câu 8: Trận then chốt mở màn cho chiến dịch Tây Nguyên là ở

A. Kon Tum.

B. Gia Lai.

C. Buôn Ma Thuật.

D. Pleiku.

Câu 9: Cuộc kháng chiến chống Mĩ của nhân dân ta chuyển sang giai đoạn như thế nào sau chiến dịch Tây Nguyên giành thắng lợi?

A. Tiến công chiến lực trên khắp cả nước.

B. Tiến công chiến lược trên khắp miền Nam.

C. Tổng tiến công chiến lược toàn miền Nam.

D. Mở chiến dịch Huế - Đà Nẵng, chia cắt địch từ hai đầu Nam – Bắc.

Câu 10: Bộ chính trị Trung ương Đảng quyết địch gì sau thắng lợi của chiến dịch Tây Nguyên và Huế - Đà Nẵng?

A. Giải phóng Sài Gòn trước mùa mưa năm 1975.

B. Giải phóng hoàn toàn miền Nam trước mùa mưa năm 1975.

C. Giải phóng Sài Gòn sau năm 1975.

D. Mở chiến dịch Hồ Chí Minh.

Câu 11: Trận mở màn cho chiến dịch Hồ Chí Minh là

A. Xuân Lộc và Phan Rang.

B. Sài Gòn và Dinh Độc Lập.

C. Bình Phước và Bình Dương.

D. Phước Long và Bình Phước.

Câu 12: Tỉnh cuối cùng được giải phóng ở miền Nam trong năm 1975 là

A. Hà Tiên.

B. Châu Đốc.

C. Vinh Long. D. Đồng Nai Thượng.

B. CÂU HỎI THÔNG HIỂU

Câu 13: Vào lúc 10h45 ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã diễn ra sự kiên gì?

A. Tổng thống Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng không điều kiện.

B. Lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập.

C. Xe tăng và bộ binh của ta tiến thẳng vào Dinh Độc Lập, bắt toàn bộ Nội các Sài Gòn.

D. Đánh dấu chiến dịch Hồ Chí Minh hoàn toàn thắng lợi.

Câu 14: Nguyên nhân chủ quan nào quyết định nhất sự thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước?

A. Sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa và tinh thần đoàn kết của nhân dân Đông Dương.

B. Nhân dân ta có truyền thống yêu nước nồng nàn.

C. Ta có hậu phương vững chắc miền Bắc cung cấp sức người, sức của cho miền Nam.

D. Nhờ sự lãnh đạo sáng xuất của Đảng, đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh.

Câu 15: Chiến dịch Hồ Chí Minh lúc đầu có tên gọi là

A. Chiến dịch giải phóng Sài Gòn – Gia Định. B. Chiến dịch giải phóng miền Nam.

C. Chiến dịch Sài Gòn. D. Chiến dịch chống "Bình định – Lấn chiếm".

Câu 16: Vì sao Bộ chính trị quyết định chọn Tây Nguyên mở màn cuộc tấn công Xuân 1975?

A. Tây Nguyên rất gần với trung tâm đề kháng của chính quyền Sài Gòn.

B. Tây Nguyên, địch bố phòng với lực lượng mỏng và sơ hở.

C. Tây Nguyên rất gần với quân đoàn 1 của chính quyền Sài Gòn.

D. Tấn công Tây nguyên làm bàn đạp tấn công Huế - Đà Nẵng.

Câu 17: Sau chiến thắng Đường 14 – Phước Long, Bộ chính trị Trung ương đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong hai năm 1975 và 1976 vì?

A. Quân ta ngày càng trưởng thành.

B. Sự bất lực của chính quyền Sài Gòn và khả năng can thiệp trở lại của Mĩ là rất hạn chế.

C. Mĩ phải rút quân về nước, không thể tham chiến tại miền Nam.

D. Mĩ không viện trợ kinh tế và quân sự cho chính quyền Sài Gòn.

Câu 18: Hành động của Mĩ ở miền Nam sau Hiệp định Pari 1973 là

A. rút hết quân đội và cố vấn quân sự khỏi miền Nam.

B. giữ lại 2 vạn cố vấn, lập bộ chỉ huy quân sự, viện trợ cho chính quyền Sài Gòn.

C. Mĩ hóa trở lại chiến tranh xâm lược Việt Nam.

D. Thỏa hiệp với Liên Xô, Trung Quốc gây khó khăn cho ta.

Câu 19: Bộ chính trị Trung ương quyết định giải phóng hoàn toàn miền Nam trước mùa mưa năm 1975 vì?

A. Ta đã chuẩn bị mọi mặt về nhân lực và vật lực.

B. Phong trào phản đối chiến tranh của nhân dân thế giới ngày càng lên cao.

C. Sau thất bại ở Tây Nguyên, Huế – Đà Nẵng, địch không còn khả năng tăng cường phòng thủ cho Sài Gòn.

D. Chính quyền Sài Gòn đang hoang mang.

Câu 20: Hình ảnh lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập đã báo hiệu

A. sự toàn thắng của chiến dịch Hồ Chí Minh. B. chính quyền Sài Gòn đã tuyên bố đầu hàng.

C. miền Nam được hoàn toàn giải phóng. D. mở đầu chiến dịch Hồ Chí Minh.

Câu 21: Tinh thần "Đi nhanh đến, đánh nhanh thắng" được Bộ chính trị đề ra trong chiến dịch nào?

A. Chiến dịch Hồ Chí Minh. B. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng.

C. Chiến dịch Tây Nguyên. D. Kế hoạch giải phóng miền Nam.

Câu 22: Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ có tác dụng như thế nào đối với phong trào cách mạng thế giới?

A. Là biểu tượng của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

B. Là thời cơ cho các nước thuộc địa đứng lên giành độc lập dân tộc.

C. Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

D. Ảnh hưởng đến cách mạng Lào và Campuchia.

Câu 23: Bộ chính trị Trung ương Đảng đã dựa trên cơ sở nào để đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam?

A. Quân Mĩ rút khỏi miền Nam, địch mất chỗ dựa.

B. So sánh lực lượng có lợi cho ta, nhất là sau chiến thắng Phước Long.

C. Khả năng chi viện của hậu phương miền Bắc ngày càng lớn.

D. Mĩ cắt giảm viện chợ cho chính quyền Sài Gòn.

Câu 24: Thắng lợi đó "mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng người về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ…". Nội dung này được trình bày trong văn kiện nào?

A. Tuyên Ngôn Độc Lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

B. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương tại Đại hội IV.

C. Kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam của Bộ chính trị Trung ương.

D. Báo cáo tạ hội nghị lần 21 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

C. CÂU HỎI VẬN DỤNG

Câu 25: Ý nghĩa lớn nhất từ cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước là

A. Kết thúc 70 năm chiến đấu chống Mĩ cứu nước.

B. Bảo vệ thành quả của cách mạng tháng Tám năm 1945.

C. Chấm dứt hoàn toàn sự ách thống trị của tay trên đất nước ta.

D. Tạo nền tảng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Câu 26: Chiến dịch Tây Nguyên thắng lợi có ý nghĩa như thế nào đối với cách mạng miền Nam?

A. Là nguồn cổ vũ mạnh mẽ để quân dân ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam.

B. Là điều kiện để Bộ chính trị quyết định giải phóng miền Nam trong năm 1975 và 1976.

C. Đánh dâu sự thất bại hoàn toàn của chính quyền Sài Gòn.

D. Đánh dấu sự chuyển sang giai đoạn tiến công chiến lược của cách mạng miền Nam.

Câu 27: Bài học kinh nghiệm từ cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay là

A. phát huy vai trò lãnh đạo sáng suốt của Đảng.

B. phát huy vai trò của cá nhân.

C. xây dựng khối đoàn kết toàn trong Đảng.

D. vượt qua thách thức, đẩy lùi nguy cơ.

Câu 28: Cho các sự kiện sau

1. Ta mở màn chiến dịch Tây Nguyên, tấn công vào Buôn Mê Thuột.
2. Bộ chính trị đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam trong hai năm 1975 và 1976.
3. Toán lính Mĩ cuối cùng rút khỏi nước ta.
4. Giải phóng Đướng 14 và toàn bộ thị xã Phước Long.

Hãy sắp xếp các sự kiện trên theo đúng trình tự thời gian

A. 1;2;4;3.

B. 3;4;2:1.

C. 4;2;3;1.

D. 4;2;1;3.

Câu 29: Sự sáng tạo và linh hoạt của Đảng khi đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam thể hiên ở chỗ

A. Quyết định chuyển sang tiến công chiến lược trên toàn miền Nam.

B. Đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong 2 năm.

C. Quyết định giải phóng miền Nam trước tháng 5 năm 1975.

D. Tranh thủ thời cơ, tiến công thần tốc để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân.

Câu 30: Từ sự thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Ngày nay, thế hệ thanh niên cần phải duy trì và phát huy truyền thống nào của dân tộc?

A. Truyền thống anh hung.

B. Truyền thống yêu nước, đoàn kết.

C. Truyền thống cần cù.

D. Truyền thống đấu tranh bất khuất.

Câu 31: Hình ảnh dưới đây, thể hiện sự kiên nào?

A.Quân ta tiến vào giải phóng Đà Nẵng. B. Quân ta tiến vào giải phóng cố đô Huế.

C. Quân ta giải phóng Tây Nguyên. D. Quân ta giải phóng Sài Gòn.

Câu 32: Hình ảnh sau thể hiện sự kiện nào?

A.Xe tăng của quân ta tiến vào Đà Nẵng 29/03/1975.

B. Xe tăng của quân ta tiến vào Dinh Độc Lập ngày 30/04/1975.

C. Xe tăng của quân ta tiến vào Sài Gòn ngày 30/04/1975.

D. Xe tăng của quân ta tiến vào Gia Định ngày 30/04/1975.

Câu 33: Ngày 24 tháng 03 năm 1975 đánh dấu sự kiện gì?

A. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng. B. Giải phóng Huế.

C. Giải phóng Tây Nguyên. D. Giải phóng Đà Nẵng.

Câu 34: Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 trải qua 3 chiến dịch lớn là

A. Hồ Chí Minh, Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng. B. Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng, Hồ Chí Minh.

C. Huế - Đà Nẵng, Tây Nguyên, Hồ Chí Minh. D. Tây Nguyên, Hồ Chí Minh, Huế - Đà Nẵng.

Câu 35: Hướng tiến công chủ yếu của ta trong năm 1975 là

A. Quảng Trị. B. Huế. C. Đông Nam Bộ. D. Tây Nguyên.

Câu 36: Thực chất hành động phá hoại Hiệp đinh Pari của chính quyền Sài Gòn là

A. củng cố niềm tin cho binh lính Sài Gòn. B. hỗ trợ cho "chiến tranh đặc biệt tăng cường" ở Lào.

C. thực hiện chiến lược phòng ngự " quét và giữ".

D. tiếp tục chiến lược " Việt Nam hóa chiến tranh" của Nich xơn.

D. CÂU HỎI VẬN DỤNG CAO

Câu 37: Điểm giống nhau giữa chiến dịch Điên Biên Phủ (1954) và chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) là

A. cuộc tiến công của lực lượng vũ trang.

B. Đập tan hoàn toàn đầu não và sào huyệt cuối cùng của địch.

C. cuộc tiến công của lực lượng vũ trang và nổi dậy của quần chúng .

D. những thắng lợi có ý nghĩa quyết định kết thúc cuộc kháng chiến.

Câu 38: Nét độc đáo về nghệ thuật chỉ đạo quân sự của Đảng ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là

A. kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.

B. kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao.

C. kết hợp khởi nghĩa với chiến tranh cách mạng, tiến công và nổi dậy.

D. kết hợp đấu tranh trên ba mặt trận chính trị, quân sự và ngoại giao.

Câu 39: Trong kháng chiến chống Mĩ, tuyến đường vận chuyển chiến lược Bắc - Nam mang tên đường Hồ Chí Minh chạy dọc theo

A. dãy núi Trường Sơn qua Lào và Campuchia. B. dãy núi Trường Sơn.

C. phía đông dãy núi Trường Sơn. D. phía Tây dãy núi Trường Sơn.

Câu 40: Phương châm tác chiến trong các chiến dịch giải phóng hoàn toàn miền Nam được Bộ chính trị Trung ương xác định là

A. đánh nhanh, thắng nhanh. B. đánh chắc, tiến chắc.

C. thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng. D. lâu dài đánh chắc, tiến chắc.

Bài 24 - Việt Nam trong năm đầu sau thắng lợi của kháng chiến chống Mĩ cứu nước năm 1975

Nhận Biết

Câu 1: Trải qua hơn 20 năm (1954- 1975) Miền Bắc tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội đã

A. chuẩn bị xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội.

B. đạt nhiều thành tựu rực rỡ, bộ mặt miền Bắc có nhiều thay đổi.

C. xây dựng được những cơ sở vật chất- kĩ thuật bước đầu của chủ nghĩa xã hội.

D. xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Câu 2: Trước năm 1975 nền kinh tế miền Nam phát triển theo hướng nào?

A. Phong kiến, tự cung, tự cấp. B. Tư bản chủ nghĩa.
C. Xã hội chủ ngĩa. D. Đan xen giữa tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

Câu 3. Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (9-1975) đã đề ra nhiệm vụ gì?
A. Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước. B. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
C. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở hai miền Bắc – Nam.
D. Hoàn thành công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế sau chiến tranh.

Câu 4. Tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thông qua tại sự kiện chính trị nào dưới đây?
A. Cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung (4-1976).
B. Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương (9-1975).
C. Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước (11-1975).
D. Kì họp thứ nhất Quốc hội khóa hội khóa VI nước Việt Nam thống nhất (7-1976).

Câu 5. Nền nông nghiệp miền Nam gặp phải những khó khăn gì sau đại thắng mùa Xuân 1975?
A. Thiên tai làm cho ruộng đất không canh tác được.
B. Nhiều làng mạc, đồng ruộng bị tàn phá, bị bỏ hoang.
C. Một triệu hécta rừng bị chất độc hóa học và bom đạn cày xới.
D. Vô số bom mìn còn bị vùi lấp trên các cánh đồng, ruộng vườn.

Câu 6. Sau đại thắng mùa xuân 1975, tình hình Nhà nước cả nước như thế nào?
A. Mỗi miền tồn tại một hình thức tổ chức Nhà nước khác nhau.
B. Nhà nước trong cả nước được thống nhất.
C. Tồn tại sự chia rẽ trong nội bộ chính quyền hai miền.
D. Miền Bắc là Nhà nước xã hội chủ nghĩa, miền Nam là Nhà nước tư bản chủ nghĩa.

Câu 7. Đến ngày 20-9-1977, nước ta trở thành hội viên thứ mấy của Liên Hiệp Quốc?
A. 110. B.150. C.149. D.160.

Câu 8. Niên đại 25-4-1976 phù hợp với sự kiện nào sau đây?
A. Cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của cả nước lần thứ nhất.
B. Cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của cả nước lần thứ hai.
C. Hội nghị hiệp thương thống nhất đất nước.
D. Quốc hội khóa VI của nước Việt Nam thống nhất.

Câu 9. Quốc hội thống nhất cả nước được bầu ra năm 1976 là Quốc hội khóa mấy?
A. Khóa IV. B. Khóa V. C. Khóa VI. D. Khóa VII

Câu 10. Tên nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được hội nghị nào thông qua?
A. Hội nghị Trung ương lần thứ 21. B. Hội nghị Trung ương lần thứ 24.
C. Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước. D. Kì họp Quốc hội khóa VI.

Thông hiểu

Câu 1. Sau đại thắng mùa Xuân 1975, nhiệm vụ cấp thiết hàng đầu của cả nước ta là gì?
A.Khắc phục hậu quả chiến tranh và phát triển kinh tế.
B. Ổn định tình hình chính trị - xã hội ở miền Nam.
C. Thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước.
D. Mở rộng quan hệ giao lưu với các nước

Câu 2. Việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước có ý nghĩa quan trọng gì?
A. Đưa miền Nam đi lên chủ nghĩa xã hội.
B. Tạo điều kiện thống nhất các lĩnh vực kinh tế - xã hội.
C. Là cơ sở để Việt Nam mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới.
D. Tạo điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước.

Câu 3. Ý nghĩa quan trọng nhất của việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước là gì?
A. Tạo điều kiện đưa miền Nam đi lên chủ nghĩa xã hội.
B. Góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.
C. Là cơ sở để Việt Nam mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới.

D. Tạo điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước.

Câu 4. Việc thống nhất đất nước về mặt Nhà nước có ý nghĩa gì?

A. Đáp ứng nguyện vọng của mọi tầng lớp nhân dân.

B. Tạo điều kiện cho sự thống nhất dân tộc ở các lĩnh vực khác.

C. Tạo điều kiện thuận lợi để cả nước cùng nhau xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

D. Là nguyện vọng của Đảng, Bác Hồ, nhân dân .

Câu 5. Thuận lợi cơ bản nhất của đất nước sau 1975 là gì?

A. Nhân dân phấn khởi với chiến thắng vừa giành được.

B. Có miền Bắc XHCN, miền Nam hoàn toàn giải phóng

C. Đất nước đã được độc lập, thống nhất.

D. Các nước XHCN tiếp tục ủng hộ ta.

Câu 6. Khó khăn cơ bản nhất của đất nước sau 1975 là gì?

A. Số người mù chữ, số người thất nghiệp chiếm tỷ lệ cao.

B. Bọn phản động trong nước vẫn còn.

C. Nền kinh tế nông nghiệp vẫn còn lạc hậu.

D. Hậu quả của chiến tranh và chủ nghĩa thực dân mới Mĩ để lại rất nặng nề.

Câu 7. Nội dung nào **không phải** của tình hình chính trị, xã hội của miền Nam sau khi hoàn toàn giải phóng?

A. Chế độ thực dân mới của Mĩ cùng bộ máy chính quyền trung ương Sài Gòn sụp đổ.

B. Cơ sở của chính quyền thực dân mới vẫn tồn tại.

C. Cơ sở của chính quyền Sài Gòn ở trung ương vẫn tồn tại.

D. Những di hại (tàn dư) xã hội của xã hội cũ vẫn tồn tại.

Câu 8. Kì họp thứ I Quốc hội khóa VI **không có** những quyết định nào liên quan với việc thống nhất đất nước về mặt Nhà nước?

A .Thống nhất tên nước, xác định Hà Nội là thủ đô của cả nước.

B. **Bầu các cơ quan lãnh đạo cao nhất của cả nước.**

C. Đổi tên thành phố Sài Gòn-Gia Định là Thành phố Hồ Chí Minh.

D. Thành lập chính quyền mới ở Sài Gòn.

Câu 9. Từ ngày 15 đến ngày 21-11-1975, Hội nghị hiệp thương chính trị thống nhất đất nước tại Sài Gòn, đã nhất trí hoàn toàn các vấn đề gì?

A. Lấy tên nước là nước Cộng hòa chủ nghĩa xã hội Việt Nam.

B. Chủ trương, biện pháp nhằm thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.

C. Quốc kì là cờ đỏ sao vàng, Quốc ca là bài Tiến quân ca.

D. Đổi tên Thành phô Sài Gòn-Gia Định là Thành phố Hồ Chí Minh.

Câu 10. Từ ngày 15 đến ngày 21/11/1975, tại Sài Gòn đã diễn ra sự kiện gì?

A. Hội nghị lần thứ 24 Ban chấp hành Trung ương Đảng đề ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.

B. Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung cả nước.

C. Hội nghị Hiệp thương chính trị đề ra chủ trương, biện pháp thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.

D. Quốc hội khóa VI họp phiên đầu tiên.

Vận dụng

Câu 1. Cho các dữ liệu sau:

1. Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung trong cả nước.

2. Quốc hội khóa VI nước Việt Nam thống nhất họp kì đầu tiên tại Hà Nội.

3. Hội nghị lần thứ 24 của Đảng đề ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

Sắp xếp các dữ liệu theo thứ tự thời gian thể hiện quá trình thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

A. 3,1,2. B. 2,1,3. C. 2,3,1. D. 3,2,1.

Câu 2: Điểm khác biệt cơ bản giữa nền kinh tế nước ta trước và sau thời điểm đổi mới là gì?

A. Chuyển từ nền kinh tế tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường.

B. Chuyển từ nền kinh tế thị trường sang nền kinh tế tập trung bao cấp.

C. Xóa bỏ nền kinh tế tập trung bao cấp hình thành nền kinh tế mới.

D. Xóa bỏ nền kinh tế thị trường hình thành nền kinh tế mới.

Câu 3. Khó khăn cơ bản nhất của đất nước sau 1975 là gì?

A. Bọn phản động trong nước vẫn còn. **B. Nền kinh tế nông nghiệp vẫn còn lạc hậu.**

C. Số người mù chữ, số người thất nghiệp chiếm tỉ lệ cao.

D. Hậu quả của chiến tranh và chủ nghĩa thực dân mới Mĩ để lại rất nặng nề.

Câu 4. Ai là người được bầu làm Chủ tịch nước đầu tiên của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam?

A. Hồ Chí Minh.

B. Tôn Đức Thắng.

C. Nguyễn Lương Bằng.

D. Trần Đức Lương.

Câu 5. Cho các dữ liệu sau:

1. Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung trong cả nước.
2. Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước tổ chức tại Sài Gòn.
3. Hội nghị lần thứ 24 của Đảng đề ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

Sắp xếp các dữ liệu theo thứ tự thời gian thể hiện quá trình thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

A. 3,1,2. B. 2,1,3. C. 2,3,1. D. 3,2,1.

Câu 6. Cho các dữ liệu sau:

1. Hội nghị lần thứ 24 của Đảng đề ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
2. Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước tổ chức tại Sài Gòn.
3. Quốc hội khóa VI nước Việt Nam thống nhất họp kì đầu tiên tại Hà Nội.

Sắp xếp các dữ liệu theo thứ tự thời gian thể hiện quá trình thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

A. 1,2,3. B. 2,1,3. C. 2,3,1. D. 3,2,1.

Câu 7. Cuộc tổng tuyển bầu Quốc hội chung của cả nước (25-4-1976) có ý nghĩa gì?

A. Lần thứ 2 cuộc tổng tuyển cử được tổ chức trong cả nước.

B. Kết quả thắng lợi của 30 năm chiến tranh giữ nước (1945-1975).

C. Là 1 bước quan trọng cho sự thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.

D. Lần đầu tiên nhân dân cả nước thực hiện quyền của mình.

Vận dụng cao

Câu 1. Tinh thần gì được phát huy qua hai cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội năm 1946 và 1976?

A. Đại đoàn kết dân tộc. B. Đoàn kết quốc tế vô sản.

C. Yêu nước chống ngoại xâm. D. Kiên cường vượt qua khó khăn gian khổ.

Câu 2. Sự kiện nào là quan trọng nhất trong quá trình thống nhất đất nước về mặt Nhà nước sau 1975?

A. Hội nghị Hiệp thương của đại biểu hai miền Bắc Nam tại Sài Gòn (11-1975).

B. Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung trong cả nước (25-4-1976).

C. Quốc hội khóa VI của nước Việt Nam thông nhất kì họp đầu tiên (24-6 đến 2-7-1976).

D. Đại hội thống nhất mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Câu 3. **Kết quả lớn nhất của kì họp Quốc hội khóa VI là gì?**

A.Thống nhất về mặt lãnh thổ. **B. Bầu ra các cơ cao nhất của cả nước.**

C. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.

D. Bầu ra Ban dự thảo Hiến pháp.

Câu 4. **Đâu là điểm chung trong quyết định của Quốc hội khóa VI và Quốc Hội khóa**

I?

A.Thành lập chính phủ Liên Hiệp kháng chiến.

B. Bầu Ban dự thảo Hiến pháp.

C. Lấy tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

D. Thành lập Quân đội Quốc gia Việt Nam.

Câu 5. **Là thành viên của Liên Hợp Quốc, Việt Nam đã có đóng góp gì trong việc giữ gìn hòa bình an ninh thế giới?**

A. Ủng hộ giải quyết tranh chấp quốc tế bằng phương pháp hòa bình.

B. Thực hiện an ninh lương thực, tài chính cho phát triển, nhà ở, nhân quyền, dân số.

C. Thực hiện về phát triển phụ nữ, trẻ em.

D. Chống phân biệt chủng tộc, phòng chống HIV/AIDS.

Câu 6. Sau đại thắng mùa Xuân 1975, nhiệm vụ quan trọng cấp thiết hàng đầu của cả nước ta là gì?

A. Khắc phục hậu quả chiến tranh và phát triển kinh tế.

B. Ổn định tình hình chính trị-xã hội ở 2 miền Nam-Bắc.

C. Thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước.

D. Mở rộng quan hệ giao lưu với các nước.

Câu 7. Thuận lợi cơ bản nhất của đất nước sau 1975 là gì?

A. Nhân dân phấn khởi với chiến thắng vừa giành được.

B. Có miền Bắc XHCN, mmiền Nam hoàn toàn giải phóng.

C. Đất nước đã được độc lập, thống nhất. D. Các nước XHCN tiếp tục ủng hộ ta.

Câu 8. Khó khăn cơ bản nhất của đất nước sau 1975 là gì?

A. Số người mù chữ, số người thất nghiệp chiếm tỷ lệ cao. B. Bọn phản động trong nước vẫn còn.

C. Nền kinh tế nông nghiệp vẫn còn lạc hậu.

D. Hậu quả của chiến tranh và chủ nghĩa thực dân mới Mĩ để lại rất nặng nề.

Câu 9. Nhiệm vụ trọng tâm của miền Bắc ngay sau 1975 là gì?

A. Hàn gắn vết thương chiến tranh.

B. Khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế -văn hóa.

C. Tiếp tục làm nhiệm vụ căn cứ địa của cách mạng cả nước.

D. Tiếp tục làm nghĩa vụ quốc tế đối với Lào và Cam-pu-chia.

Câu 10. Nhiệm vụ trọng tâm của miền Nam giai đoạn đầu sau 1975?

A. Thành lập chính quyền cách mạng và các đoàn thể quần chúnng ở những vùng mới giải phóng.

B. Ổn định tình hình và khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế-văn hóa.

C. Tịch thu ruộng đất của bọn phản động, xóa bỏ bóc lột phong kiến.

D. Quốc hữu hóa ngân hàng.

Câu 11. Sự kiện nào là quan trọng nhất trong quá trình thống nhất đất nước về mặt Nhà nước sau 1975?

A. Hội nghị Hiệp thương của đại biểu 2 miền Bắc Nam tại Sài Gòn (11-1975).

B. Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung trong cả nước (25-4-1976).

C. Quốc hội khóa VI của nước Việt Nam thông nhất kì họp đầu tiên (24-6 đên 2-7-1976).

D. Đại hội thống nhất mặt trận tổ quốc Việt Nam.

Câu12. Cuộc tổng tuyển bầu Quốc hội chung của cả nước (25-4-1976) có ý nghĩa gì?

A. Lần thứ 2 cuộc tổng tuyển cử được tổ chức trong cả nước.

B. Kết quả thắng lợi của 30 năm chiến tranh giữ nước (1945-1975)

C. Là 1 bước quan trọng cho sự thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.

D. Cả 3 ý trên đúng.

Câu 13. Quốc hội thống nhất cả nước là Quốc hội khóa mấy?

A. Khóa IV. B. Khóa V. C. Khóa VI. D. Khóa VII.

Câu 14. Người được bầu làm Chủ tịch đầu tiên của nước Cộng hòa Xã hội

Chủ nghĩa Việt Nam là ai?

A. Hồ Chí Minh. B. Tôn Đức Thắng.

C. Nguyễn Lương Bằng. D. Trần Đức Lương.

Câu 15. Kì họp thứ I Quốc hội khóa VI có những quyết định nào liên quan với việc thống nhất đất nước về mặt Nhà nước?

A. Thống nhất tên nước, xác định Hà Nội là thủ đô của cả nước.

B. Bầu các cơ quan lãnh đạo cao nhất của cả nước.

C. Đổi tên thành phố Sài Gòn-Gia Định là TP. Hồ Chí Minh.

D. A và B đúng.

Câu 16. Niên đại 25-4-1976 phù hợp với sự kiện nào sau đây?

A. Cuộc tổng tuyển cử của cả nước lần thứ nhất.

B. Cuộc tổng tuyển cử của cả nước lần thứ hai.

C. Hội nghị hiệp thương thống nhất đất nước.

D. Quốc hội khóa VI của nước Việt Nam thống nhất.

Câu 17. Ngày 25-4-1976 Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung trong cả nước có bao nhiêu cử tri tham gia?

A. 20 triệu. B. 21 ttriệu. C. 22 triệu. D.23 triệu.

Câu 18. Việc thống nhất đất nước về mặt Nhà nước có ý nghĩa gì?

A. Đáp ứng nguyện vọng của mọi tầng lớp nhân dân.

B. Tạo điều kiện cho sự thống nhất dân tộc ở các lĩnh vực khác.

C. Tạo điều kiện thuận lợi để cả nước cùng nhau xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 19. Từ ngày 15 đến ngày 21-11-1975, Hội nghị hiệp thương chính trị thống nhất đất nước tại Sài Gòn, đã nhất trí hoàn toàn các vấn đề gì?

A. Lấy tên nước là nước Cộng hòa chủ nghĩa xã hội Việt Nam.

B. Chủ trương, biện pháp nhằm thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.

C. Quốc kì là cờ đỏ sao vàng, Quốc ca là bài Tiến quân ca.

D. Đổi tên Thành phố Sài Gòn-Gia Định là TP. Hồ Chí Minh.

Câu 20. Từ ngày 24-6 đến 2-7-1976 Quốc hội khóa VI của nước Việt Nam thống nhất với số lượng bao nhiêu đại biểu?

A. 462 đại biểu. C. 482 đại biểu. B. 472 đại biểu. D. 492 đại biểu.

Bài 26 - Đất nước trên đường đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội (1986-2000)

I. Nhận biết

Câu 1: Công cuộc đổi mới của Đảng cộng sản Việt Nam lần đầu tiên được thông qua tại

A. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV (12-1976).

B. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V (03-1982).

C. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (12-1986).

D. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII (1986-1991).

Câu 2: Nội dung đường lối đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là

A. thay đổi toàn diện, đồng bộ, trọng tâm là đổi mới chính trị.

B. thay đổi toàn diện, đồng bộ, trọng tâm là đổi mới kinh tế.

C. thay đổi toàn bộ mục tiêu chiến lược.

D. đổi mới lần lượt trên các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, …

Câu 3: Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa được thể hiện trong lĩnh vực nào của đường lối đổi mới của Đảng năm 1986?

A. Kinh tế. B. Chính trị. C. Văn hóa. D. Xã hội.

Câu 4: Ba chương trình kinh tế lớn được đề ra trong kế hoạch 5 năm (1986-1990) ở Việt Nam là:

A. lương thực – thực phẩm – hàng may mặc – hàng xuất khẩu.

B. lương thực – thực phẩm – hàng may mặc.
C. lương thực – thực phẩm – hàng tiêu dùng.
D. lương thực, thực phẩm – hàng tiêu dùng – hàng xuất khẩu.

II. Thông hiểu

Câu 5: Nguyên tắc đổi mới của Đảng đề ra trong Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986) là
A. đổi mới mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.
B. thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
C. bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa tiến thẳng lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.
D. không thay đổi mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, mà làm cho mục tiêu ấy thực hiện hiệu quả hơn.

Câu 6: Mục tiêu của đường lối đổi mới được đề ra trong Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (12-1986) là
A. khắc phục sai lầm, khuyết điểm, đưa Việt Nam vượt qua khủng hoảng.
B. đưa Việt Nam hòa nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới.
C. đưa Việt Nam tiến nhanh, tiến mạnh lên chủ nghĩa xã hội.
D. đưa Việt Nam trở thành nước công nghiệp mới (NIC).

Câu 7: Trong những kết quả quan trọng bước đầu của công cuộc đổi mới đất nước, kết quả nào quan trọng nhất?
A. Thực hiện thành công Ba chương trình kinh tế .
B. Kiềm chế được một bước đà lạm phát.
C. Bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.
D. Bộ máy Nhà nước các cấp ở trung ương và địa phương được sắp xếp lại.

Câu 8: Ý nào dưới đây phản ánh **không đúng** về chủ trương đổi mới của Đảng về chính trị ?
A. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.
B. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện quyền dân chủ nhân dân.
C. Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc.
D. Xây dựng Nhà nước dân quyền xã hội chủ nghĩa.

Câu 9: Nội dung nào **không phải** là chủ trương của Đảng trong đường lối về kinh tế (năm 1986)?
A. Xây dựng nền kinh tế quốc dân với cơ cấu nhiều nghành nghề.
B. Xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu.
C. Hình thành cơ chế thị trường.
D. Hạn chế mở rộng quan hệ kinh tế với các nước trên thế giới.

III. Vận dụng

Câu 10: Cho dữ liệu sau: Đổi mới đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội không phải thay đổi …, mà làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng những quan điểm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp. Đổi mới phải …, từ kinh tế và chính trị đến tổ chức, tư tưởng, văn hóa. Đổi mới kinh tế phải gắn liền với đổi mới chính trị, nhưng trọng tâm là đổi mới về kinh tế.
Chọn các dữ liệu cho sẵn để điền vào chỗ trống.
A. mục tiêu của chủ nghĩa xã hội … toàn diện và đồng bộ.
B. mục tiêu của chủ nghĩa xã hội … đồng bộ về kinh tế.
C. mục tiêu của chủ nghĩa xã hội … toàn diện về kinh tế.
D. mục tiêu của chủ nghĩa xã hội … toàn diện về chính trị.

Câu 11: Nguyên nhân quyết định thắng lợi bước đầu của công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay là nhờ vào
A. sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.
B. truyền thống yêu nước của dân tộc.
C. sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế.
D. tình đoàn kết của ba nước Đông Dương.

Câu 12: Nguyên nhân quyết định Đảng ta đề ra đường lối đổi mới năm 1986 là do
A. cuộc khủng hoảng ở Liên Xô ngày càng trầm trọng.
B. Việt Nam lâm vào khủng hoảng toàn diện về kinh tế - xã hội.
C. tác động của cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật và xu thế toàn cầu hóa.

D. thành công của cuộc cải cách ở Trung Quốc.
Câu 13: Trọng tâm của đường lối đối ngoại được đề ra trong Đại hội Đảng toàn quốc lần VI (12-1986) là
A. hòa bình, hữu nghị, hợp tác. B. mở rộng quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa.
C. đẩy mạnh quan hệ với các nước ASEAN. D. mở rộng quan hệ với Mỹ.
Câu 14: Việt Nam và Hoa Kỳ thiết lập quan hệ ngoại giao vào thời gian nào ?
A. Tháng 5/1995. B. Tháng 6/1995.
C. Tháng 7/1995. D. Tháng 8/1995.
Câu 15: Việt Nam gia nhập Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) vào thời gian nào ?
A. Tháng 7/1995. B. Tháng 10/1995.
C. Tháng 7/1996. D. Tháng 10/1996.
Câu 16. Chủ trương đổi mới của Đại hội Đảng lần VI là gì?
A. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.
B. Thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.
C. Phát triển nền kinh tế theo cơ chế thị trường.
D. Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.
Câu 16. Điền những từ thích hợp vào câu sau đây: Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà là ……..
A. Làm cho chủ nghĩa xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.
B. Làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả.
C. Làm cho mục tiêu đã đề ra nhanh chóng được thực hiện.
D. Làm cho mục tiêu đã đề ra phù hợp với thực tiễn đất nước.
Câu 17. Trong những thành tựu quan trọng bước đầu của công cuộc đổi mới, thành tựu nào quan trọng nhất?
A. Thực hiện được Ba chương trình kinh tế. B. Phát triển kinh tế đối ngoại.
C. Kiềm chế được lạm phát. D. Từng bước đưa đất nướớc thoát khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội.
Câu 18. Cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội trong điều kiện như thế nào?
A. Đất nước đã hòa hình. B. Miền Nam đã hoàn toàn giải phỏng.
C. Đất nước độc lập, thống nhất. D. Miền Bắc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.
Câu 19. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV (12-1976) có những quyết định quan trọng. Điều nào sau đây chưa phải là quyết định của Đại hội lần này?
A. Đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng cộng sản Việt Naam.
B. Đề ra đường lối xây dựng CNXH trong cả nước.
C. Quyết định phương hướng, nhiệm vu, mục tiêu của kế hoạch nhà nước 5 năm (1976 - 1980).
D. Thực hiện đường lối đổi mới đất nước.
Câu 20. Nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch 5 năm (1976 - 1980) là gì?
A. Khôi phục và phát triển kinh tế. B. Cải thiện và nâng cao đời sống của nhân dân.
C. Vừa xây dựng đất nước, vừa cải tạo XHCN. D. Xây dựng nền văn hóa mới.
Câu 21. Mục tiêu cơ bản của kế hoạch 5 năm (1975 - 1980) là gì?
A. Xây dựng một bước cơ sở vật chất-kĩ thuật của CNXH.
B. Cải tạo XHCN trong các vùng mới giải phóng ở miền Nam.
C. Cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân lao động.
D. A, C đúng.
Câu 22. Nền kinh tế của ta sau 5 năm vẫn còn mất cân đối, sản xuất phát triển chậm, thu nhập quốc dân và năng suất lao động thấp, đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn. Đó là những hạn chế của thời kì nào?
A. Thực hiện kế hoạch 5 nnăm lần 1 (1960 - 1965).
B. Thời kì khôi phục kinh tế miền Bắc (1968 - 1973).
C. Thực hiện kế hoạch 5 nnăm (1976 - 1980).

D. Thực hiện kế hoạch 5 nnăm (1981 - 1985).
Câu 23. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V (3 - 1982) có những quyết định quan trọng. Điều nào sau đây chưa phải là quyết định của Đại hội này?
A. Cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên CNXH.
B. Tiếp tục đường lối xây dựng CNXH trong phạm vi cả nước.
C. Thời kì quá độ lên CNXH ở nước ta phải trải qua nhiều chặng.
D. Phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch 5 năm (1981 -1985).
Câu 24. Điểm nào chưa phải là thành tựu chủ yếu của kế hoạch nhà nước (1981-1985)?
A. Sản xuất lương thực tăng bình quân từ 13,4 triệu tấn trong thời kì 1976 – 1980 lên đến 17 triệu tấn.
B. Thu nhập quốc dân tăng bình quân hàng năm là 6,4% so với 0,4% trong thời kì 1976 - 1980.
C. Đã ổn định tình hình kinh tế-xã hội, ổn định đời sống nhân dân.
D. Hoàn thành hàng trăm công trình tương đối lớn.
Câu 25. Tình trạng khủng hoảng trầm trọng về kinh tế - xã hội của đất nước trong thời kì 1980 - 1985 được biểu hiện ở nhiều mặt. Điểm nào không đúng với thực tế nói trên?
A. Vấn đề lương thực chưa được giải quyết.
B. Đời sống nhân dân còn khó khăn, chưa ổn định.
C. Hàng tiêu dùng còn khan hiếm.
D. Văn hóa - giáo dục chưa được coi trọng.
Câu 26. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự khủng hoảng trầm trọng về kinh tế - xã hội trong những năm 1980 - 1985?
A. Do hậu quả chiến tranh
B. Do sai lầm, khuyết điểm trong việc lãnh đạo, quản lý.
C. Do chính sách cấm vận của Mĩ.
D. Do quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc không bình thường.
Câu 27. Nguyên nhân của những khó khăn yếu kém trong việc thực hiện kế hoạch 5 năm (1976 - 1980 và 1981 - 1985) là gì?
A. Do nền kinh tế nước ta vốn đã nghèo nàn lạc hậu lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề.
B. Do chính sách cấm vận của Mĩ đã làm cản trở quan hệ kinh tế giữa nước ta với các nước.
C. Sự không chế, phá hoại của các lực lượng thù địch.
D. Cả 3 ý trên.
Câu 28. Mục tiêu của kế hoạch 5 năm (1981 - 1985) đề ra là "Về cơ bản ổn định tình hình kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân" đã thực hiện được.Đúng hay sai.
A. Đúng.
B. Sai.
Câu 29. Từ sau 30-4-1975, để bảo vệ an toàn lãnh thổ của Tổ quốc, Việt Nam phải đối đầu trực tiếp với những lực lượng nào?
A. Quân xâm lược Mĩ.
B. Tập đoàn Pôn Pốt (Cam-pu-chia).
C. Cuộc tiến công biên giới phía Bắc của quân Trung Quốc.
D. Câu B và C đúng.
Câu 30. Hoàn cảnh nào đưa đến việc Đảng ta phải thực hiện đường lối đổi mới.
A. Đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng.
B. Do những sai lầm nghiêm trọng về chủ trương, chính sách, chỉ đạo và tổ chức thực hiện.
C. Những thay đổi của tình hình thế giới, nhất là trước sự khủng hoảng ngày càng trầm trọng ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.
D. Cả 3 ý trên.
Câu 31. Đường lối đổi mới của Đảng được điều chỉnh, bổ sung, phát triển tại các kì Đại hội nào của Đảng?
A. Đại hội IV; Đại hội V; Đại hội VI.
B. Đại hội V; Đại hội VI; Đại hội VII.
C. Đại hội VI; Đại hội VII; Đại hội VIII.
D. Đại hội VII; Đại hội VIII; Đại hội IX.
Câu 32. Đường lối đổi mới của Đảng được hiểu như thế nào là đúng?
A. Đổi mới là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa.
B. Đổi mới không phải thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa.

C. Mục tiêu xã hội chủ nghĩa được thực hiện có hiệu quả bằng những quan điểm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp.
D. B và C đúng.
Câu 33. Chủ trương đổi mới của Đại hội Đảng lần VI là gì?
A. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.
B. Thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.
C. Phát triển nền kinh tế theo cơ chế thị trường.
D. Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.
Câu 34. Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà phải làm gì?
A. Làm cho chủ nghĩa xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.
B. Làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả.
C. Làm cho mục tiêu đã đề ra nhanh chóng được thực hiện.
D. Làm cho mục tiêu đã đề ra phù hợp với thực tiễn đất nước.
Câu 35. Trong những thành tựu quan trọng bước đầu của công cuộc đổi mới, thành tựu nào quan trọng nhất?
A. Thực hiện được 3 chương trình kinh tế. B. Phát triển kinh tế đối ngoại.
C. Kiềm chế được lạm phát. D. Từng bước đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội.
Câu 36. Mục tiêu của 3 chương trình kinh tế của kế hoạch 5 năm (1986-1990): lương thực-thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, được đề ra trong Đại hội nào ?
A. Đại hội Đảng IV. B. Đại hội Đảng V.
C. Đại hội Đảng VI. D. Đại hội Đảng VII.
Câu 37. Trong số 3 chương trình kinh tế của kế hoạch 5 năm (1986 – 1990), chương trình nào phải được đưa lên hàng đầu?
A. Lương thực, thực phẩm. B. Hàng xuất khẩu.
C. Hàng tiêu dùng. D. Câu A và B đúng.
Câu 38. Hoàn thiện các hình thức khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động nhằm mục đích gì là chủ yếu nhất?
A. Để tiện lợi cho việc sản xuất. B. Để giải phóng sức lao động ở nông thôn.
C. Để dễ dàng loại bỏ một số hiện tượng tiêu cực. D. Để khuyến khích sản xuất ở nông thôn.

Bài 27 - Tổng kết lịch sử Việt Nam từ năm 1919 đến 2000

*** Thời kì 1919 -1930.**

I. Nhận biết:

Câu 1. Dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp làm cho kinh tế - xã hội Việt Nam đã
A. tạo điều kiện cho phong trào yêu nước tiếp thu luồng tư tưởng cách mạng vô sản.
B. tạo điều kiện cho kinh tế Việt Nam có sự phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa.
C. tạo điều kiện cho phong trào yêu nước tiếp thu luông tư tưởng giai cấp tư sản.
D. tạo điều kiện cho kinh tế Việt Nam phát triển theo hướng xã hội chủ nghĩa.
Câu 2. Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác – Lên nin để
A. truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê nin vào phong trào công nhân trong nước.
B. truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê nin vào phong trào công nhân quốc tế.
C.truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê nin vào phong trào yêu nước tiến bộ tư sản.
D. truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê nin vào phong trào đấu tranh của giai cấp nông dân.
Câu 3. Tác phẩm Đường Kách mệnh của Nguyễn Ái Quốc đã làm cho
A. phong trào yêu nước chuyển biến từ lập trường tư sản sang lập trường vô sản.
B. phong trào yêu nước phát triển chuyển sang lập trường tư tưởng tiến bộ vô sản.
C. phong trào yêu nước phát triển tiến tới giải phóng giai cấp công nhân.
D. phong trào yêu nước phát triển tiến tới giải phóng dân tộc Việt Nam.

Câu 4. Ba tổ chức cộng sản ra đời vào trong năm 1929 là
A. đòi hỏi phải có Đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo.
B. phong trào công nhân phát triển mạnh mẽ .
C. quốc tế cộng sản đề nghị cần phải thành lập một chính Đảng của giai cấp công nhân.
D. Nguyễn Ái Quốc đề nghị cần phải thành lập một chính Đảng của giai cấp công nhân.
II.Thông hiểu:
Câu 5. Sự kiện lịch sử nào của thời kì 1919-1930 được coi là mốc lớn đánh dấu một thời kì phát triển của lịch sử dân tộc?
A. Sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam là sự kiện lịch sử trọng đại.
B. Sự thành lập ba tổ chức cộng sản trong năm 1929 là sự kiện lịch sử quan trọng.
C. Sự thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên là một sự kiện lịch sử đặc biệt quan trọng.
D. Sự thành lập đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân là đánh dấu bước phát triển của cách mạng Việt Nam.
*** Thời kì 1930 -1945.**
I. Nhận biết.
Câu 1: Điều kiện làm cho nước ta dấy lên phong trào đấu tranh công khai đòi tự do, dân sinh, dân chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng là
A. khi chủ nghĩa phát xít xuất hiện, đe dọa hòa bình thế giới.
B. khi sự gia tăng áp bức, bóc lột và cuộc "khủng bố trắng" của thực dân Pháp.
C. khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời lãnh đạo phong trào đấu tranh của quần chúng.
D. khi phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân phát triển đến đỉnh cao.
Câu 2: Tạo điều kiện thuận lợi cho cách mạng nước ta tiến lên giải phóng dân tộc trong năm 1939-1945 là
A. cuộc chiến đấu của nhân dân Liên Xô và các lực lượng dân chủ tiến bộ thế giới chống phát xít thắng lợi.
B. chủ nghĩa phát xít Đức, Nhật Bản suy yếu dẫn đến đầu hàng lực lượng đồng minh không điều kiện.
C. Nhật tiến hành đảo chính lật đổ Pháp vào đêm 9-3-1945.
D. Đảng ta đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh kịp thời phát lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước.
Câu 3: Hội nghị Trung ương 8 đã hoàn chỉnh chủ trương đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu được đề ra từ
A. Hội nghị Trung ương tháng 11- 1939. B. Hội nghị Trung ương tháng 5 – 1941.
C. Nghị quyết của Đại hội quốc dân Tân Trào.
D. Nghị quyết của Ban thường vụ trung ương Đảng tháng 3-1945.
Câu 4: Cách mạng tháng tám năm 1945 thắng lợi là
A. kết quả của quá trình chuẩn bị và tập dượt trong 15 năm từ khi Đảng ra đời.
B. hoàn chỉnh việc chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 6.
C. chủ trương giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc.
D. cuộc đảo chính Nhật – Pháp gây ra một cuộc khủng hoảng chính trị đối với Nhật, làm cho tình thế cách mạng xuất hiện.
II.Thông hiểu:
Câu 5: Trong bối cảnh lịch sử nào ở nước ta dấy lên phong trào đấu tranh công khai rộng lớn đòi tự do, dân sinh, dân chủ là?
A. Khi chủ nghĩa phát xít xuất hiện, đe dọa hòa bình thế giới.
B. Khi Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng nước ta.
C. Khi ngăn chăn không cho vận chuyển lương thực từ miền Nam ra miền Bắc.
D. Khi được tin Quốc hội Pháp sẽ cử một phái đoàn sang điều tra tình hình Đông Dương.
*** Thời kì 1945 -1954.**
I. Thông hiểu.
Câu 1: Tình hình nước ta gặp muôn vạn khó khăn thử thách từ khi nào ?
A. Sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập.

B. Từ khi thực dân Pháp tăng cường áp bức, bóc lột và cuộc 'khủng bố trắng"
C. Từ khi cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta có sự can thiệp của đế quốc Mĩ.
D.Từ khi cuộc kháng chiến chống thực Pháp mở rộng xâm lược cả nước
Câu 2: Cuộc kháng chiến chống pháp (1945-1954) tiến hành trong điều kiện nước ta như thế nào ?
A. Nước ta có độc lập và chính quyền.
B. Nước ta tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.
C. Nước ta đang bị lệ thuộc và sự thống trị của thực dân Pháp.
D. Nước ta gặp muôn vạn khó khăn thử thách.
Câu 3: Việc quyết định đưa đến kí kết Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương liên quan đến một trong những trận thắng nào của nhân dân ta chống thực dân Pháp
A. Chiến thắng Việt Bắc thu – đông năm 1947. B. Chiến thắng Biên giới thu – đông năm 1950.
C. Chiến thắng trong Đông – Xuân năm 1953-1954. D. Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954.
Câu 4: Kháng chiến và kiến quốc là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta thực hiện trong thời kỳ nào?
A. Kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, và chống cả sự can thiệp Mĩ.
B. Đấu tranh chống chế độ Mĩ – Diệm.
C. Miền Bắc hoàn toàn độc lập đi lên chủ nghĩa xã hội.
D. Sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập.
Câu 5: Những sự kiện nào sau đây **không liên quan đến giai đoạn** cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954)?
A.Công cuộc đổi mới đã và đang giành thắng lợi. B.Chiến thắng Biên giới thu – đông 1950.
C. Điện Biên Phủ là trận thắng quyết định.
D. Kháng chiến và kiến quốc là hai nhiệm vụ chiến lược quan trọng.
*** Thời kì 1954 -1975.**
I. Nhận biết.
Câu 1: Đảng ta đề ra nhiệm vụ cho cách mạng từng miền và nhiệm vụ chung cho cách mạng cả nước là
A. xuất phát từ tình hình đất nước tạm thời bị chia cắt làm hai miền.
B. xuất phát từ tình hình đất nước đang trong giai đoạn gấp rút chống Mĩ xâm lược.
C. xuất phát từ mối quan hệ giữa cách mạng hai miền.
D. xuất phát từ nhiệm vụ chung là "kháng chiến chống Mĩ cứu nước".
Câu 2: Thời kì 1954-1975 ở miền Nam, tiến hành cuộc đấu tranh chính trị phát triển lên khởi nghĩa bắt đầu từ
A. "Đồng khởi" 1959-1960. B. từ giữa năm 1961.
C. từ đánh bại chiến lược "Chiến tranh đơn phương"; 1961-1965.
D. từ đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt"; 1965-1968.
Câu 3: Trong thời kì 1954-1975, buộc Mĩ phải rút quân khởi miền Nam là
A. đánh bại về cơ bản chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh". B. đánh bại chiến lược "Chiến tranh cục bộ".
C. đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt". D. đánh bại chiến lược "Đông Dương hóa chiến tranh".
II. Vận dụng cao.
Câu 4: Hãy sắp xếp các sự kiện thứ tự ta lần lượt đánh bại các chiến lược thống trị và xâm lược thực dân mới của Mĩ bắt đầu từ chiến lược
A."Chiến tranh đơn phương", "Chiến tranh đặc biệt", "Chiến tranh cục bộ", "Việt Nam hóa chiến tranh".
B. "Chiến tranh đặc biệt", "Chiến tranh đơn phương", "Chiến tranh cục bộ", "Việt Nam hóa chiến tranh".
C. "Chiến tranh cục bộ", "Chiến tranh đơn phương", "Chiến tranh đặc biệt", "Việt Nam hóa chiến tranh".
D. "Chiến tranh đặc biệt", "Chiến tranh cục bộ", "Chiến tranh đơn phương", "Việt Nam hóa chiến tranh".
III. Nhận biết.
Câu 5: Trong thời kì 1954-1975, nhiệm vụ chung của cách mạng nước ta là
A. hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. B. hoàn thành cách mạng ruộng đất.

C. kháng chiến chống Mĩ, cứu nước. D. bước đầu xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội.

Câu 6: Nhân dân miền Bắc đã giành thắng lợi trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ qua mấy lần ?

A. Ba lần. B. Bốn lần. C. Hai lần. D. Năm lần.

Câu 7: Trong thời kì 1954-1975, thực hiện nghĩa vụ quốc tế đối với Lào và Campuchia là do

A. nhân dân hai miền Nam - Bắc. B. nhân dân miền Bắc, miền Trung.

C. nhân dân miền Bắc. D. Cả nhân dân ba miền.

*** Thời kì 1975 - 2000.**

I. Nhận biết.

Câu 1: Cách mạng Việt Nam chuyển sang thời kì cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước từ

A. sau khi đất nước được độc lập và thống nhất. B. sau khi giải phóng hoàn toàn miền Nam.

C. sau khi Nguyễn Ái Quốc truyền bá chủ nghĩa Mác- Lênin vào trong nước.

D. sau miền Bắc hoàn toàn được giải phóng.

Câu 2: Đường lối đổi mới của Đảng được đề ra từ

A. Đại hội VI (1986). B. Đại hội IV(12-1976).

C. Đại hội V (3-1982). D. khi thực hiện thắng lợi ba kế hoạch Nhà nước 5 năm.

Câu 3: Công cuộc đổi mới đất nước được bắt đầu từ

A. tháng 12-1986. B. tháng 12- 1987.

C. tháng 12-1991. D. tháng 12-1996.

LUYỆN TẬP

ĐỀ SỐ 1

Câu 1. Khi Việt Nam gia nhập tổ chức ASEAN, văn hóa truyền thống của dân tộc đứng trước nguy cơ thách thức gì?

A. Nếu không tận dụng cơ hội để phát triển nước ta sẽ có nguy cơ tụt hậu so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

B. Sự cạnh tranh quyết liệt giữa các nước trong khu vực với nước ta do có nhiều điểm tương đồng về kinh tế, văn hóa, xã hội.

C. Đánh mất bản sắc và truyền thống văn hóa của dân tộc, hòa nhập dễ hòa tan.

D. Truyền thống văn hóa của dân tộc Việt Nam bị mai một.

Câu 2. Sự kiện đánh dấu lien minh chiến đấu Việt-Miên-Lào được củng cố tăng cường trong kháng chiến chống thực dân Pháp là

A. cùng nhau đấu tranh chống kẻ thù chung là thực dân Pháp xâm lược.

B. nhân dân ba nước đã sát cánh bên nhau, quân tình nguyện Việt Nam sang chiến đấu giúp hai nước Lào và Campuchia.

C. Mặt trận Liên Việt, Mặt trận Lào Itxala và Mặt trận Khơme Ixrắc đã tiến hành Đại hội (3-1951).

D. giành nhiều thắng lợi to lớn, buộc Pháp phải kí Hiệp định Giơnevơ tháng 7-1954 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương.

Câu 3. Những sự kiện lịch sử biến Mĩlatinh trở thành "lục địa bùng cháy" sau Chiến tranh thế giới thứ 2 là

A. sự thành công của cách mạng Cuba (1-1-1959), nước Cộng hòa Cuba ra đời.

B. từ những năm 1960- 1970, phong trào đấu tranh chống Mĩ và chế độ độc tài thân Mĩ phát triển và giành được nhiều thắng lợi: Các quốc đảo vùng Caribe lần lượt giành được độc lập, nhân dân Panama đấu tranh đòi thu hồi chủ quyền kênh đào Panama, buộc Mĩ phải trao trả vào năm 1999.

C. cùng với bãi công của công nhân, nổi dậy của nông dân, đấu tranh nghị trường để thành lập chính phủ tiến bộ và cao trào đấu tranh vũ trang bùng nổ mạnh mẽ ở khu vực Milatinh.

D. phong trào đấu tranh vũ trang chống chế độ độc tài ở các nước En xanvado, Nicaragoa, Colombia, Venexuena diễn ra liên tục.

Câu 4. Cuộc cách mạng của nhân dân Cuba thắng lợi hoàn toàn được đánh dấu bằng sự kiện nào?

A. Cuộc tấn công trại lính Mooncada của 135 thanh niên yêu nước do Phiden Cattoro chỉ huy.

B. Phiden Cattoro cùng 81 chiến sĩ trở về nước, tiến hành chiến tranh du kích và phát động nhân dân đấu tranh vũ trang.

C. Chế độ độc tài Batixta xụp đổ, nước Cộng hòa Cuba ra đời do Phiden Cattoro đứng đầu.

D. Nước Cộng hòa Cuba ra đời do Phiden Cattoro đứng đầu.
Câu 5. Cuộc đấu tranh giành và bảo vệ độc lập dân tộc của nhân dân Milatinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ 2 với thắng lợi tiêu biểu là
A. sự thành công của cách mạng Cuba (1-1-1959), nước Cộng hòa Cuba ra đời do Phiden Cattoro đứng đầu.
B. từ những năm 1960- 1970, phong trào đấu tranh chống Mĩ và chế độ độc tài thân Mĩ phát triển và giành được nhiều thắng lợi.
C. cao trào đấu tranh vũ trang bùng nổ mạnh mẽ ở khu vực Milatinh, biến Mĩlatinh trở thành "lục địa bùng cháy".
D. phong trào đấu tranh vũ trang chống chế độ độc tài ở các nước En xanvado, Nicaragoa, Colombia, Venexuena diễn ra liên tục, chính quyền độc tài ở nhiều nước bị lật đổ, các chính phủ dân chủ được thiết lập.
Câu 6. Tại sao năm 1960 được gọi là "Năm châu Phi"?
A. Vì chủ nghĩa thực dân ở châu Phi sụp đổ hoàn toàn.
B. Vì chế độ phân biệt chủng tộc ở châu Phi đã được xóa bỏ.
C. Vì các quốc gia ở châu Phi đã giành được độc lập. D. Vì có 17 nước châu Phi được trao trả độc lập.
Câu 7. Sự kiện đánh dấu hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ đã hoàn toàn xụp đổ ở châu Phi cũng như trên toàn thế giới là
A. nửa sau thập kỉ 1950, nhiều nước Bắc và Tây Phi giành được độc lập.
B. năm 1975, các thuộc địa còn lại ở châu Phi đã giành được độc lập.
C. năm 1975, với thắng lợi của nhân dân Modambic, Ăngôla.
D. sau cuộc bầu cử dân chủ (4-1994), Nenxon Manđela trở thành vị tổng thống da đen đầu tiên trong lịch sử Cộng hòa nam Phi.
Câu 8. Trong xây dựng đất nước, Ấn Độ đã thực hiện biện pháp gì để tự túc được lương thực và xuất khẩu gạo?
A. Nền công nghiệp đã sản xuất được nhiều loại máy móc sử dụng trong nông nghiệp.
B. Tiến hành cuộc "cách mạng xanh" trong nông nghiệp.
C. Áp dụng các kĩ thuật canh tác mới trong nông nghiệp.
D. Lai tạo nhiều giống lúa mới cho năng xuất cao.
Câu 9. Tổ chức ASEAN chỉ được củng cố và phát triển từ sau sự kiện
A. Hiệp ước Bali được kí kết và sau khi "vấn đề Campuchia" được giải quyết.
B. Việt Nam gia nhập tổ chức ASEAN năm 1995.
C. Năm 1999 Campuchia gia nhập tổ chức ASEAN.
D. Tháng 11-2007, các nước thành viên đã kí bản *Hiến chương ASEAN* nhằm tăng cường xây dựng ASEAN thành một cộng đồng vững mạnh.
Câu 10. Tổ chức ASEAN ra đời trong hoàn cảnh lịch sử nào?
A. Vừa giành được độc lập, đòi hỏi các nước Đông Nam Á phải tăng cường hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau.
B. Các nước đế quốc bao vây cấm vận về mọi mặt.
C. Do sự lớn mạnh của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới có ảnh hưởng đến các nước trong khu vực.
D. Các nước Đông Nam Á bước vào thời kì phát triển kinh tế, văn hóa, đòi hỏi phải tăng cường hợp tác, muốn hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài đối với khu vực, do sự thành công của Khối thị trường chung châu Âu.
Câu 11. Sự kiện đánh dấu nước Lào bước sang một thời kì mới-xây dựng đất nước phát triển kinh tế-xã hội là:
A. Hiệp định Viêng Chăn về lập lại hòa bình và thực hiện hòa hợp dân tộc ở Lào được kí kết.
B. từ tháng 5 đến tháng 12-1975, quân dân Lào đã tiến hành Tổng tiến công và nổi dậy, giải phóng hoàn toàn đất nước.
C. nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào chính thức được thành lập.
D. Lào gia nhập tổ chức ASEAN.
Câu 12. Sự ra của tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) và tổ chức Hiệp ước Vacsava đã:
A. đánh dấu cuộc Chiến tranh lạnh giữa Mĩ và Liên Xô bắt đầu.
B. đánh dấu sự đối đầu giữa Mĩ và Liên Xô bắt đầu căng thẳng.
C. đánh dấu sự xác lập của cục diện 2 cực, hai phe. Chiến tranh lạnh bao trùm cả thế giới.
Câu 13. Giai cấp công nhân Việt Nam dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp có sự chuyển biến gì?
A. Tăng nhanh về số lượng. B. Tăng nhanh về chất lượng.

C. Tăng nhanh về số lượng, chất lượng, nhanh chóng vươn lên trở thành một động lực mạnh mẽ của phong trào cách mạng.
D. Vươn lên lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc.
Câu 14. Thái độ chính trị của tư sản mại bản sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đối với phong trào cách mạng Việt Nam là gì?
A. Quyền lợi gắn với đế quốc, thái độ phản động, kẻ thù của cách mạng.
B. Ít nhiều có tinh thần dân tộc, nhưng không kiên định, dễ thỏa hiệp, cải lương.
C. Yêu nước, có tinh thần chống đế quốc, chống phong kiến cao.
D. Là lực lượng trung lập.
Câu 15. Năm 1921, Nguyễn Ái Quốc cùng một số người yêu nước của châu Phi đã lập ra tổ chức tập hợp tất cả những người dân thuộc địa sống trên đất Pháp cho cuộc chiến tranh chống chủ nghĩa thực dân. Tổ chức này đã phát hành một tờ báo làm cơ quan ngôn luận. Tổ chức và tờ báo có tên là gì?
A. Hội liên hiệp thuộc địa – Báo Nhân đạo. B. Hội liên hiệp thuộc địa – Báo Người cùng khổ.
C. Hội liên hiệp các nước bị áp bức – Báo Người cùng khổ. D. Hội liên hiệp bị áp bức – Báo Nhân đạo.
Câu 16. Những hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên gắn bó mật thiết với vai trò của Nguyễn Ái Quốc là:
A. mở lớp huấn luyện chính trị đào tạo cán bộ tại Quảng Châu – Trung Quốc, ra báo Thanh niên.
B. bí mật chuyển các tác phẩm của Nguyễn Ái Quốc về nước.
C.phong trào "Vô sản hóa". D. bãi công của công nhân ở Hải Phòng, Vinh, Hà Nội.
Câu 17. Việt Nam Quốc dân đảng là một chính đảng chính trị theo xu hướng nào?
A. Vô sản. B. Dân chủ tư sản.
C. Dân chủ tiểu tư sản. D. Dân chủ tiểu tư sản kiểu mới.
Câu 18. Cơ quan ngôn luận của Đông Dương Cộng sản đảng là
A. báo Nhành lúa. B. báo Người nhà quê.
C. báo Búa liềm. D. báo Tiếng chuông rè.
Câu 19. Đảng, Chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng hòa chủ trương hòa hoãn với quân Trung Hoa Dân quốc là do
A. tránh cùng một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù, tập trung lực lượng để đánh thực dân Pháp ở miền Nam.
B. tránh cùng một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù: quân Trung Hoa Dân quốc, quân Anh, quân Pháp.
C. lực lượng của ta còn yếu, cần phải hòa hoãn để củng cố lực lượng.
D. có thêm thời gian để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến mà ta biết chắc là không tránh khỏi.
Câu 20. Những biện pháp đấu tranh với quân Trung Hoa Dân quốc và bọn tay sai có tác dụng, ý nghĩa:
A. chính quyền cách mạng vẫn giữ vững và được nhân dân ta tin tưởng ủng hộ.
B. làm thất bại âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng nước ta của quân Trung Hoa Dân quốc.
C. hạn chế đến mức thấp nhất các hoạt động phá hoại của quân Trung Hoa Dân quốc và tay sai, làm thất bại âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng của chúng.
D. nhân dân ta càng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Hồ Chí Minh.
Câu 21. Chủ tịch Hồ Chí Minh kí bản Tạm ước ngày 14-9-1946 với Pháp là do:
A. ở Đông Dương, quân Pháp đang tăng cường hoạt động khiêu khích.
B. quan hệ Việt – Pháp ở giai đoạn căng thẳng nhất, đe dọa độc lập chủ quyền dân tộc và chính quyền cách mạng nước ta.
C. thực dân Pháp vi phạm Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946), do đó cần có thỏa thuận khác thay thế.
D. tạo điều kiện cho ta kéo dài hòa hoãn để xây dựng, củng cố lực lượng, chuẩn bị cho cuộc kháng chiến chống Pháp mà ta không thể tránh khỏi.
Câu 22. Khi thực dân Pháp tiến công Việt Bắc vào thu-đông năm 1947, Đảng ta đã có chỉ thị gì?
A. "Phải đánh nhanh thắng nhanh".
B. "Phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp".
C. "Phải phòng ngự trước, tiến công sau".
D. "Phải thực hiện tiến công chiến lược".
Câu 23. Sau thất bại ở Việt Bắc thu – đông năm 1947, thực dân Pháp buộc phải chuyển từ "đánh nhanh thắng nhanh" sang:
A. đánh chắc, tiến chắc. B. chắc thắng mới đánh.
C. vừa đánh vừa đàm. D. đánh lâu dài.
Câu 24. Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2-1951) quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai với tên mới là Đảng Lao động Việt Nam nhằm:

A. khẳng định vai trò lãnh đạo độc quyền của Đảng đối với cách mạng Việt Nam.
B. đưa cách mạng về từng nước trên bán đảo Đông Dương với việc ở mỗi nước cần thành lập một đảng riêng.
C. tiếp tục sứ mệnh lãnh đạo cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.
D. đẩy mạnh tranh thủ sự hợp tác của các nước xã hội chủ nghĩa đối với cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.
Câu 25. Điểm mấu chốt khi thực hiện kế hoạch Nava của thực dân Pháp là gì?
A. Phân tán quân ra để giữ đất, giành dân.
B. Đưa quân càn quét, bình định vùng chiếm đóng.
C. Mở những cuộc tiến công uy hiếp vùng tự do để phá kế hoạch tiến công của ta.
D. Tập trung quân càn quét, bình định vùng chiếm đóng và mở cuộc tiến công lớn để phá kế hoạch tiến công của ta.
Câu 26. Thắng lợi nào của quân và dân ta trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) đã đập tan hoàn toàn kế hoạch Nava của thực dân Pháp?
A. Cuộc tiến công chiến lược đông – xuân 1953-1954 thắng lợi.
B. Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ.
C. Thắng lợi trong cuộc tiến công chiến lược đông –xuân 1953-1954 và chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ.
D. Hiệp định Gionevo 1954 về Đông Dương được kí kết.
Câu 27. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) gianh thắng lợi do nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân chủ yếu là:
A. có sự lãnh đạo sang suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ Tịch Hồ Chí Minh với đường lối kháng chiến đúng đắn, sang tạo.
B. toàn dân đoàn kết, dũng cảm chiến đấu.
C. tình đoàn kết chiến đấu giữa ba nước Đông Dương.
D. sự đồng tình, ủng hộ của Trung Quốc, Liên Xô, của các nước dân chủ nhân dân, nhân dân Pháp và loài người tiến bộ.
Câu 28. Chiến thắng nào sau đây của quân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) được Chủ Tịch Hồ Chí Minh đánh giá như là "cái mốc chói lọi bằng vàng của lịch sử" dân tộc?
A. Đô thị cuối năm 1946 đầu năm 1947.
B. Việt Bắc thu – đông năm 1947.
C. Biên giới thu – đông năm 1947.
D. Điện Biên Phủ năm 1954.
Câu 29. Ý nghĩa nào **không** phải chủ trương của Đảng trong việc đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam?
A. Kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam được đề ra dựa trên cơ sở nhận định đúng sự thay đổi trong so sánh lực lượng giữa ta và địch ngày càng có lợi cho ta.
B. Kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam được đề ra dựa trên nhận định quân Mĩ không có khả năng quay lại miền Nam.
C. Đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong hai năm 1975 và 1976, nhưng cũng dự đoán khả năng giải phóng sớm hơn (trong năm 1975) khi thời cơ đến nhanh bằng cuộc Tổng tiến công và nổi dậy.
D. Đảng cũng nêu sự cần thiết tranh thủ thời cơ đánh thắng nhanh để đỡ thiệt hại về người và của, giữ gìn tốt cơ sở kinh tế, công trình văn hóa, giảm bớt sự tàn phá của chiến tranh.
Câu 30. Trong thời kì 1954 – 1975, thắng lợi nào của quân dân Việt Nam ở miền Nam đã buộc đế quốc Mĩ phải tuyên bố "phi Mĩ hóa" chiến tranh?
A. Cuộc Tiến công chiến lược xuân hè năm 1972. B. Cuộc Tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968.
C. Trận "Điện Biên Phủ trên không" cuối năm 1972. D. Cuộc Tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975.
Câu 31. Sauk hi Hiệp định Pari được kí kết (1-1973), biểu hiện nào sau đây chứng tỏ đế quốc Mĩ tiếp tục cuộc chiến tranh ở miền Nam Việt Nam?
A. Giữ lại cố vấn quân sự.
B. Để lại lực lượng quân đội.
C. Duy trì cơ quan ngoại giao.
D. Trao trả tù binh chiến tranh.
Câu 32. Ý nào **không** phải là những hành động phá hoại Hiệp định Pari năm 1973 của Mĩ-chính quyền Sài Gòn ở miền Nam Việt Nam?
A. Tiến hành chiến dịch tràn ngập lãnh thổ.
B. Mở các cuộc hành quân bình định-lấn chiếm vùng giải phóng.
C. Tiếp tục chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh. D. Mở rộng chiến tranh sang Lào và Campuchia.
Câu 33. Cuối năm 1974, đầu năm 1975, Quân giải phóng miền Nam mở các hoạt động quân sự ở
A. Tây Ninh và Đông Nam Bộ.
B. Thành phố lớn ở miền Nam.
C. Đồng bằng song Cửu Long và Đông Nam Bộ.
D. Tây Nguyên và ven biển miền Trung.

Câu 34. Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" là loại hình chiến tranh:
A. Thực dân kiểu cũ. B. Thực dân kiểu mới.
C. Ngoại giao. D. Kinh tế.
Câu 35. Sau chiến thắng Phước Long (1-1975), phản ứng của Mĩ là
A. đưa quân quay trở lại miền Nam. B. phản ứng quyết liệt bằng ngoại giao.
C. tăng cường viện trợ bằng mọi mặt chi chính quyền Sài Gòn.
D. phản ứng yếu ớt, chủ yếu dung áp lực từ xa đe dọa.
Câu 36. Những cuộc Chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của Mĩ để lại những hậu quả là:
A. cản trở công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.
B. tàn phá nặng nề, gây hậu quả lâu dài với miền Bắc.
C. phải chuyển từ xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội sang chiến đấu bảo vệ miền Bắc.
D. phải thay đổi mục tiêu ở một số lĩnh vực.
Câu 37. Nguyên nhân cơ bản của khó khăn, yếu kém mà Việt nam mắc phải trong thời gian thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm (1976-1985) là gì?
A. Sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương chính sách lớn, sai lầm chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện.
B. Sự cô lập của Mĩ các nước đế quốc sau thất bại của Mĩ ở trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam.
C. Không áp dụng thành tựu của cách mạng khoa học –công nghệ vào các nghành kinh tế.
D. Kinh tế nước ta bị chiến tranh tàn phá nặng nề.
Câu 38. Kết quả lớn nhất của kì họp thứ nhất Quốc hội khóa VI (7-1976) nước Việt Nam thống nhất là:
A. hoàn thành việc thống nhất về mặt lãnh thổ. B. hoàn thành việc thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
C. hoàn thành việc bầu ra các cơ quan của Quốc hội. D. hoàn thành việc bầu ra Ban dự thảo Hiến pháp.
Câu 39. Nội dung nào **không** phải là hoàn cảnh đất nước và thế giới khi Việt Nam tiến hành đổi mới?
A. Trải qua thời gian thực hiện hai kế hoạch nhà nước 5 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội (1976-1980 và 1981-1985), nước ta đã đạt được những thành tựu và ưu điểm đáng kể trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, song cũng gặp không ít khó khăn.
B. Đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng, trước hết là khủng hoảng về kinh tê-xã hội.
C. Xu thế đối thoại hợp tác trên thế giới chiếm ưu thế tác động đến công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, trong khi đó Việt Nam lại đóng khá kín chỉ duy trì quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa.
D. Những thay đổi trong tình hình thế giới và mối quan hệ giữa các nước do tác động của cuộc cách mạng khoa học-kĩ thuật;cuộc khủng hoảng toàn diện trầm trọng ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác.
Câu 40. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (12-1986) của Đảng Cộng sản Việt Nam xác định nhiệm vụ trước mắt của kế hoạch 5 năm 1986-1990 là:
A. thực hiện bằng được nhiệm vụ, mục tiêu của Ba chương trình kinh tế: lương thực – thực phẩm, hàng tiêu dung và hàng xuất khẩu.
B. đổi mới toàn diện về kinh tế và chính trị.
C. xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội. D. đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa đất nước.

ĐỀ SỐ 2.

Câu 1. Hội nghị Ianta diễn ra khi cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai:
A. đã hoàn toàn kết thúc. B. bước vào giai đoạn kết thúc.
C. đang diễn ra vô cùng các liệt. D. bùng nổ và ngày càng lan rộng.
Câu 2. Mục đích của tổ chức Liên hợp quốc được Hiến chương nêu rõ là gì?
A. Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít.
B. Duy trì hòa bình và an ninh thế giới, phát triển các mối quan hệ hợp tác.
C. Bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia.
D. Không can thiệp vào công việc nội bộ của bất kì nước nào.
Câu 3. Tại sao Hiến chương của Liên hợp quốc là văn kiện quan trọng nhất?
A. Nêu rõ mục đích và nguyên tắc hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc.
B. Là cơ sở để các nước căn cứ tham gia tổ chức lien hợp quốc.
C. Hiến chương đã nêu rõ mục đích của tổ chức Liên hợp quốc: Duy trì hòa bình và an ninh thế giới, phát triển các mối quan hệ hợp tác giữa các nước.
Câu 4. Vai trò của Liên bang Nga từ khi Liên Xô tan rã là gì?
A. Liên bang Nga là quốc gia "kế tục" Liên Xô, được kế thừa địa vị pháp lí của Liên Xô tại Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc và tại các cơ quan ngoại giao của Liên Xô ở nước ngoài.
B. Liên bang Nga có vai trò quyết định trong việc giải quyết các tranh chấp quốc tế.
C. Liên bang Nga là trụ cột của phong trào cách mạng thế giới.

D. Liên bang Nga là trung gian hòa giải các tranh chấp giữa các nước.
Câu 5. Tình hình kinh tế Mĩ trong thời gian 20 năm sau Chiến tranh thế giới thứ hai là:
A. kinh tế Mĩ bước vào giai đoạn phát triển về mọi mặt.
B. Mĩ trở thành trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới.
C. bị kinh tế Nhật Bản, Tây Âu cạnh tranh quyết liệt.
D. kinh tế Mĩ bước vào giai đoạn suy thoái, khủng hoảng.
Câu 6. Tình hình khoa học-kĩ thuật của Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai là:
A. có một số phát minh trên một số lĩnh vực phục vụ mục đích quân sự.
B. Mĩ là nước đi au trong các phát minh khoa học - kĩ thuật.
C. Mĩ là nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại và đạt được nhiều thành tựu lớn.
D. có nhiều chính sách đầu tư để phát triển khoa học – kĩ thuật ở một số lĩnh vực.
Câu 7. "Chiến lược toàn cầu" do Tổng thống nào của Mĩ đề ra?
A. Tu-rơ-man. B. Ken-nơ-đi. C. Ai-xen-hao. D. Giôn-xơn.
Câu 8. Nội dung nào **không** phải là thành công của Mĩ trong chính sách đối ngoại từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai?
A. Thực hiện ngiều chiến lược qua các đời tổng thống. B. Lập được nhiều khối quân sự ở khắp toàn cầu.
C. Thực hiện được một số mưu đồ góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy sự xụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô.
D. Cùng Liên Xô tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.
Câu 9. Sau Chiến tranh tế giới thứ hai, kinh tế các nước Tây Âu phát triển nhất trong khoảng thời gian nào?
A. Ngay sau Chiến tranh tế giới thứ hai đến năm 1950. B. Từ thập niên 50 đến thập niên 70 của thế kỉ XX.
C. Trong thập niên 80 của thế kỉ XX. D. Trong thập niên 90 của thế kỉ XX.
Câu 10. Khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO) do Mĩ thành lập năm 1949 nhằm mục đích gì?
A. Chống lại phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.
B. Chống lại Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu.
C. Chống lại Liên Xô, Trung Quốc, Việt Nam.
D. Chống lại các nước xã hội chủ nghĩa và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.
Câu 11. Trong việc thực hiện chính sách đối ngoại sau Chiến tranh tế giới thứ hai, Mĩ đã bị thất bại:
A. Trong việc thực hiện chính sách đối ngoại ở nhiều nơi như Việt Nam, Cuba, một số nước ở khu vực Mixlatinh,Apganixtan, Trung Đông.
B. Trong việc hạn chế ảnh hưởng và sự lớn mạnh của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa.
C. Trong việc kìm hãm sự ra đời của các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu.
D. Trong việc hạn chế ảnh hưởng của Nhật Bản và Tây Âu.
Câu 12. Đặc điểm lớn nhất của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật sau Chiến tranh tế giới thứ hai là gì?
A. Kĩ thuật trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. B. Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.
C. Sự bùng nổ của các lĩnh vực khoa học – công nghệ.
D. Mọi phát minh đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học.
Câu 13. Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh là tác giả của một số tác phẩm, văn kiện sau:
1. Nhật kí trong tù; 2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; 3. Bản án chế độ thực dân Pháp; 4. Bản yêu sách 8 điểm gửi hội nghị Véc xai.
Hãy sắp xếp các tác phẩm, văn kiện trên theo trình tự thời gian xuất hiện:
A. 1, 2, 3, 4. B. 1, 3, 2, 4. C. 2, 4, 3, 1. D. 4, 3, 2, 1.
Câu 14. Cuốn sách tập hợp những bài giảng của Nguyễn Ái Quốc tại các lớp huấn luyện chính trị ở Quảng Châu (Trung Quốc) có tên là:
A. "Con rồng tre". B. "Đường kách mệnh".
C. "Bản án chế độ thực dân Pháp". D. "Người cùng khổ".
Câu 15. Con đường tìm chân lí cứu nước của Nguyễn Ái Quốc khác với những người đi trước là:
A. đi sang phương Tây tìm đường cứu nước.
B. đi từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa cộng sản.
C. đi từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác – Lênin, kết hợp đường lối dân tộc với chủ nghĩa xã hội.
D. đi từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa vô sản.
Câu 16. Sự xuất hiện ba tổ chức cộng sản trong năm 1929 ở Việt Nam chứng tỏ điều gì?
A. Khuynh hướng cách mạng vô sản đang chiếm ưu thế ở Việt Nam.
B. Khuynh hướng cách mạng tư sản đang chiếm ưu thế ở Việt Nam.
C. Khuynh hướng cách mạng vô sản không chiếm ưu thế ở Việt Nam.

D. Khuynh hướng cách mạng tư sản không chiếm ưu thế ở Việt Nam.
Câu 17. Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam (10/1930) đã xác định lãnh đạo cách mạng Việt Nam là:
A. giai cấp tư sản dân tộc. B. tầng lớp tiểu tư sản trí thức.
C. giai cấp công nhân và giai cấp nông dân.
D. Đảng Cộng sản Việt Nam – đội tiên phong của giai cấp vô sản.
Câu 18. Lĩnh vực đấu tranh mới của Đảng Cộng sản Đông Dương trong phong trào dân chủ 1936 – 1939 là gì?
A. Đấu tranh ngoại giao. B. Đấu tranh đòi tự do, dân sinh, dân chủ.
C. Đấu tranh nghị trường và trên lĩnh vực báo chí. D. Đấu tranh đòi quyền lợi về kinh tế.
Câu 19. Qua phong trào dân chủ 1936 – 1939, Đảng Cộng sản Đông Dương đã tích lũy được bài học kinh nghiệm nào?
A. Về vận động quần chúng đấu tranh chính trị. B. Về xây dựng lực lượng chính trị với lực lượng vũ trang.
C. Về công tác mặt trận, vấn đề dân tộc.
D. Xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất, kinh nghiệm tổ chức lãnh ddaopj quần chúng đấu tranh công khai, hợp pháp.
Câu 20. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (11-1939) xác định mục tiêu đấu tranh trước mắt của cách mạng Đông Dương là:
A. chống phát xít, chống chiến tranh. B. đòi tự do, cơm áo và hòa bình.
C. đánh đổ đế quốc, tay sai, giải phóng các dân tộc ở Đông Dương, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập.
D. đòi tự do hội họp, biểu tình.
Câu 21. Sau khi về nước năm 1941, Nguyễn Ái Quốc đã chọn địa phương nào để xây dựng căn cứ địa cách mang?
A. Bắc Sơn – Võ Nhai. B. Tân Trào (Tuyên Quang).
C. Cao Bằng. D. Thái Nguyên.
Câu 22. Theo chỉ thị của Hồ Chí Minh 12-1944, lực lượng vũ trang được thành lập có tên gọi là
A. Trung đội Cứu quốc quân III. B. Đội du kích Bắc Sơn – Võ Nhai.
C. Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân. D. Đội Việt Nam giải phóng quân.
Câu 23. Bản chỉ thị "Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của của chúng ta" của Ban Thường vụ Trung ương Đảng (12-3-1945) đã xác định hình thức đấu tranh của cách mạng là gì?
A. Chuyển sang đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang.
B. Chuyển sang khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.
C. Từ bất hợp tác, bãi công, bãi thị đến biểu tình, thị uy, vũ trang du kích và sẵn sang chuyển qua Tổng khởi nghĩa khi có điều kiện.
D. Chuyển sang thời kì khởi nghĩa từng phần giành chính quyền từng bộ phận.
Câu 24. Đảng ta có biện pháp gì để giải quyết nạn dốt sau Cách mạng tháng Tám năm 1945?
A. Thực hiện cải cách giáo dục. B. Thành lập Nha bình dân học vụ.
C. Hệ thống trường học được xây dựng nhiều. D. Xóa bỏ văn hóa thực dân nô dịch phản động.
Câu 25. Sau bầu cử Quốc hội (1-1946), ở các địa phương ở Bắc Bộ và Trung Bộ đã làm gì để xây dựng chính quyền cách mạng?
A. Thành lập quân đội ở các địa phương.
B. Bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, lập ủy ban hành chính các cấp.
C. Thành lập chính quyền cách mạng ở các địa phương.
D. Thành lập Tòa án nhân dân các cấp.
Câu 26. Tại sao Đảng và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa lại chủ trương hòa hoãn với quân Trung Hoa Dân quốc ở miền Bắc?
A. Tránh cùng một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù, tập trung lực lượng để đánh Pháp ở miền Nam.
B. Tránh cùng một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù: quân Trung Hoa Dân quốc, quân Anh, quân Pháp.
C. Lực lượng của ta còn yếu, cần phải hòa hoãn để củng cố lực lượng.
D. Có thời gian chuẩn bị cho cuộc kháng chiến mà ta biết là không thể tránh khỏi.
Câu 27. Trước âm mưu và hành động xâm lược lần thứ hai của thực dân Pháp, chủ trương của Đảng và Chính phủ ta như thế nào?
A. Quyết tâm lãnh đạo kháng chiến. B. Đàm phán với Pháp.
C. Nhờ vào sự giúp đỡ của bên ngoài. D. Đầu hàng thực dân Pháp.
Câu 28. Sau thất bại ở Việt Bắc thu - đông năm 1947, thực dân Pháp buộc phải thay đổi chiến lược chiến tranh ở Đông Dương như thế nào?

A. Từ đánh nhanh, thắng nhanh sang đánh lâu dài. B. Chuyển sang phòng ngự.
C. Cầu viện trợ và phụ thuộc càng nhiều vào Mĩ. D. Chuyển sang đàm phán với Chính phủ ta.
Câu 29. Việc Mĩ kí với Pháp Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương (12-1950) đã chứng tỏ:
A. Mĩ chính thức xâm lược Đông Dương. B. Mĩ từng bước thay chân Pháp ở Đông Dương.
C. Mĩ hất cẳng Pháp độc chiếm Đông Dương. D. Mĩ bước đầu nhòm ngó Đông Dương.
Câu 30. Kế hoạch đờ Lát đờ Tátxinhi (cuối 1950) đã có ảnh hưởng như thế nào đến cuộc kháng chiến của ta?
A. Đưa cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp lên quy mô lớn, làm cho cuộc kháng chiến của ta trở lên khó khăn, phức tạp.
B. Làm cho cuộc kháng chiến của ta trở lên thuận lợi hơn. C. Ta có thể đàm phán với Pháp.
D. Ta có thể nhanh chóng lợi dụng điểm yếu của kế hoạch để giành thắng lợi.
Câu 31. Chủ trương của Đảng ta trong đông – xuân 1953-1954 là:
A. tấn công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu, buộc chúng phải bị động phân tán lực lượng đối phó với ta trên những địa bàn xung yếu mà chúng không thể bỏ.
B. tấn công vào những hướng quan trọng về chiến lược ở các đô thị lớn, nhanh chóng giành thắng lợi và kết thúc chiến tranh.
C. tấn công địch ở rừng núi – nơi lực lượng của chúng mỏng dế bị tiêu diệt.
D. tấn công địch ở vùng đồng bằng.
Câu 32. Sau khi thực dân Pháp rút khỏi Việt Nam, đế quốc Mĩ đã có hành động gì?
A. Dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm ở miền Nam. B. Trực tiếp đưa quân đội vào thay quân Pháp.
C. Biến nước ta thành thị trường tiêu thụ hàng hóa của Mĩ.
D. Biến miền Nam, Việt Nam thành căn cứ quân sự chống lại các nước xã hội chủ nghĩa.
Câu 33. Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Đảng và Chính phủ đã có việc làm gì để đáp ứng quyền lợi kinh tế, chính trị của nông dân miền Bắc?
A. Đẩy mạnh phát động quần chúng thực hiện cải cách ruộng đất.
B. Đẩy mạnh phong trào đưa nông dân vào hợp tác xã.
C. Giảm tô, giảm tức cho nông dân. D. Khuyến khích nhân dân tăng gia sản xuất nông nghiệp.
Câu 34. Nội dung nào **không phải** là những khó khăn của tình hình kinh tế, chính trị, xã hội miền Nam sau giải phóng năm 1975?
A. Chế độ thực dân mới của Mĩ cùng bộ máy chính quyền trung ương Sài Gòn bị xụp đổ, nhưng cơ sở của chính quyền này ở địa phương và bao di hại của xã hội cũ vẫn tồn tại.
B. Cuộc chiến tranh của Mĩ đã gây ra những hậu quả nặng nề, nhiều làng mạc, đồng ruộng bị tàn phá.
C. Đội ngũ thất nghiệp lên tới hàng triệu người, số người mù chữ chiếm phần lớn trong dân cư.
D. Miền Nam có nền kinh tế trong chừng mực nào đó phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa.
Câu 35. Nội dung nào **không phải** những việc làm về kinh tế của chính quyền cách mạng sau giải phóng miền Nam năm 1975?
A. Tịch thu ruộng đất của bọn phản động trốn ra nước ngoài.
B. Xóa bỏ quan hệ bóc lột phong kiến , quốc hữu hóa ngân hàng.
C. Cải cách ruộng đất ở miền Nam. D. Chú trọng khôi phục sản xuất nông nghiệp.
Câu 36. Sau khi giải phóng hoàn toàn miền Nam (1975) chúng ta đã có những việc làm gì để ổn định hệ thống chính quyền và hệ thống chính trị?
A. Thành lập chính quyền trung lập.
B. Thành lập chính quyền cách mạng và các đoàn thể quần chúng các cấp.
C. Xóa bỏ chính quyền cũ. D. Giải tán các đảng phái tay sai thân Mĩ.
Câu 37. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 21 (7-1973) đã đã nêu rõ nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam trong giai đoạn hiện tại là:
A. tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. B. chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa.
C. hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.
D. chuyển sang giai đoạn đấu tranh hòa bình để thống nhất đất nước.
Câu 38. Chiến dịch Tây Nguyên (3-1975) thắng lợi đã chuyển cuộc kháng chiến chống đế quốc Mĩ, cứu nước của ta:
A. từ tiến công chiến lược ở Tây Nguyên phát triển thành tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam.
B. sang tiến công chiến lược ở Tây Nguyên .
C. sang tiến công chiến lược ở thành thị giải phóng các đô thị lớn.
D. sang tiến công chiến lược ở nông thôn và thành thị giải phóng hoàn toàn miền Nam.
Câu 39. Cách đánh của ta trong chiến dịch Hồ Chí Minh như thế nào?

A. Tiến đánh từ ngoài vào trong.

B. Năm cánh quân vượt qua tuyến phòng thủ vòng ngoài tiến vào trung tâm thành phố Sài Gòn, đánh chiếm các cơ quan đầu não của địch.

C. Đánh từ bên trong ra. D. Kêu gọi binh lính đầu hàng, đàm phán với chính quyền địch.

Câu 40. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI (12-1986) của Đảng Cộng sản Việt Nam xác định nhiệm vụ trước mắt của kế hoạch 5 năm 1986 – 1990 là

A. thực hiện bằng được nhiệm vụ, mục tiêu của Ba chương trình kinh tế lớn: lương thực – thực phẩm, hàng tiêu dung và hàng xuất khẩu.

B. đổi mới toàn diện về kinh tế và chính trị.

C. xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội. D. đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa đất nước.